

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

THIỆU
BAO
BÌNH NGUYÊN
2

H
Ồ
N
G
T
H
Á
I



Trước cơn dông tố



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ.

Chiều muộn trời chuyển gió, cái lạnh từ phương Bắc tràn về len lỏi qua vùng đồi núi Vạn Yên rồi được tăng cường hơi ẩm bốc nghi ngút trên Lục Đầu giang phủ lên thái ấp Vạn Kiếp một bầu không khí u ám, tê cóng và ẩm thấp. Tòa An Quốc Đường, tư dinh của Hưng Đạo Vương vừa tiễn khách lúc trời còn tỏ rõ, vậy mà nửa canh giờ sau đã phải lên đèn khi bóng tối sầm sập đổ xuống, cùng với luồng gió lạnh chứa đầy hơi nước phả vào không gian trống vắng của đại sảnh sự nhớp nháp khó chịu.

Đứng trên hành lang An Quốc Đường, hướng mắt nhìn về triển sông mù mịt sương khói, Hưng Đạo đắm trong dòng suy tưởng về đối sách vệ quốc mà vẫn chưa ngã ngũ đường hướng phù hợp để giúp Quan gia lèo lái con thuyền Đại Việt vượt qua cơn dông bão từ phương Bắc đang đe dọa nhấn chìm một dải non sông bình yên.

Ban chiều ở sảnh đường ngài tiếp Hàn lâm viện học sĩ phụng chỉ Đình Cung Viên được Nhân Tông Hoàng đế cử đến Vạn Kiếp bàn bạc phương cách trì hoãn chiến tranh với nước Nguyên, sau chuyến thương thuyết thất bại của sứ thần Trung phẩm Hoàng Lệnh và Nội thư gia Nguyễn Chương.

Cung Viên trình bày:

– Như ngài đã rõ, chuyến công du của U Lệnh không lay chuyển được ý chí của Nguyên triều, coi như việc thương thuyết không hiệu quả, chúng vẫn nhất quyết đánh ta, chỉ có sớm hay muộn mà thôi. Mới rồi Tĩnh Quốc Vương từ Diễn Châu báo tin quân Nguyên dừng cuộc chiến với Chiêm

Thành, tụ quân ở biên giới Bồ Chính, nhiều khả năng chuẩn bị đánh ta từ hướng nam. Quan gia rất lo ngại, không hiểu tình hình biên giới phía bắc thế nào, ngài có nắm được thông tin về kế hoạch động binh của giặc và có kế sách gì nhằm trì hoãn chiến tranh, giúp ta có thêm thời gian để tổ chức lực lượng?

Hưng Đạo trả lời:

– Việc quân Nguyên tập kết ở gần Bồ Chính ta mới được biết. Đây sẽ là đạo quân thứ ba của giặc từ phương nam đánh ra. Ta cũng vừa được báo tin quân Nguyên hội hơn vạn quân ở Vân Nam, như vậy hướng tây bắc không đáng ngại. Duy hướng đông bắc chúng huy động hàng chục vạn người ngựa nhưng cụ thể thế nào chưa rõ, thời điểm giặc động binh cũng chưa biết. Ngày đêm ta đang chờ tin tức gửi về, khi biết được thông tin ta sẽ cấp báo cho Quan gia và triều đình. Còn cách thức khiến chúng hoãn binh thì ta vẫn nghĩ tới, song dù có cách gì cũng phải nắm rõ về giặc thì mới áp dụng hiệu quả.

Cung Viên hỏi thêm:

– Ngài là Quốc công Tiết chế, nên Quan gia còn muốn biết nếu hoãn binh không thành thì trù liệu kế sách chống giặc ra sao?

Hưng Đạo trả lời:

– Xin lão đại thần về bẩm tấu với Quan gia, Quốc Tuấn nhận lãnh trọng trách thống lĩnh quân đội ắt phải vạch ra đường đi nước bước để tổ chức kháng chiến đánh đuổi ngoại xâm. Việc này ta đã bàn bạc với Thái sư Chiêu Minh Vương, nhưng cũng còn phân vân đôi chút. Vậy cho hẹn nội trong năm ngày ta sẽ lai kinh trình tấu với hoàng thượng kế sách cụ thể.

Giải bày với Hàn lâm học sĩ Đinh Cung Viên như thế là Đại Vương đã dốc hết tâm can của ngài rồi. Tin tức của giặc ở hướng đông bắc thì ngài

đang mòn mỏi trông ngóng mà thám tử vẫn không thấy đâu. Đã trễ hẹn nhiều ngày nhưng người đưa tin do Lương Bình mới cử về cho biết chưa có động tĩnh gì về anh em Thế Quang. Họ là những chiến binh tài trí và quả cảm, không lẽ đã thọ nạn ở đất giặc? Ý nghĩ này từng đôi lần xuất hiện trong đầu, nhưng Đại Vương nhanh chóng gạt bỏ, dự cảm của ngài không chấp nhận như thế, mà cho rằng ở bên kia có biến động lớn, người của ta đang nỗ lực thu thập tin tức rồi tất cả đào thoát về nước một lần. Nếu đúng vậy thì lớn chuyện rồi, giặc sẽ động binh một ngày không xa, tông miếu xã tắc lại một lần bị vó ngựa Nguyên Mông giày xéo. Huynh đệ Thế Quang sớm muộn sẽ về, ngài không suy giảm niềm tin ở họ.

Nhóm thám báo của Thế Quang là niềm hy vọng còn lại của Đại Vương về thông tin động binh của giặc mà người cầm quân như ngài thừa biết giá trị của nó có thể sánh bằng xương máu của một binh đoàn. Mấy năm trước, ngài cử ba toán gián điệp sang Đại Nguyên; toán vượt biển thì biệt vô âm tín từ đó; toán đột nhập Vân Nam vẫn bình an, nhưng đây không phải là hướng tấn công chính của giặc; duy toán của Thế Quang là lợi hại nhất, mỗi năm đều cho người về nước báo cáo tình hình đối phương, vậy sao đến giờ họ vẫn bóng chim tăm cá, trong khi nước nhà cần biết về lực lượng và kế hoạch tiến đánh của kẻ địch biết nhường nào? Dựa vào kinh nghiệm lịch sử và sự phân tích thông tin tình báo, Vương biết rõ địa bàn hoạt động của anh em Thế Quang là nơi tập trung binh lực quân Nguyên, trở thành hướng chính trong mưu đồ xâm lược Đại Việt của chúng.

Lúc tiếp chuyện với Cung Viên về đối sách hoãn binh và kế hoạch chống giặc, Đại Vương không muốn bàn sâu và cũng không đưa ra một phương án cụ thể, chỉ hẹn sẽ trả lời Quan gia trong thời gian sớm nhất. Chủ ý của ngài xuất phát từ lý do nội tình hoàng tộc và triều thần không phải ai

cũng đồng lòng quyết chiến, nếu đưa ra không đúng thời điểm dễ sinh gièm pha, dị nghị mà hỏng việc. Theo quan điểm của Vương, thế giặc mạnh như thác lũ còn lực của ta thua sút hơn hẳn, nên điều gì có ích cho công cuộc chống giặc thì phải tận dụng cho dù xưa nay chưa ai làm, miễn sao không trái phép quân thần, không phi luân vô đạo. Nhưng ngay đến người triệt để chống giặc là Thái sư khi nghe Vương trình bày chủ kiến còn băn khoăn do dự hướng hồ mấy kẻ hoàng tộc và quan viên chỉ quen ngồi khoanh chân thu vén lợi lộc mà không thích xông pha khói lửa sa trường, giặc chưa vào đến cửa thì hồn vía bay lên mây cả.

– Ngoài trời sương gió mù mịt, đứng ở đây dễ cảm lạnh lắm. Gia nhân đã chuẩn bị xong bữa tối, ông vào nhà ăn cơm với tôi.

Thiên Thành phu nhân đến sau lưng mà ngài không hay biết. Bị vợ làm gián đoạn suy tưởng, Vương đành cùng bà ngồi vào bàn ăn khi trong bụng chứa đầy ưu tư toan tính, nên việc ăn uống trở thành bất đắc dĩ.

– Ban nãy Hương sang hỏi thăm tin tức của chồng, nó bảo năm nay không phải kỳ Thế Quang về phép, nhưng đã sang đông mà không thấy Đỗ Thành hay Phạm Thái trở về nên chẳng hay biết bọn họ ra sao. Thấy nó lo nghĩ mà tội nghiệp, vắng chồng mấy năm rồi còn gì.

Từ sáng đến giờ mới có dịp trò chuyện với Vương, phu nhân tranh thủ dò hỏi, biết đâu ngài có thể hé lộ đôi chút tin tức về mấy thủ tục thân tín đang biên biệt xứ người. Quốc Tuấn buồn đũa, ngài trầm ngâm hồi lâu rồi nói với vợ:

– Ta cũng lo nghĩ lắm vì chưa có thông tin gì về họ. Thân là chủ soái ba quân, sai thuộc hạ sang đất kẻ thù làm gián điệp mà nay họ chưa về nên cứ bứt rứt trong lòng. Nhưng ta tin sớm muộn sẽ có người về, chờ thêm ít ngày nữa xem sao? Phu nhân giúp ta lựa lời trấn an vợ con Thế Quang.

– Thủ hạ của Vương đều là người trung tín, tuy mang thân phận tầm thường nhưng tông miếu xã tắc này được bền vững cũng có phần công sức của họ, vậy mà muôn thuở họ chỉ là những kẻ vô danh. – Thiên Thành bày tỏ suy nghĩ với chồng.

– Phu nhân nói chí phải. Trăm họ tụ họp, giúp vua dựng nước. Để nghiệp ngàn năm, công dân chẳng tính. Bách tính hợp quần, phù vương lập quốc. Để nghiệp thiên thu, dân bất chi công. Ta hiểu lắm chứ, nhưng xưa nay đã vậy rồi nên thiên hạ vẫn nghĩ như thế là hợp lẽ trời. – Đại Vương chia sẻ với vợ mà trong lòng lại nhớ đến một chuyện cũ vào mùa đông năm Thiệu Bảo thứ tư (1282) ở bến Bình Than.

Chương 1

Sông Thủ Chân, Quốc Tuấn cảm hóa Khán Dư

Vũng Trần Xá, Nhân Tông triệu hồi Phiêu Kỵ

Bấy giờ là cuối tháng chín năm Nhâm Ngọ (1282), Nhân Tông hoàng đế vào độ tuổi 25 nhưng đã ở ngôi được bốn năm. Thái thượng hoàng Trần Thánh Tông dù nhường ngôi cho con song vẫn tham gia điều hành việc nước, nhưng ngài theo ý chí của phụ hoàng ngày trước nên luôn tạo cơ hội để vua trẻ quen với việc triều chính.

Một bữa, Thượng hoàng cho gọi Thái sư Chiêu Minh Vương và Tiết chế Hưng Đạo Vương tới để phủ dụ:

– Từ ngày trăm lui về chốn thiền môn đến nay đã được bốn mùa mang áo kép, mà lòng chẳng hề thanh thản, vẫn canh cánh trăm mối lo toan việc sơn hà xã tắc. Nhà vua còn quá trẻ, tuy tâm đức trong sáng nhưng không từng trải, cũng may có các vương đỡ đần trong ngoài nên quốc sự yên ổn, triều đình kỷ cương, trăm họ no ấm. Đây hẳn là phúc lớn của đế nghiệp Đông A và giang sơn Đại Việt. Tuổi trời có hạn, trăm đầu thể đeo bông mãi việc nước, đôi khi muốn lơ tay để tìm một giấc ngủ ngon trên giường cỏ thì lại sợ bộ hạ gánh vác không nổi xã tắc này. Vậy các khanh có cách gì giúp trăm chu toàn cho hoàng thượng tự thân đảm trách quốc gia đại sự?

Hai vị lương đồng triều đình nghe xong lời tâm huyết của Thượng hoàng bèn đưa mắt nhìn nhau như ngầm ý bảo “huynh lên tiếng trước đi”. Quả thật họ cùng e ngại vì đề nghị của Thánh Tông đột ngột quá nên chẳng ai kịp nghĩ cách trả lời sao cho hợp đạo lý quân thần trước một vấn đề nếu

không khéo nói thì dễ bị mang tiếng là “dạy vua trị nước”. Đùn đẩy nhau cũng có giới hạn, Quang Khải trong cương vị Thái sư đành phải lên tiếng trước:

– Bẩm, theo ý thần, nhân chuyến tuần du đông bắc, ta nên để nghị hoàng thượng cho họp bá quan văn võ ngoài Thăng Long, bấy giờ Thượng hoàng lánh mặt vì một lý do nào đó, thì coi như Quan gia phải tự quyết mọi chuyện còn gì.

– Khanh giải thích rõ hơn, tại sao phải mở hội nghị ngoài kinh thành?

– Thánh Tông yêu cầu Thái sư cắt nghĩa tường tận.

– Khởi bẩm, nếu hội nghị ở cung điện thì hoàng thượng vẫn có tâm lý “gia chủ”. Xưa nay người ta thường rất vững bụng và tự tin khi hành xử trong ngôi nhà của mình. Tuy giang sơn Đại Việt chỗ nào cũng là đất của vua, nhưng giải quyết công việc ở ngoài cũng là dịp hoàng thượng thử thách bản lĩnh mọi nơi mọi lúc, điều hành trên thực địa và ra quyết định kịp thời. – Quang Khải lý luận.

Thượng hoàng quay sang hỏi Hưng Đạo:

– Ý của Quốc Tuấn thế nào?

– Bẩm Thượng hoàng, việc thường xuyên tổ chức cho hoàng thượng tuần du, duyệt quân và họp bàn ở nhiều nơi cũng là một cách hay để ngài quen dần với công việc điều hành đất nước ở bất cứ nơi đâu trên lãnh thổ của ngài. Khi nước nhà gặp biến thì dù nhà vua ở trên rừng hay dưới biển vẫn có thể lãnh đạo toàn dân ứng biến. Tình hình hiện nay cũng có nhiều việc phải bàn, nhất là vấn đề một số đại thần hoang mang dao động trước áp lực của Nguyên triều khiến cho nội bộ ta thiếu thống nhất về chủ trương đánh giặc. Coi như một công đôi việc, đáng thực hiện lắm. – Hưng Đạo bày tỏ thái độ của mình.

Thánh Tông lại nói:

– Nghe cũng được đấy, các khanh phải giúp ta làm tốt chuyện này. Trước tiên là mở hội nghị trong chuyến tuần du đông bắc, nhưng địa điểm nên ở đâu?

– Theo ý hạ thần, bến Bình Than có vũng Trần Xá là địa điểm thích hợp tụ hội và thuận tiện giao thông thủy bộ, có bờ sông rộng đủ chỗ nhiều thuyền neo đậu. – Hưng Đạo gợi ý.

Thượng hoàng hài lòng.

Chuyến tuần du năm ấy, Thánh Tông vin cớ trong người không khỏe, từ chối đi cùng hoàng thượng lên miền đông bắc. Thái sư Trần Quang Khải xin nhà vua tổ chức họp bàn các vương hầu và văn võ toàn triều ở bến Bình Than để tìm kế đối phó với giặc phương Bắc đang rình rập trước cửa ngõ Đại Việt.

Sau buổi hầu chuyện Thượng hoàng, Hưng Đạo Vương nghĩ ngay đến một kẻ đang mai một tài năng trong kiếp người lầm lỗi mưu sinh, trôi dạt theo dòng chảy u uất của cuộc đời mà trở nên tầm thường, vô danh vô vị. Chẳng phải y không có chí hướng công danh sự nghiệp, cũng không phải là kẻ bất tài tham sống sợ chết mà chui nhủi thân phận nơi giang hà hoang vắng, chẳng qua do y phạm lỗi lầm nên mắc tội, bị Quan gia lột sạch phẩm hàm chức tước, đuổi về làm thứ dân. Nhưng ở đời ai mà không có lỗi lầm trong cuộc sống, nếu không phải tội bất trung hay phản trắc thì cũng nên rộng lòng để người ta đoái công chuộc tội. Nước nhà rất cần nhân tài, nhất là võ tướng giỏi cầm quân đánh giặc, thêm một người là thêm một phần sức

mạnh, vậy thì hà cớ gì mà khư khư định kiến nhỏ mọn, cứ riết róng buộc người ta phải gánh tội cả đời. Dịp quần nghị ở Bình Than là cơ hội long vân cho Trần Khánh Dư đó, dứt khoát ta phải bày vẽ để y được trình diện Quan gia, sớm trở về đội ngũ góp sức phò vua giúp nước.

Nghĩ sao làm vậy, Đại Vương sai người dò la tung tích của Khánh Dư, nghe đâu sống quanh quất trong vùng Chí Linh, mưu sinh bằng nghề bán than củi. Sau khi biết rõ nơi chốn của người này, ngài bảo Dã Tượng tháp tùng, một chủ một tớ sửa soạn cưỡi ngựa lên đường từ sáng sớm. Thấy Đại Vương không lấy thêm quân sĩ hộ vệ, đường xa muôn sự khó lường, Yết Kiêu lo ngại nên đòi đi theo. Vương bảo:

– Mình Dã Tượng theo ta là đủ. Đến nhà kẻ đang thất chí mà dẫn theo cả đoàn chỉ khiến người ta mặc cảm.

Căn nhà lá đơn sơ của Khánh Dư nằm lẻ loi bên triền sông Thủ Chân, giữa sân chất đầy than củi, trong nhà ngoài cái án thờ cha có bày vài món đồ cúng bằng đồng thì không còn vật gì đáng giá, ngay đến cái giường đơn và bộ bàn trà cũng sù sì mộc mạc, còn y phục chỉ là mấy bộ đồ nâu thô ráp vắt trên chiếc sào bên vách nhà. Gia chủ đi vắng, chỉ có cậu bé giúp việc đang lúi húi thổi nấu trong bếp. Thấy quan khách là người sang cả, đứa trẻ hơi sợ sệt nhưng cũng lễ phép thưa gửi, lại còn biết xuống bếp đun nước pha trà mời khách. Hưng Đạo ngồi nhìn gia cảnh nghèo hèn của một kẻ từng mang tước vương mà lòng ngậm ngùi về số phận con người. Dã Tượng đứng hầu trước cửa, cả canh giờ không nói một tiếng, chỉ dăm dăm nhìn ra ngoài canh chừng bất trắc.

Tới sang ngọ, Khánh Dư trở về bằng thuyền, xách theo một con cá chép buộc lạt xâu vào mang. Tuổi ngoài tam tuần, tạng người cao lớn bệ vệ, có khuôn mặt vuông vức đầy khí khái và đôi mắt sáng quắc bên dưới cặp

lông mày sâu róm rậm rì mang dáng dấp con nhà võ, nhưng Dư lại vận quần nâu áo vá tuềnh toàng như dân làng chài. Thấy trong sân có hai con ngựa cột bên gốc mít và một gã tráng niên mặt mũi dữ tợn đang đứng như tượng đá trước cửa, Dư nhú mắt ngó ngang vì mấy năm qua chẳng hề có bậc quyền quý nào lai vãng đến chốn nương thân tồi tàn của kẻ sa cơ lỡ bước.

Bước vào trong nhà, Dư sửng sốt khi thấy Hưng Đạo Vương đang ngồi bên chiếc bàn bụi bặm của dân bán than. Biết gia chủ ngần ngại bởi sự xuất hiện đột ngột của mình, Hưng Đạo bèn chủ động lên tiếng:

– Đã lâu không gặp, Phiêu Ky tướng quân dạo này sức khỏe ra sao?

– Đội ơn trời Phật, sức khỏe vẫn như ngày nào. Chẳng hay quý ngài có việc gì mà quá bộ đến tệt xá bản thú này? – Khánh Dư tỏ vẻ cao ngạo, bất cần.

– Ta theo Quan gia kinh lý đông bắc, tiện dịp ghé qua thăm ngài. – Hưng Đạo trả lời.

– Ngài là quan lớn đầu triều nếu không có duyên cớ mà đến nhà tiện dân thì khó tin lắm. Hay là muốn ta gánh thêm tội khác, sự trừng phạt của Quan gia từng ấy chưa đủ thỏa mãn ngài sao? – Khánh Dư căn vặn bằng giọng khinh khỉnh.

– Tướng quân nghĩ vậy là phụ lòng ta đấy. Chuyện đã qua đừng nhắc lại nữa, ta cũng quên lâu rồi. Người khí phách như ngài thì hoàn cảnh nào cũng chấp nhận được nên ta đến đây không vì ái ngại cho cuộc sống của ngài, mà thật lòng muốn ngài xúm tay cùng bọn ta gánh vác trọng trách phò vua cứu nước. – Hưng Đạo bộc bạch chủ ý bằng thái độ chân thành.

– Ôi dào, ngài ở trên cao nên nói gì chẳng được. Hạng phế thải như ta thì lấy thân phận nào mà xúm tay gánh vác giang sơn cùng các ngài? Quá

lắm chỉ được sung vào lính thú vắc giáo xông pha tuyến đầu rồi chết vì
thây ngoài chiến địa chẳng ai hay, chẳng ai biết. – Dư vẫn không ngớt giọng
mỉa mai chua chát.

– Ta đâu bảo ngài đăng lính, mà muốn ngài trở lại vị thế Phiêu Kỵ đại
tướng quân. Chuyện xưa chỉ là mâu thuẫn cá nhân, không hề làm lu mờ
phẩm chất trung quân ái quốc của một chiến tướng lấy lòng trận mạc như
ngài. Phẩm chất ấy là vốn quý của sơn hà xã tắc, đứt khoát phải cất nhắc
vào vị trí xứng đáng.

Nghe Quốc Tuấn nói, từng lời thấu vào tâm can Khánh Dư khiến ông
bồi hồi xúc động. Không kìm nén được lòng, Dư lấy vạt áo chùi đôi mắt đỏ
hoe rồi chấp tay trước ngực, quay mặt kính cẩn hướng ra cửa mà nghẹn
ngào hỏi Đại Vương:

– Sức khỏe của Thượng hoàng và Quan gia thế nào? Nhiều lúc nhớ
nhị hoàng, ta chỉ biết ngồi buồn so mà hồi tưởng về các vị chứ không dám
lai vãng đến kinh thành thăm hỏi.

– Được ơn trên độ trì, nhị vị hoàng đế vẫn bình an mạnh khỏe. Nhưng
bây giờ tình thế rất rối ren, ở bên ngoài thì quân Nguyên ngày càng o ép, ở
bên trong thì nhiều vương hầu và đại thần lại tỏ ra nhu nhược, chỉ muốn
dâng xã tắc cho giặc để được yên thân, nên nhị hoàng chẳng đêm nào có
được một giấc ngủ ngon.

Biết Khánh Dư đã xuống giọng đổi ý, Quốc Tuấn tìm cách khơi gợi ý
chí quật cường của trang tuấn kiệt đang ẩn mình trong vỏ bọc nông phu.
Quả nhiên như ngài phán đoán, Dư trợn mắt đấm ngực, mà rằng:

– Thật là quá đáng, lũ giặc Nguyên chó má lần bọn triều thần đón hèn.
VẬY nhị hoàng bảo ngài đến gặp ta à?

Hưng Đạo nói:

– Các vị không sai bảo, nhưng họ vẫn luôn nhắc tới ngài, còn nói: “Vị trí này mà có Nhân Huệ đảm trách thì hay biết mấy”. Chẳng qua ở cương vị đế vương, các vua không thể đường đột hạ chiếu mời ngài hồi triều mà thôi.

– Như thế thì làm sao ra mắt Thượng hoàng và Quan gia? – Dự hỏi đầy nghi ngại.

– Có cách chứ, mấy bữa nữa Quan gia mở hội nghị ở Bình Than, ngài cứ... như thế... như thế... tất sẽ được. – Quốc Tuấn ghé tai Khánh Dư thì thầm to nhỏ.

Nghe xong, Dư liền bật dậy, chấp tay vái dài Hưng Đạo Đại Vương và thốt ra những lời từ trong gan ruột:

– Dư mỗi từng mắc tội với gia đình Quốc công Tiết chế, vậy mà người đã không chấp nê còn bày cho cách tiến cử. Tấm lòng cao thượng của ngài, Dự mỗi xin ghi nhớ suốt đời. Dù việc gặp Quan gia thành công hay thất bại thì thân này vẫn khắc cốt ghi xương ơn nghĩa của Đại Vương.

Hưng Đạo khoát tay không nhận lễ, ngài bảo:

– Tướng quân chớ có câu nệ ơn nghĩa, việc ngài sẵn sàng trở về đội ngũ là đủ đền ơn ta. Một mai trên sa trường nghe tin ngài thắng trận là ta vui sướng nhất rồi.

Đại Vương thở phào nhẹ nhõm như trút được gánh nặng trong lòng. Ngài chỉ cầu mong việc bày đường cho Khánh Dư xuất hiện trước nhà vua diễn ra suôn sẻ, để quân đội có thêm một vị tướng tài biết cầm quân đánh giặc.

Đứng gác ở ngoài cửa, thấy việc thuyết tướng của chủ nhân thuận lợi, Dã Tượng mỉm cười mãn nguyện. Tuy không dám nói năng gì, nhưng lần này chàng ta cứ lăm bắm trong miệng:

– Tài thật. Tài thật. Đại Vương quả là người văn võ song toàn. Nghe ngài biện giải thật sướng lỗ tai.

Trung tuần tháng mười, thuyền rồng của vua đậu ở Trần Xá, là cái vũng hình bán nguyệt ăn lõm vào đất. Neo kín bờ sông có non trăm chiếc thuyền lớn bé của các vương hầu và đại thần. Trong khoang thuyền lớn, Quan gia ngồi ghế có tay vịn và lưng tựa, quần thần lớn bé ngồi ghế thấp không tựa, chia tả hữu mỗi bên ba dãy tùy theo thứ bậc mà ngồi trước sau, đầu cuối.

Trần Nhân Tông mặc áo chên màu lam thêu rồng, đầu đội mũo gấm đồng cân cùng màu với y phục, chân đi hài đỏ mũi cong, nhân diện thanh thoát tinh anh, tuệ nhãn sáng bừng rực rỡ, tinh thần phong quang, cốt cách giản dị, một bậc minh quân trẻ trung và tràn đầy khí phách. Ngài cùng bá quan văn võ nghị đàm từ lúc mặt trời mới lên một con sào.

Hình bộ thượng thư Nguyễn Thuyên dâng sớ đề nghị hoàng thượng bố cáo thiên hạ về việc hặc tội bọn Trần Di Ái để làm gương cho thần tử cả nước. Hàn lâm viện học sĩ Đinh Cung Viên đề cử phái bộ mới sang Nguyên để xoa dịu vụ Di Ái đồng thời trì hoãn âm mưu chinh phạt Đại Việt của phương Bắc. Thù thần Lạng Châu là Lương Uất bẩm báo về tình hình biên cương sau vụ khiêu khích mượn đường đánh Chiêm của Toa Đô. Thái sư Trần Quang Khải trình tấu kế hoạch nạo vét sông Tô Lịch để thuyền chiến có thể vào ra bảo vệ phía đông kinh thành Thăng Long.

Nhà vua xem xét kỹ lưỡng từng vụ việc rồi ra những quyết định sáng suốt và phù hợp, khiến nhiều vị trọng thần cao niên không khỏi thán phục trí tuệ của đấng minh quân trẻ tuổi. Đến giờ ngọ, ngài cho bãi nghị, các

quan về thuyền nghỉ ngơi, buổi chiều họp bàn tiếp. Còn lại bốn, năm đại vương trụ cột triều đình được lại dùng bữa với hoàng đế. Tranh thủ lúc chờ lính hầu dọn cơm trưa, Hưng Đạo mời Quan gia và mọi người ra mũi thuyền ngắm cảnh sông nước.

Gặp lúc triều rút, dòng sông co ngót lộ ra lớp phù sa nâu quạch ở phía bờ đối diện bến thuyền. Thấy con chim xít mỏ đỏ dẫn theo ba chú chim non tha thẩn kiếm mồi trên bãi bồi, một chim con vướng chân vào vũng lầy, chim mẹ dùng mỏ bới bùn giúp con thoát ra, Nhân Tông bèn chỉ tay nói:

– Muôn loài đều có tình mẫu tử. Bậc sinh thành luôn hết lòng vì con, nhất là khi chúng sa cơ.

Hưng Đạo Vương đứng bên cạnh vua, góp lời:

– Thừa bệ hạ, quả đúng vậy. Là con người hay muông thú, không bề trên nào bỏ con cái, cho dù đôi khi chúng cũng có lỗi lầm.

Bấy giờ ở phía thượng nguồn có chiếc thuyền chở đầy than củi đang xuôi tới. Người chèo thuyền là một nam nhân vạm vỡ, đầu đội nón lá, mặc áo ngắn và vai, tay khua mái, miệng hò vang:

Dô hầy thuyền xuôi

Chở củi cho đời

Đêm đông lạnh giá

Lửa hồng reo vui

Dô ta dô hầy.

Nhân Tông nheo mắt nhìn và bảo với thị vệ:

– Người kia chẳng phải là Nhân Huệ Vương đó sao? Lấy thuyền đuổi theo đưa y về đây.

Quân hiệu chèo thuyền đến cửa Đại Than mới bắt kịp thuyền chở than. Thấy nói được vua triệu hồi, người lái thuyền khẳng khái trả lời:

– Ta chỉ là người bán than mưu sinh. Có gì mà phải triệu hồi? – Rồi nhất quyết không theo về gặp vua mà tấp vào bãi chợ bán hàng.

Nghe quân lính trở về trình tấu lại, hoàng thượng quả quyết:

– Nhất định người này là Nhân Huệ, kẻ dân dã tầm thường đời nào dám nói thế. – Ngài liền sai quan thị Phạm Trung Tín đi triệu bằng được Khánh Dư đến gặp.

Vua tôi gặp gỡ, mừng tủi tỏ bày, bề trên tha thứ, kẻ dưới lạy tạ, một thuyền hân hoan vui vẻ. Được hoàng thượng ban áo ngự và phục chức, Nhân Huệ ngồi dưới các đại vương, trên các hầu tước, cùng bàn việc nước trên thuyền rồng trong buổi chiều hôm ấy.

Phiên nghị đàm buổi chiều, Quốc công Tiết chế Hưng Đạo trình bày về tình hình quân sự, là vấn đề gai góc, do nội bộ triều thần có nhiều quan điểm trái ngược nhau. Ngài nói:

– Theo ước tính của hạ thần, vệ quân và lộ quân của ta có hơn mười vạn, nếu giặc Nguyên kéo sang hai mươi vạn thì quân ta cứ một phải đánh hai, nếu chúng kéo sang đông hơn thì tương quan lực lượng rất bất lợi cho ta. Vẫn biết quân tinh nhuệ dù ít cũng có thể thắng quân ô hợp đông hơn nhiều lần. Nhưng chúng ta không được khinh suất, quân Thát rất thiện chiến, muốn thắng chúng không chỉ cần tinh thần hay giỏi đánh trận mà còn cần có lực lượng tương xứng. Ngoài quân đội triều đình, ta có vài vạn gia binh của các vương hầu tôn thất, song chừng ấy cũng chỉ thêm thắt được một phần nhỏ mà thôi. Vì vậy thần đề nghị hoàng thượng ban chỉ dụ tuyển thêm năm vạn tân binh bổ sung vệ quân và lộ quân, đồng thời kêu gọi vương hầu khanh tướng mộ thêm gia binh tại các lãnh địa của họ. Thời gian

rất gấp gáp, mong Quan gia soi xét.

Hưng Đạo vừa dứt tiếng, đã thấy Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc đứng lên phản bác:

– Tiết chế thống lĩnh quân đội chắc thừa biết quân Nguyên hùng mạnh thế nào, sứ giả của họ là Sài Xuân năm ngoái từng cảnh báo năm mươi vạn quân thiên triều sẵn sàng đợi lệnh kéo vào thanh tảo Đại Việt, vậy ta có bổ sung thêm năm vạn quân cũng chẳng ích gì. Dùng chưa đầy hai chục vạn quân nhiều năm không đánh trận đối đầu với năm mươi vạn quân thường xuyên chinh chiến thì khác nào “châu chấu đá xe”. Muôn tâu bệ hạ, thần cho rằng kế của Hưng Đạo là hạ sách.

Bá quan văn võ xì xào trước chủ kiến của Chiêu Quốc Vương, nhiều người bất bình giận dữ, cũng lắm kẻ tán thưởng phụ họa. Nhân Tông thấy vậy bèn hỏi Ích Tắc:

– Vậy Chiêu Quốc có thượng sách gì, nói cho ta biết?

– Theo ý thần, cương với Đại Nguyên là không thức thời. Ta vốn dân ít nước nhỏ, còn không bằng một vùng Châu Giang bên đó, nếu cứ khăng khăng đối nghịch khiến họ tức giận kéo sang trừng phạt, bấy giờ xã tắc phòng giữ được chăng, hay là nền tự chủ bị họ xóa sạch, triều đình tan rã, quân thần ly tao, còn đẩy dân chúng vào chỗ can qua hoạn nạn, đói rách lầm than? Chi bằng nhún nhường một chút để Nguyên triều nguôi giận, một mặt dâng biểu tạ tội chưa làm tròn bốn phận phiên thuộc kèm theo cống phẩm dồi dào và nhi nữ hoàng tộc có nhan sắc sang kết tình giao hảo; một mặt chấp nhận để họ cử quan lại sang lập phủ Tiết độ sứ giám sát việc trị quốc của triều đình; mặt khác giúp họ vài vạn quân tham gia chinh phạt Chiêm Thành để chứng tỏ thái độ thành tâm quy thuận. Như vậy mọi sự ắt êm thấm, nước vẫn giữ được bình yên, con dân vẫn sống đời phúc mãn,

hoàng thượng ở ngôi cao chín bệ vẫn là đáng chí tôn của Đại Việt.

Nghe Chiêu Quốc nói, Nhật Duật ngồi bên cạnh liền nổi giận, bưng bưng sắc mặt mà quát lớn:

– Ta không giỏi luận lý nhưng càng nghe huynh nói lại càng thấy sự đốn hèn nhu nhược. Nào là dâng biểu tạ tội, nào là cống nạp mỹ nữ hoàng tộc, nào là mời thái thú sang cai trị, những việc như thế là giúp cho giặc sớm xóa sổ vương triều, bấy giờ Đại Việt quốc sẽ thành An Nam phủ hay Giao Chỉ quận chi đó, lúc ấy lấy gì ra mà tự chủ?

Nhiều tiếng gầm ghè nổi lên, không ít khanh tướng mặt đỏ tai tía sẵn sàng lên tiếng mắng chửi kể sách nhục nhã của Ích Tắc. mấy kẻ chủ hòa thấy bất lợi, ngồi im phăng phắc, không dám ho he một tiếng. Nhân Tông vẫn lắng nghe nhưng không hề đổi sắc mặt, để giữ hòa khí, ngài nói:

– Ta muốn các khanh có thái độ bình tĩnh, quân thần đều là người một nhà, không nên tranh cãi om sòm dễ sinh hiềm khích. Dùng lý lẽ mà thuyết phục người khác có tốt hơn không? – Không cho biết chủ ý của mình, Nhân Tông lại quay ra hỏi nhị vị vương gia đầu triều:

– Chiêu Minh và Hưng Đạo có ý kiến gì về kế sách của Chiêu Quốc?

Quang Khải trình bày:

– Cách biện giải của Chiêu Quốc không thể chấp nhận được, xem ra trái thiên đạo, nghịch nhân tâm, nếu làm vậy là đắc tội với tông miếu xã tắc. Mệnh trời giao phó cho Đông A đứng đầu bách tính, làm chủ một cõi giang sơn trù mật, mà nay lại rước giặc vào nhà thì khác nào làm công cụ cho chúng hà hiếp muôn dân. Bấy giờ triều đình này không còn là của thần dân Đại Việt mà chỉ là một nhóm quý tộc bỏ đờ quân Nguyên để được yên thân, rồi sớm muộn cũng hòa huyết với người phương Bắc mà tanh lòng với đồng tộc, đồng bào. Giữa ta với Chiêm Thành mấy năm nay một mực hòa hiếu,

đầu xuân họ còn cho người sang dâng voi trắng, vậy mà muốn làm hài lòng giặc Thát lại theo đuôi chúng đem quân sang tàn phá nước người, thật chẳng khác gì lòng lang dạ sói, trở mặt thành thù, bỏ nhân nghĩa để chuốc oán cừu.

Hưng Đạo Vương cả mừng khi thấy tinh thần trung dũng của Chiêu Minh Vương được nhiều người hưởng ứng, chờ cho khí thế của đình thần lắng xuống, ngài mới lên tiếng:

– Chiêu Quốc biết một mà không biết hai, so sánh lực lượng đôi bên để cho thấy ta yếu hơn giặc nên cần tăng cường thêm quân đội, không có nghĩa tình thế của ta bất lợi hơn giặc. Quả thật, nếu dàn quân hai nước đánh nhau một trận để phân thắng bại thì ta khó địch được chúng, song kết quả của chiến tranh không phụ thuộc vào một trận đánh. Giặc tuy đông quân nhưng vào đất lạ đã không thông thuộc địa hình lại còn chẳng quen phong thổ, không được sự hậu thuẫn của dân chúng lại phải vận chuyển lương thảo từ xa đến, đó chính là tình thế bất lợi của kẻ xâm lược. Đại Việt ta đâu chỉ có mười hoặc hai mươi vạn quân, chúng ta còn có hàng triệu thần dân trong nước, họ cũng biết cầm vũ khí đấy, một khi quý vị nhất quyết cùng quan gia hô hào, khích lệ và lãnh đạo người dân sát cánh với quân đội đánh giặc giữ nước, Hoàng thượng phát cờ hiệu triệu, quần thần tuốt gươm đồng tâm, tất dân chúng sẽ hưởng ứng. Ta có núi rừng, ta có làng bản, ta còn có dũng khí và nhân tâm, đó chính là tình thế đại lợi của ta, vậy thì sợ gì năm mươi vạn quân Thát?

Nói đến đấy, giọng Quốc Tuấn chùng xuống, ngài hướng mặt rừng rừng nhìn hoàng thượng rồi thổ lộ nỗi lòng:

– Buổi sáng nay, trước lúc nghị đàm, thần và các quan chứng kiến việc Hoài Nhân Vương và Hoài Văn Hầu năng nặc đòi vào tham nghị, do hai

người còn nhỏ tuổi chưa thể luận bàn việc nước nên hoàng thượng đến an ủi và ban quà cho họ. Nhìn gương mặt phần kích của bọn trẻ, quả thật lòng thần rất xúc động nhưng cũng vô cùng phần khởi vì thấy ý chí của huyết thống Đông Á mạnh mẽ biết nhường nào. Mạn phép bệ hạ, thần có đến khuyên chúng một câu “Các người hãy trở về mà nghĩ cách phò vua giúp nước theo khả năng của mình”. Thần tin rằng Hoài Nhân và Hoài Văn sẽ ứng nghĩa cùng triều đình từ thái ấp của họ. Ước sao các vị ngồi đây ai cũng có tinh thần quật cường như tụi đầu xanh tuổi trẻ.

Hưng Đạo vừa ngưng lời, từ hàng ghế cuối có kẻ lên tiếng:

– Khởi bẩm Quan gia, xin người cho phép hạ thần được hỏi Hưng Đạo Vương một câu.

Mọi người quay lại nhìn, thì ra đó là Chương Hiến Thượng Hầu Trần Kiện con trai của Tĩnh Quốc Vương Trần Quốc Khang, hiện trọng nhận trấn thủ Ái Châu. Thấy hoàng thượng gật đầu đồng ý. Chương Hiến bèn cao giọng hỏi:

– Hưng Đạo Vương có đề nghị Quan gia hô hào các vương hầu tuyển mộ và huấn luyện dân binh cho đông đảo để ứng nghĩa cùng triều đình đánh giặc. Vậy xin hỏi ngài tuyển mộ bao nhiêu cho vừa, lấy gì mà nuôi họ ăn ở và luyện tập, nếu triều đình không cấp kinh phí thì các vương hầu làm sao có tiền bạc để mộ quân?

Quốc Tuấn trả lời:

– Ngân quỹ quốc gia có hạn, nếu đem phân phát cho mọi người để mộ binh thì e rằng không đủ, dù có cấp cho thì cũng không quản lý nổi việc chi dùng. Các vương hầu ai cũng có thái ấp rộng lớn, ruộng đồng ngàn mẫu, tá điền vạn định, thóc lúa đầy kho, bạc vàng đầy rương, vậy mà phò vua cứu nước nhưng chẳng muốn sử dụng vật lực của mình lại đòi triều đình cấp

phát. Đây là ứng nghĩa sao? Ta nghe nói điền trang của Chương Hiến ở Ái Châu lớn hơn một huyện, còn phủ của hầu to gấp ba lần dinh của vương, kinh phí nuôi gia binh sợ gì thiếu thốn?

Bị Hưng Đạo cật vấn, Trần Kiện đuối lý, ngượng nghịu ngồi im. Quốc Khang thấy con bí thế bèn nói đỡ một câu:

– Chương Hiến tâm địa không tệ nhưng nông cạn, được Hưng Đạo chỉ giáo mới sáng mắt.

Trần Kiện còn là con rể của Chiêu Minh Vương, nên khi thấy hiền tế ăn nói thiển cận, Quang Khải không lên tiếng phê phán, chỉ ngồi yên mà lắc đầu ngao ngán. Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng ngồi ngay sau Tĩnh Quốc, suốt buổi họp bàn không hề nói năng, bấy giờ mới lên tiếng:

– Vương hậu khanh tướng ở đây đều là rường cột lớn nhỏ chống đỡ hoàng triều, ai cũng được ân sủng dồi dào, nếu cứ khư khư cái hầu bao của mình mà không lo củng cố nền móng thì khi dông bão ập đến bấy giờ rường cột cũng gãy đổ.

Nhân Tông nghe xong bật cười, mà rằng:

– Bảo Nghĩa ví von chí lý lắm. Các khanh hãy ghi nhớ lời của y. Từ nãy đến giờ ta được nghe nhiều thuyết giải rồi, nhưng mọi ý kiến đều từ miệng của kẻ quyền thế, trong khi ta lại muốn biết người dân ngoài kia nghĩ gì về đường lối vệ quốc. Nay có Nhân Huệ mới hồi triều tòng mấy năm sống đời dân dã, vậy vương hãy cho ta và quần thần được biết lòng dân nghĩ sao về việc này?

Khánh Dư ngồi ở hàng giữa bá quan, được bề hạ chỉ đích danh, do đã lâu không tham gia nghị chính nên có vẻ lúng túng, Hưng Đạo phải đưa mắt khích lệ, ông mới ấp úng trả lời:

– Muôn tâu thánh thượng, do mưu sinh buộc thân phải lăn lộn khắp

nơi, quan hệ với nhiều hạng người nên ít nhiều hiểu được nhân tâm mong mỗi điều gì. Triều đình ta họp bàn chính sự mỗi năm chỉ độ dăm, bảy lần, còn người dân bàn việc nước ở mọi nơi mọi lúc, nhất là khi trà dư tửu hậu, tuy họ vẫn biết rằng tiếng nói của kẻ thấp cổ bé họng chẳng thể lọt thấu tại ngôi cao chín bậc. Nhưng dân chúng rõ cả đấy, từ việc nhà Nguyên ép vương triều đến việc Di Ái cam tâm bán nước, họ bức bối lắm, căm giận lắm, chỉ mong đợi hiệu lệnh từ đấng minh quân để xúm tay vào gốc vác non sông, chứ nhất quyết không cam tâm quỳ gối khom lưng làm tôi đòi cho giặc. Có lẽ ông từng theo tiên đế đánh Thát thời Nguyên Phong còn nói: chúng mà kéo sang, lão tuy chẳng được như xưa cũng sẽ vác gươm tòng chinh...

Hơn trăm cặp mắt hướng về quân vương, nhìn ngài chống cằm tư lự ra chiều xúc cảm lắm. Cả nghị đình im lặng như tờ, nghe vọng vào tiếng sóng triều ọp. Ở ngoài kia nước sông đang dâng lên.....

Sau lúc ưu tư, Nhân Tông đưa mắt dõi khắp lượt quan viên rồi truyền dạy:

– Làm vua một nước ai cũng muốn xã tắc được bình yên, triều đại được thịnh cường, nhân quần được no đủ. Song không thể đổi hòa bình bằng mọi giá. Mới rồi nhà Nguyên hạ chiếu bắt trăm sang châu, còn đòi ta thực hiện cho đủ sáu điều ô nhục. Đường đường là vua Nam quốc mà phải đến tận Đại Đô quỳ lạy vua nước người hay sao? Phải dâng số đình cho chúng kiểm soát dân số hay sao? Phải trợ binh đi chết thay cho chúng hay sao? Phải rước mời Đạt lỗ hoa xích sang cai trị dân ta hay sao? Những điều ấy trăm không làm được. Chúng ta vẫn cố giữ thái độ mềm mỏng để có được hòa bình, nhưng một khi bị dồn vào đường cùng thì không còn cách nào khác ngoài việc vua tôi đồng lòng mài gươm sửa giáo đợi giặc đến. Ý

trầm là vậy, lòng dân cũng thuận theo ta, mong các khanh hiểu thấu tâm can này mà suy ngẫm trách nhiệm của mình trước vận mệnh xã tắc.

Hưng Đạo vô cùng phấn khởi, chủ ý của nhà vua đã rõ ràng. Sá gì mấy kẻ chỉ biết vinh thân phì gia, cầu an hưởng lạc mà đón hèn trước giặc, vua tôi Đại Việt đã sẵn sàng một phen sống mái với lũ ngoại xâm phương Bắc. Đêm khuya cao hứng, Vương này tình làm một bài thơ tứ tuyệt:

Vua mạnh dân bền, chung ý chí

Muôn lòng sắt đá dựng kỳ công

Chẳng sợ quân Hồ nhiều ngựa chiến

Hỏa ngục non Nam ắt rục hồng. Để dùng dân kiện chí nhất đồng

Vạn tâm thạch thiết kết kỳ công

Bất đảm binh Hồ đa chiến mã

Hà tại Nam sơn ngục hỏa hồng.

Chương 2

Uất chí bến Bình Than, Hoài Văn chiêu quân ứng nghĩa

Nặng lòng vườn Thanh Trúc, Mẫn Bà bán ngọc may cờ

Lại nói về Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản, người đã rủ Hoài Nhân Vương dong thuyền đến Bình Than, hy vọng được thay cha tham nghị việc nước. Sở dĩ có chuyện này vì cha của cậu là An Bình Vương qua đời từ hai năm trước, nên triều đình không gửi công văn triệu hồi. Tình cờ Hoài Nhân ghé qua chơi, bấy giờ Quốc Toản mới biết được thông tin Quan gia mở hội nghị bàn kế giữ nước. Tuy còn nhỏ tuổi nhưng Hoài Nhân đã mang tước vương vì là con của Thượng hoàng Trần Thánh Tông, em cùng cha khác mẹ của Nhân Tông hoàng đế. Cho nên không có gì lạ khi Hoài Nhân thông thạo tin tức triều chính hơn Hoài Văn.

Một bậc vương, một bậc hầu, hơn kém nhau một tuổi, song hai người kết bạn với nhau từ nhỏ vì điền trang của hai nhà cùng trong huyện Thanh Lâm. Khi nghe nói mở hội nghị Bình Than, Hoài Văn bảo với Hoài Nhân:

– Sao ta không được gọi nhỉ? Huynh có được gọi không?

Hoài Nhân đáp:

– Triều đình quy định vương hầu đủ mười tám tuổi mới được dự việc nước. Huynh mới mười sáu, còn ta mới mười lăm nên không được dự.

Quốc Toản bất bình:

– Như vậy ta không phục. Tuy chưa đủ mười tám nhưng chúng ta cũng biết phân biệt trắng đen, biết ứng thuận chống nghịch, biết ai là bạn, ai

là thù. Giả sử giặc tràn sang thì tráng niên mười tám tuổi trở lên mới được đánh giặc à, còn tụi ta phải bám váy mẹ mà trốn chạy vào rừng hay sao?

Hoài Nhân tặc lưỡi có vẻ hiểu vấn đề nhưng “lực bất tòng tâm”:

– Biết vậy, song quy định như thế, phải tuân thủ thôi.

Quốc Toản tỏ thái độ cương quyết:

– Không được. Là nam tử ở đời, bất luận tuổi tác ai cũng có trách nhiệm tham gia công việc phò vua giúp nước. Ta cứ đi, đến đâu tranh đấu cho ra lẽ.

Hoài Nhân do dự:

– Lỡ không được vào còn bị hoàng huynh quở trách thì tính sao?

Quốc Toản lý giải:

– Mình không phải nghịch thần tặc tử nên không việc gì phải sợ. Chẳng cho vào thì thôi chứ Quan gia đời nào bắt tội người có lòng muốn tham dự việc nước.

Hoài Nhân thấy an tâm hơn, gật đầu chấp thuận:

– Đi thì đi.

Thế là hai chàng niên thiếu vận lễ phục theo phẩm trật, sai tôi tớ dong vương thuyền của Hoài Nhân từ thượng nguồn sông Thủ Chân xuôi về bến Bình Than cách đây chừng bốn mươi dặm.

Khi đến vùng Trần Xá thấy thuyền bè đậu san sát, ngựa xếp kín bãi, cờ xí bay rợp trời, lính canh vòng trong vòng ngoài thật uy nghi hoành tráng đủ khiến cậu trai hiền lành Hoài Nhân tỏ ra ngần ngại. Hoài Văn phải khích lệ:

– Đã đến đây rồi, còn chần chừ gì nữa. Huynh là hoàng tử, dưới một người trên muôn người, việc gì phải dè dặt.

Họ đậu thuyền từ xa, cuốc bộ vào vùng cấm địa. Lính canh vòng ngoài thấy hai vị tiểu vương hầu áo mũ xanh xang, lại có người biết mặt Hoài Nhân nên không dám ngăn cản. Nhưng khi muốn lên thuyền rồng thì bị cấm vệ cự tuyệt. Quốc Toàn một mực đòi vào, cấm vệ khăng khăng cản lại, khiến cậu chàng bất bình tranh cãi.

Bấy giờ Quan gia và đại thần đứng trên thuyền rồng đàm đạo, nhìn xuống bờ thấy có đám đông co âm ỉ, nhà vua bèn sai thị thần gọi hai kẻ to tiếng lên thuyền để hỏi chuyện.

Nghe Hoài Văn và Hoài Nhân giải bày mong muốn được tham gia hội nghị bàn việc nước, hoàng thượng không quở trách còn dùng cách xưng hô trong nhà mà từ tốn giải thích:

– Các đệ còn nhỏ tuổi nên chưa thể dự bàn. Hãy về nhà tu tâm dưỡng tính và rèn luyện võ nghệ cho giỏi, vài năm nữa đến độ trưởng thành đương nhiên huynh sẽ có ghế dành cho hai người.

Quốc Toàn vẫn cố dùng lý lẽ thuyết phục nhà vua:

– Khởi bẩm bệ hạ, thần và Hoài Nhân Vương đến đây chỉ cốt bày tỏ thái độ sẵn sàng tham gia đánh giặc giữ nước, chứ không có ý gì khác. Chúng thần nghĩ tuổi tác không quyết định tinh thần, tại sao phải quy định giới hạn?

Nhân Tông nghe thấy vậy liền cười rồi nói:

– Ta khen ngợi nhiệt huyết của mấy đệ nhưng cho các em tham dự thì nếu cả trăm vương hầu tước tuổi hai người cũng đòi phá lệ để được vào, bấy giờ chỗ đâu mà chứa. Hãy nghe lời huynh, các đệ về đi. – Nói rồi, tiện thấy trên bàn có đĩa cam tươi, vua lấy hai trái dúi vào tay Hoài Văn và Hoài Nhân, lại sai thị vệ tiễn họ xuống thuyền.

Lòng Quốc Toàn uất nghẹn nhưng chẳng biết nói gì thêm, đành lui

thủi cùng Hoài Nhân rời bến. Bi phần ngập tràn cảm xúc, bàn tay Toàn bóp nát quả cam của vua ban mà không hề hay biết. Hoài Nhận thấy vậy liền an ủi bạn:

– Không dự họp lần này thì còn lần khác. Quan gia hứa vài năm nữa ắt có ghế cho mình. Bây giờ ai dám cản?

Chợt có tiếng gọi từ phía sau:

– Tiểu vương hầu, hãy chờ ta.

Họ quay lại, thấy Quốc công Tiết chế đang rào gót đi tới. Hưng Đạo đến gần hai nhà quý tộc nhỏ tuổi rồi bảo:

– Lúc này ta đã chứng kiến lòng nhiệt thành của các em. Quả tình ta rất cảm phục chí khí tuổi trẻ. Nhưng các em cũng nên cảm thông cho hoàng thượng, quy định vua ban không thể có ngoại lệ, như thế mới giữ được kỷ cương. Quan gia không để hai người dự họp nhưng ngài đâu thể cấm các em tổ chức đánh giặc. Hãy về mà nghĩ cách phò vua giúp nước theo khả năng của mình.

Lời của Hưng Đạo làm lóe lên trong đầu Quốc Toàn một ý định chưa thật cụ thể nhưng đã có hình hài, mở ra một hướng giải quyết khát vọng rất sáng sủa và trong tầm hiện thực. Niềm lạc quan lại đầy ắp, Hoài Văn cười rạng rỡ, cùng Hoài Nhân bái tạ Tiết chế Đại Vương, rồi đôi bạn hồ hởi xuống thuyền lại đảo Thanh Lâm.

Trên đường về, họ bàn luận sôi nổi lắm, khiến mấy gã gia nhân thăm thì bảo nhau:

– Hai vị tiểu chủ nhà mình tuổi trẻ tài cao chắc được nhà vua đề bạt làm tướng nên chỉ thấy bàn chuyện ngũ lũ, gươm giáo với cờ xí.

Phu nhân Trần Thị Trúc Mẫn là cháu họ của Thái sư Trần Thủ Độ, khi xuân xanh đôi tám được gả cho tướng quân An Bình Vương Trần Phái. Tuy duyên phận do hoàng gia sắp đặt nhưng tình nghĩa vợ chồng vẫn đầy ắp, có điều họ chung sống với nhau mười lăm năm mà vẫn không có con nên bầu không khí trong nhà buồn tẻ lắm. Nghe ở đâu có thuốc hay thầy giỏi là vợ chồng bà cũng nhất quyết thỉnh về, nghe ai nói miếu nọ đền kia rất linh thiêng dù cho xa tận Hoan Ái thì hai người cũng lặn lội tìm đến cầu tự. Nhưng ông trời quá cay nghiệt với họ, khi trên đầu tướng quân đã hai thứ tóc mà trong nhà vẫn vắng bóng trẻ thơ. Nhiều lúc buồn tủi trước ánh mắt dè bủ trong tộc họ, phu nhân muốn lang quân cưới thiếp để có con nối dõi, song ông cứ lảng tránh mãi.

Thế rồi một người mách bảo với bà ở vùng Xích Thổ ở trên bờ sông Gián Khẩu có đền thờ Long Vương Đông Hải là nơi nhiều người đến cầu con đều được linh ứng. Nghe nói nơi ấy xưa kia có nàng thiếu nữ xinh đẹp thường ra sông tắm gội, một lần thái tử Long cung theo sông nước dạo chơi vùng sơn thủy hữu tình đã tình cờ nhìn thấy nên đắm ra mê mẩn. Ngài hóa thành chàng trai tuấn tú đến bắt chuyện làm quen, rồi từ đó đôi bên đem lòng yêu thương nhau. Nhưng người trần không thể kết duyên và có con với thần biển, nàng đành ôm hận mà nguyện một đời ở vậy. Khi thái tử trọng nhậm Đông Hải đã cảm thương người xưa tình cũ mà chú nguyện cho nước nguồn trên núi – nơi họ thường dạo chơi – linh ứng với đôi lứa đến cầu phúc, cầu tự.

Trúc Mẫn phu nhân thuyết phục chồng thêm một lần nữa thành tâm đi lễ bái, biết đâu lại được báo đáp. Vì thương vợ mà An Bình Vương miễn cưỡng cùng bà lên đường, tuy trong lòng ông đã mất hết niềm tin vào khả

năng thần thánh sẽ phù trợ cho mình có một mụn con.

Họ đến nơi thì trời chuyển mây u ám rồi mưa trút xuống xối xả. Lúc bước lên thềm ngôi đền, phu nhân bị trượt chân ngã bệt xuống, bụng dưới đập vào cạnh bậc đá đau điếng. Nhưng bà chẳng dám kêu rên mà còn nói “Không sao” vì sợ ông phàn nàn đi cầu may lại rước họa. Sau khi đặt lễ cúng dường, hai vợ chồng quỳ trước linh vị thần biển mà lầm rầm khấn khứa. Ông thủ từ nhà đến bước ra từ hậu đường, trên người khoác áo lụa đỏ, đầu quần khăn xếp đội một khay nước, chấp tay bái vọng ban thờ, miệng lạnh lạnh van vái:

– Long Vương đại hải. Uy Vũ côi đông. Ra ơn cứu độ. Giúp vợ trợ chồng. Phu phụ Trần Phái. Được con nối dòng. Lòng thành kính bái. Ân đức thiên tai.

Rồi thủ từ nhắc chiếc khay khỏi đầu, chén nước vẫn đầy nguyên không đổ ra ngoài một giọt, ông dâng cho phu nhân và nói:

– Nước này hứng từ khe núi sau đền, xin phu nhân hãy uống cạn.

Lạ thay, Trúc Mẫn vừa uống xong chén nước thì một tiếng sét nổ vang trên núi, mọi người nhìn ra ngoài đã thấy mưa tạnh trời quang, ánh nắng chói lòa gieo sắc vàng lấp lánh mặt sân sũng ướt. Thủ từ kinh ngạc bảo:

– Ứng nghiệm nhanh quá. Thiện tại. Thiện tại.

Trở về thái ấp chưa hết tuần trăng, phu nhân thấy trong người đổi khác. Một hôm bà tỏ vẻ với chồng:

– Hình như thiếp đã có thai.

Ông tưởng mình nghe nhầm, bèn hỏi lại “Có gì?”. Bà trả lời “Có thai chứ còn gì nữa”. Bậc trượng phu mừng quá lú cả lưỡi mà rằng “Thật... thật à? Sao... sao bây giờ mới nói?”. Bà đáp “Phải chắc chắn mới dám nói”. Thế

là An Bình Vương cùng hai gia nhân phóng ngựa thâu đêm đi tạ lễ nhà đến. Chuyện đến tại Thượng hoàng Trần Thái Tông, một hôm sau buổi chiều, ngài hỏi An Bình:

– Ta nghe nói phu phụ tướng quân cầu đền Long vương đã đậu thành quả?

– Khởi bẩm Thượng hoàng, vợ thần mang thai được sáu tháng. Trước kia vợ chồng bề tôi có đến cầu Long Quân, song huyền cơ thế nào hạ thần không dám khẳng định. – An Bình trả lời thành thật.

Thái Tông lại nói:

– Dầu thế nào ta cũng mừng cho vợ chồng khanh, cũng là mừng cho dòng dõi Đông A. Nội tộc thêm con, hoàng gia thêm cháu là phúc của trời ban cho họ Trần ta đó. Quả đúng thánh thần phù trợ thì đứa trẻ này khác người lắm. Mai một phu nhân lâm bồn, nếu sinh con trai hãy đặt tên là Quốc Toàn, mang nghĩa là chén ngọc quý của nước nhà dâng lễ trời đất.

Rồi ngài lấy bút viết chữ Toàn lên giấy và đưa cho An Bình Vương. Tướng quân mừng lắm, khấu đầu lạy tạ Thượng hoàng bằng tấm lòng tràn trề cảm kích. Trên đường trở về thái ấp, ông linh cảm hài nhi trong bụng vợ sẽ là con trai.

Ngày Quốc Toàn chào đời, An Bình Vương cho trồng thật nhiều trúc quanh dinh thự và đặt tên thái ấp là Thanh Trúc viên, vừa thể hiện tấm tình đối với hiền thê Trúc Mẫn đã cần mẫn một đời tìm kiếm cho được hạnh phúc tươi tốt, vừa khẳng định niềm tin đứa con đầu lòng sẽ lớn khôn khỏe mạnh và được chăm chút nên người, sớm trở thành một trang nam tử có khí phách và ngay thẳng như tre trúc.

Từ ngày đức lang quân mắc bạo bệnh qua đời, gia cảnh của phu nhân Trúc Mẫn không còn sung túc như xưa. Mất lương bổng của triều đình, nguồn sống của hai mẹ con chỉ trông vào khoản nông phẩm do tá điền cống nộp. Dầu cuộc sống khó khăn hơn trước, nhưng tâm tính của bà chẳng hề đổi khác, vẫn nhân hậu với những hoàn cảnh hoạn nạn và chu đáo với kẻ ăn người ở trong nhà. Bà tâm niệm cuộc đời mãn nguyện rồi, cao xanh đã đắp điểm cho mình đủ hạnh thì cũng nên chia phúc cho người khác, đấy mới là lẽ an bằng của hóa công.

Ông nhà quy tiên chưa đầy nửa năm thì lũ lụt đổ về làm ngập úng đồng ruộng, còn bao nhiêu thóc dự trữ, bà sai người phân phát hết cho các hộ bị mất trắng mùa màng, chỉ để lại số lượng thực đủ dùng qua cơn giáp hạt. Trước kia trong nhà có tới ba chục tôi tớ, phận góa bụa đâu cần lắm kẻ hầu người hạ, nên bà cho về gần hết, chỉ giữ lại dăm người thân tín nhất. Các gia nhân rời thái ấp đều được cấp chút ít vốn liếng hoặc một mảnh đất để dựng nhà. Đức hạnh của quả phụ Trúc Mẫn được người trong vùng hết lòng khâm phục, họ gọi Bà bằng thái độ tôn kính nhất.

Quốc Toản từ Bình Than trở về đã vội vàng vào nhà thăm an mẹ. Thấy ánh mắt của con có vẻ phân vân lưỡng lự, biết Toản đang nghĩ cách thưa gửi điều gì đó, Mẫn Bà bèn chủ động dò hỏi:

– Xảy ra chuyện gì vậy? Mẹ có giúp được cho con không?

Toản ngần ngừ chốc lát rồi thú thật với mẹ:

– Có một việc hệ trọng nhưng không phải chuyện xấu mà là điều đại nghĩa. Con và Hoài Nhân Vương đang bàn tính kế hoạch thực hiện, chỉ mong được mẹ chấp thuận.

Bà nói:

– Việc gì? Con nói rõ xem nào. Nếu hợp đạo lý thì mẹ sẽ ủng hộ.

Toản trình bày:

– Hoàng thượng và triều đình họp bàn việc nước ở Bình Than. Con và Hoài Nhân có đến nhưng vì còn nhỏ nên Quan gia không cho dự. Lòng con uất ức lắm mà không biết làm sao có thể góp Công sức đánh đuổi ngoại xâm, báo đền ân nghĩa của hoàng triều. Hưng Đạo Đại Vương thấy vậy bèn chỉ dạy “Quan gia không cấm ai đánh giặc. Hãy tùy theo khả năng của mình mà phò vua giúp nước”. Chúng con đã ngộ ra chân lý nên nhất quyết sẽ dựng cờ tụ nghĩa, tuyển mộ dân binh, rèn mác luyện võ, sẵn sàng đánh giặc khi chúng kéo sang. Thừa mẹ, cha con một đời trung quân ái quốc, vì người đã mất nên không thể góp mặt ở Bình Than, nhưng chí khí của người vẫn sôi sục trong huyết mạch của con, con nhất định phải kế tục.

Nói đến đây, Toản nghẹn ngào ngược nhìn làn khói hương quấn quanh bên linh vị trên bàn thờ cha, rồi buồn bã thở dài:

– Ngặt nỗi nhà mình bây giờ không còn dư giả, nên con chưa biết lấy đâu ra tiền bạc để chiêu quân. Nếu mẹ chấp thuận cho con ứng nghĩa đánh giặc thì xin người tìm cách giúp con vượt qua khó khăn này.

Người mẹ lặng nhìn con mà ứa lệ. Nó đã khôn lớn thật rồi, trong cơ thể trẻ ranh có lửa, có nhiệt huyết tràn trề và khí phách hiên ngang. Mẫn Bà cảm nhận được hình bóng của người chồng trong dáng vóc Quốc Toản, đứa con duy nhất được bà đứt ruột đẻ ra sau quá nửa cuộc đời mòn mỏi trông đợi. Nhưng không người mẹ nào vui vẻ khi thấy đứa con niên thiếu khoác áo chinh nhân, không người mẹ nào an lòng khi thấy con trẻ dấn thân vào sa trường máu lửa. Tình mẫu tử của bà cũng vậy, nó đang nguy tạo một lớp vỏ thiêng liêng để níu kéo tâm hồn xuống tận cùng thăm thẳm của lòng vị kỷ và ra sức biện minh bằng bản năng thiên chức “Con còn nhỏ tuổi, hãy ở

trong vòng tay mẹ, để mẹ được bao bọc con lâu hơn”.

Vậy mà vị chất trên bờ môi lại khiến Mẫn Bà chột hiệu có điều gì bất ổn trong suy tính của mình. Bà tự nhủ:

– Không nên yếu đuối trước mặt con. Ở tuổi của ta, khóc lóc giàn giụa chỉ là nỗi hèn cô độc.

Ngước nhìn lên, thấy khói nhang mù mịt hương án như chất chưa biết mấy niềm u uất nơi vong linh người chồng quá cố, Mẫn Bà bần thần cảm giác có lẽ hương hồn ông chẳng đồng tình với cách nghĩ của bà. Bà thấy hổ thẹn trong lòng vì đã cố tìm kiếm lý lẽ để chống chế phản ứng bột phát khi biết con trai muốn tham gia trận mạc đánh giặc cứu nước. Giang sơn, dân tộc và triều đại là những thứ lớn lao hơn tình cốt nhục, vợ chồng bà đã dạy dỗ con nên người bằng đạo lý ấy, con của bà đã lớn khôn bằng lẽ sống ấy.

Thôi đành nuốt nước mắt cho chảy xuống tận đáy lòng sâu kín, để tủi buồn cô quả không làm vướng bận tâm trí con trẻ; thà tận tụy giúp con ứng nghĩa phò vua còn hơn rào dậu chí khí thanh xuân trọng lũy tre kín gió; thà nâng đỡ bước chân con trên đường đời cát bụi còn hơn vận tình mẫu tử mà níu giữ thân phận nam nhi quần quanh trong xó nhà để báo đền ơn nghĩa sinh thành.

Tâm tư thông suốt, Mẫn Bà nói với con trai:

– Quả thật, nhà ta chẳng có mấy của nả. Nhưng mẹ vẫn còn một số vàng ngọc dành dụm bấy lâu, tuy không nhiều nhưng cũng đủ cho con làm kinh phí tụ nghĩa trong thời gian đầu. Con hãy lo việc tổ chức chiêu quân, phần tiền bạc mẹ sẽ chu cấp.

Quốc Toản mừng lắm, vội quỳ dưới gối bà mà cảm tạ từ mẫu rồi cùng hai gia nhận vội vã phóng ngựa đi. Nhìn bóng con khuất dần sau lũy trúc, Mẫn Bà nở nụ cười triu mến.

Đêm ấy phu nhân mở cái rương chứa đồ quý, lấy ra một chiếc hộp khảm bạc đựng vàng ngọc hồi môn và các đồ nữ trang dành dụm trong bấy nhiêu năm, rồi mân mê từng món kỷ vật mà nhớ về một thuở xa xưa. Bà buồn bã thở dài nhưng chẳng bớt lại một món nào, đẩy hộp lại và gói bằng vuông lụa đỏ.

Tờ mờ sáng hôm sau, khi sao mai còn lấp lánh trên trời, Mẫn Bà cùng người lão bộc thân tín và một thị nữ xuống thuyền thượng kinh, đem theo toàn bộ của nả còn lại của gia đình một vị đại vương lúc sinh thời đức cao vọng trọng.

Mẫn Bà trở về Thanh Trúc viên trên chiếc thuyền chở đầy bao to, gió lớn. Số vàng ngọc quý giá đã được hoán đổi thành vải vóc, mũ giày và binh khí, toàn những thứ thiết yếu dùng vào việc trang bị cho nhà binh.

Mới đi vắng năm ngày mà thái ấp đã hoàn toàn khác lạ, bà thật sự ngỡ ngàng trước khung cảnh tất bật của hàng trăm con người mãi mê làm việc dưới sự điều hành của Quốc Toản và các trợ thủ đắc lực. Lũy trúc bị đốn hạ quang đãng, chỉ còn lại những búp măng trơ trọi trong ánh nắng vàng hoe. Máy toán trai tráng đang hì hục dựng trại bằng những thân tre còn xanh mướt. Dãy nhà kho bỏ không lâu ngày lại mở cửa nhập lương thực từ những gánh thóc kiu kịt của đám đàn bà. Tiếng búa lò rèn nện chan chát trong túp lều tạm bợ ở cuối vườn dội vang cả khu trại. Đại sảnh rộng rãi hơn hẳn khi mọi vật dụng sinh hoạt được dọn sạch, thay vào đấy là một án thư mộc mạc có đám người vây quanh làm thủ tục nhập tên phân ngũ.

Quốc Toản thấy thân mẫu trở về vội vàng chạy tới đón mừng. Chàng

ta hơn hở khoe với mẹ:

– Chỉ mấy ngày đã có năm, sáu trăm tá điền đăng tên trình diện, gia nhân cũ cũng tề tựu gần đủ. Con trai của một quan viên cáo lão dẫn theo mười mấy người đến gia nhập đội ngũ. Dân chúng còn tự nguyện góp lương và mang cả dụng cụ bằng sắt đến rèn dao mác.

Người mẹ hỏi:

– Sao phải chặt trụi cả vườn trúc thế kia?

Quốc Toàn đáp:

– Con cho chặt để lấy tre dựng lán trại làm nơi ăn chốn ở của nghĩa binh. Mẹ đừng buồn con nhé, mai một măng lại thành tre, vườn nhà lại xanh tươi như trước.

Mẫu Bà nhìn đồng lá cành bị vứt bỏ bằng ánh mắt tiếc nuối nhưng vẫn nói để con an lòng:

– Kể cũng tiếc thật, lũy trúc bằng tuổi con đấy. Mà thôi, tre già măng mọc, cha con ở trên trời nhìn xuống chắc cũng không buồn phiền đâu. Mẹ mua vài may trang phục cho nghĩa binh, nhưng đông thế không biết có đủ cho mỗi người một bộ. Còn sắm được vài trăm đao kiếm, như vậy là thiếu nhiều lắm.

Quốc Toàn cả mừng, cười tươi với mẹ:

– Con thay mặt anh em nghĩa binh xin đa tạ mẹ. Về vũ khí không lo lắm, nhiều người đã có vũ khí của họ, ngoài số mẹ mua về, nếu thiếu thì lò rèn sẽ cung cấp. Con quên dặn mẹ mua vài đỏ để may cờ, lúc nhớ đến thì mẹ đã đi rồi.

Người mẹ nói thản nhiên:

– Có mua đấy, một cuộn to thừa may một lá cờ lớn.

Toản kinh ngạc, thốt lời thán phục:

– Mẹ tài giỏi thật, đoán được cả bụng con muốn gì.

Mẫu Bà mỉm cười vui vẻ:

– Ta đẻ ra người mà, không hiểu con thì làm sao làm mẹ.

– Đại kỳ phải có tên hiệu, con chưa nghĩ ra nên viết chữ gì trên lá cờ.

– Toàn tâm sự.

– Hôm trước con đã nói, muốn “góp công sức đánh đuổi ngoại xâm, báo đến ân nghĩa của hoàng triều”, đúc kết lại gọn gàng thành câu “Phá cường địch, báo hoàng ânPhá giặc mạnh, báo ơn vua”, vừa là hiệu kỳ vừa thể hiện tôn chỉ của nghĩa binh. Nền đỏ thêu chữ vàng sẽ rực rỡ lắm. – Mẫu phu nhân gợi ý.

Thật tuyệt vời, ý tứ cô đọng mà giàu biểu cảm, chứa đựng đủ đầy chí khí của thần dân Đại Việt trước họa xâm lăng. Toàn mừng khôn xiết khi được mẹ gỡ bí cho mình, nhưng rồi cậu lại băn khoăn:

– Cờ to thì chữ phải lớn, hiệu kỳ gồm sáu chữ, con sợ thêu không kịp để ngày mai thượng cờ.

– Việc này để mẹ lo. Con cứ chu tất các phần việc khác là đầu vào đấy.

– Mẫu Bà khoát tay quyết đoán.

Cậu trai hơn hờ nói:

– Dạ thưa mẹ, con đi chuẩn bị kỳ đài.

Buổi chiều hôm ấy, những phụ nữ khéo tay được triệu tập đến tư dinh của phu nhân để may trang phục cho nghĩa binh. Mẫu Bà và hai thị nữ đảm

trách phần may cò thêu chữ. Gian đại sảnh hóa thành công xưởng may thêu, các bà các cô tú tit ai vào việc nấy bận rộn cho tới khuya mới ngừng tay. Việc may trang phục không cần gấp, vì mười ngày nữa mới cử hành lễ khai quân, nhưng việc may cò xem ra khó hoàn tất để có thể thượng cò vào giờ thìn ngày mai.

Tối canh tỵ, khi mọi người đã ra về hết, Mẫn Bà cùng hai người hầu vẫn cặm cụi làm việc dưới ánh đèn nến lung linh. Họ mới thêu được bốn chữ, trong khi thị nữ đã uể oải lắm rồi. Quốc Toàn lo cho sức khỏe của mẹ, xin người đi nghỉ, việc thượng cò sẽ dời sang ngày khác. Bà trả lời cương quyết:

– Không được. Chưa ra quân mà có một chút trở ngại đã vội bỏ cuộc, sau này làm sao đánh giặc? Chọn được ngày lành tháng tốt thì không nên thay đổi. Con về phòng ngủ đi, ngày mai sẽ có cò.

Cậu hiếu tính bà, khi người đã nói vậy thì không ai lay chuyển được. Toàn thương mẹ lắm mà chẳng thể giúp được gì, đành quay về phòng nằm trần trọc một lúc rồi chìm vào giấc ngủ say.

Đúng giờ thìn ngày ba mươi tháng mười, lá đại kỳ đỏ rực thêu chữ vàng tươi rói được kéo lên ngọn cây sào cao vút dựng trên mô đất xây móng bằng đá học. Mọi người dùng tay, đứng xung quanh kỳ đài lặng lẽ ngắm nhìn lá cò bay phần phật trong gió. Các nghĩa binh xúc động bảo nhau “Phá cường địch – báo hoàng ân” chính là lời thề quyết tử của chúng ta với vương triều Đông A, với giang sơn Đại Việt. Phu nhân đứng từ trong nhà nhìn ra, thấy đám đông đang ngậy ngất trước ngọn cờ đại nghĩa, lòng rưng rưng khiến đôi mắt cay xè, bà tự nhủ “Chắc do mình thiếu ngủ”.

Tin tốt lành bay xa, chỉ trong ngày hôm ấy có thêm mấy trăm trai tráng đến gia nhập đội nghĩa dũng, viên thư lại bẩm báo với Hoài Văn Hầu

“Tổng cộng ghi tên được gần chín trăm người”. Quốc Toản đã yên tâm về quân số, việc trước mắt là lễ khai quân, rồi lo chu cấp trang bị và huấn luyện dân binh, còn phải đóng thuyền và bổ sung thêm ngựa cho đội ngũ. Người của Hoài Nhân sang thông báo điền trang của vương cũng tuyển mộ được năm trăm người. Thủ lĩnh vườn Thanh Trúc cả mừng, nhất định hai bên sẽ hợp lực chống giặc phương Bắc trong cuộc chiến nay mai.

Việc Hoài Văn Hầu và Hoài Nhân Vương dựng cờ tụ nghĩa truyền đến tận Thăng Long. Bấy giờ Hưng Đạo đang ở kinh thành, khi được nghe kể, ngài tỏ ra rất tâm đắc. Vương vuốt râu cười khoan khoái rồi nói với Yết Kiêu và Dã Tượng đang đứng hầu bên cạnh:

– Có thể chứ. Sóng sau đè sóng trước, con cháu Đông A tài cao chí lớn hơn cha anh của chúng thì sợ gì lũ giặc Thát ngạo mạn.

Chợt Tuấn Thọ vào báo:

– Bẩm chủ tướng, đại nhân Trịnh Đình Toản xin cầu kiến.

Vương đang vui, nghe thấy thế, liền nói:

– Mời vào. Chuẩn bị trà nước tiếp khách. Ta cũng muốn gặp người này.

Chương 3

*Trịnh Đình Toàn hiến kế, Yết Kiêu luyện thuật đục thuyền
Đông Bộ Đầu duyệt binh, Nguyễn Khoái rèn quân đánh thủy*

Trịnh Đình Toàn là sứ thần của Đại Việt mới được Nguyên triều thả về sau một thời gian bị giam lỏng ở Đại Đô. Nguyên do mùa đông năm Mậu Dần (1278), ông cùng Đỗ Quốc Kế thừa lệnh Thượng hoàng Thánh Tông đi sứ nước Nguyên để thoái thác việc ngài không thể sang châu kẻ xưng xưng tự nhận là con trời. Hốt Tất Liệt nổi cơn thịnh nộ truyền lệnh giữ Chánh sứ Trịnh Đình Toàn ở lại kinh đô Đại Nguyên, đồng thời buộc Phó sứ Đỗ Quốc Kế dẫn sứ thần Nguyên là Sài Xuân sang Đại Việt, mang theo chiếu dụ quốc vương An Nam phải đúc người vàng cống nạp thay thế. Vua ta cứ lần lần xin hết kỳ này đến kỳ khác cái yêu sách phi lý của Nguyên triều, còn gửi biểu chương quyết liệt đòi người bằng lời lẽ mềm mỏng mà kiên định, khiêm tốn nhưng đanh thép khiến chúng phải chấp nhận thả Đình Toàn về nước.

Hưng Đạo ân cần thăm hỏi khách:

– Ta biết tin ngài mới về nên mừng lắm, cũng muốn gặp gỡ đàm đạo nhưng chưa dám quấy quả sợ làm phiền ngài tĩnh dưỡng sau chuyến đi ngàn dặm.

Đình Toàn cảm kích giải bày:

– Đa tạ tấm lòng của Quốc Công, trải mấy năm cá chậu chim lồng bởi trong tâm nặng trĩu nỗi niềm hoài hương nên hạ quan cứ đau ốm suốt, khi nghe tin được thả về thì thấy người khỏe hẳn, vượt đường trường muôn

dậm đầu có ngại gì. Ngặt nỗi Nguyên triều nham hiểm cấp cho họ quan và hai tên đầy tớ ba con ngựa già nua ốm yếu, khi chưa đến Châu Giang đã lăn ra chết cả. Thế là mấy chủ tớ đành cuốc bộ hơn nửa tháng trời mới đến được biên cương. Đặt chân lên đất Việt, ba con người mừng rơi lệ như kẻ chết đi sống lại, cùng hướng về xuôi mà bái lạy ân nghĩa của thánh thượng đã gia công cứu giúp bề tôi thoát kiếp đầy ải. Lòng đã thề không đội chung trời với giặc Thát, bây giờ hạ quan cũng muốn đóng góp thiện ý của mình để Đại vương tính kế diệt trừ họa xâm lăng.

Hưng Đạo hỏi:

– Vậy ngài có cách gì giúp Quan gia đánh đuổi kẻ thù khi chúng phạm cỗi?

Đình Toàn trả lời:

– Do hạ quan có thời gian rong ruổi qua miền Giang Châu nên tận mắt chứng kiến đội ngũ thuyền chiến của quân Nguyên. Lần này chinh phạt phương Nam có lẽ chúng sẽ huy động thủy quân nên thuyền bè mới tụ hội đồng như thế. Thuyền của chúng to dài, chắc khỏe, có thể chở được nhiều người, nhiều lương thảo nhưng xoay trở khó khăn, nếu đi ngược dòng thì khá chậm chạp. Thủy quân của giặc rất hùng hậu trong khi thủy quân của ta nhỏ yếu hơn nhiều, chúng ta cần đánh vào yếu điểm của chúng mới thắng được.

Hưng Đạo lại hỏi:

– Theo ngài nên dùng cách gì để diệt thuyền giặc?

Đình Toàn đáp:

– Một con châu chấu to khỏe khó mà chống cự bầy kiến nhỏ bé bâu lại cắn xé. Thuyền ta nhẹ, chèo nhanh, xoay chuyển dễ, nếu dùng nhiều thuyền nhỏ đồng loạt áp sát mạn thuyền công kênh mà đánh thì sẽ diệt được.

Hưng Đạo ngẫm nghĩ một lúc rồi nói:

– Ý kiến của ngài rất hay nhưng chỉ áp dụng được khi thuyền giặc đơn độc trên sông hoặc di chuyển một nhóm vài ba chiếc, nếu chúng đi cả đoàn vài chục, vài trăm chiếc thì phương pháp này không ổn.

Đình Toàn lại nói:

– Hạ quan không theo nghiệp võ nên chỉ có thể nghĩ được đến thế. Đại vương là bậc võ công hiển hách chắc rằng sẽ tìm ra nhiều phương pháp triệt hạ đoàn thuyền chiến của giặc.

Hưng Đạo nghĩ bụng “Quả thật quân ta chưa một lần đối đầu với thủy quân của Nguyên Mông. Gợi ý của Đình Toàn rất đáng để suy ngẫm” bèn nói:

– Thật cảm động trước tấm lòng của ngài đối với xã tắc, chính ngài đã mở mắt cho ta thấy cần chú trọng hơn nữa về phương pháp thủy chiến. Nhất định phải tìm tòi nhiều cách đánh sao cho thật hiệu quả để triệt tiêu lũ quái vật trên sông nước của giặc Thát.

Đêm ấy Hưng Đạo Đại Vương trằn trọc trên giường mà không tài nào ngủ được, cứ nghĩ đến buổi trò chuyện với Trịnh Đình Toàn, ngài lại thấy day dứt trong lòng. Một viên quan văn nhỏ bé còn biết lo nghĩ về công tác thủy chiến, ta thân mang trọng trách thống lĩnh quân đội há lại xem nhẹ việc này hay sao? Không tính kế trước, chờ cho nước đến chân mới nhảy, chúng ồ ạt kéo vào bằng đường thủy, bấy giờ sẽ khó bề chống đỡ. Vương bật dậy khỏi giường, chong đèn đọc sách, tìm tòi trong cổ thư các sử liệu về thủy chiến khả dĩ vận dụng với hoàn cảnh bây giờ.

Trong trận Xích Bích, Khổng Minh và Chu Du dùng hỏa công đốt trụi thuyền của Tào Tháo, nhưng nếu đoàn thuyền không bị xích lại và không cầu được gió đông nam thì liên quân Tôn – Lưu đâu có thắng lớn. Ta không

biết hô phong hoán vũ như họ Khổng, quân Thát chắc gì neo cột thuyền bè một chỗ để chờ ta nổi lửa, như vậy cách này khó áp dụng hiện thời. Song dù thấy hỏa công là một phép đánh lợi hại, phải tùy biến mà dùng trong từng trường hợp cụ thể.

Trận Bạch Đằng năm xưa Ngô Vương đại phá quân Nam Hán bằng diệu kế thủy triều và cọc gỗ, nhưng phương pháp này có điểm bất lợi là chỉ dùng được ở vùng cửa sông rộng rãi, nhiều bãi lau sậy, nước triều lên xuống hằng ngày. Song rõ ràng giặc Nam Hán đại bại bởi thuyền bè mắc cạn, bị cọc gỗ đâm thủng đáy khiến nước tràn vào nhấn chìm chúng xuống lòng sông, như vậy yếu tố thủy góp phần trọng yếu trong chiến thắng lẫy lừng của nhà Ngô, phải ghi nhớ điều này để nghiên cứu sáng tạo cho phù hợp.

Vương dùng bút viết chữ “hỏa” và chữ “thủy” rồi khoanh tròn từng chữ một. Lại nhớ đến cách ví von của Đình Toàn “con châu chấu to khỏe khó mà chống cự bầy kiến nhỏ bé bâu lại cắn xé”, ngài mỉm cười rồi viết thêm chữ “quần” và khoanh tròn lại. Như vậy là có ba phương cách có thể áp dụng trong thủy chiến để tiêu diệt các hạm thuyền to lớn, công kênh của giặc, từ đó sẽ phân tích lợi hại để áp dụng các phương cách sao cho đạt hiệu quả nhất.

Ngài tranh thủ viết tấu sớ gửi Quan gia xin được đóng thêm thuyền chiến và tổ chức tập trận thủy quân, để sớm mai cho người chạy ngựa về kinh dâng lên hoàng thượng.

Sau nhiều ngày trần trở, suy đi tính lại, Hưng Đạo Vương gọi Yết Kiêu vào giao phó công việc:

– Người hãy đi một chuyến dọc các vùng sông biển để tuyển mộ những người cường tráng, giỏi bơi lội, có tinh thần trung dũng và nhiệt huyết đánh giặc. Thời hạn tối đa chỉ một tháng phải tuyển chọn được ít nhất là ba mươi, nhiều nhất là năm mươi tráng sĩ về đây.

Sở dĩ Vương giao trọng trách ấy cho Yết Kiêu mà không phải ai khác vì người nô bộc này là bậc kỳ tài trong thiên hạ về khả năng bơi lội, rất chín chắn và kiên định, đã nhận việc là dứt khoát làm đến nơi đến chốn, bất kể khó khăn trở ngại, chấp nhận cả đổ máu hy sinh. Quả nhiên chưa đầy một tháng, Yết Kiêu dẫn về năm mươi trai tráng khỏe mạnh rắn rỏi, đều là ngư dân, quanh năm lênh đênh hải hồ, thuần thục mò trai lấy ngọc, săn kinh lấy vây. Hưng Đạo rất hài lòng, bèn phủ dụ tân binh:

– Các anh em về đây đầu quân khiến ta rất cảm kích bởi mọi người đã tin tưởng mà giao phó số mệnh cho ta, chấp nhận làm bầy tôi trong đội ngũ phò vua giữ nước do ta thống lĩnh. Trước kia các anh em sống cuộc đời tự do tự tại như con cá dưới nước, như con chim trên rừng, nhưng nay đã tham gia quân ngũ thì phải khác. Ta sẽ không bạc đãi ai cả, nhưng muốn anh em thực hiện cho tốt mấy điều sau: thứ nhất phải tận trung với vua, chấp nhận da ngựa bọc thây vì sơn hà xã tắc; thứ hai phải tuyệt đối tuân thủ kỷ cương và quân pháp; thứ ba phải rèn luyện cho giỏi, mình đồng da sắt, tinh thông ngón nghề, tài trí quả cảm; thứ tư phải đồng cam cộng khổ, huynh đệ hữu ái, tương trợ lẫn nhau. Ai chấp nhận điều kiện của ta thì ở lại, ai không thể làm theo thì có thể ra về, ta sẽ không trách phạt còn cấp cho lộ phí.

Cả năm mươi con người không hề nhúc nhích, không một ai có ý định rời đội ngũ. Rồi họ đồng thanh hô vang:

– Chúng tôi nguyện chấp hành lời Đại Vương răn dạy, nguyện theo Đại Vương phò vua giúp nước.

Hưng Đạo cả mừng mà rằng:

– Ta rất vui trước tinh thần của mọi người. Nay cho các người ba ngày để nghỉ ngơi và ổn định nơi ăn ở, sau đó sẽ bước vào tập luyện.

Hưng Đạo đặt phiên hiệu Kinh Ngư đội cho nhóm thủy quân mới thành lập. Yết Kiêu lại được giao nhiệm vụ huấn luyện tân binh. Bất kể ngày mưa hay nắng, mùa hè hay mùa đông họ phải ngâm mình dưới nước nhiều canh giờ để tăng cường khả năng bơi lặn. Ban đầu chủ yếu luyện bơi sao cho nhanh và giảm thiểu tiếng động, dùng ống sậy để thở khi vận động ở độ sâu vừa phải. Về sau tập lặn dài hơi mà không cần ống thở. Cuối cùng học sử dụng rìu búa cạy ván đáy thuyền và khả năng tự vệ dưới nước.

Kế lấy rìu đục thuyền được Đại Vương vận dụng sáng tạo từ chiêu thức của Ngô Quyền dùng cọc gỗ bịt sắt đâm thủng thuyền giặc để chìm chúng xuống đáy sông, mà ngài hào hứng cho rằng “Coi như ta đã di chuyển cọc nhọn của tiền nhân tới mọi khúc sông có thuyền bè giặc lai vãng”.

Rồi ngài kêu người kiểm mấy thuyền cũ để Kinh Ngư luyện tập. Theo gợi ý của chủ tướng, Yết Kiêu chia mỗi toán gồm năm người, hai người mang rìu, một người mang búa, cùng làm nhiệm vụ đục thuyền, hai người mang dao ngắn có trách nhiệm bảo vệ đồng đội, đề phòng kẻ địch cho quân xuống nước vây bắt đối phương. Yết Kiêu dẫn đầu toán quân miệng ngâm ống sậy bơi chìm dưới nước áp sát “thuyền giặc” rồi lặn xuống tìm chỗ nối giữa các ván thuyền mà dùng búa và rìu cạy cho khe ván toác ra. Ván chiến thuyền thường chắc và dày, song bằng tài trí và sức lực, cùng với khả năng nín thở lâu nên các đội viên Kinh Ngư đều hoàn thành tốt khóa tập “đục ván chìm thuyền”.

Thấy Dã Tượng mặt mày ủ rũ, hằng ngày đứng trên bờ nhìn đám thủy

quân của Yết Kiêu tập luyện mà than ngắn thở dài, xem ra có phần không hài lòng, Hưng Đạo tinh ý đoán biết nguyên do nhưng vẫn làm ngơ. Cho đến khi gần mãn khóa tập, ngài mới kêu Dã Tượng lại hỏi:

– Người làm sao mà rầu rĩ cả ngày, nếu trong người không khỏe thì ta cho nghỉ ngơi ít bữa?

Dã Tượng đáp:

– Bẩm Đại Vương, tiểu nhân chẳng ốm đau gì cả. Chỉ có điều trong bụng không vui nên thế.

Hưng Đạo lại hỏi:

– Ai làm người không vui?

Dã Tượng phản nài:

– Tiểu nhân và Yết Kiêu tình thân như huynh đệ ruột thịt, nên không có chuyện ghen tức gì cả, chỉ có điều Đại Vương giao cho y hết thảy công việc còn tiểu nhân lại suốt ngày ngồi không nhàn rỗi, từ đấy sinh lòng buồn nản.

Hưng Đạo liền phán:

– Ai cho người ngồi không mãi, do chưa đến lúc dùng mà thôi. Bây giờ sắp hết khóa huấn luyện rồi, người lựa cho ta ba mươi gia binh khỏe mạnh, giỏi dùng cung tên và móc câu. Chuẩn bị năm thuyền nhỏ, bốn thuyền chất đầy cỏ khô và một vò dầu lạc.

Dã Tượng hớn hở đi làm nhiệm vụ, Vương mím cười nghĩ bụng “Bọn tiểu tử này đứa nào cũng sốt sắng tận tụy, cũng nên hậu đãi chúng tử tế”.

Mấy ngày sau vào một đêm không trăng, Hưng Đạo cùng các tiểu tượng và môn khách đứng trên bờ sông theo dõi Dã Tượng chỉ huy binh sĩ tập trận hỏa công. Giữa dòng sông tối đen có một chiếc thuyền lớn được

định vị là “thuyền giặc”. Bất chợt từ bãi lau sậy phía thượng nguồn có năm chiếc thuyền nhỏ lao ra vun vút, mỗi chiếc có sáu tay chèo khua mái nhịp nhàng, đẩy thuyền lướt nhanh trên nước mà không hề gây tiếng động ồn ã. Bốn chiếc chắt cỏ khô xuôi dòng chảy áp sát “thuyền giặc”, các móc xích quăng lên ngoắc vào mạn thuyền lớn, đuôi xích được cột nhanh vào tay chèo, những vò dầu mở nắp tưới đầm đìa đổ cỏ, đội cảm tử xong nhiệm vụ liền khẩn trương rời thuyền xuống nước bơi vào bờ. Bấy giờ chiếc thuyền thứ năm đi sau một đoạn chớp thời cơ phát hỏa. Dã Tượng đứng trên mũi thuyền truyền lệnh “Buông chèo, đốt lửa mũi tên, nhắm thuyền cỏ xạ tiễn”. Sáu tráng sĩ đồng loạt bỏ chèo, một người thổi khí vào cái bếp than nhỏ, một người tưới dầu để lửa bùng lên, bốn người đốt mũi tên tẩm dầu rồi giương cung bắn vào thuyền cỏ. Mấy thuyền cỏ cháy rực, chớp nhoáng ngọn lửa lan nhanh sang thuyền lớn.

Nhìn lửa cháy phần phật thiêu rụi con thuyền cũ giữa dòng sông, ai nấy đều hả hê vui thích. Riêng Đại Vương bình thản nói “Phải khẩn trương hơn. Bất ngờ là yếu tố quyết định thành công. Sẽ cho thao dợt thêm vài lần nữa”.

Hài lòng trước tiến bộ trong huấn luyện của thủy quân, Đại Vương muốn ban thưởng cho các nô bộc có nhiều công lao nhất. Một hôm ngài cho gọi Yết Kiêu, Dã Tượng tới, mà truyền rằng:

– Hai người theo ta đã lâu, cũng lập được nhiều công trạng đáng kể. Nay ta muốn giải thoát thân phận gia nô cho các người rồi tiến cử với triều đình để phong quan trước mà hưởng lộc.

Hai bậc tôi trung vội quỳ lạy Hưng Đạo mà đáp:

– Đại Vương là chủ nhân, chúng tôi rời bỏ ngài là bất trung, được Đại Vương nuôi dạy từ tấm bé, chúng tôi rời bỏ ngài là bất hiếu. Bầy tôi thề xin

chết già làm gia nô, chứ không muốn làm quan mà không có trung hiếu,
Vương ứa nước mắt cảm động trước tấm lòng của họ.

Hưng Đạo vẫn không quên chữ “quần” trong phép thủy chiến do ngài đề ra. Nhân một chuyến về kinh để bàn bạc kế hoạch duyệt thủy quân, Vương cho mời tướng quân Nguyễn Khoái đến tư gia của ngài ở Thăng Long. Chủ khách an tọa, Vương vào đề ngay:

– Tướng quân chỉ huy vệ Thánh Dực, việc huấn luyện binh sĩ chiến đấu trên mặt đất có lẽ là chuyện thường xuyên, nhưng đã bao giờ tổ chức cho họ tập dợt đánh nhau dưới nước chưa?

Nguyễn Khoái ngớ người trước một vấn đề ông chưa bao giờ nghĩ tới, bèn hỏi lại:

– Bẩm Quốc công Tiết chế, có phải ngài muốn biết quân của tiểu tướng có học đánh trận bằng thuyền?

Hưng Đạo trả lời:

– Đúng vậy.

Nguyễn Khoái đáp:

– Quân Thánh Dực trước nay chỉ được đào tạo đánh giặc trên mặt đất bằng bộ binh hoặc kỵ binh. Tiểu tướng thiết nghĩ quân ta cũng có lực lượng thủy binh với sở trường đánh trận bằng thuyền, nếu vệ quân cũng tham gia thủy chiến thì e rằng không kham nổi.

Vương bèn thùng thảng nói:

– Hiếu như vậy cũng không sai. Nhưng nước ta nhiều sông ngòi, còn

giặc Thát thì lắm thuyền chiến, nếu chúng kéo sang đông rồi theo các dòng sông mà đánh phá khắp nơi sẽ bất lợi lắm. Thủy quân của ta còn yếu, khi gặp chiến thuyền của giặc lại phải đợi huy động thuyền bè đến đánh thì không ổn rồi.

Bấy giờ Nguyễn Khoái mới vỡ lẽ, bèn hỏi:

– Vậy theo ngài chúng tôi phải làm sao?

Vương lại nói:

– Thủy quân sẽ là lực lượng chủ yếu trong thủy chiến, song vệ quân và lộ quân cũng nên tập luyện các phương pháp diệt chiến thuyền của giặc, như vậy dù chúng ở trên bộ hay dưới nước bất kể nơi đâu ta cũng có thể đánh. Một vị văn thần gợi ý cho ta phép dùng nhiều thuyền nhỏ lợi dụng đêm tối áp hai mạn thuyền lớn của địch mà đánh bất ngờ, khi lên được khoang thuyền giặc thì dao kiếm của vệ quân thả sức tung hoành. Cách đánh này không cần bơi lặn giỏi nên quân Thánh Dực có thể dùng được.

Tướng Nguyễn Khoái mắt sáng rỡ, đáp:

– Đa tạ Đại Vương chỉ giáo. Xưa nay vệ quân không thạo thủy chiến, nghe ngài giảng giải mới biết mình còn dở lắm, nhất định phải khắc phục thiếu sót này. Tôi sẽ bàn bạc với phó tướng Phạm Ngũ Lão tổ chức cho binh sĩ luyện tập cách đánh thuyền giặc theo phương pháp của ngài.

Hưng Đạo gật đầu hài lòng, còn dặn dò thêm:

– Tháng tám sẽ duyệt quân ở Đông Bộ Đầu, khi ấy nếu quân Thánh Dực thao diễn thủy chiến có hiệu quả sẽ cho áp dụng rộng rãi ở các đơn vị vệ quân và lộ quân. Vậy là tướng quân còn hơn hai tháng để luyện quân sĩ, hãy chuẩn bị cho tốt.

Thừa lệnh Thượng hoàng và Quan gia, giữa mùa thu năm Thiệu Bảo

thứ 6 (1284), Quốc công Tiết chế Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn tổ chức duyệt binh tại Đông Bộ Đầu, là bến cảng trên sông Hồng ở mé đông kinh thành Thăng Long.

Quân của triều đình và các lộ được huy động tới hai vạn, quân của các vương hầu từ khắp nơi kéo về có đến ngót vạn, vài trăm chiến thuyền đậu san sát bờ sông, các lán trại dựng trên bãi sông dài hơn dặm; cờ xí đủ màu sắc và kích cỡ tung bay rợp trời trong ánh nắng ban mai tô điểm thêm vẻ uy nghi hoành tráng của những phiên hiệu vệ quốc Đông A trước bầy lang sói phương Bắc đang chờ thời cơ kéo sang ăn tươi nuốt sống giang sơn Đại Việt. Các đơn vị vệ quân và lộ quân, các giang đoàn thủy binh, các lữ kị binh, các đội gia binh trang nghiêm trong những bộ sắc phục tươi mới, gươm giáo sáng lòà, cung khiên bóng lộn, hàng ngay lối thẳng trên bến dưới thuyền và trên lưng đoàn ngựa chiến làm tăng thêm khí thế oai phong của lực lượng chiến binh nước Nam luôn sẵn sàng quyết tử với kẻ thù xâm lược truyền kiếp đến từ bên kia biên giới. Hơn trăm vương hầu và tướng lĩnh giáp trụ đường bộ, cân đai rực rỡ, tuần tú và uy dũng, tài ba và từng trải, ở trên khán đài với bộ ba trung tâm là Tể Quốc Đại vương Trần Quốc Khang, Chiêu Minh Đại vương Trần Quang Khải và Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật, các vị còn lại theo thứ bậc mà chia nhau đứng hai bên, trở thành hệ thống đầu não quân đội Đại Việt. Phía trước mặt là một khu đất rộng lớn và bằng phẳng, là chỗ dành cho các đội ngũ quân sự diễu hành và trình duyệt lực lượng. Phía sau lưng là một tháp cao mười tám thước, được sơn son rực rỡ làm chỗ ngự xem duyệt binh của nhị vị hoàng đế, những lãnh tụ tối cao trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền tự chủ của sơn hà xã tắc, biểu tượng bất diệt của tinh thần quốc gia – dân tộc.

Quân đội triều đình tham dự theo quy chế hội đủ các lực lượng, gồm

mười hai vệ quân, mỗi vệ tuyển năm trăm tráng sĩ, mười hai lộ quân, mỗi lộ tuyển ba trăm binh sĩ, hai giang đoàn thủy quân mỗi đoàn năm mươi chiến thuyền, hai lữ đội kỵ binh mỗi đội năm trăm chiến mã. Gia binh vương hầu góp mặt theo nguyên tắc đại vương cử năm trăm quân, vương cử ba trăm quân, hầu cử một trăm năm mươi quân. Hoài Nhân Vương và Hoài Văn Hầu đã đến tuổi tham gia chính sự, trong lễ duyệt binh lần này không thể thiếu đội ngũ của họ.

Quân của Quốc Toản đứng xa khán đài nhưng đại kỳ “Phá cường địch – báo hoàng ân” lại có phần nổi bật, khiến mọi người ngoài nhìn với ánh mắt phấn khích. Ở trên đài cao, Thượng hoàng có vẻ tâm đắc với lá cờ nên dặn dò Quan gia “Thằng bé này là người có chí khí, bệ hạ nhớ lưu tâm đến nó”. Nhân Tông đáp “Thưa phụ hoàng, hai năm trước ở Bình Than nó với hoàng đệ Hoài Nhân cứ dờ dặt vào nghị chính mà không được. Năm nay chúng lớn cả rồi, con phải dặn Hưng Đạo Vương triệu đích danh đấy ạ”. Thánh Tông cười vui bảo rằng “Tốt lắm, bệ hạ không quên lớp trẻ khí phách thì lo gì thiếu người tài hội tụ dưới ngai rồng”. Quan gia kính cẩn thưa “Hong phúc của hoàng nhi có được bây giờ cũng do phụ hoàng truyền dạy mà nên”.

Đầu giờ thìn, mở màn lễ duyệt binh. Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn cưỡi chiến mã đen tuyển phủ gấm xanh tua vàng trên yên cương xuất hiện từ đầu hàng quân. Ngài vận võ phục màu tía sẫm, đầu đội mũ trụ ngù đỏ, điều khiển ngựa tiến về lễ đài trong phong thái lắm liệt uy nghi. Cưỡi ngựa bạch phía sau là các gia tướng Lương Bình và Tuấn Thợ cầm trên tay hiệu kỳ chữ nhật, cờ đỏ của Bành thêu bốn chữ vàng “Quốc công Tiết chế”, cờ vàng của Thợ thêu bốn chữ đỏ “Hưng Đạo Đại Vương”. Hàng sau là ba con chiến mã màu nâu của Yết Kiêu, Nguyễn Địa Lô và Dã Tượng, Yết

Kiêu đi ngoài năm long đao Quốc Công, Địa Lô đi giữa nâng ấn Soái phủ, Dã Tượng đi trong giường bảo kiếm Tiết chế. Hàng cuối là tám quân hiệu cầm cờ đuôi nheo, chia làm hai dãy đi bộ, ười mặc trang phục đồng màu với lá cờ của họ. Đến trước khán đài, Hưng Đạo và tả hữu tùy phải dừng ngựa, chắp tay hướng mỗi mặt lên đài cao hành lễ. Vương hầu và ba quân tướng sĩ đồng loạt ngoảnh về phía nhị hoàng mà bái vọng. Hưng Đạo cất giọng hùng hồn khởi tấu:

– Phụng chỉ Thái thượng hoàng và Quan gia, nay đương tiết trung thu mây lành nắng đẹp, thần Quốc công Tiết chế tុ hợp tướng sĩ toàn quân phô diễn lực lượng dưới bệ rồng, thượng kính nhị vị hoàng đế chuẩn thuận và phát lệnh điều binh.

Gần ba vạn con người đồng thanh hô lớn “Thượng hoàng vạn vạn tuế. Hoàng thượng vạn vạn tuế”. Tiếng rền dội tới tận kinh thành, trăm họ trong vùng còn nghe vắng vắng.

Nhân Tông hoàng đế ra dấu, một viên quan thị ở trên đài cao dùng cờ vàng phất ba lần. Hưng Đạo Vương nhận hiệu khai diễn, bèn quay về phía binh sĩ truyền lệnh:

– Lễ điều binh bắt đầu.

Hai chiếc trống cái ở hai góc khán đài dong ba hồi chín tiếng âm vang bốn nước, hào hùng và trang trọng. Tiếng trống vừa dứt, Đại Vương ra chỉ dấu, tám quân hiệu từ phía sau theo hình vòng cung tiến lên trước, nơi đặt chiếc bục gỗ cao ba thước. Hai lính hầu đẩy chiếc xe chở giá gỗ kê một cái loa lớn cong hình trái bí có vành loa to hơn chiếc thúng, đầu loa cao ngang tầm người cưỡi ngựa, Quốc Công Tiết chế ghé miệng vào loa đồng dục hô vang:

– [Mười hai vệ quân, trung nghĩa kiên cường, phò tá triều vua, trấn thủ](#)

kinh đô, giữ yên xã tắc, trình diễn. Thập nhị vệ quân, trung nghĩa kiên cường, phù hoàng triều, trấn kinh sư, an ninh xã tắc, trình diễn.

Quân hiệu cờ trắng tách khỏi toán bước lên bục gỗ, tay cầm hai lá cờ đuôi nheo phất ngang dọc theo một quy ước định sẵn. Các vệ Tứ Thiên rùng rùng chuyển động theo hàng năm tiến ra trước lễ đài, bốn hiệu kỳ tả hữu tung bay phất phới, đội ngũ uy phong, bước chân đều đặn, giáo thương trùng trùng, đao kiếm tua tủa, hòa làm một rồi lại tách làm đôi, từ khối hình đặc thủ chữ diên 田 chuyển hóa sang thế đội tung hoành chữ thập 十, rất tinh nhuệ và quy củ.

Sau màn trình diễn lực lượng, hai ngàn chiến binh Tứ Thiên rút về vị trí xuất phát, nhường khoảng trống cho các đơn vị khác phô trương.

Tiếp đến là quân hiệu cờ vàng của các vệ Tứ Thánh rồi quân hiệu cờ đỏ của các vệ Tứ Thần. Mỗi phiên hiệu vệ quân tùy thuộc vào sự sắp đặt của tướng chỉ huy mà điều binh theo đội hình chuyên biệt, nhưng đều rất bài bản và hào sảng, khiến nhị hoàng trên đài cao lẫn trăm quan tướng ở bên dưới cùng nức lòng thần phục.

Hưng Đạo lại hô vang:

– Mười hai lộ quân, sắt đá gan góc, đảm nhiệm quê hương xứ sở, phòng thủ biên thù, ổn định bờ cõi, trình diễn Thập nhị lộ quân, thiết thạch can trường, đảm hương xứ, thủ biên thù, ổn định cương vực, trình diễn.

Quân hiệu cờ đen điều khiển mười hai lộ quân từ hai phía tiến về lễ đài, dẫn đầu mỗi lộ là một tráng sĩ giương cao lá cờ thêu tên địa phương, đội hình cánh trái là các lộ quận Long Hưng, Kiến Xương, Bắc Giang, Hải Đông, Hồng Châu và Khoái Châu, đội hình cánh phải là các lộ quân Thiên Trường, Quốc Oai, Trường Yên, Hoàng Giang, Thanh Hóa và Diễn Châu. Quân các lộ mặc sắc phục khác nhau, màu đen của rừng núi, màu lam của

miền biển, màu nâu của trung du và màu lá của đồng bằng, những khuôn mặt sạm nắng gió hiên ngang trước hàng quân, những cánh tay rắn rỏi nắm chắc khí giới, cung tiễn giương cao, trường thương chìa thẳng, đoản kiếm tuốt trần. Đến trước khán đài, mỗi lộ quân từ hàng năm chuyển thành hàng một, mười hai hàng quân xếp dài tít tắp cùng hướng về phía quân vương và bá quan, ba ngàn sáu trăm quân sĩ kết thành một binh đoàn lớn rồi chuyển động tại chỗ. Theo thống hiệu, sau ba tiếng gõ thì hàng quân đầu quay mặt lùi về phía sau cùng, còn các hàng quân sau lại tiến lên lấp vào khoảng trống ở phía trước. Cứ thế, lần lượt mười hai lộ quân thay nhau xuất hiện ở hàng đầu như những lớp sóng trào chất chứa ý chí và niềm kiêu hãnh Đại Việt.

Hưng Đạo lại hô vang:

– Hai lữ đoàn kỵ binh, oai phong trên ngựa chiến, tuần phòng phương nam bảo vệ phía bắc, ngăn chặn lang sói, bình định đất dữ, trình diễn. Nhị lữ kỵ binh, uy phong chiến mã, tuần nam vệ bắc, tiêu sài lang, bình hiểm địa, trình diễn.

Quân hiệu cơ lục phát lệnh, một ngàn người ngựa dàn hàng năm từ hai phía hùng dũng tiến vào, đi đầu cánh trái là quân kỵ cầm cờ tía Thiên Phong, đi đầu cánh phải là quân kỵ cầm cờ nâu Thiên Vũ, những kỵ sĩ hùng dũng tay khiển cương, tay nắm giáo, hông cài trường kiếm, lưng đeo cung tên, vó ngựa nhịp nhàng, đội hình tề chỉnh. Đến khu trung tâm, hai lữ đan vào nhau tạo thành những vệt sọc quân phục nâu tía thẳng tắp. Chợt trống hiệu khua vang, dải nâu nhịp nhàng chuyển động, đội kỵ sĩ hàng đầu thúc ngựa phi nước kiệu băng qua lễ đài để trở về nơi xuất phát, tiếp đến là dải tía nhưng chuyển động theo hướng ngược lại, cứ thế mười hàng kỵ binh lần lượt trình diễn thao tác điều khiển chiến mã trước quân vương và quan

tướng.

Hưng Đạo lại hô vang:

– Đày tở vương hầu, trung gan tận tụy, ở dưới phục dịch chủ, ở trên theo giúp vua, thời bình làm tôi đòi, thời loạn làm binh sĩ, trình diễn.Gia đình vương hầu, trung can tận tụy, hạ phụng chủ, thượng tòng đế, nô bình binh loạn, trình diễn.

Quân hiệu cờ nâu điều phối hai mươi tư đội gia binh vương hầu xuất phát, quân của các đại vương đi trước, tiếp đến là quân của các vương, cuối cùng là quân của các hầu; cơ man cờ xí, muôn màu binh phục, đa dạng khí giới, tuy thiếu chính quy nhưng chẳng hề ô hợp, dẫu đội ngũ chưa đồng đều nhưng không kém phần khí thế, lại còn rất hào hùng bởi thanh âm tù và, chiêng trống của các đoàn gia nô mặc áo lính.

Hưng Đạo lại hô vang:

– Hai giang đoàn, quân thủy tinh nhuệ, đông ven biển, tây thượng nguồn, ổn định nước non, trình diễnNhị giang đoàn, thủy quân tinh nhuệ, đông hải biên, tây thường xuyên, yên định sơn hà, trình diễn.

Quân hiệu cờ lam tiếp quản bọc gỗ, phất cờ ra lệnh cho mười hai vệ quân ở phía đối diện với khán đài di chuyển hàng dọc sang hai bên tả hữu, mở ra một khoảng không gian rộng lớn đủ để quân thần nhìn bao quát toàn bộ bến sông, nơi có một trăm chiến thuyền neo đậu. Theo hiệu có điều khiển, đội ngũ thủy binh trên các thuyền nhận lệnh xuất phát. Soái hạm Thần Phong dẫn năm mươi chiến thuyền chào ngược lên thượng nguồn, soái hạm Thần Vũ dẫn năm mươi chiến thuyền lái xuôi về hạ nguồn. Chốc lát, hai giang đoàn đã quay đầu chuyển hướng và giao nhau ngược xuôi giữa bến cảng; ngoài các tay chèo và khiển buồm, số thủy binh còn lại dàn hàng ngang trên mạn thuyền, những mặt người nâu bóng chai lì, những

ngực trần cơ bắp cuộn cuộn, dao kiếm giương lên, thương giáo dựng thẳng, tỏ rõ khí thế hiên ngang và dũng mãnh của lớp chiến binh lão luyện sông nước.

Sau lễ duyệt binh, Thượng hoàng tẩm tắc khen ngợi, Quan gia phần khởi vui mừng, còn trăm quan tướng cùng mẫn nguyện tự hào, họ hài lòng bảo nhau “Quân của ta nhất tinh nhì cường, củng cố thêm phần chí sẽ đủ sức đối chọi với lũ giặc Thát cường bạo”. Trước lúc tạ từ hai vua, Hưng Đạo Vương nói:

– Khởi bầm nhị hoàng, tối mai là ngày mười sáu, thần xin kính rước hai vị ra đây mục kích quân Thánh Dực của Nguyễn Khoái và Phạm Ngũ Lão thao dợt thủy chiến.

Các vương hầu đứng xung quanh xì xào bàn tán, vì không hiểu tại sao Hưng Đạo lại dùng bộ binh mà không phải thủy binh để tập trận thủy chiến. Nhân Tông thấy vậy bèn nói:

– Tiết chế chắc có lý do nên mới tổ chức việc này. Đêm nay các khanh vào cung đón rằm cùng ta và Thượng hoàng, tối mai chúng ta đến xem thử Hưng Đạo bố trận quân Thánh Dực đánh nhau dưới nước ra sao? Bấy giờ yêu cầu Hưng Đạo giải thích cũng chưa muộn.

Tối muộn, trăng mười sáu dát ánh bạc lung linh mặt nước, rọi tỏ chiếc thuyền chiến to lớn công kênh đậu giữa dòng sông. Quân thần tụ hội đông đảo trên bờ chờ xem lính bộ trình diễn phương pháp đánh thủy. Chỉ có hai chiếc ghế dành cho nhị hoàng, vương hầu và khanh tướng đứng phía sau và hai bên tả hữu. Nhìn quanh không thấy một tên lính nào cả, Thánh Tông

hỏi:

– Tướng sĩ Thánh Dực đâu cả rồi, sao chưa hành động?

Hưng Đạo đáp:

– Bẩm Thượng hoàng và Quan gia, họ đang ém quân để tạo yếu tố bất ngờ. Cũng đến lúc khởi sự rồi ạ.

Ngài yêu cầu tắt hết đuốc để không làm lóa mắt mọi người rồi vỗ tay truyền lệnh. Một tên lính hầu cầm chiếc đèn lồng được che kín bằng vải đen chạy ra sát mép nước và lật vải lên xuống liên tục để ánh đèn đỏ nhấp nháy nhiều lần, làm hiệu cho đội hình xuất kích.

Từ hai bên bờ sông phía thượng nguồn có nhiều chiếc thuyền thoi lao ra vun vút, mỗi chiếc có mười tay chèo nhắm hướng thuyền chiến giữa sông mà lướt tới. Đội hình từ bên này gồm năm chiếc do Nguyễn Khoái đầu lĩnh áp sát mạn phải thuyền lớn; đội hình từ bên kia cũng năm chiếc do Phạm Ngũ Lão chỉ huy áp sát mạn trái thuyền lớn. Tay chèo vừa buông là các móc câu được quăng lên, rồi các chiến binh lưng cài đoản đao leo thoăn thoắt lên mạn thuyền đối phương. Bấy giờ trên thuyền “địch” có tiếng hò la thất thanh, rồi từ dưới khoang thuyền, nhiều “tên giặc” xách khí giới lao lên chống trả. Hai bên đánh nhau kịch liệt, gươm đao loang loáng dưới ánh trăng vắng vặc, bóng người ngã nghiêng chông chênh trên bãi chiến trường dài không quá mười hai trượng, tiếng vũ khí va đập loảng xoảng vang rộn cả một khúc sông đêm. “Giặc” bị “tiêu diệt” hết, nhưng nhiều chiến binh Thánh Dực cũng “gục ngã” trên chiến thuyền.

Khung cảnh “trận đánh” y như thật, khiến các vua cùng bá quan rất thích thú và thán phục. Lúc ấy Hưng Đạo mới lên tiếng giải thích:

– Theo thông tin thần năm được, quân Nguyên huy động rất nhiều thuyền chiến loại lớn hàng chuẩn bị chinh phạt nước Nam. Đại Việt có

nhiều sông ngòi và bờ biển dài, dù kẻ địch có kéo sang bao nhiêu chiến thuyền cũng không thể kiểm soát hết, bấy giờ buộc chúng phải chia nhỏ đội hình, đấy là lúc ta sử dụng bộ binh để đánh tia chiến thuyền của giặc. Thủy binh ta yếu hơn giặc, sẽ có cách đánh khác, còn phương pháp này có thể dùng vệ quân, lộ quân hoặc gia binh diệt thuyền giặc ở mọi khúc sông, bến bãi mà không cần chờ thủy quân lâm chiến.

Thượng hoàng Thánh Tông rất tâm đắc với chủ ý của Hưng Đạo nên truyền dạy:

– Đây là một sáng tạo trong phương pháp thủy chiến của Quốc công Tiết chế, hoàng thượng cần chỉ dụ cho quân đội cả nước nghiên cứu học hỏi.

Nhân Tông đáp:

– Bẩm Thượng hoàng, con cũng vừa nghĩ tới việc này.

Hưng Đạo từ tốn nói:

– Thừa nhi hoàng, thực ra cách đánh này là do Trịnh Đình Toàn gợi ý cho hạ thần. Sau khi được Nguyên triều thả về nước, Toàn qua miền Châu Giang tận mắt chứng kiến giặc Thát tập hợp đồng đảo thuyền bè to lớn nên nảy ra sáng kiến dùng nhiều thuyền nhỏ vây vào đánh phá thuyền lớn mà Toàn gọi là hiện tượng “một con châu chấu to khỏe bị đàn kiến cắn xé” đấy ạ.

Hai vua và quần thần cười vang. Thánh Tông bảo:

– Khá khen cho người này. Triều đình cần ghi nhớ công lao của y.

Quan gia và các quan tướng đa ran. Bấy giờ Trần Nhật Duật nêu thắc mắc:

– Quốc Tuấn có thấy nếu thủy quân giặc phát hiện thuyền của ta sớm

hơn thì việc đánh chúng khó thành không?

Hưng Đạo trả lời:

– Ý của Chiêu Văn cho rằng trời sáng quá nên việc tiếp cận thuyền giặc dễ bị lộ chứ gì? Hôm nay trăng sáng nên Quốc Tuấn chủ ý mời nhị hoàng và mọi người ra đây chứng kiến cho rõ phương pháp đánh thuyền giặc, còn khi đánh thật thì ai dại gì chọn đêm rằm để tổ chức công kích. Những đêm trời nhiều mây, không trăng sao, có sương mù càng tốt, là lúc có thể bất ngờ áp sát thuyền giặc mà đánh.

Mọi người lại cười ồ vui vẻ. Nhật Duật chữa ngượng:

– Hưng Đạo huynh đúng thật là, giải thích rõ từ đầu thì ta đâu có hỏi.

Chương 4

Gối đầm lệ nóng, Hình tướng sĩ thức tỉnh nhân tâm

Mực trộn màu hồng, thích Sát Thát tỏ bày tráng chí

Đang miên man suy tưởng, chợt nhìn thấy trong màn mưa phùn lất phất ẩn hiện những ánh đuốc lập lòe, rồi tiếng huyền náo ngoài cổng thái ấp vọng vào, Hưng Đạo biết có chuyện lớn, liền bật dậy, thoăn thoắt bước ra ngoài hàng hiên đứng đợi. Thiên Thành phu nhân cũng vội vã theo chân chồng mà trong lòng không khỏi linh cảm mơ hồ về những điều nghiêm trọng.

Từ cổng thái ấp đến sảnh đường dài không dưới năm mươi trượng. Chốc lát đã thấy Lương Bành dẫn đầu đoàn chiến mã phi rầm rập vào sân. Đi cùng họ là một xe ngựa bịt mui kín mít. Các gia binh nghe tin đồng đội bị thương hốt hải mang cáng tre ra đón. Mui xe được mở ra, anh em xúm xít khiêng người ở trong xe lên cáng rồi mang vào nhà.

Phạm Thái đây rồi, tuy thương tích đầy người nhưng vẫn còn sống, mà sao không thấy bóng dáng Đào Thế Quang và Đỗ Thành đầu cả, Vương lo lắng biết đã xảy chuyện chẳng lành. Thái cố ngồi dậy để lạy chào chủ soái làm máu tứa ra loang đỏ bằng vải trắng quấn quanh ngực, vết thương khiến chàng đau đớn phải bấu chặt tay vào thành cáng. Hưng Đạo vội xoa tay, mà bảo:

– Người cứ ở yên kéo thương tích lại rỉ máu. Ta miễn lễ cho. Hãy nằm nghỉ chốc lát rồi bẩm báo sau.

Lại thấy Lương Bành và các chiến hữu cùng quỳ mọc dưới chân ghế, đầu cúi sát đất, hai tay nâng đoản kiếm như muốn tạ tội trước Đại Vương,

Hưng Đạo bèn hỏi:

– Lương Bình có gì muốn trình bày?

Bành ngẩng đầu đáp trong tiếng nấc nghẹn:

– Bẩm chủ soái, tiểu nhân đáng tội chết vì không làm tròn nhiệm vụ, không cứu được Thế Quang và Đỗ Thành. Tồn thất này đều do lỗi của tiểu nhân, nay xin chịu tội, còn các anh em dưới quyền chỉ là kẻ thừa hành, mong người ra ân tha cho họ.

Năm chiến binh quỳ phía sau đồng thanh lên tiếng:

– Bọn tôi tớ cũng có tội, xin người trừng phạt.

Vương thấy vậy bèn nói:

– Được rồi, hãy đứng lên cả, kể cho ta nghe sự tình đã xảy ra, bây giờ mới xét công tội của từng người.

Lương Bành kể lại văn tắt trận chiến ở Tà Pạc Năm, cái chết oanh liệt của Thế Quang và Đỗ Thành, tinh thần trung dũng của lão Ma Văn Kế, cha con trai chủ Lô Viên Tả và các chiến binh miền núi. Đại Vương im lặng lắng nghe, nhưng mọi sắc thái cảm xúc đều bộc lộ qua nét mặt. Có lúc ngài cắn chặt vành môi để khỏi bật ra tiếng thở dài thương tiếc, có lúc ngài nhíu trán đăm chiêu như ý thức được một việc cần suy xét kỹ, lại có lúc ngài bừng bừng ánh mắt như muốn thiêu đốt thành tro bụi bầy ma quỷ đang lớn vờn đâu đó ngoài kia, lại có lúc ngài hả hê sáng khoái như người đang khát được uống một bát nước đầy.

Thiên Thành phu nhân ngồi bên cạnh chồng, nghe hết câu chuyện bèn lặng lẽ đứng dậy đi vào nhà trong. Bà thấy lòng nặng trĩu, thế là đã rõ, cái giá xương máu của chiến tranh bắt đầu chảy, ngày mai đón nhận hung tin, Thị Hương chắc thê thảm lắm.

Đám gia binh, tôi tớ đứng ngoài cửa rừng rưng rưng khóe lệ cảm thương hai chiến binh mãi mãi không trở về. Hưng Đạo cất lời, phá vỡ bầu không khí bị ai:

– Tì tướng Lương Bằng và các thuộc hạ nghe ta truyền dạy: các người đã làm tốt trách nhiệm của mình, trong hoàn cảnh như thế còn cứu được Phạm Thái là đáng khen rồi. Đào Thế Quang và Đỗ Thành bỏ mình vì xã tắc sẽ được ghi công đầu trong cuộc chiến vệ quốc. Trại trưởng Lô Viên Tả gửi con trai cho ta, các người hãy tiếp nhận và rèn giũa nó thành một chiến binh trong đội ngũ.

Nói đến đây, Vương đặc chí mỉm cười, rồi tiếp:

– Ta rất thích lời hô “Sát Thát”, rất ngắn gọn nhưng đầy ý nghĩa. Hãy coi đây là một khẩu hiệu đánh giặc trong cuộc chiến nay mai.

Mọi người rất hào hứng, ai cũng bàn tán sôi nổi cách thức thể hiện tinh thần “Sát Thát”. Hưng Đạo lệnh cho các tôi tớ giải tán, chỉ giữ lại đội của Lương Bằng và mấy thủ tục thân tín nhất. Bấy giờ ngài mới hỏi Phạm Thái:

– Có thể báo cáo tin tức được chưa?

Phạm Thái đáp:

– Bẩm, rồi ạ.

Hưng Đạo ra lệnh:

– Không cần phải ngồi dậy. Cứ nằm yên mà nói.

Phạm Thái báo cáo thông tin địch tình mà chàng ghi nhớ nằm lòng:

– Nhà Nguyên huy động năm mươi vạn quân đánh Đại Việt. Ở hướng đông bắc, hơn ba chục vạn bộ binh và hai vạn kỵ binh do Trấn Nam Vương Thoát Hoan trực tiếp thống lĩnh, dưới trướng có nhiều tướng soái dày dạn

trận mạc, dự định khởi binh vào ngày Đông chí, như vậy chỉ sau đầy dăm ngày tiền quân của giặc đã có thể đặt chân lên đất Đại Việt trên hướng Lộc Châu. Chúng chuẩn bị mười vạn thạch lương nuôi quân, dùng một ngàn xe ngựa, ba trăm thuyền lớn và năm ngàn phu để vận chuyển lương thực. Hồi mùa xuân chúng còn cử Hốt Đô Hồ và Ô Mã Nhi chỉ huy hai trăm chiến thuyền đem theo hai vạn quân vượt biển qua Chiêm Thành để tiếp ứng cho Toa Đô, lực lượng này sẽ đánh nước ta từ hướng nam. Ngoài ra quân Nguyên còn kéo sang mười hai cỗ cự thạch pháo dùng bắn đá phá thành rất lợi hại, có lẽ mục tiêu của chúng là kinh thành Thăng Long.

Hưng Đạo hỏi:

– Trung tâm hành khiển của Thoát Hoan ở đâu?

Phạm Thái đáp:

– Thoát Hoan có soái phủ tiền phương ở Khâm Châu, nhưng hành tỉnh Kinh Hồ mới là trung tâm đầu não của hắn.

Đôi mắt Đại Vương mở trừng trừng như mắc nghẹn khi phải miễn cưỡng nuốt cho hết mớ thông tin tồi tệ do Phạm Thái cung cấp. Những con số đáng gờm về lực lượng của quân Nguyên cứ nhảy múa trong đầu ngài như đang cố làm vỡ tung mọi tính toán được xếp đặt từ trước.

Thế là không còn úp mở gì nữa, giặc đã ấn định ngày động binh, chiến tranh là điều không thể tránh khỏi, tuy việc này đã đoán định được nhưng sao trong lòng ta vẫn có cảm giác hụt hẫng ghế gớm. Phải trấn tĩnh lại để suy xét kỹ càng, bấy giờ mới quyết những gì cần tiến hành cấp bách. Tiết Đông chí chỉ cách hai bảy ngày, quãng thời gian quá ngắn ngủi để vận động lực lượng chiến tranh. Cần tranh thủ từng ngày kéo ta sẽ chậm chân hơn lũ giặc. Mà sao không thử nín kéo hòa hoãn? Dứt khoát phải đánh rồi nhưng thêm một ngày hòa bình là thêm một ngày chuẩn bị kỹ càng hơn cho cuộc

chiến.

Như vén được bức màn âm u che kín tầm nhìn, hướng đôi mắt sáng quắc về phía các gia nhân trung tín, Đại Vương bình thản sai khiến:

– Tình hình cực kỳ nguy cấp, ta cùng các người phải vào việc khẩn trương. Trong đêm nay cần cấp báo cho các môn khách, tì tướng và tả hữu hộ vệ tập trung về đại sảnh để nhận lệnh.

Các thủ tục nhanh chóng đi triệu tập mọi người. Vương lại truyền dạy:

– Phạm Thái đã hoàn thành trọng trách của mình, ta ghi nhận công lao này. Các chiến binh dưới quyền Lương Bành cũng mệt mỏi lắm rồi, ta cho về nghỉ ngơi. Hãy đưa Phạm Thái xuống trại, gọi lương y trong thái ấp đến chẩn trị ngay. Lương Bành ở lại chờ giao việc.

Nói rồi Vương sai gia nhân mài mực để thảo thư tín. Ngài tranh thủ thời gian chờ đợi mọi người tập hợp mà ngồi viết liền bốn lá thư.

Trời tối đen, từng cơn gió lạnh luồn lách qua khu vườn phả xấp ngửa vào những mặt người phờ phạc. Phạm Thái được các chiến hữu khiêng về khu gia binh. Bị vết thương hành, chàng lịm đi trong cơn đau đớn vật vã.

Nửa canh giờ sau, các môn khách, tì tướng và tả hữu thân cận đã tề tựu đông đủ ở đại sảnh An Quốc Đường. Trong ánh đèn sáng đỏ, khuôn mặt cương nghị của Quốc công Tiết chế ánh lên màu đồng rắn rỏi, ngài ngồi bất động trước án thư mà không mấy may để ý đến lời vái chào của mọi người. Vương đang dành toàn bộ tâm trí vào kế hoạch khởi động chiến tranh vệ quốc, một cuộc chiến sẽ rất tàn khốc mà người nắm cương vị thống lĩnh quân đội như ngài buộc phải tiến hành trong tình thế không còn con đường

nào khác.

Phía sau lưng Hưng Đạo là Yết Kiêu và Dã Tượng, hai nô bộc trung can bậc nhất của soái phủ. Đứng ở dãy bên phải sảnh đường có mười lăm môn khách, những bậc nho sĩ toàn tài được Vương đối đãi như bằng hữu thân cận. Đứng ở dãy bên trái sảnh đường là mười tám tùy tướng và đội trưởng, những gia binh tài giỏi và tận tụy dưới trướng Quốc công Tiết chế. Tất cả mặc trang phục chỉnh tề, không ai bảo ai nhưng họ đều biết tình hình đang chuyển biến xấu nên cùng giữ thái độ im lặng, căng thẳng chờ đợi Đại Vương lên tiếng.

Bằng giọng trầm đầy biểu cảm, Vương thông báo ngắn gọn:

– Giặc Nguyên sắp kéo đại quân vào nước ta. Có thể chúng tiến đánh từ ba hướng, đông bắc, tây bắc và nam, tổng cộng quân số không dưới năm mươi vạn. Tình thế chiến tranh đã rõ ràng, không đầy một tháng nữa nước Nam sẽ tràn ngập lang sói. Chúng ta phải đánh thôi vì đây là lựa chọn duy nhất để bảo tồn sơn hà xã tắc. Mọi người hãy chuẩn bị tinh thần để bước vào cuộc chiến.

Ngài ngừng nói, nhìn khắp lượt tả hữu bên dưới như đang cân nhắc Công việc giao phó cho mỗi người, rồi đồng dục sai truyền:

– Tùy tướng Tuấn Thọ nghe lệnh.

Trong hàng trái, vang tiếng hô “Có tiểu nhân”, Tuấn Thọ hùng dũng bước ra giữa sảnh khoanh tay đợi lệnh. Hưng Đạo chỉ thị:

– Người điều động quân hiệu chạy ngựa trạm thâu đêm thông báo khắp các lộ tin tức giặc Nguyên sắp khởi binh và truyền lệnh triệu tập chỉ huy các lộ quân thượng triều trong hai ngày tới để họp bàn với Quan gia về quyết sách đánh giặc.

– Xin tuân lệnh. – Tuấn Thọ đáp lớn rồi lui vào hàng.

Đại Vương lại truyền:

– Tùy tướng Lương Bình nghe lệnh.

Lương Bình đáp “Có thuộc hạ” rồi hiên ngang bước ra đợi lệnh. Hưng Đạo nói:

– Người vừa trở về nên sức lực giảm sút nhiều, nhưng việc này ta không biết giao cho ai khác, vậy hãy vì ta mà nỗ lực. Ở đây có hai phong thư, trong đêm nay người dẫn theo vài quân kỵ phóng đến phủ Thiên Trường để kịp giao thư cho Thượng hoàng lúc bình minh, thư còn lại giao cho Chiêu Minh Đại Vương Trần Quang Khải ở thái ấp của ngài. Khi gặp vương, nhớ chuyển lời ta muốn hội kiến với ngài vào đêm mai, trước lúc thượng triều vào sáng mốt.

Lương Bình bước tới nhận hai lá thư cho vào túi áo ngực rồi khẳng khái đáp “Xin Đại Vương hãy tin tưởng ở tiểu nhân”.

Hưng Đạo lại lên tiếng:

– Tùy tướng Nguyễn Hòa nghe lệnh.

“Tiểu tướng đợi lệnh”, một người trạc tuổi tứ tuần bước ra, khuôn mặt tinh anh, cử chỉ lịch lãm, ra dáng là người có học. Đó là Nguyễn Hòa, viên tùy phải được Đại Vương tín nhiệm, chuyên phụ trách công việc thư tín và giao hảo giữa An Quốc Đường với các vương hầu.

– Người điều hành tô tử chuyển thông tin chiến tranh tới mọi thái ấp trong nước, hẹn với các vương sớm sửa về kinh để sáng mốt họp với Quan gia bàn kế chống giặc, các hầu năm trọng trách quân quyền cũng mời luôn thể, còn các hầu khác thì dặn chấn chỉnh đội ngũ, mài gươm sửa giáo cho tốt rồi chờ ta gửi lệnh điều binh. Riêng người đích thân đến phủ đệ của Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc giao tận tay cho vương phong thư này và cố thuyết phục ông ta vào triều họp bàn.

Hòa bước lên nhận thư, khẽ đáp “Tiểu nhân sẽ nỗ lực làm tròn nhiệm vụ”. Hưng Đạo nói nhỏ với Hòa “Người dẫn người truyền tin báo với các tiểu vương nhà ta thu xếp mai qua Vạn Kiếp để chia tay với thân mẫu rồi cùng ta lại kinh”.

Vương truyền tiếp:

– Tùy tướng Nguyễn Địa Lô nghe lệnh.

Địa Lô bước ra giữa sảnh, khoanh tay đáp “Tiểu nhân sẵn sàng”.
Vương giao việc:

– Người chia người cấp báo tình hình cho các vệ quân, yêu cầu triệu hồi tướng sĩ về trại đầy đủ, tăng cường vũ khí và lương thảo, án binh chờ ta điều động.

Ngài ra lệnh cho Yết Kiêu “sửa sang thuyền bè, trực chiến ngày đêm, tăng cường tuần tiễu trên sông từ thái ấp đến tận cửa biển”. Các tì tướng và tả hữu khác đều được giao nhiệm vụ; người chỉ huy tháo dỡ và chôn giấu các đồ vật quý giá trong tư dinh; người đốc thúc vận chuyển lương thực lên núi cất giấu; người chỉnh trang quân ngũ và khí giới; người chuẩn bị phương tiện và nơi chốn để khi có lệnh sẽ tiến hành di tản phụ nữ, người già và trẻ em trong điền trang vào núi lánh nạn.

Sau khi giao phó nhiệm vụ cho các thuộc hạ, Đại Vương lại truyền lệnh:

– Canh thìn sáng mai, ngoài những người thi hành công vụ, tập hợp tất cả gia binh theo đội ngũ trước An Quốc Đường để tiễn biệt tử sĩ và nhận huấn thị. Bây giờ các người khẩn trương vào việc của mình.

Mọi người cùng chấp tay bái biệt Đại Vương rồi nhanh chóng rời đại sảnh. Trong lán trại, các chiến binh lạng lẽ khoác áo tươi mà lầm lũi lên đường làm phận sự bất kể ngoài trời đang mưa cùng với những cơn gió thổi

như roi quất rất mặt người. Giữa đêm tối mù mịt ở cái vùng bán sơn địa vắng lặng, hàng trăm bó đuốc bập bùng theo các chàng kỵ sĩ phi nước đại tỏa đi muôn hướng mang dáng dấp của một ngày đặc biệt: ngày khởi động cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của quân dân Đại Việt sau hai mươi bảy năm đất nước thái bình an lạc, cho dù lũ xâm lược Nguyên Mông chưa tràn qua biên giới.

Điều động xong bày tôi, lúc ấy Hưng Đạo Vương mới quay sang đám môn khách mà thổ lộ tâm tư bằng giọng trầm buồn:

– Bấy lâu ta với các bằng hữu vẫn ăn cùng mâm, đàm đạo cùng chiếu, ngạt nổi thế nước lâm nguy, vận mệnh sơn hà ngàn cân treo sợi tóc, từ nay chẳng biết có được ngày nào anh em ta lại ngồi bên nhau uống chung một nậm rượu? Cuộc chiến sắp tới chắc chắn rất tang thương, nên ta không thể chu toàn sinh mệnh của mọi người. Vì vậy ai cần về nhà thu xếp cho mẹ già con thơ thì ta đành gạt nước mắt mà tiễn biệt. Sớm mai phu nhân sẽ cấp cho các vị lộ phí đi đường. Còn vị nào muốn ở lại dẫn thân cùng ta vào cuộc chiến phò vua giữ nước thì Quốc Tuấn này hết lòng cảm kích mà nguyện cùng sống chết với huynh đệ giữa chốn sa trường.

Các môn khách bùi ngùi cảm xúc trước ngã rẽ bất ngờ trong cuộc đời vốn dĩ đang yên lành của kẻ sĩ nường thân đợi thời dưới bóng Đại Vương. Tâm can bị giằng xé, họ ngơ ngác nhìn nhau mà phân vân không dám quyết nên đi hay ở. Bỏ đi thì không đành, lại có phần hổ thẹn trước thịnh tình đối đãi của gia chủ lâu nay. Ở lại cũng cam go, dũng khí tuy có đôi chút nhưng thân phận thừa văn thiếu võ lấy bề nào kham nổi việc binh đao?

Hưng Đạo nhìn thấu lòng người, ngài nhẹ nhàng khích lệ:

– Đừng ngại ngần gì, chiến tranh sắp ập đến, ai cũng có quê nhà và gia đình để lo toan. Các bằng hữu hãy về định xá thu xếp hành lý để mai còn

lên đường. Khi nào tàn cuộc chiến, cánh cửa điền trang lại rộng mở đón tiếp anh em về đây vui vầy với ta.

Có sáu người nhỏ lệ bái biệt Đại Vương ra đi, chín người khăng khăng ở lại cùng đồng cam cộng khổ với thống lĩnh quân đội trong cuộc chiến ngày mai. Hưng Đạo mừng thầm, một người mà ngài rất muốn ở lại đã nhất quyết không ra đi.

Đại Vương sai gia nhân dâng trà mời mọi người. Họ ngồi quanh án thư bàn bạc chính sự.

Vương tử bày tâm trạng:

– Thật đáng mừng khi số đông huynh đệ ở lại cùng ta trong lúc dầu sôi lửa bỏng như thế này. Các vị đã tạm quên việc nhà mà ngồi đây toan tính việc nước thì lẽ nào Quốc Tuấn không coi mọi người là mưu sĩ của mình? Nay cần tiến hành một việc hệ trọng, Thì Kiến có thể đảm đương việc này, chẳng hay để có sẵn sàng công du một chuyến xa xôi cách trở?

Trần Thì Kiến bấy giờ đang độ tuổi thanh xuân, tuấn tú và tráng kiện, lanh lợi và túc trí, lại giỏi ăn nói nên được Đại Vương đối xử như con cháu trong nhà. Chàng quả quyết đáp lời:

– Đại Vương cứ giao phó. Được ngài tin tưởng giao việc là niềm vinh dự lớn lao, Thì Kiến có sá gì thân này.

Hưng Đạo mừng rỡ, dặn dò cụ thể:

– Đệ cùng bốn vệ sĩ phóng ngựa xuyên đêm về kinh, đến tư gia Học sĩ Đinh Cung Viên giao cho ngài lá thư này. Dặn ngài cấp báo với hoàng thượng và đề nghị người cử sứ sang Nguyên ngay trong ngày. Nếu Quan gia thuận thì đệ tháp tùng sứ đi Bắc, không đến Đại Đô mà đến hành khiển Kinh Hồ. Thoát Hoan nắm quyền sinh sát trong cuộc chinh chiến nước Nam, đến đó thương lượng với y là được. Trên đường đi truyền đạt với sự

chú ý của ta: không mang thông điệp đầu hàng hay chấp nhận mọi điều kiện của giặc, mà gắng trì hoãn ngày chúng động binh, kể cả việc úp mở về khả năng ta sẽ nhượng bộ để giặc lầm tưởng Đại Việt run sợ đang tính chuyện tiếp rước quan quân thiên triều vào cai trị. Làm cách nào cũng được, miễn sao kéo dài thời hạn xuất quân của giặc. Phải tận dụng từng giờ từng khắc kéo hồng việc.

Kiến sốt sắng tạ từ, khẩn trương lên đường làm nhiệm vụ. Vương tiến ra cửa, còn dặn dò thêm “Vất vả cho đệ lắm. Nhớ tranh thủ nghỉ ngơi khi Học sĩ vào triều. Ta tin tưởng để đi chuyến này sẽ được việc”. Thì Kiến đáp “Tiểu đệ quyết không phụ lòng tin của Đại Vương”.

Ngài quay vào án thư, đề nghị các môn khách hiến kế chống giặc. Phạm Lâm cho rằng “Cần lập phòng tuyến đông bắc”. Hưng Đạo nói “Điều này ta cũng đã nghĩ tới”. Ngô Sĩ Thường có ý kiến “Nên sớm tính kế hoạch di tản khỏi Thăng Long, đề phòng giặc công phá bằng cự thạch pháo”. Vương vỗ tay tâm đắc “Đúng ý ta. Phải biết né tránh sức mạnh của chúng, kéo sau cuộc chiến kinh sư chỉ còn là một đồng gạch vụn”.

Đã sang canh tỵ, trời đêm càng buốt giá khiến các môn khách ngồi thu mình co ro trên ghế, Hưng Đạo yêu cầu mọi người về nghỉ, mai có nhiều việc phải làm. Môn khách ra về, giữa sảnh đường trống rỗng chỉ còn lại một chủ một tớ. Thấy Đại Vương cứ cầm cúi viết mà chẳng sai khiến gì mình, Dã Tượng cố tình đặng hăng mấy lần mà dường như không thể kéo ngài ra khỏi dòng suy tưởng. Vương biết ý bèn giả vờ hỏi:

– Sao người chưa về, còn đứng đấy làm gì?

Dã Tượng mặt buồn so, đáp:

– Ai cũng được ngài giao việc, còn tiểu nô chưa được giao nên vẫn đứng đây chờ lệnh.

Vương làm bộ ngạc nhiên:

– Thế à. Vậy mà ta cứ nghĩ đã dặn người ngày mai tháp tùng ta lại kinh rồi.

Dã Tượng hồ hởi ra mặt, bái tạ chủ nhân ra về.

Nô bộc vừa đi thì Thiên Thành phu nhân từ sau nhà bước ra. Bà đến ngồi bên cạnh chồng mà không nói năng gì, đôi mắt u hoài nhìn băng quơ quanh nhà. Hưng Đạo hỏi vợ:

– Giờ này phu nhân chưa ngủ sao?

Bà chẳng trả lời chồng mà lại hỏi:

– Không có cách nào hòa hoãn à?

Vương ngẩng mặt nhìn trùng trùng tấm hoành phi đại tự “An Quốc Đường” treo trên đầu, mà rằng:

– Hòa hoãn gần ba mươi năm rồi còn gì. Kẻ bị o ép không thể cam tâm nhịn nhục hơn nữa, kẻ đi bắt nạt không thể kìm nén dục vọng tham tàn lâu hơn, tất yếu phải chiến tranh thôi. Thời buổi quốc thái dân an chẳng còn, muốn có lại thì phải đánh cho tan ảo mộng đô hộ nước Nam của lũ Mông Thát.

Thấy Thiên Thành phu nhân mặt mày ỉu xiu, Vương hiểu lòng bà đang lo nghĩ điều gì nên ngài cố tình chuyển hướng an ủi lệch trọng tâm:

– Ta đã sắp đặt hết rồi, nếu tình hình nguy cấp thì bọn tôi tớ sẽ đưa bà tới nơi an toàn. Kim ngân, vật dụng quý giá cũng sẽ cho chôn giấu hết.

Phu nhân nhìn chồng thở dài:

– Tôi thì nói làm gì, tiền bạc là vật ngoài thân, tôi cũng không thiết. Chồng và các con đều làm tướng triều đình, nay mai tất cả phải ra trận, làm vợ làm mẹ ai mà bình thản cho được. Tôi chẳng muốn phô cái mặt râu rĩ để

khiến vương mũi lòng đau, nhưng phải chi ngài hiểu bụng vợ mà kêu ba thằng tiểu tử về thăm mẹ trước lúc xuất chinh thì tôi mãn nguyện lắm.

– Mai chúng nó sẽ về thăm bà. Như vậy bà an lòng rồi chứ? – Vương nghĩ thầm trong bụng: “Đáng buồn thay, đàn bà là kẻ khổ tâm nhất trong cuộc chiến, họ mòn mỏi trông con đợi chồng có khi suốt cả cuộc đời.”

Phu nhân đã tươi tỉnh hơn, bấy giờ lại trở về với thói quen căn nhắc của nữ giới:

– Giờ thì ông đi ngủ được rồi đấy. Cứ thức khuya như vậy thì lấy đâu tinh thần sáng suốt để điều binh khiển tướng.

Vương đành bỏ dở bài huấn thị tướng sĩ đang viết, cầm theo tờ bản thảo lặng lẽ vào thư phòng. Những hôm công việc bận rộn, ngài đều ngủ lại ở nơi chốn riêng. Bà cũng về phòng mình, không làm phiền ông nữa.

Nằm trần trọc mãi rồi thiếp trong cơn mộng mị, thế mà lòng lại ngập tràn đau xót trước viễn tượng ngoại xâm giày xéo quê cha đất tổ, chém giết đồng bào, đốt phá làng mạc, Vương giật mình tỉnh giấc, trên má nhòa lệ nóng, chiếc gối kê ướt đầm nước mắt, ngài bật dậy, ngồi nhìn trân trân ngọn đèn leo lét trên bàn. Trống điểm canh năm, trời còn tối mịt, nhưng lòng không yên ổn thì làm sao ngủ cho được, ngài quay ra bàn cầm bút viết tiếp bản huấn thị tướng sĩ. Lửa hận bốc ngùn ngụt tâm can, thôi thúc Vương thảo những dòng chữ căm hờn lên trang giấy.

“Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa, chỉ căm giận chưa được xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, nghìn thầy này gói trong da

ngựa, ta cũng cam lòng. Dư thường lâm xan vong thực, trung dạ phủ chấm. Thế tứ giao di, tâm phúc như đảo. Thường dĩ vị năng thực nhục tẩm bì, như can âm huyết vi hận dã. Tuy dư chi bách thân, cao ư thảo dã. Dư chi thiên thi, khóa ư mã cách, diệc nguyện vi chi.”

Ngài viết một mạch kín ba tờ giấy, những con chữ chứa chan tình người, lòng trung nghĩa, đức hy sinh và những lời khuyên răn kẻ dưới quyền vừa nhẹ nhàng bao dung, vừa cụ thể và thực tế; những con chữ chất ngất bi thương và uất hận trước tham vọng tàn bạo của những kẻ chuyên đi bắt nạt người khác, cậy quân mạnh tướng hùng mà hiếp đáp các dân tộc nhỏ yếu; những con chữ hội tụ dũng khí kiên cường bất khuất của quân dân Đại Việt không cam tâm khom lưng quỳ gối làm tôi đòi cho ngoại bang, sẵn sàng cầm vũ khí, chấp nhận đổ máu hy sinh để giữ vững cơ đồ xã tắc và nền móng tự chủ của nước nhà.

Nhìn ra ngoài, trời đã chạng vạng, ánh bình minh không qua nổi mây mù dày đặc nhưng cũng đủ hắt qua khe cửa hẹp một chút ánh sáng nhỏ nhoi. Cảm nhận những ngày u ám còn dài, bất chợt Vương lấy thanh bảo kiếm treo trên vách, rút gươm khỏi vỏ, chĩa ra phía cửa rồi gầm lên dữ dội:

– Ta thề với lòng mình sẽ thống lĩnh quân dân nước Nam đập cho tan tành bóng đen hắc ám ngoài kia, để ánh trời lại chiếu rọi huy hoàng trên non sông này.

Tim óc như được khai sáng, quyết sách chống giặc hiện rõ mồn một trong đầu, Vương lẩm nhẩm từng câu từng chữ sao cho dễ nhớ, dễ hiểu. Ngày mai, trước toàn thể quân thần, ngài sẽ trình bày chủ ý của mình, hy vọng rằng sẽ được số đông ủng hộ. Lòng đã thanh thản hơn nhiều, Vương mở cửa bước ra hàng hiên, lặng lẽ nhìn các gia binh đang tất bật dựng cờ, kê bục để chuẩn bị cho lễ khai quân.

Trời âm u rét mướt lại thêm lất phất mưa phùn làm cho khung cảnh buổi sớm ở thái ấp Vạn Kiếp muôn phần ảm đạm. Lá đại kỳ Quốc Công Tiết chế màu đỏ trên ngọn đài cao ở góc sân cứ rủ xuống vì nước mưa cũng đủ khiến lòng người se sắt lại. Nhưng chẳng vì thế mà không khí buổi lễ kém phần long trọng.

Gần hai ngàn gia binh tề tựu trên sân gạch rộng lớn của An Quốc Đường, mỗi đội ngũ một màu sắc phục theo hàng lối chỉnh tề cùng với đủ loại binh khí đánh trận. Phụ nữ, người già và trẻ em từ các gia đình tá điền kéo đến đông đảo bên rìa khoảnh sân. Chồng, con và cha của họ đang đứng trong kia, góp mặt trong đội quân vệ quốc dưới trướng vị Đại Vương kiệt xuất. Các tì tướng mặc giáp trận dàn ngang trên hàng đầu. Phía trước họ là chiếc ghế dài dành cho mẹ, vợ và con trai của Đào Thế Quang. Thị Hương mặc áo tang trắng ngồi chờ bà mẹ già đau yếu đã hoàn toàn suy sụp từ lúc nhận hung tin về đứa con độc nhất. Cậu bé Thái Bình đầu chít khăn tang ngơ ngác nhìn quanh mà không hiểu vì sao người ta lại tụ tập đông đúc thế? Chiếc bàn thờ đơn giản ở giữa sân đặt linh vị đề tên hai chiến binh tử trận trên biên giới; một bát hương nghi ngút khói nồng, mấy nhành hoa đại trầm mặc trong chiếc bình gốm xanh và đĩa cam vàng đọng nước mưa ướt lạnh.

Đúng giờ thìn, Đại Vương từ sảnh đường bước ra. Ngài mặc võ phục màu tía, đầu đội mũ chóp có ngù, hông đeo bảo kiếm, bên ngoài khoác tấm choàng nâu đỏ. Đi bên cạnh là Thiên Thành phu nhân. Thập tùng phía sau có Yết Kiêu, Dã Tượng và các môn khách trong nhà.

Nhìn thấy gia đình của Thế Quang, ngài và phu nhân tiến đến. Bà mẹ

định vái chào, Vương cản lại, ngài nói:

– Lão bà không cần đa lễ. Ta thành thật chia sẻ đau thương về sự mất mát này. Đào Thế Quang không chỉ là hiếu tử của bà, tôi trung của ta, còn xứng danh một tráng sĩ vì nước bỏ mình trong cuộc chiến chống giặc phương Bắc. Sử sách sẽ không quên tên con trai của bà.

Người mẹ già xúc động chẳng thốt nên lời, dùng bàn tay run rẩy quệt nước mắt rồi gật đầu biểu thị lòng cảm tạ ơn nghĩa của Đại Vương.

Ngài lại quay sang Thị Hương, bảo rằng:

– Người hãy nén buồn thương để nuôi dạy thằng bé nên người. Nếu có khó khăn gì thì trình bày với phu nhân.

Thiên Thành phu nhân cũng lựa lời an ủi từ nữ cũ:

– Con còn mẹ già và con nhỏ, cuộc sống của họ trông cậy vào con cả. Chiến tranh đã gần kề, sẽ còn nhiều gian nan, con phải vững vàng lên.

Thị Hương sụp lạy vợ chồng Đại Vương, đáp tạ trong nước mắt giàn giụa:

– Chúng con đội ơn người và phu nhân.

Hưng Đạo đến bên bàn thờ, thắp thêm một cây hương cho nghĩa sĩ trận vong. Toàn quân chấp tay cúi đầu mặc tưởng đồng đội hy sinh. Đại Vương hướng tới hàng quân, nói lớn:

– Tướng sĩ phủ đệ Vạn Kiếp nghiêng mình đưa tiễn vọng linh Đào Thế Quang và Đỗ Thành, những chiến binh dũng cảm đã xả thân vì sự tồn vong của vương triều Đông A và giang sơn Đại Việt. Hôm nay không có mặt thân nhân Đỗ Thành nhưng lòng ta vẫn tri ân họ, những bậc cha mẹ đã sinh ra một con người trung nghĩa.

Mưa nặng hạt. Phu nhân bảo gia đình Thế Quang theo bà vào sảnh

đường. Hưng Đạo quay lên bục gỗ dưới mái hiên rồi lệnh cho quân hiệu dong ba hồi trống cái. Tiếng trống vừa dứt, đã thấy đám tôi tớ khiêng ra tấm đại tự An Quốc Đường vốn được treo giữa sảnh nhiều năm, rồi chuyển tay cho các môn khách đứng hàng ngang phía sau Vương. Bức hoành phi được môn khách nâng lên cao, lại hạ xuống và quay mặt chữ vào trong. Bấy giờ Hưng Đạo đồng dục tuyên bố trước đội ngũ:

– Tướng sĩ Vạn Kiếp nghe đây. Ta đã cho hạ tấm biển An Quốc Đường xuống. Kể từ giờ Sông núi chẳng còn bình yên, niềm vui non nước an hòa đành phải gác lại để nuôi dưỡng ý chí đánh tan lũ giặc đang lăm le tràn vào bờ cõi. Quân Nguyên sắp kéo sang, chiến tranh ở ngay trước cửa, ta tuyên bố cuộc chiến bắt đầu. Từ đêm qua, hàng trăm đồng đội của các người đã vượt muôn trùng mưa gió mà tỏa đi khắp nơi để thông báo tin giặc động binh. Hãy vì Đông A mà cầm chắc khí giới, hãy vì nước Nam mà liều thân đánh đuổi ngoại xâm. Các người có quyết tâm cùng ta chẳng?

Hàng ngàn tiếng hô vang dội đất trời “Chúng tôi quyết tâm cùng Đại Vương phò vua đánh giặc cứu nước”. Trống lại nổi lên từng hồi giục giã hòa chung tiếng hò reo cổ vũ chồng con của đám đồng lương dân đứng ngồi nhấp nhô bên ngoài. Chờ sự huyền náo lắng xuống, Vương ban huấn thị:

– Nay có lời phủ dụ tướng sĩ, các người hãy lắng nghe rồi truyền thông điệp của ta tới những người còn khả năng cầm vũ khí, để sao cho tướng Đông A thêm mạnh tinh thần, để sao cho quân nước Nam thêm bền ý chí, để sao cho những ai còn mê muội vui thú đời thường lại chẳng màng nổi nhục phiên thuộc sẽ sớm tỉnh ngộ mà rèn gươm luyện giáo cho giỏi rồi theo ta đánh giặc phen này.

Hưng Đạo ngừng lời, giơ tay làm hiệu. Một tên lính hầu mang tới cuộn giấy, ngài mở ra rồi cất giọng trầm hùng đọc lớn.

– Ta thường nghe: Kỷ Tín đem mình chết thay, cứu thoát cho Cao Đế, Do Vu chìa lưng chịu giáo, che chở cho Chiêu Vương; Dư Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ; Thân Khoát chặt tay để cứu nạn cho nước...Dư thường văn chi: Kỷ Tín dĩ thân đại tử nhi thoát Cao Đế; Do Vu dĩ bồi thụ qua nhi tế Chiêu Vương. Dư Nhượng thon thân nhi phục chủ thù; Thân Khoái đoạn tí nhi phó quốc nạn...

Ta cùng các người sinh ra phải thời loạn lạc, lớn lên gặp buổi gian nan. Trông thấy sứ giặc đi lại nghênh ngang ngoài đường, uốn lưỡi cú diều mà sỉ mắng triều đình; đem thân dê chó mà bắt nạt tể phụ. Cậy thế Hốt Tất Liệt để buộc đời ngọc lụa; giả hiệu Vân Nam Vương để vơ vét bạc vàng; của kho có hạn, lòng tham không cùng. Thật khác nào đem thịt mà nuôi hổ đói, tránh sao cho khỏi tai họa về sau. Huống dư dữ nhữ đẳng, Sinh ư nhiều nường chi thụ; Trưởng ư gian nan chi tế. Thiết kiến nguy sứ vãng lai, đạo đồ bàng ngọ. Trao hào ô chi thốn thiết nhi lãng nhục triều đình; ủy khuyến dương chi xích khu nhi cứ ngạo tể phụ. Thác Hốt Tất Liệt chi lệnh nhi sách ngọc bạch, dĩ sự vô dĩ chi tru cầu; giả Vân Nam Vương chi hiệu nhi khu kim ngân, dĩ kiệt hữu hạn chế thắng hổ. Thí do dĩ nhục đầu nổi hổ, ninh năng miễn di hậu hoạn dã tai.

Lời hùng hồn như thác lũ hét gào, giọng bị thiết tựa lệ buồn xa xót, có những chữ oán cừu chất ngất muốn thiêu đốt tan tành cả khối hờn căm, có những câu thương tổn đăm đăm muốn cắt bỏ đứt lìa mẫu thịt ung thối, từ minh triết sáng bừng nhật nguyệt soi thấu tinh thần, ý cảm hóa dạt dào sông biển ngấm vào tâm trí... Từng câu chữ của Đại Vương được neo giữ trong tim óc làm lay động phần hồn của lớp lớp tráng sĩ Vạn Kiếp và thân nhân của họ. Rồi ngài đọc đến đoạn hịch văn:

“Giặc Mông Thát với ta là kẻ thù không đội trời chung, nếu các người

cứ điềm nhiên không muốn ra nhục, không lo trừ hung, không dạy quân sĩ, chẳng khác nào quay mũi giáo mà xin đầu hàng, giơ tay không mà chịu thua giặc. Nếu vậy, rồi đây, sau khi dẹp yên quân địch, để thẹn muôn đời, há còn mặt mũi nào đứng trong cõi trời đất này nữa?Mông Thát nãi bắt công đại thiên chi thù; nhữ đẳng ký điềm nhiên, bất dĩ tuyết sỉ vị niệm, bất dĩ trừ hung vi tâm; nhi hậu bất giáo sĩ tốt, thị đảo qua nghênh hàng, không quyền thụ địch; Sử bình lỗ chi hậu, vạn thế di tu, Thượng hữu hà diện mục lập ư thiên địa phú tái chi gian da?”

Như trùng dương cuộn sóng, ngàn người chung một ý chí, cùng đồng thanh hô vang “Mông Thát nãi bắt công đại thiên chi thù. Sát Thát! Sát Thát!”. Trong khí thế sục sôi náo nhiệt, chẳng ai để ý trời đã tạnh mưa từ lâu, mây đã mỏng đi nhiều đủ cho mấy tia nắng hắt vàng xuống mặt đất. Lá cờ lớn được hong khô, tung bay phấp phật trong gió đông.

Từ ngoài cổng xuất hiện một đội kỵ binh, mọi người nhìn ra biết đây là Hưng Vũ Vương Trần Quốc Nghiễn, con trai cả của Hưng Đạo Đại Vương. Nghiễn cùng mười tùy tùng trở về Vạn Kiếp theo lệnh triệu hồi của cha. Phụ tử đang chào hỏi nhau thì lại thấy một tốp kỵ mã phi tới. Đó là Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng, người con trai thứ hai của Vương. Chốc lát lại thấy một toán khác xuất hiện. Người cưỡi ngựa đi đầu là Hưng Trí Vương Trần Quốc Hiện, con trai thứ ba của Vương. “Hổ phụ sinh hổ tử”, các con của Hưng Đạo đều tài giỏi và trí dũng hơn người, trong cuộc chiến nay mai, bậc làm cha như Tiết chế hơn bao giờ hết rất cần ba người con kề vai sát cánh với mình chống giặc phương Bắc.

Nghe gia nhân báo tin các con đã trở về, Thiên Thành phu nhân mừng rỡ khôn xiết, vội ra sảnh đón con. Đại Vương ý nhị đi lo công việc, để mấy mẹ con thoải mái trò chuyện. Trong niềm vui ẩn hiện nỗi buồn, phu nhân cố

nén cảm xúc mà dặn dò hiếu tử:

Các con nỗ lực cùng cha dẹp yên cuộc tao loạn này. Mẹ chẳng mong ước gì hơn ngoài việc đưa nào cũng trở về toàn vẹn. Được như vậy mẹ sẽ vui sống đến tuổi già.

Anh con cả Quốc Nghiễn thay mặt các em đáp tạ:

– Chúng con ghi nhớ lời dặn dò của mẹ. Mong mẹ yên lòng mà giữ gìn sức khỏe.

Nửa canh giờ sau Đại Vương bước vào cười nói như không:

– Bốn mẹ con hàn huyên thỏa thích rồi chứ? Bây giờ đã quá Ngọ, bà sai gia nhân dọn bữa để cha con tôi ăn uống rồi còn lên đường cho kịp.

Phạm Thái tỉnh lại bởi tiếng huyên náo bên ngoài vọng vào trại binh. Nhìn quanh chẳng có ai trong nhà, nhưng chàng biết chắc mình vẫn nằm trên chiếc giường quen thuộc. Khu trại cách phủ đệ Vạn Kiếp nửa dặm, với nhiều dãy nhà ngang xây tường gạch, lợp mái lá dùng làm nơi ăn ở của đội ngũ gia binh trong thái ấp. Nhiều năm trước, khi được bổ sung vào lực lượng bảo vệ Hưng Đạo Vương, chàng đã ở trong chính căn phòng này cùng với chín đồng đội khác. Nhìn cơ thể vận bộ y phục mới, sờ túi cặp quần chẳng thấy kỷ vật của Đỗ Thành, trên ngực cũng không còn chiếc nanh hộ mệnh của cụ Tào tằng, Thái gượng ngồi dậy, hoảng hốt kêu lên:

– Có ai không?

Từ ngoài cửa một nữ nhân chạy vào, tươi cười nói với Thái:

– Huynh tỉnh rồi à, còn đau không?

Lúc ấy Thái mới chợt nhớ này giờ cử động nhiều nhưng không còn đau đớn như trước, có lẽ vết thương đang lành. Chàng hỏi:

– Cô là ai, sao lại ở đây?

Người con gái trả lời:

– Muội là thị nữ trong phủ, được Đại Vương cử đến chăm sóc cho huynh mấy ngày rồi. Ngày nào cũng phải đắp thuốc, băng bó và đút cháo cho huynh, cực lắm đấy.

– Đa tạ. Nhưng ai thay... thay... y phục...

– Cái đấy là việc của đàn ông. – Cô gái vừa nói vừa cười – Muội chẳng thấy gì cả.

Phạm Thái hơi đỏ mặt, chàng chữa ngượng:

– Tôi chỉ hỏi để biết mấy món đồ...

– Không mất đâu. Họ đưa cho muội giữ. Biết là vật quý, muội cất trong tủ kia kìa.

Nói rồi, cô đến mở chiếc tủ gỗ cũ kỹ trên đầu giường lấy ra hai món kỷ vật giao lại cho Phạm Thái. Miếng ngọc bội vẫn còn nguyên vẹn, riêng chiếc nanh lợn lòi có một vết cắt sâu hóm. Chợt nhớ trong trận chiến trên bờ sông Nậm Thí, chàng bị một nhát kiếm chém ngang ngực nhưng không để lại thương tích đáng kể, thì ra chiếc nanh đã hứng nhát chém hộ mình. Thái ngồi thờ mặt, tay mân mê bảo bối cứu mạng mà lòng thì ngậm ngùi thương nhớ ông cháu Thanh Khê bây giờ chẳng biết ra sao ở chốn núi rừng heo lánh?

– Huynh có sao không?

Thái ngược nhìn thiếu nữ, nói khẽ “Không sao” rồi hỏi lại:

– Ngoài kia có chuyện gì mà náo nhiệt thế?

Cô gái trả lời:

– Mọi người đang thích chữ “Sát Thát”¹⁰ lên cánh tay, ai cũng thích cả nên bốn, năm ngày nay làm hoài vẫn không hết người.

“Thì ra mình mê man nhiều ngày rồi”, bụng nghĩ thầm còn ánh mắt sáng rỡ lên, Thái hào hứng bảo:

– Tôi muốn ra ngoài kia, nhờ cô đỡ một tay.

Cô gái có vẻ chần chừ, nhưng thấy bộ mặt sốt sắng quá, đành miễn cưỡng dìu gã trai ra cửa.

Ở ngoài sân, bên trong mấy túp lều vải dùng làm nơi nghỉ ngơi khi luyện võ, mọi người tùm nập tụm bảy từng nhóm đang thích chữ cho nhau. Những tay áo vén cao, những vai trần hở bắp, người chưa xăm thì nôn nóng chờ đến lượt, kẻ xăm rồi thì hớn hờ xuýt xoa, họ cười nói vô tư và bình phẩm vui vẻ. Mực mài trên đĩa, đầu kim quần vải thấm đẫm mực đen rồi đâm vào nét chữ được viết sẵn trên cánh tay, bắp tay hoặc bờ vai tùy theo ý muốn của mỗi người. Máu tứa ra chỗ kim đâm vào da, sắc đỏ hòa với sắc đen lợn cợn, cảm giác đau nhói chẳng là gì đối với những con người cùng chung lời thề giết sạch lũ Mông Thát. Tráng chí Đại Việt thấm vào máu đỏ một lần và vĩnh viễn ở mãi trên da thịt nam nhi như dấu khắc của thời đại anh hùng, thời đại quyết sống mái với kẻ thù phương Bắc.

Thấy Phạm Thái được thiếu nữ dìu một bên đang dò dẫm tiến lại, các đồng đội hồ hởi đón chào. Mọi người vui mừng khi chàng đã hồi phục phần nào, ai cũng vỗ về, ai cũng hỏi han, quân ngũ là gia đình, chiến hữu như ruột thịt, Thái cảm động đến ứa nước mắt. Lúc chàng đề nghị được thích chữ, các huynh đệ can “Hai tay vẫn còn băng bó, chờ lành hẳn đã”. Thái đặt tay lên ngực trái, bảo “Thích ở đây”.

Lại một lần Phạm Thái đổ huyết. Máu trộn mực kết sắt son của lòng

tận trung báo quốc, máu nguyên rửa hận cho huynh đệ bỏ mình trước cửa ngõ giang sơn. Kể từ đấy, ý chí “Sát Thát” đập chung nhịp với trái tim trong lồng ngực chàng trai đến trọn đời.

Chiều hôm ấy, Thái nhờ đồng đội dìu đến nhà Đào Thế Quang. Chàng thấp hương trên bàn thờ huynh trưởng mà khẩn thẳm “Mong đại ca hãy an nghỉ, gia đình của huynh đã có đệ và các anh em bao bọc”, rồi đến quỳ trước mẹ Thế Quang, khấu đầu nước nỡ:

Con giữ được mạng này cũng nhờ có Quang huynh và Thành huynh can bước giặc. Họ đã không thể trở về khiến lòng con đau xót vô kể mà thấy mình có lỗi với ruột thịt của các huynh. Mẹ và chị cứ trách mắng cho nhẹ lòng, con đáng bị như vậy lắm.

Lão bà xua tay, miệng thì lẩm bầm “Con không có lỗi. Không được trách mắng con”. Thị Hương vội đỡ Phạm Thái dậy, kìm nén cảm xúc để nói ra lời:

– Hai anh quyết tử giúp em toàn mạng trở về cấp báo hung tin là lẽ thường tình của huynh đệ quân ngũ. Em đừng tự dẫn vạt mình nữa, hãy chữa lành thương tích thì mới có thể ra trận trả thù cho các anh.

Từ biệt gia đình huynh trưởng, lòng Phạm Thái đã nhẹ đôi chút, nhưng vẫn canh cánh nỗi niềm về một nơi phải đến trước khi chiến tranh bùng nổ. Chàng chỉ cầu mong sớm bình phục để có thể xin phép thượng cấp lên đường đến Thăng Long mà tạ lỗi với cha mẹ của Đỗ Thành và hôn thê của huynh ấy. Một ngày sau, Thái được cấp một khoản ngân phí, chàng gửi một nửa cho gia đình Thế Quang, nửa còn lại cất dành cho dịp biếu cho cha mẹ của Thành huynh.

Từ lúc bái biệt Hưng Đạo Vương lên đường, Trần Thì Kiến cùng bốn tráng sĩ đội mưa gió cưỡi ngựa thâu đêm, về đến kinh thành thì trời đã tang tảng sáng. Trong nhóm tháp tùng, có người biết tư gia Đình Cung Viên. Họ gõ cửa nhà Học sĩ khi gia nhân trong nhà còn chưa thức dậy. Hồi lâu sau có lão bộc ra mở cửa. Dụi cặp mắt ngái ngủ nhìn mấy con người mặt mũi bợt bạt, áo quần sưng nước, lão hỏi như quát:

– Có việc gì mà mới sáng sớm đã đập cửa ầm ả lên?

Thì Kiến lễ phép đáp:

– Thưa cụ, chúng tôi được Hưng Đạo Đại Vương sai đến gặp Học sĩ đại nhân báo tin khẩn cấp.

Nghe nói vậy, lão bộc bèn đổi giọng, mà rằng:

– Ôi giời, vậy mà tôi lại vô phép. Xin quý vị vào nhà đợi, tôi sẽ bẩm báo với đại nhân ngay.

Đưa khách vào nhà, chẳng kịp trà nước gì, lão lật đật đi gọi chủ nhân. Bấy giờ Hàn lâm học sĩ đã tỉnh giấc nhưng chưa rời khỏi giường, nghe gia nhân thông báo có người của Hưng Đạo Vương đến tìm về việc cấp bách, linh tính biết có chuyện dữ, ngài bèn bật dậy, vội vàng chỉnh trang áo xống ra tiếp khách.

Thì Kiến thi lễ và xưng danh rồi trao cho gia chủ phong thư của Đại Vương. Quan Hàn lâm học sĩ đọc thư mà mồ hôi toát đầy mặt, ngài bậm môi như cố nén cảm xúc căng thẳng để hỏi chàng trai:

– Hưng Đạo Vương còn dặn dò gì thêm không?

Thì Kiến trình bày về những điều Vương căn dặn. Cung Viên bảo:

– Cậu và tùy tùng theo lão bộc ra nhà sau tranh thủ tắm rửa nghỉ ngơi,

để chiều nay còn có sức mà lên đường. Hưng Đạo dặn ta đề nghị với hoàng thượng cử cậu làm tham mưu cho sứ bộ sang Nguyên. Bây giờ ta phải thượng triều gấp.

Chàng trai trẻ vô cùng kinh ngạc, nghĩ thầm trong bụng “Đại Vương xét người như thần, ngài đã xếp đặt đâu vào đấy, trước cả khi mình bộc lộ ý định ở lại với ngài. Dưới trướng người tài ba như thế thì có chết cũng xứng đáng”.

Chương 5

Vó ngựa miệt mài, Trần Phủ nhọc nhằn hoãn chiến

Miệng hùm nạt nộ, Thoát Hoan quyết liệt khai binh

Được thị thần bẩm báo có Hàn lâm viện học sĩ phụng chỉ Đình Cung Viên xin triều kiến, Nhân Tông hoàng đế đang dùng bữa sáng với Bảo Thánh hoàng hậu, liền hỏi:

– Có việc chi cần thiết mà Cung Viên đến quấy rầy vào lúc này?

Quan thị đáp:

– Tâu bệ hạ, thần chỉ được nghe Học sĩ nói phải thông báo với hoàng thượng tin tức khẩn cấp do Hưng Đạo Vương gửi đến.

Nhân Tông bèn buông đũa, mặt biến sắc mà tự thán “Giặc động binh rồi sao? Xả tắc lại một phen điều đứng sao?”. Hoàng hậu nghe vậy cũng bỏ dở bữa ăn, thần thờ nhìn vua rồi nói khẽ “Cha của thiếp báo tin gấp là tai họa rồi. Cầu trời Phật phù hộ cho bệ hạ thoát khỏi nạn này”. Nhà vua lật đặt lên điện. Bảo Thánh hoàng hậu cùng đám thị nữ hoảng hốt lui về hậu cung.

Đình Cung Viên đại vua ở chính điện, thấy ngài đi vào với bộ mặt căng thẳng, vội quỳ mọp khấu đầu bái kiến. Nhân Tông liền xua tay, bảo:

– Lễ vậy đủ rồi, có điều gì khẩn cấp thì nói ngay?

Cung Viên lồm cồm nhổm dậy, hốt hển nói:

– Khởi bẩm hoàng thượng, Hưng Đạo Vương sai người cấp báo: giặc Nguyên nhất quyết động binh, chúng huy động năm mươi vạn quân do Trấn Nam Vương Thoát Hoan thống lĩnh sẽ tràn sang vào tiết Đông chí nhằm

ngày mười lăm tháng mười một, tức hai sáu ngày nữa. Chúng sẽ đánh ta ở phía bắc và phía nam, đem cả cự thạch pháo để công phá Thăng Long. Tiết chế đã báo động toàn quân và mời các vương hầu, tướng lĩnh về kinh sư. Thái thượng hoàng cũng đang trên đường về. Thần khẩn cầu hoàng thượng sáng mai thiết triều để bàn kế cứu nước.

Nhân Tông thần thờ một hồi, rồi lại hỏi:

– Vậy vương có kế gì chưa?

Cung Viên đáp:

– Vương dự kiến trình quyết sách đánh giặc lên bệ hạ vào buổi chiều ngày mai. Nhưng ngài ấy xin hoàng thượng cử sứ sang Nguyên trong ngày hôm nay để tìm cách trì hoãn chiến tranh.

Nhân Tông thắc mắc:

– Chúng đã quyết đánh, ta sẽ quyết chống thì trì hoãn gì nữa? Hay là Hưng Đạo muốn nhân nhượng?

Cung Viên trình bày:

– Ý của vương không phải vậy, mà chỉ muốn tìm cách kéo lùi ngày giặc động binh, chậm ngày nào tốt ngày đó, quân ta sẽ có thêm thời gian để bài binh bố trận.

– Vậy theo người nên cử ai đi chuyến này?

– Khởi bẩm, nên cử Trung đại phu Trần Phủ làm chánh sứ, Thiếu Khanh Trần Quân làm phó sứ. Họ đều là bậc trung tín, tính tình mềm dịu, ăn nói khéo léo, ứng đối linh hoạt, còn trẻ khỏe nên có thể gánh vác trọng trách. Ngoài ra Hưng Đạo xin tiến cử môn khách của ngài là Trần Thì Kiến đảm nhiệm tham mưu cho sứ thần, mong hoàng thượng chuẩn tấu.

– Ta chấp thuận. Cho triệu hồi Trần Phủ và Trần Quân thượng triều

ngay.

Vua truyền lệnh dứt lời, đã thấy quan thị lon ton đến bên ngài nói khẽ:

– Bẩm, sau khi người giải quyết xong công việc, Bảo Thánh hoàng hậu xin được diện kiến.

Nhân Tông buồn bã nghĩ “Hậu cung có lẽ đang nóng ruột. Đoán già đoán non gì nữa, chiến tranh đang ở trước mắt, ngày một ngày hai giặc sẽ tràn ngập quan ải. Không biết sao đây, quân Thát động như thế lấy gì mà chống đỡ? Rồi ra xã tắc ly loạn, sinh linh lầm than, phận quần hồng yên thân sao được, từ hậu đến tì chắc một phen chìm nổi trong kiếp nạn”.

Chiều chưa xế bóng, đoàn sứ giả Đại Việt vội vã rời Thăng Long, nhắm hướng đông bắc mà tới. Chánh, phó sứ của triều đình mang theo năm hộ vệ. Trần Thì Kiến giữ lại ba tùy tùng, cho một người ở lại chờ Hưng Đạo Vương thượng kinh để báo cáo tình hình. Mười bốn con ngựa nhưng chỉ có mười một người, ba con dùng chở lễ vật và hành lý.

Được hôm thời tiết khô ráo và lặng gió nên đoàn người không gặp trở ngại gì đáng kể. Họ đến xứ Lạng thì trời đã tối mịt. Khi dừng chân tại ải Lộc Châu, các sứ dò xét tình hình, được quan trấn thủ Lê Đĩnh thông báo:

– Bên ải Tây Phong của Nguyên đã đóng cửa nhiều ngày, chúng tăng cường lực lượng và tuyệt đối không cho ai qua lại. Nghe tin giặc sắp tràn qua, binh lính cũng vài phần nao núng, đã có mấy đứa đào ngũ, nay chỉ còn hơn hai chục người. Quan trên xuống lệnh phải thiết lập trận địa mai phục ở hẻm Khâu Cấp Lĩnh để cản bước giặc, bản chức đã kết hợp với dân binh địa phương bố trí cung tên và đá hộc trên sườn núi. Nhưng khi giặc tràn qua,

với lực lượng nhỏ yếu thế này, khó lòng mà cầm giữ được vài canh giờ.

Trần Phủ trấn an:

– Ta phụng mệnh Quan gia sang Nguyên để trì hoãn chiến tranh. Kết quả ra sao chưa biết nhưng sẽ cố đẩy lùi ngày giặc kéo sang. Ông hãy tranh thủ thời gian mà làm thêm nhiều cung tên, vận chuyển thêm đá lên núi.

Lê Đĩnh đáp:

– Hy vọng các ngài đi chuyến này được việc. Giặc càng chậm sang thì chúng tôi chuẩn bị càng tốt, người dân cũng có thêm thời gian mà tìm chỗ lánh nạn và cất giấu lương thực. Chứ như mấy ngày vừa qua ở đây xáo động lắm, người ta hoảng sợ thật sự khi biết tin có tới mấy chục vạn quân Nguyên sẽ kéo sang. Hôm qua nghe nói có bản hơn trăm người đã bỏ lại nhà cửa, ruộng nương rồi lùa gia súc vào rừng lẩn trốn.

Ai cũng thấy lòng đeo đá, như mình có phần trách nhiệm để xảy ra tình cảnh ấy. Con đường trước mắt còn nhiều chông gai, thời gian hòa bình sắp cạn, thân mang trọng trách đi thuyết giặc nếu để chậm trễ thì cơn lốc binh đao sẽ cuốn phăng tất tậ. Mọi người đều rã rời, nhưng vẫn hồi hả lên đường. Họ phóng ngựa về phía quan ải của Nguyên rồi dừng lại cách Tây Phong một quãng, Trần Thì Kiến một mình cầm đuốc tiến đến gần cánh cổng đóng kín. Quân giặc trên ải quát tháo hỏi tên, hỏi việc. Kiến ở dưới nói to:

– Chúng tôi là sứ thần, theo lệnh của quốc vương nước Nam sang Nguyên có công vụ khẩn cấp.

Ở trên ải, một giọng ngạo nghễ vọng xuống:

– Nước ta và nước các người đã đoạn giao, chẳng có việc gì phải qua lại cả.

Thì Kiến nhã nhận đáp:

– Đây là việc hệ trọng, liên quan đến chuyện hòa hoãn, nếu hỏng việc mà dẫn tới xung đột thì chúng tôi sẽ mang tội với quốc vương còn các vị cũng phải mệt nhọc chuyện binh đao. Vậy có nên bế quan chăng?

Đám người Nguyên ở trên cao bàn tính một hồi rồi trả lời:

– Bây giờ đã muộn, dứt khoát cửa ải không mở trong đêm. Các người hãy lui về cách nửa dặm mà nghỉ ngơi. Bọn ta sẽ cấp báo với quan trên, nếu được chấp nhận thì sáng mai sẽ cho qua. Nhược bằng từ chối thì kẻ nào còn lại vắng gần quan ải sẽ bị tiêu diệt.

Chẳng còn cách nào khác, Thì Kiến đành quay ngựa thoái lui. Đoàn người dừng lều trên bãi đất trống nghỉ tạm. Tám tùy tùng chia nhau canh gác, mỗi ca túc trực hai người. Tranh thủ trước khi ngủ, bộ ba sứ thần bàn bạc về kế hoạch thuyết giặc. Trần Thì Kiến trình bày với chánh, phó sứ chủ ý của Hưng Đạo Vương về chuyển công vụ đặc biệt này.

Trung thị Đại phu Trần Phủ tuổi ngoài bốn mươi, mặt rỗ hoa, dáng người nhỏ nhắn, tính tình điềm đạm, thường thay vua soạn biểu chương, tấu sớ gửi Nguyên triều. Trần Quân tuổi ngoài ba mươi, khôi ngô tuấn tú, giỏi văn chương và lý số, vốn đỗ đầu thái học sinh năm Bảo Phù thứ ba được cử làm tri châu Lý Nhân, về sau thăng Thiếu khanh. Trần Phủ nói:

– Ý của Đại Vương, ta đã rõ. Nhưng làm sao khiến giặc lùi ngay động binh, nếu ta không tìm ra một lý do thuyết phục?

Thì Kiến đáp:

– Đối thủ của ta không phải Nguyên triều ở Đại Đô mà là Trấn Nam Vương và bọn Võ phu của hắn. Theo tiểu bối có lẽ nên dùng kế này...

Kiến trình bày mưu kế của mình với hai vị sứ thần. Trần Phủ nhận xét:

– Chước này có thể dùng được. Hoàng thượng đã dặn dò “Tìm mọi cách để níu chân giặc”. Hưng Đạo Vương cũng muốn ta khiến giặc tưởng bỏ mà chần chừ chinh phạt.

Trần Quân bấm đốt ngón tay rồi đề nghị:

– Theo ý hạ quan, chúng định khởi binh ngày Đông chí, ta cứ giả và không biết gì rồi biện giải như thế... như thế... cốt làm chúng nhụt chí mà trì hoãn tiến quân.

Quân giải thích cặn kẽ ý định của mình. Trần Phủ gật đầu hài lòng:

– Rất cao kiến. Hãy tạm thống nhất như vậy, mọi cái sẽ tùy cơ mà ứng biến.

Đến cuối giờ tị, cửa ải Tây Phong được mở để đoàn sứ giả Đại Việt trình công văn và làm chiếu khán nhập Nguyên. Được một tùy tùng thông thuộc địa hình dẫn đường, mọi người nhất trí bỏ bữa ăn trưa, hối hả phi ngựa vượt đèo núi, hẹn khi xẩm tối tìm chỗ dừng chân rồi ăn uống luôn thể.

Nhưng dự tính của họ không thuận lợi như mong muốn. Tại quan phòng Quế Khẩu cả đoàn bị ách lại dù đã trưng đầy đủ thông hành. Viên đội chỉ huy quan phòng hạch sách:

– Là phái bộ nhược quốc sang Đại Nguyên thì tất phải biết thủ tục đi đường. Mấy ngày trước có bọn An Nam qua đây cướp bóc đốt phá, chúng và các người cùng thờ một chủ, vậy các người phải thay chủ bồi hoàn cho bọn ta.

Thấy xa xa có một khu trại tan hoang đổ nát, gỗ gạch cháy nham nhở

đen ngòm cả một góc núi, mọi người nhìn bằng ánh mắt hể hả nhưng vẫn giả đồ nghi hoặc trước nguyên có “bắt vạ” của tên đội. Trần Phủ ôn tồn lý giải:

– Chúng tôi là phái bộ nước Nam sang Đại Nguyên giao hảo, mới đặt chân tới quý quốc chưa được một canh giờ thì làm sao mà biết được chuyện của mấy hôm trước. Thêm nữa, nếu đúng là người nước tôi đốt phá quan phòng thì cũng không thể bắt vua tôi bồi hoàn, vì đây là chuyện cá nhân, không phải chú ý của nhà vua.

Tên đội đuối lý, bèn giở giọng nói càn:

– Nếu không bồi hoàn thì nạp lệ phí qua quan phòng. Mấy người muốn được việc của mình thì ta cũng muốn được việc của ta. Kinh phí chưa được cấp, muốn làm cái nhà tạm cho binh lính cũng phải có ngân lượng.

Trần Quân thắc mắc:

– Tôi đã mấy lần theo sứ bộ sang quý quốc nhưng chưa lần nào phải nộp phí này, tại sao bây giờ phải nộp?

Tên đội đáp:

– Trước khác nay khác. Xưa bang giao ôn hòa, nay hiềm khích căng thẳng. Không nạp thì không qua. Mỗi người hai lạng, mười một người vị chi hai mươi hai lạng bạc.

– Chúng tôi làm gì có nhiều tiền để mà chi từng đó. – Thì Kiến nói.

Hắn bắt bẻ lại:

– Ba con ngựa thồ chở đầy hành lý, chẳng lẽ không có từng đó, hay là để ta cho người dỡ xuống kiểm tra?

Đoàn sứ bộ nước Nam bắt đầu nóng mặt, nhìn thái độ căng thẳng của mọi người, Trần Phủ khẽ lắc đầu hàm ý giữ bình tĩnh, rồi từ tốn nói:

– Hành lý là quà tặng Trấn Nam Vương, đến chúng tôi còn không dám động vào. Nếu chuyển đi chậm trễ, bị Nam Vương trách phạt thì đâu chỉ chúng tôi có lỗi.

Tên đội đánh xuống nước, hạ giá:

– Được rồi, sẽ cho qua khi nạp đủ mười lượng. Không chịu mất ngân lượng thì chờ tới giờ dậu hãy qua. Bây giờ không có người mở cổng, lính tráng còn phải lo dựng lán trại để có chỗ trú ngụ tạm thời.

Cực chẳng đã, ba vị sứ giả đành chấp nhận móc hầu bao lấy mười lạng bạc từ lộ phí do triều đình cấp để hối lộ cho viên đội trấn thủ quan phòng của vương quốc Đại Nguyên. Thế là mất đứt một canh giờ, đoàn phái bộ lại hối hả lên đường khi mặt trời đã chéch non tây.....

Sang ngày hôm sau, một đợt giá rét ủa về, mười một chiến sĩ nước Nam vẫn đội mưa gió mà dẫn thân qua vùng núi đèo heo hút, họ đi miết đến khi tối mịt vẫn không thấy quán trọ hay bản làng nào để dừng chân. Đường đèo khúc khuỷu, bùn đất lầy lội khiến bầy ngựa chùn bước, mọi người phải xuống bộ, tay nắm dây cương mà ra sức kéo ngựa của mình vượt qua dốc núi cheo leo. Rồi các tùy tùng lại quay xuống chân đèo, kẻ đẩy người lôi ba con ngựa thồ lên đỉnh dốc. Mưa nặng hạt làm mấy bó đuốc tắt ngấm từ lâu, cả đoàn lại tiếp tục mò mẫm giữa bóng đêm tù mù mà lê từng bước một, trong khi ai cũng đói cồn cào và run cầm cập vì mưa lạnh.

Đi thêm một đoạn gặp lối mòn lát đá phẳng phiu dẫn tới một mái nhà lẻ loi bên sườn núi, đoàn người phấn khởi phi ngựa đến và dừng chân trước ngôi nhà sàn đã đóng cửa cài then. Một tùy tùng biết tiếng Thổ xuống ngựa,

đứng dưới chân cầu thang gọi lớn:

– Có ai trong nhà không?

Sau tiếng kẹt cửa, ánh sáng hắt ra từ bếp củi bên trong phản chiếu bộ mặt dữ dằn của người đàn ông trung niên vận trang phục dân tộc màu đen. Ông ta đứng chặn ngang cửa, trên tay lăm lăm thanh mã tấu, cất giọng hỏi cộc lốc:

– Các người là ai, gọi có việc gì?

Viên tùy tùng trình bày:

– Chúng tôi là người nước Nam được cử sang Nguyên đàm phán, vì lộ độ đường nên đành gõ cửa xin gia chủ cho nường nấu qua đêm, chứ không có ý gì khác.

Chủ nhà nhìn một lượt đoàn lữ khách bên dưới, thấy họ không có vẻ là hạng người bất hảo, bèn dịu giọng trả lời:

– Nhà chúng tôi bé nhỏ chật chội, lại có đàn bà con nít, e rằng không đủ chỗ để các vị nghỉ ngơi. Nếu quay ra đường lớn, đi thêm chừng mười hai dặm là đến thôn Lúng Chải, ở đấy sẽ có chỗ cho mọi người.

Nghe gia chủ nói vậy, Thì Kiến tiến lại, đề nghị:

– Quả tình chúng tôi rất đói và lạnh, mấy con ngựa cũng kiệt sức rồi. Xin không làm phiền gia đình ở trên, mọi người chỉ cần một bữa ăn và ít rơm cỏ khô để lót ổ ngủ trước chuồng ngựa dưới sà cũng được. Mọi phí tổn chúng tôi sẽ thanh toán đầy đủ.

Người đàn ông lưỡng lự một hồi, rồi bảo:

– Thôi đành vậy, miễn các vị không chê. Cột ngựa lại rồi lên cả đây mà hong khô quần áo. Còn chỗ ngủ sẽ sắp xếp sau.

Ai cũng hồ hởi ra mặt, nhanh chóng dắt ngựa vào chỗ khuất gió, dõ

hành lý xuống rồi theo gia chủ lên nhà. Trong nhà, ngoài người đàn ông còn có bà vợ và hai bé gái trạc chín, mười. Cả ba ngồi dúm dỏ bên bếp lửa, lăm lét nhìn đám khách bằng ánh mắt hoang mang. Lần đầu tiên căn nhà bé nhỏ của họ đột ngột xuất hiện gần ấy người đàn ông xa lạ.

Hai vợ chồng trao đổi bằng tiếng địa phương, bà vợ đứng dậy soạn sửa bữa ăn. Nhóm khách ngồi vòng trong vòng ngoài quanh bếp lửa. Áo quần ẩm ướt được hơi nóng hong khô dần, những gương mặt bắt đầu hồng lên, cảm giác mệt mỏi đã vơi bớt trong từng cơ thể đàn ông tráng kiện. Nồi thịt dê hầm khoai môn nghi ngút khói, làm mấy cái bụng đói còn háo hức thêm thường. Mỗi người được một tô to, họ dùng thìa gỗ múc ăn xì xụp như thể trong đời chưa bao giờ được thưởng thức một bữa ngon lành đến thế. Thỉnh thoảng mấy người khách lại ngược nhìn gia chủ bằng ánh mắt hàm ơn.

Trong lúc khách còn mãi mê giải quyết cái dạ dày trống rỗng, ông chủ xuống nhà dọn dẹp dưới sàn để có chỗ cho khách nằm ngủ. Rơm khô được rải xuống nền ẩm lạnh, phía trên lót mấy manh chiếu đan bằng cỏ lác. Bà mẹ và hai đứa con ngồi một góc chăm chú theo dõi đám người ăn uống nhiệt tình mà không khỏi buồn cười, những nụ cười thân thiện dành cho những vị khách hiền lành và chẳng hề khách sáo.

Ông chủ quay lên nhà khi mọi người đã xong bữa, nhìn bộ dạng hài lòng của họ, ông bảo:

– Nhà chật nên không đủ chỗ cho mọi người. Ba vị thủ lĩnh mời ngủ lại trên này. Tám người ngủ ở dưới, tiện thể còn trông nom hành lý và bày ngựa.

Trần Phủ ái ngại, bèn nói:

– Chúng tôi không dám làm phiền ông bà, để thầy trò ngủ tất ở dưới

cũng được.

Chủ nhà đáp:

– Tất cả xuống dưới thì cũng không có chỗ mà nằm. Không phiền hà gì đâu, ba vị cứ ở trên này cho rộng rãi.

Mọi người cùng vui vẻ nghe theo sự sắp đặt của ông chủ. Các tùy tùng đa tạ thịnh tình tiếp đãi của gia đình rồi xuống nhà nghỉ ngơi. Thiếu phụ giục hai bé gái lên chiếc phản ở góc nhà nằm ngủ. Ba sứ giả cũng muốn được chỉ chỗ để ngả lưng, lại không dám hỏi khi thấy vợ chồng người chủ vẫn ngồi yên bên đống lửa, chẳng nói năng gì nhưng cứ lúng túng nhìn khách. Là người nhạy bén tâm lý, biết họ có điều muốn giải bày, Trần Quân hỏi:

– Chẳng hay nhà ta đang vướng bận chuyện gì, chúng tôi có thể giúp đỡ được không?

Được lời như cời tắc lòng, người chồng lên tiếng:

– Vợ chồng tôi chỉ là hạng dân tầm thường nên không dám thăm dò chuyện đại sự giữa hai nước. Nhưng vì có một chút liên lụy tới gia đình, đành liều mạng hỏi các vị về mục đích sang Nguyên? Nếu không thể nói rõ thì chúng tôi cũng không phiền trách.

Các sứ giả nước Nam rơi vào tình thế khó xử, ba người nhìn nhau như ngậm trao đổi về thái độ của chủ nhà, rồi Trần Phủ hỏi lại:

– Có thể cho biết gia đình có liên lụy gì tới việc này công cán của chúng tôi?

Bà vợ có vẻ nôn nóng, vội nhanh nhẩu trả lời:

– Chẳng giấu gì các ngài, vợ chồng tôi có đứa con trai lớn, năm nay mười tám tuổi, tháng trước nó bị bắt phu, nghe nói sắp phải vận chuyển

lượng thực theo đoàn quân đi đánh trận phương Nam. Chúng tôi lo lắng, gươm đao nào có phân biệt phu với lính.

Người chồng tiếp lời vợ:

– Lúc này các vị bảo sang Nguyên để thương lượng, nếu hai nước hòa giải sẽ không có chiến tranh thì con chúng tôi sẽ được về nhà.

Nghe vợ chồng chủ nhà thổ lộ nỗi niềm, các sứ vô cùng bối rối. Họ sang Nguyên để tìm cách kéo giãn thời gian giặc động binh, chứ không hề có mục đích cầu cạnh hòa bình bằng cái giá ô nhục. Song không thể nói thật với gia chủ, như thế khác nào dội gáo nước lạnh tanh vào ngọn lửa hy vọng đang sáng leo lét trong tâm hồn của những người tốt bụng. Nhưng chẳng ai đành lòng nói dối người cho mình ăn nhờ ở đậu, thành thử cả ba vị khách cứ ấp úng mà không thốt được một lời. Cuối cùng Thì Kiến lên tiếng:

– Đúng là chúng tôi đi đến hành khiển Kinh Hồ cầu kiến Trấn Nam Vương để thương thảo về việc hoãn binh. Nước Nam không muốn chiến tranh nên có thể nhượng bộ mấy phần, nhưng nếu người Nguyên cứ o ép quá mức thì kết quả không biết ra sao? Xin ông bà hãy hiểu cho nỗi khổ của chúng tôi mà không nổi trách móc.

Nỗi âu lo lại thấp thoáng trên khuôn mặt chủ nhà. Người chồng lại hỏi:

– Vậy vợ chồng tôi có chút hy vọng không?

Đã xác định được cách thức gỡ rối, Trần Phủ đáp:

– Chúng tôi không quản ngại đường xa sang Nguyên với lòng thành hoãn chiến, nhưng quyền quyết định lại phụ thuộc phần lớn vào thiện chí của người Nguyên. Về phần mình chúng tôi sẽ cố gắng hết sức để trì hoãn chiến tranh.

Trần Quân phụ họa thêm:

– Mong ông bà đừng tắt hy vọng. Cầu cho con của hai người sớm trở về bình an.

Niềm tin le lói được khơi gợi từ các sứ thần Đại Việt khiến vợ chồng chủ nhà tươi tắn hẳn lên, họ hồ hởi dọn chỗ để ba người nằm nghỉ. Dù ai cũng mệt, song cơn buồn ngủ không lấn át nỗi tâm trí phiền não của mấy vị khách phương Nam. Họ cảm thấy áy náy khi chưa thật lòng với gia chủ, những lương dân chỉ cầu mong có cuộc sống yên lành, để con em của họ không phải ra mặt trận.

Sáng sớm hôm sau, khi đoàn sứ bộ soạn sửa ra đi, đã thấy vợ chồng chủ nhà và hai bé gái đứng chờ ở dưới sân. Ông chủ tay dắt dây cương con ngựa của mình, bà vợ ôm chiếc túi vải to tướng, còn hai cô bé mỗi đứa nắm một quai của chiếc giỏ đựng đầy những quả mận màu nâu đỏ. Trần Phủ cảm tạ tấm lòng hiếu khách của chủ nhà và xin gửi lại một lạng bạc để thanh toán chi phí ăn ngủ. Gia chủ dứt khoát không nhận, sứ bộ khẳng khẳng trả, đôi bên đùn qua đẩy lại mãi, cho đến khi người đàn ông bọc bạch:

– Bữa ăn chẳng đáng giá gì, còn chỗ ngủ thì không tốn kém, làm sao chúng tôi dám nhận tiền của các vị? Chỉ mong hòa giải thành công, chứ xảy ra chiến tranh thì khổ lắm. Nếu mọi việc tốt đẹp, các vị nhớ về ngang qua đây, để chúng tôi được đón mừng.

Đoàn sứ bộ bùi ngùi cảm xúc, cùng bái biệt gia đình họ để lên đường sớm sửa. Bà vợ biết bao thức ăn phòng khi lỡ độ đường, hai bé gái tặng giỏ mận để giải khát. Ông chủ còn bảo:

– Nếu các vị quay ra đường cũ mà đi tiếp thì mất nhiều thời gian. Để tôi đưa đi lối tắt, chỉ mất bảy, tám dặm đường đèo gập ghềnh là ra đến đường tốt, các vị đỡ được nửa ngày đường.

Mọi người mừng rỡ hồi hả theo người đàn ông lên đường. Họ băng qua thửa rừng tạp đến một lối mòn vắt ngang núi, ông chủ nhà dặn thêm “Theo đường mòn để sang bên kia núi rồi nhắm hướng đông bắc đi tiếp, nếu khẩn trương và không gặp trở ngại thì ba ngày nữa các vị sẽ đến Hồ Quảng”.

Trung tâm hành tỉnh Kinh Hồ nằm trên hạ lưu sông Tương, là một khu thị tứ lớn của miền Giang Nam thời ấy. Sứ bộ Đại Việt đến thành lúc xế chiều, nhưng cửa thành đóng kín, phải chờ ngoài cổng để bọn lính gác đi bẩm báo.

.....
Hơn một canh giờ sau, đoàn của Trần Phủ mới được phép vào thành, theo chân viên tùy phái về dịch quán trú ngụ. Tuy chỉ là đô thị địa khu nhưng có tới dăm vạn hộ sinh sống trong thành nên phố xá rất sầm uất, hàng quán buôn bán tấp nập cả ngày.

Dịch quán của hành tỉnh tọa lạc tại một khuôn viên rộng rãi với ba dãy nhà khang trang bao bọc khu vườn trồng nhiều hoa cỏ đẹp và lạ. Trong dịch quán có nhà bếp cung cấp bữa ăn hằng ngày được phân loại theo vai vế của khách. Không phải là Đại Đô, nên khách ở dịch quán Kinh Hồ trước nay đều là quan chức Nguyên triều đi công cán, lần đầu tiên có khách dị quốc đến ở, đây là phái đoàn nước Nam.

Bầy ngựa của sứ bộ được nuôi nhốt trong chuồng cách dịch quán vài trăm thước. Cơm ăn và dầu đèn của khách thì không tốn ngân lượng, còn cỏ cho ngựa và công nuôi chúng thì phải trả phí. Các sứ bảo nhau “Người Nguyên kỳ quái thật, cái tốn kém thì cho không, cái nhỏ nhặt thì tính toán”.

Chánh sứ Trần Phủ hỏi viên tùy phái:

– Ngày mai chúng tôi có thể yết kiến Trấn Nam Vương?

Y trả lời:

– Việc này tôi không biết đâu. Khi nào được yết kiến sẽ có người thông báo.

Đoàn sứ ta ngụ tại dãy nhà ngang bên cánh phải khu vườn, ba vị có chức vụ ở phòng riêng, tám tùy tùng ở trong hai phòng chung. Sau khi tắm rửa và cơm nước, mọi người tranh thủ mở lễ vật để chỉnh trang cho nghiêm túc. Dăm tấm lụa, mười lạng yến sào, một bao quế chi, hai bộ da hổ, mấy cái gạc nai và một cặp chim trĩ nhồi bông, cũng chỉ là những món quà tầm tầm chiếu lệ, tuyệt nhiên không có vàng bạc châu báu. Lâu nay vua ta vẫn hành xử thế, các ngài viện đủ lý do để khước từ nạp cống phẩm quý hiếm; vàng thoi bạc nén dùng để nuôi quân, trữ lượng chứ dứt khoát không giao cho bọn người lòng lang dạ sói. Vì có vết sạch kho mà dâng cho vua Nguyên thì họ vẫn không buông tha nước Nam, vẫn nhất quyết buộc dân ta phải khuất phục dưới gót sắt cường bạo. Cống phẩm cho hoàng đế nhà Nguyên đã chẳng nhiều giá trị huống hồ quà cáp cho Trấn Nam Vương.

Sang ngày hôm sau, rồi hôm sau nữa, các sứ ngày nào cũng lễ bộ chỉnh tề từ lúc mặt trời mới mọc cho đến tận chiều tà nhưng chẳng thấy ai đến mời đi yết kiến Trấn Nam Vương. Mọi người thấp thỏm đợi chờ, lòng dạ thì như lửa đốt mà vẫn cố làm mặt bình thản trước ánh mắt soi mói của bọn người Nguyên. Xem ra chúng đoán biết người Nam đang muốn tranh thủ thời gian nên cố tình giở trò bày hầy, ra vẻ không thiết tha tiếp xúc với sứ giả nhược tiểu, cho đến khi ta mềm nẫu người vì chán nản, bấy giờ chúng sẽ tha hồ bắt chẹt. Tối ấy, Trần Phủ tập hợp mọi người để bàn kế đối phó, ông nói:

– Người Nguyên đang thách thức sự kiên nhẫn của chúng ta. Nếu thời bình ắt ta mặc kệ, họ đây đưa không buồn tiếp thì ta cứ thủng thẳng ăn ngủ và đọc sách, chẳng việc gì phải vội. Nhưng bây giờ thì khác, tình thế chiến tranh đã hình thành, ở nhà chắc Quan gia đứng ngồi không yên, nên chúng ta nhất quyết phải tìm cách vượt qua ải này.

Thì Kiến lên tiếng:

– “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”, mình giống ngư ông đang ngồi buông câu trên sông, cá chưa ăn mồi thì mặc nhiên mà chờ cho đến khi chúng muốn ăn, còn nếu nóng vội làm mất nước nhiều động thời cá sẽ bơi đi hết. Theo tại hạ, ta cũng giả bộ bất cần, mọi người vui vẻ vào ra, tụ hội đàn ca hát xướng cho rôm rả, ắt chúng sẽ “cắn câu”.

Trần Quân đề nghị:

– Hạ quan để ý thấy đám khách trú tại đây nhà lớn ở giữa không phải bọn tầm thường, nếu không là hoàng thân quốc thích thì cũng đại quan Nguyên triều, sáng chúng kéo nhau đi, chiều lại kéo nhau về, chắc hằng ngày vẫn gặp Thoát Hoan. Như ý các vị, ta cứ nhiệt tình mà vui, rồi thế nào cũng đến tai Trấn Nam Vương, bấy giờ xem ai là kẻ sốt ruột trước?

Trần Phủ quyết:

– Nhất trí như vậy. Nếu sáng mai ta vẫn không được tiếp kiến, thì chiều sẽ tổ chức uống rượu ngâm thơ cho thật náo nhiệt, các anh em cứ cười đùa tự nhiên. Thì Kiến tìm mua một cây cổ tranh và một cây sáo trúc. Ta cũng có chút ngón nghề về cổ tranh, còn các huynh đệ có ai biết thổi sáo không?

Một tùy tùng cho biết có sở trường thổi sáo, còn thổi được nhiều khúc nhạc nổi tiếng. Mọi người cả mừng, cùng đồng lòng bày trận đấu trí với kẻ thù tại hang ổ của chúng.

Ở vị trí trung tâm, dãy nhà giữa trong khu dịch quán bề thế và trang trọng nhất. Khi đoàn sứ bộ đến, đã có một nhóm người Nguyên tá túc ở đây từ nửa tháng trước. Nhìn trang phục và cung cách ăn ở, có thể khẳng định địa vị cao sang của chủ nhân đám này. Về sau họ được biết, đó là gã thân vương Tích Lệ Cơ và tùy tùng của hắn.

Được Hốt Tất Liệt phái đến hành tỉnh Kinh Hồ đôn đốc việc lương thảo, họ Tích nhận lệnh trước ngày khởi binh phải thu năm vạn thạch bổ sung vào số mười vạn thạch đã tích trữ được để có đủ mười lăm vạn thạch lương phục vụ cuộc chiến phương Nam. Thời hạn sắp hết mà mới gom góp chưa được hai vạn thạch, chỗ này thì nại kho tàng đã cạn còn vết của dân cũng chẳng được là bao, chỗ kia thì vin do mưa nhiều làm đường sá lầy lội lại thiếu xe chở nên khó đáp ứng kịp thời. Tích Lệ Cơ lo đến rộc người mà vẫn không nghĩ ra cách gì để bù đắp chỗ thiếu hụt. Biết hoàng đế chẳng ưa mình nên mới giao cho việc đi mót thóc ở cái vùng quanh năm thiếu đói, họ Tích thừa hiểu làm không xong thì mắc tội, nhưng chẳng lẽ để thiên tử có cớ trừng trị cái thân già chỉ còn da bọc xương này sao?

Trở về dịch quán trong tâm trạng bức dọc, lại nghe thấy từ hàng hiên dãy nhà ngang vọng tới tiếng đàn sáo dạo khúc Nghê Thường véo von, dịu dặt. Vốn chẳng có tâm trí mà để ý đến bọn khách ở bên kia, bây giờ thấy họ phủ phê vui sướng nên Lệ Cơ có phần khó chịu. Rồi nghe tiếp giọng ngâm thơ lạnh lạnh:

[Chiều ngắm Kinh Hồ bóng xế lan](#)

[Vườn hương vui mãi thú tạo nhân](#)

Đáy ly vẫn đợi sao sa xuống

*Lòng rộn cười theo tiếng rượu tràn.Kinh Hồ thường ngoạn ánh tà
huy.*

Hương viên nhàn tọa lộng vô thì

Pha lê đẳng hậu lưu tình lạc

Tổng tửu tâm khoan tiểu mãn trì.

Tích Lệ Cơ vô cùng kinh ngạc, không hiểu bọn này là hạng người nào mà thi ca sáng khoái đến thế, từ dùng rất tinh xảo, ý thơ bộc lộ phong cách tao nhã còn ẩn chứa thái độ ung dung tự tại của bậc nho sĩ chẳng màng sự đời, không vướng bận chuyện thiên hạ? Y bèn kêu tổng quản dịch quân đến hỏi chuyện. Viên tổng quản khúm núm thưa gửi:

– Bẩm đại nhân, bọn người này là sứ thần An Nam, nghe nói đang chờ yết kiến Trấn Nam Vương để thương lượng việc hoãn binh. Nhưng lệnh từ trên xuống không cho tiếp xúc, nên tại hạ cứ phải lẩn tránh suốt.

Lệ Cơ thắc mắc:

– Là thật. Sang điều đình hoãn chiến thì thái độ phải khác, sao chúng còn bàng quan mà ung dung xướng ca?

Viên tổng quản đáp:

– Hạ quan chẳng biết vì sao? Bề trên thì chưa thấy gọi, còn họ thì chẳng hề lo âu hay sốt ruột, mà cứ vui vẻ suốt ngày. Không hiểu do quen sống vô tư hay có dụng ý gì khác?

Tích Lệ Cơ nghĩ “Dứt khoát bên trong chứa cơ sự. Hay là bọn An Nam có niềm tin sẽ chiến thắng Đại Nguyên, mục đích chúng cử sứ sang chỉ cốt thăm dò chứ không thật lòng lo ngại chiến tranh? Nhưng trì hoãn cuộc chiến được ngày nào thì tốt cho ta ngày ấy, phải tận dụng cơ hội này

thôi”. Lòng khấp khởi vui mừng vì đã có chỗ bầu víu để tránh và không làm tròn trách nhiệm, viên quý thích của Hốt Tất Liệt chỉ mong đêm chóng qua để sáng mai đi gặp Thoát Hoan.

Sáng hôm sau, khi nghe Tích Lệ Cơ trình bày xong, Thoát Hoan nhìn A Lý Hải Nha thăm dò. Viên Bình chương nheo cặp mắt một mí ra vẻ khinh mạn, rồi nói:

– Tích gia chớ có lo ngại. Tại hạ và Trấn Nam Vương đã bàn kỹ chuyện này rồi. Bọn An Nam giảo hoạt lắm, có khi trong lòng đang run sợ nhưng vẫn cố bình thản ca hát để ta lầm tưởng chúng có thừa dũng khí chống đối. Cứ để chúng chờ thêm mấy ngày nữa, khi nào bộc lộ sự hoang mang lo lắng, bấy giờ ta ép gì mà chẳng được.

Lệ Cơ lý sự:

– Bẩm Trấn Nam Vương, theo ý hạ quan, bọn này không hề nguy tạo, nếu chúng đang lo nghĩ việc hoãn binh thì lòng dạ nào mà làm thơ với ca hát cả đêm. Ta đang ở thế thượng phong, cứ cho gọi chúng đến lúc ấy tha hồ mà đe nẹt, nếu chúng thật lòng thần phục thì ta hoãn đánh, nhượng bằng ngoan cố thì ta sẽ khởi binh thảo phạt.

Thoát Hoan lưỡng lự một hồi mới quyết:

– Sáng mai cho bọn An Nam vào diện kiến. Tập hợp đông đủ võ quan, dùng một trăm vệ sĩ cường tráng nhất sắp xếp đội hình từ ngoài vào trong để chúng thấy được uy vũ của ta mà khiếp hãi trong lòng.

Tòa hành khiển Kinh Hồ ở vị trí trung tâm thành trì, có khuôn viên đồ sộ và hoành tráng bậc nhất thành nội, với dãy tường đá cao vút và cửa cổng bề

thể như một cung khuyết của các tiểu quốc. Bên trong là một cái sân rộng lát gạch đỏ, hai bên trồng nhiều cây bụi được tía tốt công phu. Đi qua sân là đại sảnh đường có chiều ngang hơn trăm thước, với mái cong lợp ngói mũi hài xám xịt và bậc tam cấp lát đá xanh vuông vức, với những cột gỗ một người ôm đen bóng và hệ thống rui kèo chạm khắc tinh xảo. Nội thất bày biện theo phong cách du mục truyền thống pha trộn với kiểu bài trí công đường thời Tống, hoành phi câu đối được gắn trên nền thảm Ba Tư và da thú Mông Cổ, các bình sứ Trung Hoa xen kẽ trên kệ với mấy con chim quý nhồi bông, bộ bát đại bảo khí trên giá lưỡng long kê dưới sàn đối lập với dãy cung kiếm cổ truyền của người Thát treo trên vách.

Giữa đại sảnh đặt án thư thiết mộc chân quý và trường kỷ phủ da hổ, là nơi độc tọa của Trấn Nam Vương Thoát Hoan, viên thống soái đạo quân chinh phạt An Nam nay mai. Vương nhỏ con, tuy có khuôn mặt nho nhã của thư sinh, nhưng với đôi mắt xéch sáng quắc thì người giỏi nhân tướng cũng đoán biết đây là kẻ có cá tính, hành xử quyết đoán và thích điều khiển người khác. Có lẽ vì thế, nên tuy là con trai thứ chín và tuổi đời mới trạc ba mươi, Thoát Hoan đã được vua cha giao toàn quyền hành khiến cuộc Nam chinh lần này.

Đoàn sứ bộ Đại Việt dừng ngựa trước hành dinh của Trấn Nam Vương. Trần Phủ đi đầu, hai tay nâng quốc thư. Phía sau có Trần Quân và Trần Thì Kiến trong cương vị trợ thủ. Tám tùy tùng xếp hàng hai bên theo lễ vật phủ khăn lụa điều. Nhìn quang cảnh bày quân phô trương của người Nguyên, Phủ nghĩ thầm trong bụng “Bọn này định hù dọa kẻ yếu bóng vía đây. Vậy thì uống công thôi”, rồi ông ung dung dẫn đoàn bước lên bậc thềm vào đại sảnh.

Thoát Hoan ngồi chễm chệ trên trường kỷ giữa nhà, đằng sau có bốn

hộ vệ mặt mũi dữ tợn như đao phủ trên pháp trường. Mười hai võ quan và bốn văn quan bệ vệ đứng hai bên quay mặt về phía cửa mà nhướng mắt gườm gườm như hổ đói chực nhảy ra xâu xé bấy nai tơ. Trong cùng có hai hàng tinh binh với bốn chục tráng sĩ mặc giáp trụ kim khí, kẻ gườm người giáo lăm lăm trên tay, trông giống lính tráng ra trận hơn là đám quân hầu tô điểm khí thế trang nghiêm ở chốn thương nghị chính sự.[^] [thoathoan-img](#)

Các tùy tùng dừng lại phía dưới. Ba sứ bộ bước tới, Trần Phủ đứng giữa sảnh hô lớn:

– Chính sứ Trần Phủ, phó sứ Trần Quân và tham mưu Trần Thì Kiến phụng mệnh quốc vương nước Nam sang hành tỉnh Kinh Hồ yết kiến Trấn Nam Vương và trình thư ủy nhiệm. Chúng tôi xin được bái chào đại vương.

Dứt lời, ba sứ ta cùng chấp tay cúi đầu hướng về phía Trấn Nam Vương mà bày tỏ thái độ kính trọng. Đột nhiên Thoát Hoan đập bàn quát nạt âm ỉ:

– Sứ giả An Nam vô lễ, tại sao chỉ lập bái mà không phục bái?

Đám tướng lĩnh dưới trướng cũng hòa theo mà trợn mắt ngoác mồm đòi sứ ta phải quỳ, nhưng Trần Phủ không hề đổi sắc mặt, vẫn cùng hai trợ thủ đứng trơ trơ giữa sảnh. Đợi cho cơn thịnh nộ lắng xuống, bấy giờ ông lại lên tiếng:

– Người hiếu lễ xưa nay đều rõ, kẻ làm tôi chỉ lạy vua của mình. Nước Nam đã quy phụ Đại Nguyên, bây tôi đến Đại Đô ắt phải quỳ lạy thiên tử. Ngài là vương nội quốc Đại Nguyên nên thứ bậc không cao hơn vua nước tôi, vậy cho phép sứ bộ miễn quỳ lạy.

Thoát Hoan biết mình đuối lý đành chuyển hướng sang vấn đề khác:

– Để giữ hòa khí hai bên, ta tạm thời miễn bái phục cho các người lần này. Bây giờ hãy trình bày cho rõ sang đây vì việc gì?

Trần Phủ đáp:

– Trước xin dâng lên ngài thư của quốc vương nước tôi, sau xin thay mặt quốc vương gửi tặng ngài một số sản vật quý hiếm của nước Nam để bày tỏ thâm tình hòa hiếu của tiểu quốc với đại quốc.

Thoát Hoan ra hiệu, một vệ sĩ bước xuống nhận thư đem lên cho y. Trần Phủ vẫy tay, tám tùy tùng giở khăn lụa, từng người một nâng cao khay gỗ đựng quà tiến lên phía trước phô diễn sản vật cho người Nguyên thấy, rồi lại lui xuống trao quà cho đám lính đem đi cất. Thoát Hoan chẳng buồn nhìn, y giả bộ đang chăm chú đọc thư. Thực ra y biết tông lễ vật của An Nam xưa nay toàn là đồ vớ vẩn.

Sau thủ tục lễ nghĩa, Nam Vương gọi Tích Lệ Cơ lên, bảo đọc thư của vua An Nam cho chư tướng cùng nghe. Trong thư có đoạn viết:

“...trước nay nước tôi vẫn một mực tận tụy với Đại Nguyên, ba năm triều cống một lần không sai hẹn lần nào. Việc trợ quân lương đánh Chiêm Thành thì vượt quá khả năng của bản quốc, mấy năm nay mùa màng thất bát nên lương thực rất thiếu thốn, sức người cũng suy kiệt, chẳng lẽ đem quân ồm yếu theo các ngài để làm vướng chân tướng sĩ Nguyên triều sao? Việc lặn lội sang Đại Đô để bái vọng cửa khuyết thì tôi cũng đã tính đến, năm nay chưa thuận đi tất vài năm nữa sẽ đi, khi nào quốc thái dân an tôi sẽ vui vẻ lên đường, vừa có dịp diện kiến thiên tử để tỏ bày chân tình, vừa tiện thể chiêm ngưỡng phong cảnh tươi đẹp của quý quốc. Vậy mà tâm ý của tôi lại bị hiểu sai, cho rằng nước tôi bất phục, bất kính Đại Nguyên, vốn là điều xưa nay chẳng hề có. Cũng vì không rõ lòng tôi, nên nghe nói ngài nhận lệnh thiên tử định kéo quân sang trừng phạt tiểu quốc.

Chỉ vì sự hiểu lầm nhỏ nhặt mà phải động binh tốn kém, dùng đại quân mà đánh nước yếu thì khác gì đem dao mổ trâu để lóc vẩy con cá nhỏ;

đấy là chưa kể việc giết chóc lẫn nhau làm sinh linh điêu đứng, máu xương của nhân dân hai nước lại đổ xuống vô ích. Chi bằng hãy ngồi lại để sáng tỏ lòng nhau mà bàn tính việc hòa thuận. Nên tôi quyết sai bọn Trần Phủ ba người sang diện kiến ngài để đôi bên tháo gỡ khúc mắc, việc thương thảo thế nào thì họ sẽ thay tôi trình bày với ngài...”

Nghe xong thư. A Lý Hải Nha đứng ở hàng đầu, nói như quát:

– Toàn lời lẽ nguy hiểm. Xin đại vương chớ có mềm lòng.

Hữu thừa Khoan Triệt đứng lên cạnh cũng lớn tiếng:

– Người An Nam không đáng tin. Đừng thương lượng gì nữa, đại vương cứ phát lệnh, chúng tôi cưỡi ngựa một đêm là đến Long thành, đóng cũi quốc vương của họ giải về Đại Đô.

Vạn hộ Lý Bang Hiến ở phía sau có thái độ ôn hòa hơn:

– Cũng nên nghe sứ của họ trình bày, nếu biết thân phận mà quy phục thì nên chiếu cố, nhược bằng tìm cách thoái thác nghĩa vụ, bấy giờ đại vương cho xuất quân sang trừng phạt cũng chưa muộn.

Thoát Hoan giơ tay ra hiệu im lặng, rồi lên giọng kẻ cả:

– Máy người nghe rõ rồi chứ? Tướng soái của ta bất bình An Nam đã lâu, chỉ muốn đánh cho rồi chứ không thiết nghị đàm gì nữa. Nhưng cứ cố chấp thì không đẹp mặt nước lớn đối với chư hầu. Nếu các người thay mặt cho vua An Nam mà chấp nhận những điều khoản trước kia thiên tử đã quy định thì ta sẽ bãi binh.

Trần Phủ lên tiếng:

– Các điều khoản của đại quốc vượt quá khả năng của một nước nhỏ yếu, nếu ngài buộc chúng tôi phải thi hành ngay một lúc thì e rằng không gánh nổi. Chi bằng ta thương lượng thời gian, điều gì làm được ngay thì

chúng tôi sẽ làm điều gì chưa làm được ngay thì từng bước làm sau.

Thoát Hoan hỏi:

– Người hãy trình bày rõ, điều gì làm được ngay, điều gì chưa làm được, để xem thử có đáng chiếu cố không?

Trần Phủ đáp:

– Trong thư đã nói rõ, việc vua nước tôi sang châu thì xin khất vài năm nữa, khi nào trong nước yên ổn sẽ sang. Việc trợ binh đánh Chiêm thì hiện nay chúng tôi không đủ sức. Việc triều cống vẫn theo lệ cũ. Việc cho con em sang làm con tin thì ngặt nỗi vua tôi còn trẻ, mới sinh con gái, chưa có con trai, dăm năm nữa khi nào sinh con trai sẽ gửi sang Đại Nguyên. Việc biên tịch dân số phải mất nửa năm mới xong. Việc thuế khóa xin hoãn vài năm, nước tôi mất mùa, dân tình đói khổ lắm. Việc đặt quan Đạt lỗ hoa xích thì xin miễn, nước tôi đã quy phụ, vua tôi là dòng chính thống của An Nam quốc vương đời trước, danh chính ngôn thuận xứng đáng là người cai trị nước Nam, hà cớ gì phải thêm người khác cai trị, như thế là chồng chéo lên nhau.

Thoát Hoan giận tím mặt, mà rằng:

– Nãy giờ ta chịu khó nghe người trình bày, nhưng trước sau chỉ thấy vin cớ để mà thoái thác. Không thương lượng gì nữa, về bảo với vua của người chuẩn bị thành trì cho vững, chờ đại quân ta kéo sang.

Trần Thì Kiến vội lên tiếng:

– Trình đại vương, tôi có ý kiến này, xin người lắng nghe: việc ngài muốn đánh nước Nam là chuyện thừa sức, nhưng chiến tranh ắt có đổ máu, nếu dân nước tôi thiệt hai thì người nước ngài cũng thiệt một. Chánh sứ không đủ quyền hạn để quyết định những điều lớn lao nên phải hứa hẹn như vậy. Chi bằng hai bên sắp xếp một cuộc hội kiến trên biên giới giữa quốc

vương chúng tôi với ngài, bây giờ mọi vấn đề sẽ được giải quyết nhanh chóng.

Đây là ý tưởng mới, ngoài dự kiến của Thoát Hoan, nên y không trả lời ngay mà chờ xem thuộc cấp bên dưới nói gì. Lý Hằng vốn từng đối đầu với chiến binh An Nam, trong lòng cũng ngại cuộc chinh phạt này, lên tiếng trước:

– Theo ý tại hạ, nếu vua của họ thật lòng hội kiến thì đại vương nên thử một chuyến, biết đâu hoà giải được thì tốt, ta vẫn ràng buộc được nước Nam mà không nhọc công chinh chiến.

A Lý Hải Nha không hài lòng với cách nghĩ của Lý Hằng, y nói:

– Chủ kiến của Lý tướng quân xem ra không ổn. Nếu quốc vương An Nam bày cớ để trì hoãn chiến tranh chứ không thật lòng quy thuận, khác gì ta mắc mưu của họ mà tự làm hỏng kế hoạch hành binh.

Vạn hộ Bột La Hợp Đáp Nhĩ phụ họa theo:

– Đúng vậy, cứ kéo đại quân sang, muốn hội kiến thì ngồi giữa kinh đô của họ mà nói chuyện, nếu vẫn ngoan cố thì tức thời làm cỏ nước Nam.

Tích Lệ Cơ vốn hy vọng có thể hoãn chiến được ít lâu để y có đủ thời gian huy động lương thực, nên ngả theo chủ ý của Lý Hằng:

– Nếu kéo đại quân vào nước người tất xảy chuyện chém giết, cướp phá, lúc ấy người ta đã căm tức mình thì đời nào chịu nhún nhường quy phục nữa. Làm như thế chẳng thể hiện được uy phong thuận thiên của quân đội Đại Nguyên, còn mang tiếng là kẻ ý mạnh hiếp yếu. Các tướng việc gì phải nóng vội, cứ theo ý của Lý tướng quân xem sao.

Bấy giờ Thoát Hoan mới tỏ thái độ:

– Giả sử ta chấp thuận hội kiến thì các người dự định thế nào?

Thì Kiến trình bày:

– Đúng một tháng nữa, mỗi bên chỉ mang theo một ngàn quân tướng, hội kiến tại cửa ải Tây Phong.

Thoát Hoan bác bỏ:

– Không được, một tháng nữa thì quá lâu, ta không hứng thú chờ đợi lâu như thế. Ta hẹn vào ngày mười lăm tháng mười một, nếu thuận thì cho người cấp báo với ta trước năm ngày. Nhược bằng từ chối hay dây dưa trì hoãn thì ta sẽ kéo quân sang hỏi tội quốc vương An Nam.

Trần Phủ đáp:

– Ngài cho thời hạn như vậy sợ không thực hiện nổi, hôm nay là ngày cuối tháng mười, từ đây đến lúc ấy chỉ còn mười lăm ngày. Nếu không gặp trở ngại gì thì chúng tôi cũng phải mất mười ba, mười bốn ngày đi đường về nước, vậy làm sao mà kịp tổ chức hội kiến?

Khoan Triệt căn vặn:

– Các người là rùa hay sao mà đi chậm thế?

Trần Phủ trả lời:

– Chúng tôi chỉ là mấy quan văn tầm thường, không quen phi ngựa suốt đêm như chiến tướng các ngài.

Bấy giờ Trần Quân mới nói:

– Thời hạn ngài quy định đúng vào dịp Đông chí. Tại hạ được biết, ngày Đông chí không thuận lợi cho việc hội họp, yến tiệc hay đi xa. Theo Dịch lý, tiết Đông chí thuộc quẻ Phục, âm khí rất nặng, dương khí của năm cũ đã tàn lụi, còn dương khí của năm mới vừa manh nha. Thời điểm ấy sức sống của trời đất yếu ớt nên mọi công việc hệ trọng khó thành công, huống chi là việc hòa đàm giữa hai nước.

Đám tướng soái Nguyên nhìn nhau phân vân, vì theo kế hoạch đây là ngày chúng khởi binh Nam tiến. Thoát Hoan gọi A Lý Hải Nha, Khoan Triệt, Lý Hằng và Tích Lệ Cơ lên bàn bạc. Các sứ ta tin rằng chúng đã căn câu, bình thản ngó lơ sang hướng khác. Hồi lâu sau, có lẽ họ đã nhất trí được với nhau, Thoát Hoan phán:

– Ta chấp thuận lùi ngày hội kiến vào mồng một tháng chạp, như vậy các người còn một tháng để chuẩn bị. Nếu hội kiến bất thành thì đừng trách ta quá tay, đại quân thiên triều sẽ triệt hạ nước Nam, trừ những kẻ phục thuận mà quy hàng.

Thế là đã thành công, đoàn sứ bộ của Trần Phủ hoãn chiến được mười lăm ngày, một quãng thời gian vô cùng quý giá đối với quân dân Đại Việt, người trong nước có thể chuẩn bị tốt hơn việc phòng tránh và chống trả cuộc xâm lăng rầm rộ của Nguyên Mông. Các sứ khẩn trương về dịch quan thu dọn hành lý rồi lên đường về nước ngay trong ngày. Ở nhà đang nôn nóng trông đợi tin tức, lúc đi mất hơn sáu ngày, lúc về mọi người bảo nhau cố gắng rút ngắn còn năm ngày. Trên đường về dù rất mệt mỏi nhưng ai cũng phấn khởi, phần vì được trở về nhà, phần vì hứng thú với việc khiến bạn Nguyên mắc nỡm về một cuộc hội kiến xin hàng của vua quan Đại Việt.

Chương 6

Cửa Thiên An, Hưng Đạo trình quyết sách

Điện Biên Hồng, bô lão bạch lòng dân

Vừa tới kinh sư, Hưng Đạo Vương sai ngay Dã Tượng:

– Đến tư dinh của Chiêu Minh Vương xem ngài ấy đã lên chưa? Nếu lên rồi thì mời ngài sang hội kiến.

Nghe tùy tùng cho biết Trần Thì Kiến cùng chánh sứ Trần Phú và phó sứ Trần Quân đã lên đường sang Nguyên từ buổi chiều. Hưng Đạo rất hài lòng, ngài bảo với thuộc hạ “Hoàng thượng biết chọn mặt gửi vàng, ta tin ba người này sẽ hoãn chiến thành công. Được đâu hay đấy, họ đã bỏ công sức phiêu lưu một chuyến thì chúng ta cũng nên nỗ lực tranh thủ thời gian”.

Lại nghe Nguyễn Hòa đến, Vương cho gọi ngay vào để hỏi chuyện. Viên tùy tướng thưa bẩm:

– Tiểu nhân đích thân đến thái ấp của Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc nhưng không được tiếp, người nhà bảo “Vương ốm nặng, không tiếp khách”. Tiểu nhân nói “Muốn giao thư của Hưng Đạo Vương tận tay Chiêu Quốc Vương”. Gia nhân vào bẩm báo rồi quay ra nói “Không tiếp. Muốn giao thư thì đưa tôi mang vào. Còn không muốn giao thì đem về, Vương không rảnh đọc”. Cực chẳng đã, tiểu nhân đành phải giao thư cho hẳn.

Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng nghe thấy thế bèn tỏ thái độ bất bình:

– Người này khinh lờn cha quá, dứt khoát có ý đồ đen tối. Phụ vương

để con cắt cử người giám sát ngày đêm, hễ y định giở trò gì thì ngăn chặn ngay.

Hưng Đạo lắc đầu, ngài nói:

– Không thể làm thế, vuốt mặt phải biết nể mũi chứ. Dù sao Chiêu Quốc cũng là em Thượng hoàng, chưa xin phép người thì chớ có làm càn.

Chẳng phải Hưng Đạo không đoán được lòng dạ Ích Tắc nên không dùng biện pháp ngăn chặn. Chẳng qua ngài không thể lạm quyền mà có hành vi thô bạo đối với ruột thịt của nhị hoàng. Cũng vì nghĩ đến tình nội tộc, nên vương đã gửi tâm thư với lời lẽ chân thành cởi mở, hy vọng Chiêu Quốc nghĩ lại. Tuy việc lay chuyển tư tưởng của người khác còn khó hơn dời núi, nhưng ngài vẫn trông chờ mấy ngày hòa bình còn lại, Ích Tắc sẽ hồi tâm chuyển ý. Khi sai Nguyễn Hòa đến gặp Chiêu Quốc, vương định “bắt mạch” thái độ của y. Nhưng Chiêu Quốc đã láu lỉnh né tránh.

Gia nhân vào báo, Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải đã đến. Hưng Đạo cùng ba con trai ra bậc thềm đón chờ. Nhìn bộ dạng của Thái sư, Hưng Đạo biết ngài ấy đang rất lo lắng. Không chờ Quốc Tuấn mở lời, Quang Khải đề cập ngay vào vấn đề chính:

– Nhận được cấp báo, ta tháp tùng Thượng hoàng lập tức hồi kinh. Dọc đường đi người trần trở lấm, lo sức nước không chống nổi đạo quân Thát hùng mạnh. Ngài có chủ ý gì chưa, trước mắt cần phải tiến hành những việc gì để đối phó với giặc?

Hưng Đạo điềm tĩnh đáp:

– Vó ngựa Nguyên Mông từng xéo nát nhiều nước, chúng hùng mạnh và thiện chiến thật, nhưng vẫn có cách đánh lại. Ta đã phác thảo sơ bộ quyết sách chống giặc, ngày mai sẽ dâng lên nhị hoàng. Ngặt nỗi trong triều lăm kè đón hèn, thế nào họ cũng lên tiếng bài bác, dễ khiến tâm tư các vua dao

động. Nếu trên dưới mỗi người mỗi ý thì chưa đánh cũng thua. Ta rất cần sự ủng hộ quyết liệt của huynh, để phe chủ chiến vượt qua ải đình thần mà đem ý chí chống giặc truyền ra ngoài, cho người trong nước có chỗ dựa tinh thần mà hăng hái lên.

Rồi Hưng Đạo trình bày với Chiêu Minh những ý chính trong quyết sách do ông đề ra. Thái sư ngồi nghe mà tươi tỉnh hẳn, nhìn nét mặt thấy rõ ngài rất tâm đắc với đường lối đánh giặc của Tiết chế. Tuy trong đầu còn đôi chút lẩn cẩn nhưng Quang Khải vẫn bày tỏ nhiệt tình để Hưng Đạo yên lòng:

– Ta sẽ hỗ trợ toàn diện, song phần quyết định vẫn phụ thuộc vào lý lẽ của huynh. Phải đủ mạnh thì mới bẻ gãy được miệng lưỡi của bọn như thần và thuyết phục được nhị hoàng.

Hưng Đạo Vương cảm tạ sự đồng lòng của Chiêu Minh trong cuộc chiến đình thần ngày mai. Quốc Tuấn tiễn Quang Khải ra tận cửa, lúc chỉ có hai người, ông thổ lộ với Thái sư:

– Theo ta biết, Chiêu Quốc có dấu hiệu muốn lợi ngược con đường chúng ta sẽ đi. Có người đề nghị nên tìm cách khống chế y để không gây tác động lớn. Nếu làm vậy không chỉ Thượng hoàng đau lòng còn khiến dân tình hoang mang khi thấy nội bộ hoàng gia mất đoàn kết, chống đối lẫn nhau. Nhưng lỡ đi thì hậu quả không biết ra sao?

Quang Khải nhú trán thở dài:

– Con người Chiêu Quốc ta hiểu lắm. Hẳn là kẻ có tài nhưng tham vọng quá nên tâm địa u ám. Khi còn tại thế, phụ hoàng từng căn dặn “Bàn tay ta có năm ngón, Hoàng là ngón dài nhất, Khải là ngón kế bên, Tắc là ngón nhỏ nhất. Dù dài hay ngắn cũng từ một bàn tay mà ra cả. Chớ vì ngón út ít dùng mà phế nó đi, nếu đứa nào có ý đồ ấy thì chẳng những khiến tay

ta bị cụt mà chúng bay cũng què quặt tâm hồn”. Vì lời di huấn của tiên đế mà Thượng hoàng không nỡ khắt khe với hần, nhưng người rất buồn bực bởi nghe nói Ích Tắc ít vào châu Quan gia, nếu có đến thì luôn tỏ thái độ bất mãn. Ta là huynh đệ ruột thịt nên nhiều khi cũng đành nín nhịn.

Hưng Đạo lại nói:

– Lúc này ngài kể, trên đường về kinh Thượng hoàng trần trở lẩm. Quả tình điều này khiến ta rất lo lắng. Nhiều năm nay ta và huynh không ít lần được nghe các vua bày tỏ ý chí quyết chiến với giặc. Nhưng những lần ấy giặc còn ở xa, chưa bộc lộ trắng trợn dã tâm chinh phạt Đại Việt, tinh thần của bậc chí tôn không có chỗ thể hiện. Bây giờ thì khác hẳn, giặc đã vào tới cửa, cuộc chiến sẽ nổ ra nay mai nên dễ khiến người ta hoảng hốt, chỉ sợ nhị hoàng lung lạc ý chí rồi bị bọn đón hèn trong triều tác động thêm, lúc ấy sẽ bất lợi lắm.

Quang Khải lặng người, rồi đáp:

– Một cây đuốc khó mà soi tỏ đường hướng cho vua, đành chờ nghị định ngày mai vậy. Có thêm nhiều người cương quyết thì chắc rằng tinh thần của Thượng hoàng sẽ cứng rắn lại.

Họ chia tay nhau trong tâm trạng không vui. Việc nước bọn bề trẫm mỗi, giặc dữ sắp kéo sang, kế hoạch điều binh khiển tướng cũng chưa đâu vào đâu, vậy mà hai vị lương đồng nước nhà vẫn thấp thỏm âu lo bởi sự yếu mềm của con tim xã tắc, lại còn ngổn ngang dấn vật về một phần xương thịt có nguy cơ ung thối.

Buổi sớm thời tiết dễ chịu, trời không mưa và nắng nhẹ, nhưng quang cảnh

kinh thành lại có phần ảm đạm. Nhiều hàng quán không mở cửa, đôi ba nhà đang lịch kịch thu dọn đồ đạc, người qua lại trên đường thưa thớt, mà xem ra ai cũng có vẻ hoang mang thiếu ngủ, còn điệu bộ thì hốt hải vội vã như muốn lẩn tránh một cơn lốc dữ dội đang thổi tới.

Ngày trước, mỗi lần thượng kinh, khi ngang qua các phường, đám lính phải hò hét khản cổ để dẹp đường cho hiệu Đại Vương, bây giờ bốn kiệu cùng qua một lúc lại không gặp bất cứ sự vướng víu nào. Khung cảnh đông vui náo nhiệt đâu rồi, chẳng lẽ cư dân Long thành đã biết tin giặc sắp tràn sang? Ngồi trong kiệu, Hưng Đạo buồn bã nhìn ra ngoài mà không khỏi tiếc nuối những tháng ngày bình yên đang có dấu hiệu tàn lụi ngay giữa kinh đô Đại Việt.

Kiệu qua cửa Đại Triều ở phía tây hoàng thành rồi dừng trước điện Thiên An. Phụ tử Hưng Đạo Vương sửa sang áo mũ cho tể chính, cha trước con sau cùng tiến vào hành cùng dành cho việc Quan gia tiếp chiêu. Nhiều vương hầu, khanh tướng đến trước đang xầm xì bàn tán, thấy Hưng Đạo xuất hiện bên im bật rồi cất tiếng chào hỏi theo lệ. Nét mặt mọi người đều căng thẳng, nhiều người trông ảm đạm như nhà có tang; có văn thần cứ lăm lét nhìn đồng liêu như kẻ mất hồn; lại có võ tướng đứng thu lu một góc như sợ bị ai đó chỉ mặt gọi tên. Nhưng cũng có những người khí phách, ánh mắt cương nghị rực ý chí bất bình, bàn tay nắm chặt như muốn bóp cho tan khối hờn bóng rầy.

Tiết chế đứng ở hàng đầu. Phía sau là các trọng thần trong triều; thấy có mặt Đinh Cung Viên, Nguyễn Thuyên, Lê Văn Hưu và Nhân Túc Vương Trần Toàn. Các con của Hưng Đạo đứng ở hàng giữa cùng với Trần Bình Trọng và Trần Khánh Đur. Thái sư Trần Quang Khải mới đến, đứng bên cạnh Hưng Đạo và Nhật Duật. Chỗ của Quốc Khang và Ích Tắc còn trống,

chưa thấy họ xuất hiện. Trừ mấy người ở xa chưa về kịp, hơn trăm vương hầu và quần thần đã hội đủ dưới bệ rồng, chờ nhị hoàng thiết triều.

Kinh đô Thăng Long do nhà Lý xây dựng trên nền thành Đại La thời Bắc thuộc. Được thiết kế cấu trúc tam trùng, gồm ba lớp thành bao bọc nhau. Lớp ngoài cùng là kinh thành, bên trong có dân cư quần tụ theo hoạt động nghề nghiệp, tuy phố phường chưa định hình rõ rệt nhưng cũng có những đường ngang lối dọc với các khu chợ và các tiệm buôn bán. Lớp thứ hai là hoàng thành, nơi có các cung điện dành cho hoạt động triều chính, các vườn hoa và hồ nước để hoàng thượng và quần thần ngự lãm, các đền chùa phục vụ cho đời sống tâm linh của vua quan. Lớp trong cùng là cấm thành, dùng làm nơi ở của nhà vua và hậu cung của ngài.

Điện Thiên An nhìn ra sân chầu Long Trì, thông thường chính điện là nơi nhà vua thiết triều, nhưng thỉnh thoảng vào mùa hạ, khi trời oi bức quá, các vua lại đổi giờ chầu sang xế chiều rồi cho bày ghế ra ngoài sân để vua quan đàm luận. Trong điện đặt ngai rồng cao hơn nền nhà ba bậc, khi có Thượng hoàng dự chầu thì đặt thêm một ngai nữa bên cạnh. Trên phương diện chính thống, ngai của Quan gia nhìn hơn ngai của Thượng hoàng, song nhiều khi ngai lớn phải phục tùng ý chỉ của ngai nhỏ.

Chiêu Quốc Vương Ích Tắc đến dự chầu, khiến Hưng Đạo và Quang Khải cùng bất ngờ. Họ cứ nghĩ y cáo bệnh nằm nhà, chờ thời cơ làm điều sai quấy. Không mang bộ mặt của người bị ốm, còn có vẻ tự đắc hơn lệ thường, Chiêu Quốc phớt lờ chẳng chào hỏi anh ruột lẫn các vương có tư tưởng chủ chiến. Quốc Tuấn nghĩ “Ích Tắc coi đây là phiên chợ chiều, không lâu nữa sẽ giải tán cả nên bất chấp nghi lễ. Cũng chẳng sao, buổi chợ nay tàn thì sớm mai sẽ có phiên chợ mới, bấy giờ rác rưởi đã được dọn sạch”.

Đã qua giờ thìn vẫn chưa thấy các vua xuất hiện, bá quan có phần mệt, nhiều người uể oải quá mà quên cả thể thống, cứ vận lưng, bẻ cổ suốt. Hình như ai cũng thiếu ngủ nên mới ra nông nổi thế. Cũng chẳng thể trách họ, vạn sự đang yên lành bỗng dưng nghe tai họa chết chóc sắp đổ xuống đầu, ai ngủ ngon mới là kẻ bất thường. Nghe nói các vua tiếp châu muện cũng vì cơ sự cả; đường xá xa xôi, vó ngựa gập ghềnh mà trong lòng thì bất ổn nên Thượng hoàng xuống sức làm mệt; còn quan gia mất đứt nửa ngày vỗ về các ái khanh của ngài, bởi từ hậu tới phi cứ bắn cả lên khi biết tin giặc già sắp tràn qua.

Rồi nhị hoàng cũng lên điện, vương hầu khanh tướng quỳ mọp mà tụng câu “vạn tuế”, nhưng âm lượng có phần trầm hơn và kém khí thế hơn bình thường. Hai vua an tọa, quần thần chấp tay đứng châu, Quan gia nhìn khắp lượt quan tướng, đằng hắng mấy cái rồi lên tiếng:

– Chắc các khanh đã nắm được thông tin, trẫm không cần nhắc lại nữa. Giờ điều cần bàn là tìm đối sách để chế ngự mối họa này. Sáng qua trẫm đã sai Trung đại phu Trần Phủ và Thiếu Khanh Trần Quân khẩn cấp sang Nguyên tìm cách hoãn chiến. Nhưng đấy chỉ là kế tạm thời. Các khanh phải giúp trẫm tìm ra kế sách lâu dài để bảo toàn cơ nghiệp của nhà Trần ta.

Mọi người chưa ai dám bày tỏ thái độ, họ còn chờ Thượng hoàng mở lời, bấy giờ sẽ đoán ý của ngài mà nói. Thánh Tông quá hiểu cung cách ứng xử của đình thần, ngài bảo:

– Như thế là bệ hạ muốn các người bàn bạc cho kỹ hướng thoát hiểm. Trước mắt chỉ có hai hướng, đó là hòa hoặc chiến. Hòa thì có thể giữ mạng, giang sơn tránh được họa tàn phá, nhưng nhục nhã và bị thua thiệt đủ đường, thậm chí vương triều này cũng không còn. Chiến ắt đổ máu, điêu tàn và tang tóc; đánh mà thua thì mất hết, quân thần bị đẩy sang Nguyên

còn Đại Việt thành châu quận phương Bắc; đánh mà thắng sẽ oanh liệt, xã tắc được vẹn toàn, sử xanh ghi dấu muôn đời. Vậy các người hãy trình bày xem nên hòa hay chiến, hòa thì làm sao cho đỡ ô nhục với tông miếu và có lợi cho nước nhà, còn chiến thì làm cách nào để thắng?

Đình thần lúng túng nhìn nhau, Quan gia không muốn bộc lộ ý định của người, Thượng hoàng nói rõ về tình thế và hậu quả, nhưng chủ ý của ngài định hòa hay chiến thì chưa biết. Bậc chính trực không ngại nói thẳng, Chiêu Minh Vương lên tiếng trước:

– Khởi bẩm nhị hoàng, chúng ta phải đánh thôi, dứt khoát không thể hòa để rồi mất vương triều, như thế là có tội với tiên đế, có tội với tiền nhân đã gây dựng nên giang sơn này.

Nhân Túc Vương Trần Toàn hỏi vặn:

– Chiêu Minh đòi đánh, vậy hãy nói rõ ta lấy gì mà đánh với năm mươi vạn quân Thát, dùng kế sách gì để khỏi thua?

Chiêu Minh đáp:

– Ta có mười lăm vạn quân, sẽ tuyển thêm dăm vạn trong mấy ngày tới, còn có vài vạn quân vương hầu và hàng triệu người dân có thể cầm vũ khí đánh giặc. Kế sách đánh giặc đã có...

Khi nước lụt sắp tràn về, thường mạnh ai nấy chạy, người ta bất chấp trật tự mà cố kiếm cho mình một lối thoát thân tốt nhất. Chốn đình thần xưa nay không có chuyện cướp lời, tranh nói, vậy mà nó đã xảy ra trong buổi nghị đàm hôm ấy. Không chờ Thái sư nói dứt, như có tín hiệu khơi mào, nhiều người nhao nhao phản ứng, người này kêu rêu “Giặc đông gấp ba, đánh sao lại chúng?”, kẻ kia phàn nàn “Quân Thát thiện chiến, quân ta ô hợp, đánh gì mà đánh”, có đại thần còn mỉa mai “Ngài bảo huy động dân chúng đánh giặc thì khác nào xua người ta vào chỗ chết”. Hình như họ đang

ra sức phơi bày tư tưởng phản chiến của mình cốt làm vừa lòng ai đó, để ngộ nhờ mai một thời thế đổi thay còn giữ được cái thủ cấp trên cổ.

Phe ủng hộ Thái sư cũng không vừa, tiếng gầm ghè và những lời thô thiển từ cửa miệng các chiến tướng làm choáng ngợp cả không gian nghị định nghiêm cẩn, nào là “hèn mạt”, “ô danh”, nào là “giá áo túi cơm”, “tham sống sợ chết”... Chẳng mấy chốc chốn quan trường thành cái chợ vỡ, áo mũ xênh xang cũng điêu trác không kém mấy mụ hàng tôm hàng cá. Không bên nào chịu nhường bên nào, nhưng bên chủ hòa có phần lấn lướt. Dĩ nhiên đám nho sĩ áo thụng uốn lưỡi giỏi hơn đám chiến tướng binh giáp gò bó.

Chiêu Minh đỏ mặt tía tai vì tức giận, Hưng Đạo rỉ tai Thái sư, khuyên ngài giữ bình tĩnh, hãy chờ xem Quan gia xử lý ra sao? Quả nhiên hoàng thượng chịu không nổi nên quát ầm lên:

– Cãi vã đủ rồi. Các người không xem ai ra gì cả. Nhà chưa cháy đã lòi ra lắm chuột thế? Kẻ nào còn to mồm vô lối thì ta sẽ đuổi cổ ra ngoài.

Đình thần nín khe, có lẽ bấy giờ họ mới sức tỉnh để nhận biết vua vẫn là vua, tôi vẫn là tôi, triều đình Đại Việt chưa hề rã đám. Nhân Tông nói tiếp:

– Ta đã rõ cả rồi. Một nửa muốn hòa, một nửa muốn chiến. Nay bên hòa có kẻ nào giỏi lý lẽ hãy trình bày chủ ý cho ta và Thượng hoàng nghe thử?

Ích Tắc mở miệng hùng biện:

– Khi Tần vương hùng mạnh, nước Hàn liệu sức không chống nổi, Hàn vương An đã xin quy thuận nên tránh được họa sinh linh đồ thán, nước Triệu khăng khăng cự tuyệt khiến thành Hàm Đan bị tàn phá, vua Triệu là U Mục Vương thành tù binh, quân sĩ và dân thường chết vô số kể. Chẳng

những Hàn, Triệu cả Ngụy, Sở, Yên, Tề cũng bị Tần vương thôn tính, nước lớn mạnh chinh phục nước nhỏ yếu là chuyện thường tình xưa nay. Trước sau cũng mất những Hàn không bị tan hoang và giết chóc, Triệu cũng mất những thành tan, dân chết, vua tù đầy. Há đấy chẳng phải là kinh nghiệm xương máu để ta suy ngẫm hay sao? Huống hồ nay đã khác xưa. Trước kia mất nước là liệt độ, chẳng còn đất đai, lãnh thổ của mình; bây giờ ta không chống lại mà cam kết thực hiện một số điều cho phải lẽ thì Nguyên có thu phục cũng chỉ là hình thức, họ vẫn để cho bộ hạ cai quản nước Nam chứ không có ý phế bỏ. Khẩn mong nhị hoàng soi xét để giữ được nước lại tránh được họa binh đao vô ích.^ [^134-img]

Lê Văn Hưu hỏi:

– Chiêu Quốc Vương cho rằng Triệu ngoan cố chống Tần nhưng bị thua nên chuốc họa tàn khốc, có phải hàm ý nói nếu ta chống Nguyên bị thua cũng gặp nạn tương tự, còn nếu ta chấp nhận đầu hàng thì vua tôi và dân chúng sẽ thoát nạn?

Ích Tắc đáp:

– Đúng vậy.

Văn Hưu lại hỏi:

– Thế ngài có biết chuyện mấy chục năm trước khi người Thát đánh Tây Hạ, vua Tây Hạ là Lý Hiến đã chấp nhận quy hàng nhưng vẫn bị giết hại, thành trì, cung điện bị đốt phá tan tành, lăng miếu bị đào bật di cốt, quá nửa dân trong thành bị quăng vào lửa hoặc bị chôn sống?

Câu hỏi của Văn Hưu làm Ích Tắc ngớ người, ứ ớ không biết nói gì. Các quan tướng xầm xì bàn tán, nhiều người rùng mình trước cách miêu tả ghê rợn của vị Hàn lâm học sĩ kiêm sử gia. Ở tít hàng cuối có người mở mồm bao biện cho Ích Tắc:

– Chiêu Quốc đại nhân không phải là người viết sử nên không nắm được những chuyện gần đây, vốn không có trong thư tịch. Nhưng Lê học sĩ nói một mà không nói hai, trước đó Tây Hạ đã chiến tranh với Thát, tuy vua Tây Hạ cùng đường phải xin hàng song vẫn khiến quân Thát giận dữ, nên mới ra thế.

Mọi người quay lại nhìn, thì ra đó là Trần Lộng tước Chương Hoài Thượng Hầu, một viên tướng trẻ trong tổn thất, thông minh hiếu học nhưng gian hùng. Lộng vừa dứt lời đã thấy Trần Bình Trọng cười âm thầm rồi nói:

– Tên là Lộng nên cách nói cũng lộng ngôn lắm. Người chê Lê học sĩ không nói hết chuyện, còn người đã nghĩ hết óc chưa? Chúng ta có khác gì Tây Hạ, trước kia tiên đế từng đánh cho bọn Ngột Lương Hợp Thai chẳng còn manh giáp, bây giờ nếu ta xin hàng thì cũng bị giặc Thát trả thù hèn hạ. Vậy có ai còn muốn hàng không?

Trần Lộng nín thinh, đám chủ hòa im thin thít. Phe chủ chiến xem ra hả dạ nên bộ mặt người nào cũng đắc chí lắm. Hưng Đạo Vương mừng thầm trong bụng, ngài chờ nhị hoàng mở lời hỏi, bây giờ sẽ lên tiếng. Từ đầu buổi chiều đến giờ vương chưa nói câu nào, chẳng qua ngài có chủ ý, cứ để mọi người nói thả cửa, phe muốn đánh đâu để bị bọn muốn hàng lấn át, khi lũ ươn hèn nao núng thì ngài sẽ làm nốt phần việc của mình, như vậy vừa không mang tiếng cậy quyền Tiết chế mà “cả vú lấp miệng em” lại ra đòn đúng thời điểm khiến lũ cầu hòa không có cơ hội ngóc đầu dậy.

Đúng như Vương dự đoán, Quan gia yêu cầu Hưng Đạo lên tiếng:

– Tiết chế nghĩ sao về việc này?

Hưng Đạo chấp tay, mắt nhìn thẳng các vua, giọng dịu hần xuống, mà rằng:

– Mấy hôm trước, để truyền tin giặc động binh, các tôi tớ của thần đã

bỏ mình trên biên giới. Nhiều thổ dân hy sinh để cứu người mang tin. Năm chục con dân nước Nam đánh một trận ngang tài ngang sức với hơn trăm giặc Thát, làm chúng tổn thất nặng nên không dám tràn qua đất ta bắt người. Trận ấy, dân ta chỉ bằng một nửa giặc, nhưng họ chiến đấu bảo vệ đồng bào nên tinh thần cao gấp mười giặc. Chẳng lẽ chúng ta thua kém người dân sao? Chỉ cần có dũng khí như người sơn cước thì hai mươi vạn vệ quốc quân không ngại gì năm mươi vạn giặc Thát. Chúng đâu quá tài giỏi như nhiều người lầm tưởng, dân binh còn đối đầu được, huống chi chiến binh. Thái sư nói rất đúng, trăm vạn dân có thể cầm vũ khí, thuồng cuốc và dao rựa cũng sắc bén lắm, chớ coi thường sức mạnh của họ. Thần thánh cầu nhĩ hoàng cho đánh, dứt khoát phải đánh. Còn ai vì quá lo sợ mà muốn hàng thì hãy tỉnh ngộ, kéo về sau hồi không kịp.

Lực lượng chủ chiến ào ào cổ vũ Hưng Đạo Vương. Trần Nhật Duật hét khản cả tiếng “Quốc Tuấn nói chí lý, dứt khoát phải đánh”. Trần Khánh Dư cao giọng giễu cợt “Kẻ nào muốn hàng xin Quan gia cứ tống cổ về cho đi bán than, lúc ấy mới biết thân”. Mọi người phì cười trước gợi ý hài hước của Nhân Huệ. Hưng Trí Vương đứng bên cạnh đùa giỡn “Sự tích bán than của ngài nên chép vào quốc sử”. Nghe em nói thế, Hưng Vũ Vương bảo “Chú đừng khơi chuyện cũ nữa, mọi cái qua rồi”. Khánh Dư liếc nhìn Quốc Nghiễn bằng ánh mắt hàm ơn. Nhân Huệ biết cự tình địch là người độ lượng, chẳng chấp nên chuyện đã qua, nhưng mỗi lần gặp mặt nhau, trong lòng ông không khỏi hổ thẹn.

Ích Tắc cup mặt xuống để che giấu sự thất vọng, phe chủ hòa đang bị dồn vào chân tường, nhưng y chưa biết cách nào gỡ bí. Thái sư Trần Quang Khải thấy tình thế đã thuận lợi, để chứng tỏ lực lượng chủ chiến có kỷ cương, ngài nói lớn:

– Chúng ta thể hiện ý chí quyết chiến là cần thiết, nhưng không nên quá kích động kéo làm tổn hại tôn ti triều chính. Nhờ uy vũ của tiên đế phù trợ, dũng khí đánh giặc đang sôi sục trong tâm can đình thần, xin nhị hoàng cao minh hãy dẫn dắt quân dân Đại Việt dẫn thân vào trận máu lửa này.

Thượng hoàng giơ tay làm hiệu, có ý bảo mọi người im lặng, rồi ngài hỏi:

– Ta biết nhiều người muốn đánh, nhưng không thể mạnh ai nấy đánh, vậy ai có kế sách gì hãy lên tiếng cho ta và bệ hạ được biết?

Thái sư đáp:

– Bẩm nhị hoàng, Tiết chế có soạn kế đánh giặc, thần cũng được tham vấn, vậy xin để Hưng Đạo trình bày cho Thượng hoàng và Quan gia xem xét.

Tuy Nhân Tông đã gật đầu chấp thuận, nhưng Quốc Tuấn còn đang cân nhắc về cách trình bày quyết sách. Vừa kịp lúc Tĩnh Quốc Vương Trần Quốc Khang và Chương Hiến Hầu Trần Kiện từ Hoan Ái ra đến nơi, quân thần bận nghi lễ xưng tụng, Vương có thêm thời gian để suy xét cẩn trọng hơn. Ngài vốn băn khoăn là nên tóm tắt sơ lược hay giải thích chi tiết? Nếu sơ lược thì sợ các vua và đình thần khó thông, nếu chi tiết quá ngộ nhờ có kẻ phản trắc truyền tin cho giặc thì khác nào bày đường cho chúng triệt ta. Cuối cùng Vương cho rằng “Cứ vượt qua ải đình thần đã, rồi tùy cơ mà lèo lái”.

Hai vua và quần thần đã sẵn sàng nghe, Vương bắt đầu trình tấu:

– Khởi bẩm nhị hoàng, được bệ rồng tín cẩn giao phó trọng trách Tiết chế, hạ thần đã nhiều ngày trăn trở về đường lối chống giặc, làm sao đập cho tan cuộc xâm lăng của chúng, giúp vương triều vượt qua đại họa này. May nhờ tiền nhân chỉ lối và thần vũ của tiên đế soi sáng, bầy tôi đã tìm ra

quyết sách gồm bảy điểm với hai mươi tám chữ. Đó là “Ngụy nhữn hoãn chinh. Gia tăng phòng tuyến. Nhất quốc đồng tâm. Tị kinh thượng sơn. Quân dân hiệp lực. Du binh chế cường. Tầm cơ tứ chiếnVờ nhữn hoãn chiến; Tăng cường phòng thủ; Cả nước đồng lòng; Rời kinh lên núi; Vua và dân hợp lực; Dùng nhanh chế mạnh; Chờ thời phản công.”.

Nhân tông phán:

– Khanh hãy giải thích cụ thể từng điểm để các quan bàn nghị cho thấu đáo.

Hưng Đạo phụng mệnh, lý giải từng điểm trước sau:

– Điểm thứ nhất “Ngụy nhữn hoãn chinh”. Ngày giặc tiến đánh chẳng còn bao lâu nữa, trong khi chúng ta chỉ mới bắt đầu khởi động lực lượng đối phó, rất cần có thêm thời gian để tổ chức phòng chống. Trước sau cũng phải đối diện cuộc chiến này, nhưng nếu chuẩn bị tốt hơn thì ta không bị động, còn tranh thủ tuyển thêm quân, rèn thêm vũ khí, triều đình và người dân cũng kịp cất giấu tài sản, lương thực và di tản nạn. Mông Thát giả kế mượn đường đánh Chiêm để diệt ta, thì Đông A cũng giả kế nhử nhữn, chấp nhận điều đình hàng khiến giặc mắc bẫy tưởng ta muốn nhượng bộ mà tạm thời hoãn chiến.

Nguyễn Thuyên hỏi:

– Khởi bẩm hoàng thượng, thần xin mạo muội hỏi, việc người cử sứ khẩn cấp sang Nguyên ngày hôm qua có nằm trong kế này không?

Nhân Tông đáp:

– Ta cũng nắm được chú ý của Hưng Đạo Vương, thấy việc cần thiết nên cho tiến hành gấp.

Ở bên dưới, nhiều người ngầm hiểu “Thì ra bệ hạ và Tiết chế có bàn

định trước về kế sách chống giặc. Vua đã thuận chiến rồi, việc nghị đình hôm nay chỉ là phép thử lòng bầy tôi”. Hưng Đạo nói tiếp:

– Điểm thứ hai “Gia tăng phòng tuyến”. Quân Nguyên tập trung chủ yếu ở hướng đông bắc. Khi chúng tràn sang phải vượt qua nhiều ải độc đạo, đấy chính là nơi ta sẽ phục kích để cản giặc. Đằng sau ải sẽ lập nhiều phòng tuyến ở vùng núi lẫn cửa sông biển, sử dụng các vệ quân và lộ quân kết hợp quân của vương hầu ngăn chúng tiến về Thăng Long. Ở hướng tây bắc, lực lượng giặc ít, chỉ cần quân của Chiêu Văn và thêm dân binh các trại là đủ sức chống. Ở hướng nam, yêu cầu Tĩnh Quốc lập tuyến phòng thủ trên sông Gianh hoặc sông La, chặn quân Toa Đô từ Chiêm Thành đánh ra. Nếu bọn Toa Đô và Ô Mã Nhi hợp quân rồi kéo vào Ái Châu bằng đường thủy, Chương Hiến đang trấn thủ trong ấy có trách nhiệm lập tuyến phòng vệ tại cửa sông Ngu Giang.

Chương Hiến hầu Trần Kiện mới thượng triều, còn lơ ngơ chưa rõ đình thần trắng đen ra sao, lại được Hưng Đạo chỉ đích danh, bèn lên tiếng hỏi:

– Ngài yêu cầu lập phòng tuyến, trong khi tại hạ chỉ có chừng bảy ngàn quân, nếu huy động cả ra cửa sông thì lấy đâu người để giữ thành, giữ phủ?

Hưng Đạo đáp:

– Giữ phủ đệ là việc của gia binh, còn giữ thành lại phụ thuộc vào thắng bại ở phòng tuyến. Nếu giặc kéo vào Ngu Giang mà phòng tuyến của Chương Hiến không cản được thì thành trì trước sau cũng mất. Khi cần hãy bỏ thành vào rừng mà đánh giặc.

Trần Kiện nín thinh. Ích Tắc dò hỏi:

– Quốc Tuấn muốn lập phòng tuyến đông bắc, có thể cho quân thần

biết cụ thể hơn không?

Hưng Đạo ngờ vực nên né tránh:

– Việc này ta và Thái sư sẽ trình với Thượng hoàng và Quan gia sau.

Rồi Vương chuyển nhanh sang điểm khác:

– Điểm thứ ba “Nhất quốc đồng tâm”. Trong cuộc chiến, để thắng kẻ thù chúng ta cần kết hợp sức mạnh của người dân, muốn được vậy phải chấn hưng tinh thần dân chúng, cho người người, nhà nhà cùng chung chí hướng đánh đuổi ngoại xâm. Thần thỉnh cầu nhị hoàng mở hội nghị với người dân trong nước, triệu với các bô lão ở mọi miền về kinh dự đàm...

Thánh Tông nghe đến đấy, bèn ngắt lời Hưng Đạo:

– Việc này ta chưa thấy có ở thời nào. Tiết chế giải thích rõ tại sao phải mời các bô lão về kinh hội họp?

Thấy xung quanh xầm xì bàn tán, Hưng Đạo điềm tĩnh trả lời:

– Bẩm nhị hoàng, người xưa có câu “Đi hỏi già, về nhà hỏi trẻ”, bô lão là người từng trải, có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống, nên đối với người Việt ta, các bậc cao niên trong gia đình là chỗ dựa tinh thần của con cháu, được con cháu kính trọng và nghe lời. Được hoàng thượng mới về kinh là hãnh diện lớn của bô lão, họ sẽ đem tinh thần quyết chiến của bậc chí tôn truyền bá khắp nước, thúc giục con cháu hăng hái tòng chinh đánh giặc. Tình thế rất cấp bách, xin Thượng hoàng và Quan gia đừng vì thời trước không làm mà bỏ đi điểm này.

Ở phía sau có người nói lớn “Khởi bẩm nhị hoàng, điều này không thể chấp nhận được”. Các quan ngoái nhìn, thì ra đó là Vũ Đạo Hầu, một người trong tôn thất. Nhân Tông hỏi:

– Tại sao không chấp nhận được, phải nói cho rõ?

Vũ Đạo đáp:

– Đạo người ở thời nào cũng phân định kẻ trên người dưới, từ đó mà quy ra lễ để điều hành thiên hạ. Dân chúng trong nước đều là bầy tôi của vua, Khổng Tử dạy “Vua sử dụng bề tôi phải theo lễ, bề tôi phụng thờ vua phải theo trung”, xưa nay chưa hề có lễ vua phải mời bầy tôi là hạng thứ dân vào triều để hỏi han, tham vấn. Hạ thần biết dụng ý của Hưng Đạo muốn tạo mối giao hòa quân dân để tìm sự đồng thuận về tinh thần chủ chiến, nhưng như vậy là vô lễ. Hữu Tử đã nói “Trong mọi việc chỉ biết hài hòa, không lấy lễ nghĩa để tiết chế thì việc gì cũng không xong”. Tuổi già thì sự minh mẫn suy giảm, hoàng thượng có giải bày chắc gì người ta đã hiểu, thái độ và cung cách ăn nói của họ ra sao chưa biết nhưng chắc rằng không phải là điều mực thước. Đây là chưa kể phát sinh một lệ phiền toái, dễ khiến thứ dân lòng chồn cựa trùu tôn nghiêm.

Hưng Đạo bắt bẻ lại:

– Việc hoàng thượng mời bô lão vào kinh tham vấn không hề vô lễ hay trái lễ. Mạnh Tử nói “Dân vi quý, xã tắc thứ chi”. Tại sao mời những người mà các bậc thánh hiền đã đề cao là quý nhất, đáng trọng nhất đến kinh sư để trao đổi tâm tư của bách tính lại cho là không theo lễ? Vũ Đạo sợ rằng vua nói các bô lão không hiểu, thế là ông quên cả lời răn của Khổng Tử “Không sợ người không hiểu ta mà chỉ sợ ta không hiểu người”. Như vậy là khinh mạn người già quá đấy, trong khi xét theo tuổi thì ông cũng lên lão lâu rồi.

Mọi người cười ồ bởi cách ví von hài hước nhưng rất sắc bén của Hưng Đạo Vương. Vì theo tuổi tác, Vũ Đạo đã ngoài sáu mươi, thuộc hàng lão cả chục năm có lẻ. Nhân Tông cũng che miệng cười, nhân lúc đình thân đang vui, ngài muốn chuyển hướng, bèn nói:

– Nếu không ai có ý kiến gì khác, coi như cho qua. Tiết chế chuyển sang mục khác đi.

Hưng Đạo nhẹ cả người, vội nói tiếp:

– Điểm thứ tư “Tị kinh thượng sơn”. Lúc giặc mới kéo sang, lực lượng tập trung, quân đông, sức mạnh. Các phòng tuyến của ta sẽ cố ngăn cản bước tiến của địch. Nếu chúng vượt qua được ắt dồn quân đánh chiếm kinh đô. Giặc có thể đem sang mười hai cự thạch pháo với mục đích công phá Thăng Long, ta không biết tránh đòn mà cố thủ chống cự thì e rằng kinh sư sẽ tan tành. Vậy thần nhất thiết đề nghị: khi tình hình khẩn cấp, nhị hoàng và bá quan nên rời kinh, dân chúng cũng di tản tứ xứ, giặc kéo vào chỉ chiếm được cái thành rỗng. Rừng núi của ta, làng bản của ta, bất cứ chốn nào trên lãnh thổ này cũng có thể là nơi quân thần nương náu tạm thời để tổ chức kháng chiến.

Nhật Duật hỏi:

– Cự thạch pháo là loại vũ khí gì, ta cũng từng nghe qua nhưng không biết cụ thể.

Lê Văn Hưu giải thích:

– Là loại máy bắn đá hộc rất khủng khiếp, dùng cần đẩy những viên đá to cỡ một người ôm bay xa tới cả dặm, phá tường thành, nhà cửa làm mọi thứ đều vỡ nát. Hồi đánh kinh đô nước Kim là thành Biện Kinh, quân Thát dùng tám cỗ cự thạch pháo bắn phá tan hoang khiến Kim phải thất trận, đầu hàng.

Quần thần bàn tán sôi nổi lắm, nghe Văn Hưu kể về hiệu quả của máy phá thành cũng sợ thật, nhưng việc đưa cả bầu đoàn thể tử rời kinh vào rừng, lên núi mà lẩn tránh thì quả là điều không vui vẻ gì đối với tầng lớp thượng lưu vốn chỉ quen sống nhàn nhã phủ phê chốn lầu son gác tía. Nhìn

Thượng hoàng và Quan gia cùng chau mày nghĩ ngợi, mọi người ngầm biết hai vua đang đau đầu, hậu cung của các ngài mà kéo cả lên non thì có mà bầm dập hết.

Phe chủ hòa đoán ý vua bèn rắp ranh phản ứng. Có tiếng ồm ồm vang lên từ phía sau “Xin được hỏi Hưng Đạo Vương”, mọi người nhận ra ngay đó là lão tướng Phạm Cự Địa:

– Kinh sư là đầu não của quốc gia, bỏ mà đi thì cũng như mất nước, sao không nhường nhịn họ để cho nước yên ổn, quân thần cũng đỡ khổ?

Hưng Đạo quyết liệt phản công:

– Ông quên rồi sao? Năm Nguyên Phong thứ sáu (1258) tiên đế từng cho rút khỏi kinh thành nhưng không đầy hai tháng sau vua ta đã hoàn kinh, còn Ngột Lương Hợp Thai thì cuốn xéo biệt tăm. Đáng lẽ ông phải truyền tinh thần Nguyên Phong cho con cháu chứ đừng nên đứng đấy run rẩy vì lo sợ phải chinh chiến mệt nhọc.

Cự Địa giận tím mặt nhưng chẳng giám ho he gì nữa. Đình Cung Viên hiểu sự hoang mang của quần thần, bèn đề đạt ý kiến dung hòa:

– Theo thiện ý của hạ thần, việc rút khỏi kinh thành nên làm từng bước, tránh sự dồn dập dễ gây ra hoảng loạn trong dân chúng. Chờ thêm ít bữa, khi sứ ta trở về, bấy giờ tình hình rõ ràng hơn, lúc ấy nhị hoàng hăng quyết định.

Nhân Tông phán:

– Được rồi. Việc này chờ sứ về sẽ quyết sau.

Hưng Đạo tiếp tục trình bày:

– Điểm thứ năm “Quân dân hiệp lực”. Muốn chiến thắng trận này, ngoài đội quân của vua còn cần sự hưởng ứng của dân. Các vương hầu tập

hợp cho động gia binh, chiêu dụ mọi thủ lĩnh miền núi cùng tham gia đánh giặc, đề nghị bộ lão vận động con cháu tông chình, khuyên người ở lại tự vũ trang, lập đội chiến đấu giữ làng giữ bản. Cần điều vài trăm quân hiệu tỏa đi khắp nơi, dùng loa kêu gọi dân chúng chôn giấu lương thực, cất giấu gia súc để không bị bọn giặc thu giữ, ai đủ sức thì mài dao sửa cuốc làm vũ khí, khi có thời cơ thì rủ nhau đánh giết những toàn quân nhỏ của giặc.

Khoản này không ai có ý kiến gì, Hưng Đạo tranh thủ luận sang điểm khác:

– Điểm thứ sáu “Du binh chế cường”. Muốn phá thế giặc phải có cách đánh phù hợp với ta. Giặc cậy trường trận, ta cậy đoản binh. Dùng đoản binh chế trường trận là sự thường trong binh pháp. Quân đánh theo binh pháp, dân đánh theo sở trường, miễn sao tiêu hao dần sinh lực của địch. Ban đầu thế giặc còn mạnh, ta nên tránh những trận đối đầu lớn, mà dùng lực lượng nhỏ tiến đánh bất ngờ rồi rút lui nhanh chóng, mượn địa thế rừng núi, sông ngòi làm chỗ giăng bẫy, nhử giặc vào tròng mà công kích, giặc huy động quân vây đuổi thì ta tản ra, hòa vào cây rừng, đá núi, nước sông.

Thượng hoàng hỏi:

– Lúc trước khanh nói cần lập chiến tuyến để ngăn giặc, như vậy phải dùng lực lượng lớn dàn quân ra mà đánh, bây giờ lại nói dùng quân nhỏ, du binh đánh nhanh rút nhanh. Vậy có mâu thuẫn không?

– Khởi bẩm Thượng hoàng, cách đánh của thần không hề mâu thuẫn. Ta lập chiến tuyến cản giặc ở những nơi xung yếu để quân dân phía sau có thời gian củng cố lực lượng và tổ chức di tản. Nhưng nếu bất lợi thì quân ta sẽ rút lui rồi dùng những đội quân nhỏ tập hậu, tạt sườn khiến chúng luôn ở trong tình thế bị động, phải lo chống đỡ, đối phó nhiều phía, không dám ở yên một chỗ, lúc nào cũng căng thẳng mệt mỏi.

Thấy Thượng hoàng có vẻ hài lòng, Hưng Đạo phấn khởi lắm, bèn trình bày tiếp:

– Điểm cuối cùng “Tầm cơ tứ chiến”. Giặc sa vào thế trận du binh ắt sẽ bị tổn thất đáng kể; dưới sông ta phá thuyền, trên bờ ta đốt trại, nếu chúng tập trung quân thì không thể mở rộng địa bàn đánh chiếm, nếu chúng phân tán sẽ phải lo đối phó với những cuộc tấn công chớp nhoáng của quân và dân ta. Phải triệt đường vận chuyển lương thực của chúng kết hợp với việc cất giấu cho kỹ lương thực của ta để chúng khó mà vơ vét. Thiếu cái ăn thì sức không mạnh, đợi sang hè bọn phương Bắc khốn khổ vì nắng nóng, bấy giờ ta sẽ tổng phản công trên các mặt trận. Đây là lúc huy động đại quân vào trận đánh lớn. Thần cam đoan muộn nhất là giữa mùa hạ, bọn Thoát Hoan sẽ tan vỡ mà tháo chạy về nước.

Vua Nhân Tông hỏi quần thần:

– Hưng Đạo nói giữa hạ sẽ tổng cổ Mông Thát, các thanh có tin lời của Tiết chế không?

Ở bên dưới, bảy tám chục gương mặt ưu tú của tinh thần quật cường Đại Việt cùng hô vang như sấm “Chúng thần tin tưởng”. Đám chủ hòa mặt mũi thất thần, cứ dúm dỏ cả người mà không dám phản ứng gì. Thánh Tông ra hiệu im lặng, ngài nói:

– Nghe các người bày tỏ ý chí, trăm xúc động lắm. Quả thật, khi mới nhận tin giặc động binh, trăm cũng hoang mang ghê gớm. Trên đường hồi kinh, trăm không ít lần trần trở với Quang Khải về khả năng kháng cự của ta. Lo lắng thế cũng là chuyện bình thường, vì dù mang danh Thượng hoàng nhưng trăm cũng là con người như các thanh nên nghe giặc dữ sắp tràn qua thì sao không rùng mình cho được? Xã tắc mấy mươi năm không chiến sự, việc cầm binh đao ra trận khiến người ta lạ lắm, rồi chưa đánh thì tay đã

mỏi, trí đã nản. Trước kia từng có đám nổi loạn, nhưng chỉ là lũ giặc có sách nhiễu, đánh chúng dễ như việc xua ong, đập kiến. Chiến tranh với Thát thì khác, chúng là bầy lang sói đã diệt nhiều nước bằng sức mạnh hung bạo chưa từng thấy xưa nay. Nhưng lúc nghĩ đến cơ nghiệp Đông A, nhớ đến việc năm xưa theo tiên đế đuổi Thát, lòng trầm cũng bớt xáo động hơn, rồi nghe các khanh tranh luận này giờ, trầm càng vững tâm hơn nữa bởi tin rằng có bầy tôi giúp vua khắc chế đại nạn này.

Quần thần cảm kích hô vang “Chúng thần nguyện theo nhị hoàng đánh thẳng Mông Thát”. Hưng Đạo và Quang Khải hưng phấn quá, hai vương nắm chặt tay nhau như truyền thêm niềm tin quyết chiến. Nhân Tông đồng dục ban lệnh:

– Không bàn cãi gì nữa. Chúng ta sẽ đánh. Tướng sĩ cứ theo quyết sách của Hưng Đạo mà đánh. Các khanh cho mời bô lão Ở mọi miền về kinh, vì các cụ tuổi cao sức yếu, đường xá xa xôi nên ta định hạn từ mười đến mười hai ngày nữa sẽ tổ chức hội nghị tại điện Diên Hồng. Các sảnh, viện đóng gói thư tịch, văn khố và giấy tờ quan trọng, khi có lệnh sẽ chuyển đi. Ngân khố và kho tàng giao cho Thái sư Chiêu Minh tổ chức cất giấu. Chấn chỉnh hành cung Tức Mặc để chuẩn bị di dời. Kể từ bây giờ ai còn tỏ ý muốn hàng sẽ trừng trị theo quốc pháp. Sớm mai Hưng Đạo cho họp quân cơ để bàn kế điều binh, trẫm và Thượng hoàng sẽ tới dự.

Mọi người ra về khi trời đã ngả chiều. Phạm Ngũ Lão cũng dự nghị đình nhưng chỉ là tướng nhỏ nên không dám phát biểu gì. Lúc nghe Hưng Đạo nói về người đưa tin bị tử trận trên biên giới, làm ông rất lo lắng về tính mạng của đứa cháu Phạm Thái. Tan buổi chiều, Ngũ Lão đứng chờ để gặp cho được cha vợ. Khi nhìn thấy chàng rể, Vương nói ngay “Thằng cháu nhà người bị thương khá nặng nhưng còn sống. Hắn kiên cường lắm khiến

ta cũng cảm phục. Người về từ biệt vợ con, mai họp xong sẽ cầm quân lên biên ải”.

Trong buổi họp với nhị hoàng, Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Khoái nhận trọng trách chỉ huy một vạn quân lên trấn giữ Khả Lan Vi và Đại Trại trên vùng biên giới xứ Lạng Giang, Hưng Đạo Vương cùng ba người con trai trực tiếp lên đông bắc lập phòng tuyến chống giặc.[^] [^236-img]

Trần Khánh Dư lĩnh hai trăm chiến thuyền ra trấn thủ Vân Đồn. Điều vệ quân Thần Sách vào Diên Châu tăng cường cho lực lượng của Tĩnh Quốc Vương. Thái sư Chiêu Minh Vương đốc thúc hai vạn quân trấn giữ kinh thành và tổ chức di dời kho tàng, ngân khố.

Thượng tuần tháng mười một, vua triệu tập hội nghị Diên Hồng, kinh thành Thăng Long nhận nhíp hấn lên sau nhiều ngày u uẩn bởi hơi hám chiến tranh đè nặng trên đầu mọi giai tầng xã hội.

Một bộ phận quan lại và dân chúng trước đó đã nhanh chân trời khỏi cái chốn có nguy cơ là tâm điểm của bão tố. Nhưng số đông vẫn ở lại, trong tâm trạng phập phồng lo âu và thấp thỏm nghe ngóng. Cũng không có gì khó hiểu, họa chiến tranh dầu ghê gớm thật song việc bỏ lại nhà cửa, cơ nghiệp mà lánh nạn chưa hề là một quyết định dễ dàng đối với những con người dành cả cuộc đời vun vén cho cuộc sống, đắp điểm được một chỗ dung thân vừa ý. Thế nên nhiều người đành tính một nước cờ linh động, gói ghém sẵn tư trang vào tay nải, khi giặc sắp đến là nhanh chóng bỏn tẩu.

Mấy ngày trước sứ bộ Trần Phủ đã về tới kinh, tin giặc lùi ngày tiến binh sang đầu tháng chạp được Quan gia và Thái sư bàn tính kỹ càng. Các

vị cho rằng chỉ nên chuyển tin đến Tiết chế và một số tướng lĩnh để họ trù liệu, đợi sau hội nghị Diên Hồng mới thông báo rộng rãi. Lúc ấy sẽ ban lệnh rời kinh, quan viên nha lại và hậu cung đi trước, hai vua ở lại để chỉ đạo cuộc chiến dưới sự bảo vệ của cấm quân và hơn một vạn vệ quân; các ngài sẽ ra đi khi tình thế nguy cấp. Khuyên cáo toàn bộ dân chúng di tản, để khi giặc kéo vào, Thăng Long chỉ còn là một tòa thành trống vắng.

Cái ngày mở hội nghị, tự nhiên bầu trời hửng nắng giữa mùa đông tái đại, đây quả là điềm ứng tốt lành của trời đất về một vận hội trùng phùng xưa nay chẳng hề có. Khắp mọi nẻo đường đến kinh đô, hàng đoàn người đổ về như trẩy lễ đầu năm. Người ở gần thì cuốc bộ, người ở xa thì ngồi ngựa, ngồi xe, từ xe ngựa cho đến xe bò, xe trâu đều có cả. Đoàn nào, nhóm nào cũng đủ mặt già trẻ và dăm anh lính tháp tùng. Các cụ ông mặc bộ cánh đẹp nhất, mái đầu bạc phơ và chiếc gậy trúc bóng là làm tôn thêm vị thế của bậc trưởng lão trong đoàn người. Có cụ từ miền Trung ra, có cụ từ phía bắc đến, người dưới biển lên, người trên núi xuống, sắc nâu roi rói, sắc chàm đậm đà, miệng tóp tép nhai trầu, tay đung đỉnh tràng hạt, tất cả cùng thư thái hướng về nơi chí tôn đang chờ đón.

Theo lệnh vua, các lộ phải cử lính hộ tống bộ lão về kinh sao cho bình an vô sự. Nhưng một cụ được mời thì có đến mười người đi theo, đấy là đám con cháu, xóm giềng và họ mạc. Người ta đi chẳng phải hy vọng được vào dự họp mà đi để cổ vũ và bày tỏ sự đồng lòng nhất trí của làng mình, của dòng họ mình đối với ý chí của bộ lão đại diện cho họ Ở chốn cửu trùng. Thấy làng kia đi đông thì làng này muốn đi đông hơn, thế là cái hiệu ứng dấy dây ấy cứ tăng dần lên theo cự ly càng gần càng đông đảo, thành thử kinh thành Thăng Long đột nhiên có non vạn người từ bốn phương quần tụ như vào hội lớn.

Nỗi lo buồn chiến tranh cũng tự nhiên mà vơi bớt đi để nhường chỗ cho niềm vui trước mắt. Dân chúng các phường vốn nhiều ngày ủ rũ bỗng tươi tỉnh lại mà ủa ra của chào đón và trẩy theo đoàn người tiến về hoàng thành. Hơn năm trăm bô lão được mời vào trong, những người đi theo và cư dân Thăng Long tụ tập bên ngoài háo hức đợi chờ kết quả nghị đàm quốc sự của quân dân°.

Trong hai cụ ở phường Cơ Xá được với dự họp, một người là ông thầy họ Đỗ. Theo tuổi tác, tuy đã ngót nghét lục tuần nhưng ông vẫn kém năm nhiều kỳ lão trong phường, song là người đáng kính lại có con tham gia tước vệ nên ông được mọi người nhất trí đề cử.

Đã hơn tháng nay, vợ chồng ông đồ mất ăn mất ngủ bởi lo nghĩ về cậu con trai. Theo hẹn ước thì tháng chín Thành sẽ cưới vợ, nay đã sang tháng mười một mà nó vẫn biền biệt không về. Nhà bà góa qua thăm hỏi thường xuyên nhưng đôi bên chẳng biết nói gì ngoài những lời an ủi qua lại. Mỗi lần nhìn khuôn mặt u sầu của Thị Đào là một lần lòng ông bà quặn thắt, bởi họ hiểu hơn ai hết nỗi chua xót của sự đợi chờ. Thế rồi đội tới tin tức chiến tranh khiến tâm trạng của hai người bị xáo trộn giữa niềm vui vẫn vợ và nỗi buồn thực tại. Khi ông cho rằng con mình chắc không sao, vì nó bận việc binh nên chưa thể về thì miệng bà chực cười, rồi lúc bà lo giặc giã, lo ngày mai con phải ra trận thì lòng ông muốn nhỏ lệ.

Thức dậy từ lúc trời chưa sáng để soạn sửa cho chỉnh tề, thầy đồ tạm gác nỗi lo về con trai mà hãnh diện mặc bộ gấm hoa vốn được may sẵn dành cho dịp đám cưới Đỗ Thành, ông tự nhủ “Năm mơ cũng chẳng ngờ được vào châu vua. Vậy mà có thật, hãnh diện quá đi chứ. Dứt khoát phải để vua biết người Cơ Xá không đốn hèn trước giặc Mông Thát”. Nhị lão của phường có tới hơn năm mươi người hộ tống, về phía nhà thầy đồ tất

nhiên có mặt bà vợ và nàng dâu tương lai. Ngoài niềm kiêu hãnh đưa chồng, cha lên kinh châu vua, hai người phụ nữ còn hy vọng biết đâu hỏi han được tin tức của người thân đang phụng sự triều đình.

Điện Diên Hồng nằm ở phía đông hoàng thành, vốn là nơi nhà vua tổ chức yến tiệc nhân các sự kiện trọng đại. Để bày tỏ tấm lòng trọng thị “dân vi quý” đối với bách tính, Thượng hoàng Thánh tông cho bày yến để thiết đãi phụ lão. Do số người đông, trong điện không đủ chứa nên phải kê bàn ghế ngoài sân bày biện tiệc tùng, tiện cho các cụ ngồi dùng bữa thoải mái. Mâm cỗ không cao lương mỹ vị, nhưng có các món ăn dân dã được chế biến từ gia súc, gia cầm quen thuộc và các loại bánh trái, xôi chè truyền thống.

Trước giờ thiết yến, Quan gia nói với Thượng hoàng:

– Con nghe thị vệ báo, dân chúng tụ tập ngoài hoàng thành đông lắm, người tứ xứ kéo về để bày tỏ tinh thần kiên cường trước quốc nạn.

Thượng hoàng vui vẻ đáp:

– Đây là điều đáng mừng, lòng dân quyết tâm đánh giặc thì ta còn sợ gì lũ phượng Bắc.

Nhân Tông gợi ý:

– Theo con, phụ hoàng phải chủ trì hôm nay, tuổi của người trò chuyện với bô lão sẽ phù hợp hơn hoàng nhi.

Thánh Tông cười mà rằng:

– Ta biết ngay mà, thế nào bệ hạ cũng vin vào tuổi tác để đùn đẩy công việc cho ông bố đã quy điền viên cư. Theo lý ngài là chủ thiên hạ thì phải gánh việc này, nhưng theo tình thì quả là cha hợp tuổi hơn. Nhưng dứt khoát ngài phải có tiếng nói quyết định đấy nhé.

Nhân Tông hồ hởi thưa:

– Bẩm phụ hoàng, con xin vâng.

Toàn thể phụ lão đã yên vị trên ghế tiệc, chỉ còn chờ các bậc chí tôn đến khai yến. Đầu giờ ty, kiệu vua xuất hiện trước sân, đằng sau có vài chục quan viên tháp tùng. Viên thị thần cất tiếng hô lạnh lạnh “Nhị hoàng giá đáo. Trăm họ lạy mừng”. Hai vua bước xuống kiệu, cùng bá quan tiến vào sân. Các bộ lão vội vàng nhô dậy, loay hoay tìm chỗ quỳ nhưng chật chội quá nên đành đứng yên một chỗ mà chấp tay xưng tụng đế vương “Thượng hoàng vạn vạn tuế. Hoàng thượng vạn vạn tuế”.

Thánh Tông mời mọi người an tọa rồi ngài tỏ lễ:

– Hôm nay trăm và hoàng thượng được hân hạnh đón chào trưởng lão trăm họ vào cung để quân dân tỏ bày với nhau về việc nước. Lòng thành sâu rộng mà sự tiếp đãi chẳng được là bao, chỉ có bữa yến đơn sơ thiết tặng, coi như là món quà cảm tạ chân tình của các cụ đã không quản ngại tuổi tác mà lặn lội đến kinh thành để đáp ứng thỉnh cầu của trăm. Bây giờ xin mời mọi người tự nhiên ăn uống cho vui vẻ.

Mấy trăm cụ già đồng thanh hô vang “Chúng dân đa tạ long ân”. Nhị hoàng cùng bá quan tỏa ra các bàn ăn cần mời mọc và thăm hỏi xã giao. Lát sau vua quan tể nhị lui vào điện để các cụ dùng bữa cho thoải mái. Bên trong điện trải chiếu hoa, duy có hai chiếc ghế dành cho Thượng hoàng và Quan gia, nhưng cũng chỉ là loại ghế bình thường để quân dân không quá xa cách.

Nửa canh giờ sau, các cụ lục tục vào điện ngồi kín dưới sàn. Ở phía trên, hai vua ngồi ghế, các quan chia nhau đứng hầu tả hữu, trong số ấy có

Thái sư Trần Quang Khải, Học Sĩ Đình Củng Viên và Quốc sử Viện giám tu Lê Văn Hưu. Khi cử tọa đã ổn định, Thượng hoàng Thánh Tông cất giọng trầm buồn tỏ bày sau trước:

– Giặc Mông Thát sắp kéo vào nước ta, xã tắc ắt nổi chìm hưng phế. Chúng huy động tới năm mươi vạn quân, trong khi lực lượng của ta nhỏ yếu hơn hẳn, nếu đánh chúng phải hao tổn máu sông xương núi. Muốn giặc hoãn binh thì chúng ta phải hòa, nói rõ hơn là chấp nhận đầu hàng. Bấy giờ Nguyên triều sẽ cử người sang cai trị, nước Đại Việt chẳng còn, triều đình Đại Việt thành một đám tượng đất không thể cử tay nhắc chân mà làm điều lợi dân ích nước, thuế phải nộp cho chúng hằng năm, quân phải theo chúng đi chinh chiến xứ khác, vua phải sang kinh đô giặc mà quỳ mọp cầu cạnh, thợ giỏi bị đưa về Nguyên để phục dịch, đàn bà đẹp bị ép làm tì thiếp ở phủ đệ ngoại tộc. Thế nước chông chênh, lòng người chia rẽ, kẻ yếu mềm muốn hòa cho yên thân, người dũng khí muốn đánh cho đỡ uất, khiến trăm và hoàng thượng nhiều ngày lo nghĩ mà nước mắt chan cơm, buồn tủi cho thân phận không có nổi lũ bầy tôi đồng tâm phò chúa, còn hồ thẹn với tổ tông đã gửi gắm cơ đồ mà nay để nó nghiêng ngả ba đào khi thần dân chưa nỗ lực giúp trăm giữ gìn cho yên định...

Nói đến đây, Thượng hoàng rưng rưng khóe mắt rồi thản nhiên khóc như ở chỗ không người. Hoàng thượng ngồi bên cạnh cũng sụt sịt giọt ngắn giọt dài. Các quan cùng đồng loạt nức nở. Giọt ngọc đế vương cao quý lắm, làm không ít phụ lão răng long đầu bạc bỗng bùi ngùi cảm xúc mà tuôn chảy những giọt lệ hiếm hoi. Chợt Thượng hoàng ngừng khóc, ngài dùng tay áo gấm vô tư quạt nước mắt, nói tiếp:

– Các bô lão là bậc trưởng bối trong tộc, trong làng, vốn từng trải nhân tình thế thái, lại được con cháu tín nhiệm đề cử thay mặt họ đến gặp vua mà

cho lời khuyên về việc nước. Vậy hãy cho trăm và hoàng thượng được nghe tiếng nói của thần dân các miền về cách đối phó với giặc Mông Thát?

Nhiều cánh tay giơ lên, ai cũng muốn tỏ bày tâm nguyện tới nhị vị chúa tể giang sơn. Nhân Tông đề nghị một bô lão già nhất ngồi ở chiếu đầu trình bày trước. Cụ già chống gậy trúc lập cập đứng dậy, hướng mặt về phía các vua, rồi lên tiếng:

– Lão người Ái Châu, đi mất sáu ngày mới ra tới kinh thành. Ngoài bảy mươi rồi mà vẫn cố sức ra đây bái kiến bệ hạ, chẳng qua được cả làng truyền cho cái tinh thần bền bỉ vượt gian khó. Nhiều cụ ở xa hơn lão, vậy cũng đến kinh thành rồi thôi. Nếu sợ không đủ sức đi xa thì làm sao có mặt ở đây được. Việc đánh giặc cũng thế, dù ta yếu hơn nhưng chí ta cao, lòng ta bền thì há lại sợ chúng? Lúc lên đường, mọi người dặn lão nói với vua “Thần dân không chấp nhận quỳ gối đầu hàng. Nhà vua hãy hiệu triệu đánh giặc, dân chúng sẽ sát cánh bên người”.

Ông nói rồi, tay vuốt chòm râu bạc phơ, đôi mắt mở trừng trừng như muốn chứng tỏ dũng khí được kết tụ từ tinh thần của con cháu. Các cụ ào ào hưởng ứng, cùng đồng thanh hô to “Xin vua hiệu triệu đánh giặc, thần dân luôn sẵn sàng”.

Một cụ khác bày tỏ:

– Lão từ Thiên Trường về đây, đi qua đâu cũng được mọi người cổ vũ nhiệt tình, họ bảo rằng dân ta chỉ biết có chúa Đông A, không chấp nhận bất cứ kẻ ngoại bang nào khác cai trị. Nhiều trai tráng còn giơ cánh tay thích chữ “Sát Thát” để chứng tỏ tinh thần quyết chiến. Vậy mà có những kẻ ăn lộc vua cả đời lại muốn hàng giặc? Lão đề nghị bệ hạ phải thẳng tay trừng trị để yên lòng dân.

Đám đông bô lão lại nhao nhao phụ họa, họ khản giọng hô vang “Dân

chúng chỉ biết vua Đông A, quyết không chấp nhận ngoại bang thống trị”. Ông thầy đồ phường Cơ Xá cũng hùng hực khí thế nhưng chưa biết làm sao bày tỏ được ý chí của mình; chợt nhớ đến đứa con đang biên biệt chưa về, ông thấy mình mạnh mẽ hẳn lên, liền đứng vụt dậy nói lớn “Thảo dân có con trai dưới trướng Hưng Đạo Vương, được cử sang đất giặc thám thính, nay vẫn chưa biết sống chết ra sao? Xin hoàng thượng cho lão được nói đôi lời”. Nhà vua nghe thấy bèn ra hiệu cho mọi người im lặng. Ông thầy lên tiếng:

– Nhà lão ở Cơ Xá, cách kinh thành có mấy dặm. Con trai lão được Hưng Đạo Vương sai sang Nguyên từ năm năm trước để dò la địch tình. Được về thăm nhà một lần, nó chẳng kịp cưới vợ đã phải lên đường. Nó hẹn thu này về làm đám cưới, nhưng đến giờ vẫn biệt tích. Nếu Đại Việt đầu hàng thì hóa ra con của lão dân đã uống phí công sức lâu nay sao? Ở đây có nhiều bộ lão từng theo Thái Tông hoàng đế đánh Thát, ai cũng thuộc lòng câu thơ của bệ hạ “Bạch đầu quân sĩ tại. Vãng vãng thuyết Nguyên Phong”. Vậy mong các vua hãy cùng chúng dân giữ vững tinh thần oanh liệt ấy.

Mấy trăm bộ lão hô to ba lần câu thơ bất diệt “Vãng vãng thuyết Nguyên Phong. Vãng vãng thuyết Nguyên Phong. Vãng vãng thuyết Nguyên Phong”. Vua Nhân Tông cảm kích lắm, ngài không ngờ bài thơ của mình được dân gian lưu truyền rộng rãi.

Không kìm được chí khí sôi sục trong tim, nhà vua bật dậy khỏi ghế, tiến đến gần các bộ lão, đồng dục hỏi lớn:

– Hãy cho trẫm và Thượng hoàng được biết, lòng dân muốn hòa hay chiến?

Hơn năm trăm ông lão đồng loạt đứng lên, bàn tay nắm chặt giơ cao khỏi đầu, miệng khảng khái hô vang “Chiến! Chiến! Chiến!”. Vua Nhân

Tông lại hỏi:

– Có cương quyết đánh không?

Các bộ lão hùng hồn đáp lại “Quyết chiến! Quyết chiến! Quyết chiến!”. Thượng hoàng Thánh Tông cũng bước xuống, sát cánh bên các cụ mà thể hiện tinh thần đồng thanh tương ứng. Thái sư Trần Quang Khải và bá quan cũng rời chỗ, đến bên các vua và bộ lão mà đồng khí tương cầu. Quân dân kết thành một khối, hô vang trời dậy đất không biết bao nhiêu lần chỉ hai câu đánh thép: Quyết chiến! Quyết chiến! Quyết chiến!...

Tiếng vọng ra tới ngoài hoàng thành, hàng vạn thần dân phấn khích quá, cùng hưởng ứng nhiệt liệt “Quyết chiến! Quyết chiến! Quyết chiến!”.

Chương 7

Tang chứng phản nghịch, Chiêu Quốc xa chạy cao bay

Kỷ vật trọn tình, Phạm Thái lạy cha kính mẹ

Hai ngày sau hội nghị Diên Hồng, hoàng thượng phát lệnh di tản. Các sở, viện được dời tạm về hành cung Tức Mặc, nếu tình hình biến động xấu thì sẽ vào vùng núi Gia Viễn mà ẩn nấp. Văn thần, nha lại cũng đi hết, người già yếu thì cho cáo quan về quê nương náu, người trẻ khỏe thì tháp tùng sở, viện hoặc phân về các lộ quân và vệ quân làm tham mưu cho tướng soái chỉ huy.

Hai trăm quân túc vệ hộ tống hơn ba trăm người ở hậu cung, gồm thái hậu, phi tần, ấu chúa, cung nữ và hoạn quan cùng với nhiều xe chở đồ quý rời kinh thành trong đêm, nhắm hướng tây mà đi. Nơi họ đến, ngoài các vua, không ai được biết. Mãi sau này khi tàn chiến sự, người ta mới biết hậu cung đến tị nạn tại huyện Đông Lai, trấn Thiên Quan, thuộc vùng núi đồi heo hút ở miền tây nam của lãnh thổ Đại Việt.

Bảo Thánh hoàng hậu và công chúa An Tư ở lại, sẽ đi sau với các vua. Hoàng hậu là mẫu nghi thiên hạ, việc bà sát cánh bên Nhân Tông hoàng đế là điều đáng làm, nên được quần thần rất cảm phục. Còn chuyện An Tư công chúa không di tản cùng hậu cung mà nhất mực theo hai vua lại bắt nguồn từ nguyên do khác.

Sở dĩ mấy ngày trước công chúa bị cảm mạo, sức khỏe suy giảm nhiều, nên Thượng hoàng chấp nhận cho ở lại tỉnh dưỡng, khi nào bình phục sẽ phải người hộ tống đến nơi hậu cung ẩn náu. Hai tì nữ là Thu Cúc

và Xuân Đào được chỉ định chăm nom cho An Tư công chúa. Vì bận bề việc nước, đến bảy ngày sau Thượng hoàng mới nhớ tới cô em gái xuân xanh còn ở trong cung, ngài vội vàng ghé qua xem xét. Chưa vào tới cửa đã nghe được tiếng cười đùa vui vẻ, Thánh Tông biết An Tư đã hết bệnh. Nhìn thấy em, ngài nói:

– Muội tươi tỉnh thế kia chắc là khỏe rồi, vậy mai lên đường cho sớm sửa nhé.

An Tư hồn nhiên đáp:

– Muội không theo hậu cung đâu, buồn lắm. Cho muội đi với hoàng huynh được không?

Thượng hoàng nghiêm giọng từ chối:

– Không được. Huynh phải ra trận, muội theo làm gì? Chiến tranh không phải việc của đàn bà con gái, muội cứ đến chỗ hậu cung ẩn náu cho an lành.

An Tư cự lại:

– Bà Trưng, Bà Triệu cũng là đàn bà mà còn lãnh đạo nam nhi đánh giặc, như vậy không thể nói chỉ có đàn ông mới biết đánh giặc. Cho muội theo với, biết đâu có lúc muội lại giúp được hoàng huynh.

Nhìn bộ mặt thiết tha của An Tư, Thánh Tông không nỡ cứng nhắc, nên bảo:

– Theo huynh cũng được, nhưng mai một khổ cực thì đừng kêu ca đấy.

Công chúa cười vang:

– Đa tạ hoàng huynh. Dứt khoát không kêu ca.

Bấy giờ An Tư Công chúa 17 tuổi, tư chất thông minh, dung mạo nhỏ nhắn xinh đẹp, được Thánh Tông rất chiều chuộng và yêu quý; trong thâm

tâm ngài đã nhắm cho cô em một tấm chồng tôn thất bậc vương, nhưng vì chiến cuộc sắp bùng nổ nên đành phải gác lại chuyện hôn sự. Hồi sinh tiền, Thượng hoàng Thái Tông thường bảo “An Tư là đứa trẻ đặc biệt, nó có cách nghĩ sâu sắc hơn hẳn những bé gái đồng lứa, mai sau sẽ làm nên chuyện. Con nhớ chu toàn cho nó đến nơi đến chốn”. Lúc phụ thân bằng hà, An Tư mới chín tuổi, nàng công chúa bé bỏng lớn lên trong sự đùm bọc của Thánh Tông và hoàng gia.

Hai ả hầu gái nghe huynh muội Thượng hoàng trò chuyện mà ngao ngán cả lòng; Thu Cúc nói thầm với cô kia “Chẳng hiểu công chúa nghĩ sao mà đòi theo Thượng hoàng ra trận? Khốn khổ cho tội mình rồi”. Xuân Đào đáp “Biết làm sao được? Phận là nữ tì, chủ đi đâu thì mình theo hầu đấy. Cái số nó như vậy, muốn tránh cũng chẳng nổi”.

Tướng quân Phạm Ngũ Lão từ biên cương cấp báo về triều đình, sớ viết “... Có viên tiểu tướng họ Trịnh dẫn theo năm mươi quân đến hàng, chúng vốn nội thuộc cựu triều, vì hận Nguyên Liệt Tống mà sinh lòng oán thán, muốn đầu quân Đại Việt để trả mối thù cố quốc; chúng có cho biết: tướng Nguyên là A Lý Hải Nha thống lĩnh hai mươi vạn quân đã áp sát biên giới nước Nam, chờ thời cơ ào ạt đánh sang...”.

Kịp lúc Hưng Đạo Vương từ đông bắc quay về kinh, Nhân Tông cho gọi ngài và Thái sư đến để bàn cách đối phó. Hưng Đạo nói:

– Như vậy là giặc đề phòng mắc mưu Trần Phủ nên điều quân đến biên giới để tránh bị động. Theo ý thần cần cử người qua đất giặc và trách móc chúng thất hứa, hy vọng trì hoãn thêm ít ngày.

Chiều Minh Vương đề nghị:

– Thần đề cử Trung đại phu Nguyễn Đức Dư và Triều đình lang Nguyễn Văn Hàn khẩn cấp sang Nguyên.

Nhân Tông đồng ý, cho triệu hồi hai người vào cung sai việc.

Nhị vị sứ thần qua Lộc Châu chừng năm mươi dặm đã đến bản doanh của A Lý Hải Nha. Như vậy, nếu giặc tiến đánh thì chỉ nửa ngày đường là kị binh của chúng sẽ có mặt trên lãnh thổ Đại Việt. Nguyễn Đức Dư trách viên Bình chương:

– Hai bên giao ước sẽ nghị đàm vào đầu tháng chạp, từ nay đến đấy còn những mười lăm ngày mà đại vương của ngài đã điều binh rần rần áp sát nước tôi. Có phải các ngài không muốn thương nghị cho dù vua tôi đã nhân nhượng, mà chỉ muốn kéo vào thảo phạt nước Nam?

A Lý Hải Nha chống chế:

– Ta được lệnh Trấn Nam Vương điều quân đến đây để sau nghị đàm sẽ mượn đường đánh Chiêm Thành, không phải đánh An Nam.

Nguyễn Văn Hàn nói:

– Chúng tôi đã giải thích nhiều lần rồi, muốn đánh Chiêm Thành mà qua nước tôi thì không tiện vì không có đường để đi, vừa xa xôi lại bị ngăn cách nhiều núi, nhiều sông. Các ngài đã đem quân vào Chiêm Thành bằng đường biển, sao lần này không ra biển mà đi?

A Lý Hải Nha bí thế bèn vịn lại:

– Thân là tướng võ chỉ biết tuân lệnh thượng cấp. Bên các người cũng điều mấy vạn quân lên trấn giữ biên giới, nếu không có ý định chống lại thiên triều thì tại sao phải dàn quân lăm thế?

Nguyễn Đức Dư lý giải:

– Biên giới là chỗ phức tạp, cần yên định trước rồi mới có thể tổ chức nghị đàm. Thêm nữa, sắp tới đến kỳ nộp cống, phải đưa đình lực lên để vận chuyển cống phẩm chứ.

Cách biện bạch của sứ ta khiến A Lý Hải Nha không thể bắt bẻ, đành giở chiêu nỏ quạu:

– Thôi thôi, ta không giỏi cãi lý như mấy người. Chỉ biết đến đâu thắng đó, nếu không giã binh để ta mượn đường thì đại quân thiên triều sẽ kéo sang nhổ sạch cỏ An Nam.

Vừa từ kinh thành quay về Nội Bàng là nơi Hưng Đạo Vương lập đại bản doanh phòng thủ, thì ngài nhận được tin của Phiêu kỵ đại tướng quân Trần Khánh Dư từ Vân Đồn cấp báo về việc bắt giữ gian tế. Trong thư, Nhân Huệ viết “...quân tuần tiễu phát hiện một thuyền nhỏ chở ba người đang cố vượt sang Nguyên, bèn truy đuổi. Bị bao vây không có đường tiến, chúng phải đổi hướng chạy vào đất liền, bỏ thuyền lẫn trốn. Quân ta ráo riết tìm nã, bắt được hai tên. Lúc đầu chúng không chịu khai báo, tại hạ cho lột truồng kiểm tra y phục thì tìm được một thư giấu trong hai lớp vải tà áo, bấy giờ chúng mới nhận tội là kẻ đưa tin cho giặc Nguyên”.

Kèm với lá thư là một manh lụa trắng, có viết “...Trần gia nhất quyết kháng cự, việc nghị đàm chỉ là giáo kế hoãn chinh. Đại Vương hãy cấp cấp điều quân đánh tới để trăm họ sớm được đoàn tụ với nền thái hòa an lạc của vương khí thiên tử. Ngày ngài lại đáo Thăng Long, Ích Tắc tôi cùng với năm mươi văn quan võ tướng và toàn thể dân chúng sẽ ra khỏi thành mười dặm để lạy mừng. Khi đại quân sang, cần đề phòng các ải và chiến lũy do đầu lĩnh Quốc Tuấn bày đặt mai phục; việc tổ chức vây bắt thế tử, tôi sẽ đích thân dẫn đường, vì những chỗ cha con y có thể ẩn náu, tôi đều nắm rõ như lòng bàn tay..”.

Quân của Trần Khánh Dư bắt được hai kẻ gian vượt biển chạy sang Nguyên.

Đọc xong mật thư, Hưng Đạo Vương giận tím mặt, ngài lầm rầm rửa xả một thôi một hồi “Quân phản nghịch chó má” rồi cho triệu tướng lĩnh vào sai việc. Khi mọi người đến đông đủ, Vương truyền:

– Minh Hiến Vương Uất phòng giữ Vĩnh Châu, Hưng Nhượng Vương Tảng trấn thủ Thiết Lược, Hưng Trí Vương Hiện án ngữ Chi Lăng, Hưng Vũ Vương Nghiễn thay ta nắm giữ Nội Bàng. Các tướng lĩnh khác dưới quyền điều động của Hưng Vũ, chia nhau đóng ở những vị trí xung yếu, tạo thế ỷ giốc giữa các chiến tuyến. Ta có việc phải về kinh gấp, có thể vắng mặt ít ngày. Nếu quân Thát bất ngờ đánh sang, thấy tình thế bất lợi thì đừng cố đánh lấy chết, hãy hội quân về Vạn Kiếp chờ ta.

Vương lại sai Nguyễn Hòa gấp rút qua phủ đệ Vạn Kiếp điều động tướng Lương Bình và Tuấn Thọ dẫn theo ba trăm chiến binh khẩn cấp lên Long thành. Ngay trong đêm, ngài cùng Yết Kiêu, Dã Tượng và năm mươi tùy tùng hối hả thượng kinh.

Khi được Hưng Đạo Vương thông báo về việc Trần Ích Tắc âm mưu bội phản, Chiêu Minh Vương uất lắm, mặt mũi đỏ gay vì giận dữ, chẳng kịp thay lễ phục cho chỉnh tề, mặc nguyên y phục ngày thường rồi tất bật cùng Tiết chế đi gặp các vua. Sở dĩ Hưng Đạo thông qua Thái sư trước vì ngài cho rằng Quang Khải là em ruột Thượng hoàng, chú ruột Quan gia, tiếng nói có trọng lượng hơn mình.

Thượng hoàng đọc xong một thư của Ích Tắc, mặt tái xanh, ngồi thờ dài thiếu não mà chẳng nói năng gì. Nhân Tông lựa lời thưa gửi:

– Việc này rất hệ trọng, theo con phải nghiêm trị làm gương. Nhưng mọi cái vẫn tùy phụ hoàng quyết định.

Quang Khải cũng khẩn thiết yêu cầu:

– Xin Thượng hoàng quyết định kịp thời, đêm dài lắm mộng, để lâu càng sinh biến lớn.

Thánh Tông không trả lời, ngài lặng lẽ đi ra cửa, quỳ xuống bậc thềm, ngoảnh mặt về hướng đông, tay chấp trước ngực mà khóc nức rồi nói lầm rầm. Nhà vua và hai đại vương hoảng hốt, vội theo ra quỳ phía sau Thượng hoàng. Bấy giờ họ mới nghe được lời khẩn khứa của ngài:

– Con hướng về nơi phụ hoàng và tiên tổ an nghỉ mà bày tỏ nỗi niềm đau xót như cào da của thịt. Giặc dữ chưa tràn qua mà Ích Tắc đã đem lòng phản nghịch, định bán nước cầu lợi, còn dự tính rước Thát vào kinh để lạy mừng, lại mưu đồ đuổi cùng giết tận anh và cháu của y. Cha từng di huấn chớ phế bỏ ruột thịt, cho dù là ngón tay út vô dụng, nhưng nay các ngón út đã hóa gươm nhọn của giặc, muốn đâm xía tan nát cơ đồ của cha, muốn cắt đứt dòng máu chính thống của đế nghiệp Đông A. Y đã trở thành kẻ đại nghịch trong nhà, tên phản loạn trong nước, để trừ hậu họa cho giang sơn xã tắc, con đành cắn răng mà cãi lời cha chặt bỏ cho rồi cái phần xương thịt thối rữa. Một mai non nước thái hòa, con sẽ mặc áo gai, để đầu trần, đi chân đất từ kinh thành về Chiêu Lăng mà tạ tội trước vong linh phụ hoàng.

Bày tỏ rồi, như cất được gánh nặng trong lòng, Thánh Tông thần nhiên đứng dậy, truyền lệnh cho các vương:

– Quang Khải và Quốc Tuấn nghe đây: hai người khẩn cấp đem quân đến thái ấp của Ích Tắc, gông cổ hắn về kinh trị tội. Gia quyến cũng bắt hết nhưng không được tự tiện giết chóc.

Nhị vị đại vương cùng đáp “Hạ thần tuân lệnh” rồi bái biệt Thượng hoàng và Quan gia, vội vã lui ra ngoài thi hành công vụ. Chiêu Minh tranh thủ dặn dò Hưng Đạo:

– Hẹn huynh ở cổng thành phía tây, ta đi điều động vài trăm vệ binh, nửa canh giờ sau sẽ có mặt.

Hưng Đạo đáp:

– Không cần đâu. Quân đã chờ sẵn ngoài hoàng thành. Ta phải đi gấp kéo hồng việc.

Chiêu Minh ngạc nhiên nhìn Hưng Đạo, ngài có vẻ thần phục sự nhanh nhạy của Tiết chế Đại vương. Sở dĩ Hưng Đạo phái kị binh châu chực sẵn, để khi Thượng hoàng chuẩn thuận là hành động liền, vì ngài lo lắng việc một tên gian tế chạy thoát, nếu ra tay chậm trễ có thể thất bại. Các phủ đệ vương hầu đều có gia binh, vương cho rằng nếu quân của Ích Tắc kháng cự lại thì lực lượng vệ binh thiện chiến của ngài thừa sức triệt hạ.

Vừa ra khỏi cửa hoàng thành, các vương đã thấy đội kị mã của Lương Bình và Tuấn Thọ cùng với năm mươi tùy tùng của Hưng Đạo chinh tề trên yên ngựa đợi chủ. Trời đổ mưa nặng hạt, hơn ba trăm chiến mã bất chấp mưa gió lạnh lùng phi nước đại về phủ Đông Đô cách kinh thành không đầy ba mươi dặm, nơi có thái ấp của Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc.

Nhìn từ xa thấy tòa phủ đệ lặng ngắt như tờ, Hưng Đạo Vương đã có phần nghi ngại. Quả vậy, khi đoàn chiến mã ập vào sân, hai vương biết ngay kế hoạch vây bắt phản nghịch đã thất bại. Trong phủ không có người, ngoài một lão bộc đang thu dọn đồ đạc vương vãi khắp nơi. Có lẽ biết tình thế nguy cấp, gia quyến Ích Tắc cuống quýt nhặt nhanh được một ít vật dụng quý giá, còn bỏ lại hết để kịp thời đào tẩu.

Được Thái sư kêu lại tra xét, lão bộc trần tình:

– Đêm qua có người ở xa về năng nặc đòi gặp Chiêu Quốc Vương. Sáng nay ngài tập trung tôi tớ trong nhà, phát ngân lượng rồi bảo về quê mà lánh nạn. Sau đấy cả nhà cùng với đoàn gia binh vội vã Tời trang trại,

vương chẳng nói đi đâu, chỉ kịp dặn lão “Trông nom nhà cửa, chờ ta về”.

Hưng Đạo hỏi:

– Họ đi bao lâu rồi, có bao nhiêu người, mấy xe, mấy ngựa, đi về hướng nào?

Lão bộc đáp:

– Đi hai canh giờ trước, già trẻ trong nhà khoảng năm chục vị, môn khách và tùy tùng chừng bảy chục người, đàn bà và trẻ nít lên ba chiếc xe, số còn lại cưỡi ngựa. Mắt lão kèm nhèm chỉ nhìn tới mấy lùm cây ngoài cổng, nên cũng không rõ họ đi về hướng nào.

Biết chẳng thể nắm được thông tin gì hơn từ lão nô bộc già của Ích Tắc, Hưng Đạo bàn bạc với Chiêu Minh chia quân làm hai hướng tầm nã quanh vùng. Một canh giờ sau, không phát hiện được tung tích bọn tại đào, cả hai toán quân đành bỏ cuộc, thất thểu quay về kinh thành. Trận mưa tai quái đã xóa sạch dấu vết ngựa, xe của bầu đoàn bọn tẩu vong nô.

Lúc hay tin Nguyễn Hòa theo lệnh Đại Vương về thái ấp điều động ba trăm quân kị gấp gáp thượng kinh, Phạm Thái đến gặp Lương Bành năn nỉ xin tham gia. Được tĩnh dưỡng nhiều ngày, sức khỏe của chàng bình phục tốt, duy chỗ bả vai bị trúng tên còn để lại di chứng, mỗi lần cử động cánh tay xương khớp vẫn đau nhức. Lương Bành biết tình trạng của Thái nên bảo:

– Đệ xoay thử cánh tay cho huynh xem nào?

Thái nghĩ đội trưởng muốn kiểm soát từ chối, nên cố nghiêng rằng mà vận động bàn tay cầm dây cương, nhưng khuôn mặt vã mồ hôi đã tố giác sự

đau đớn.

Bành nói:

– Đại Vương dặn phải mang cho đủ vũ khí đề phòng xung đột, tay đệ chưa lành hẳn, làm sao đánh nhau? Thái ấp đâu có thiếu người, đệ không cần phải đi.

Bấy giờ Phạm Thái mới tỏ bày nỗi lòng:

– Đệ xin đi vì một công đôi việc. Ngồi không lâu rồi, thấy mình vô tích sự nên muốn tham gia cùng anh em, rồi tiện dịp qua nhà Đỗ Thành...

Niềm thương cảm trào dâng khiến chàng trai không thể nói gì thêm, trên ngấn mắt đỏ hoe vội đọng lại đôi giọt lệ rưng rức. Lương Bình cũng xa xót trong lòng, thấy mình có lỗi với huynh đệ đã không còn trên cõi đời này, bèn nói:

– Cứ mãi lo chiến cuộc nhiều khi thành kẻ vô tâm. Huynh cho đệ theo anh em đến Long thành, nhưng mọi người đi làm công vụ, còn đệ về Cơ Xá.

Lương Bình còn cẩn thận sai cậu em Lô Viên Dụng tháp tùng Phạm Thái, đề phòng xảy chuyện bất trắc. Khi biết tin Thái về thăm cha mẹ Đỗ Thành, chẳng ai bảo ai, anh em lặng lẽ mang quà đến gửi, nhờ chàng thay mặt họ vấn an song thân người đồng đội đã bỏ mình trên biên giới; đôi giày vải, manh lụa trắng, một mẫu sâm băng đốt ngón tay hoặc cân trà ướp hoa, dù giá trị không cao nhưng tấm lòng thì đầy ấm áp. Thái rất cảm kích tình huynh đệ dưới mái nhà của Đại Vương, chàng nghĩ “Ở dưới tuổi vàng, các huynh chắc cũng ngậm cười mãn nguyện mà ra sức phù hộ cho đồng đội trên dương thế”. Lô Viên Dụng vô cùng vui sướng khi được đội trưởng giao phó trách nhiệm giúp đỡ Thái huynh trên đường về kinh. Từ hồi gia nhập đội ngũ vệ binh của Hưng Đạo Vương, Viên Dụng tối ngày luyện tập võ

nghệ hoặc làm các việc lặt vặt trong thái ấp, lần đầu tiên cậu được tham gia cưỡi ngựa hành quân đường dài, lần đầu tiên cậu được đến kinh đô Đại Việt.

Đội kỵ mã phi ngựa suốt đêm, cuối giờ mao đã đến kinh thành. Sở dĩ Phạm Thái theo kịp đồng đội vì dùng tay cầm vũ khí để điều khiển dây cương, chàng tự nhủ “Dứt khoát phải luyện tập cho cánh tay sớm trở lại bình thường, bằng không lại thành kẻ vô dụng”.

Đi ngược đoàn kỵ binh là dòng người tản cư; ngoài cư dân trong thành, dân chúng những thôn xóm lân cận cũng rời bỏ nhà cửa đi về các vùng quê xa xôi hay rừng núi hẻo lánh để trốn chạy nạn gươm đao tàn sát. Người ta hối hả dìu nhau đi và tất bật gánh nhau chạy, tay nải gọn nhẹ lẫn thúng mủng công kênh, kẻ khiêng lợn hôi hám chen lẫn đứa lừa trâu đủng đỉnh, ông hồn hển dắt chó giục già cháu nhớn như ôm mèo, anh đầy tớ phì phò công chủ tị nạn với bà mẹ trẻ ôm con âu yếm, những bước chân rũ rượi, những gương mặt lầm lũi, dòng người như một bầy đoàn phiêu bạt vô định cho dù trong đầu mỗi người đã xác định một nơi chốn để nương náu tạm thời. Thỉnh thoảng đám bộ hành bỡ ngỡ lại dạt sang hai bên nhường đường cho những chiếc xe ngựa chở đầy gia quyến và gia sản của các bậc quyền quý. Đây đó chợt có tiếng trẻ khóc thét vì khát sữa, rồi chốc lát lại im bật khi cặp môi non đã ngậm vào bầu vú tròn căng của mẹ.

Vào trong thành, đi ngang thị tứ, đoàn kỵ mã nghe văng vẳng tiếng loa của người quân hiệu “Loa! Loa! Loa! Thừa lệnh Quan gia, triều đình cấp báo: giặc Nguyên hung bạo, sắp sửa tràn qua, dân chúng gần xa, mau mau lánh nạn. Loa! Loa! Loa! Đàn ông trai tráng, sớm sửa tòng quân, diệt lũ bất nhân, phò vua cứu nước”. Thảo nào trong dòng người chạy loạn ít thấy bóng dáng thanh niên; họ đang tíu tít ghi tên nhập ngũ ở chỗ này chỗ kia tại

tụ điểm dân cư nội thành.

Cảnh tượng những ông bố bà mẹ, những vợ trẻ con thơ tiễn biệt người thân yêu lên đường chinh chiến dù ở đâu cũng mang sắc thái bịn rịn luyến lưu, song không có nhiều nước mắt. Hình như người ở lại cố nuốt lệ vào trong để kè ra đi không nhuốm tâm trạng sầu não mà nhứt chí mềm lòng rồi gục ngã trước kẻ thù Mông Thát bạo ngược.

Đội kỵ binh của Lương Bình – Tuấn Thọ đến cổng hoàng thành đã thấy toán vệ sĩ của Đại Vương Ở đấy, hai đội nhập chung lại thành một đoàn ba trăm năm mươi tráng sĩ sẵn sàng đợi lệnh chủ tướng Phạm Thái và Viên Dung từ biệt mọi người để về Cơ Xá. Yết Kiêu cùng Dã Tượng chia sẻ “Đệ thay mặt anh em quỳ lạy phụ mẫu của Đỗ Thành để vong hồn của huynh ấy đỡ tủi”. Lương Bành dặn dò “Nếu gia đình Đỗ Thành còn ở đấy, đệ nên khuyên họ lánh nạn. Cơ Xá gần kề kinh thành, không an toàn đâu”.

Trên đường đến Cơ Xá, Thái hỏi cậu em:

– Dung à. Hình như huynh đã gặp đệ ở đâu đó nhưng không thể nhớ ra.

Viên Dung tủm tỉm cười, đáp:

– Lúc ấy huynh nửa tỉnh nửa mê làm sao nhớ nổi ai với ai.

Thái sững sờ cả người, vội ghì cương ngựa, kinh ngạc bảo:

– Thôi đúng rồi. Đệ tham gia đánh Thát ở khe Tả Pạc Năm. Huynh nghe nói nhiều người đã tử trận hôm ấy, còn có ông trại chủ lấy thân mình che cho huynh nên bị trúng thương. Hết quốc nạn, nếu trời cho được sống thì huynh sẽ lên biên cương cảm tạ ơn cứu mạng.

Viên Dung lưỡng lự một hồi mới nói:

– Ông là cha của đệ. Ba hôm trước đệ nhận được tin nhà, cha đã bình

phục, hiện đang ẩn náu trong núi.

Nghe nói vậy, Thái vội nhảy xuống ngựa, kéo Dụng xuống theo, rồi dùng cánh tay lành lặn ôm ngang vai cậu em mà lắc qua lắc lại:

– Cho huynh được đa tạ cha con đệ. Ơn nghĩa này biết lấy gì mà báo đáp đây?

Cậu trai niên thiếu gõ mái mới thoát khỏi cánh tay rắn chắc của đàn anh, vừa cười vừa nói:

– Đệ biết rồi, nhưng ơn nghĩa chưa thấy đâu chỉ thấy ngạt thở gần chết.

Họ cùng cười sảng khoái mà lòng thì tràn ngập mối giao cảm sâu nặng. Phạm Thái thổ lộ:

– Huynh chịu nhiều ơn nghĩa lắm, báo đáp cả đời cũng chưa chắc trả hết nợ ân tình nhân thế.

Đến phường Cơ Xá, nhìn quang cảnh điêu hiu vắng vẻ, Phạm Thái thấy nghi ngại trong lòng. Chẳng may cha mẹ Đỗ Thành đã tản cư thì lời hứa về thăm song thân và hôn thê của huynh ấy biết bao giờ chàng mới thực hiện được? Thái và cậu em Viên Dụng xuống ngựa, vào mấy nhà ven đường hỏi thăm. Nhưng nhà nào cũng cửa đóng then cài, gọi mãi mà không có ai lên tiếng. Đang lúc phân vân, chưa biết hỏi ai, chợt thấy một cụ ông cũng trên lưng đứa cháu trai bé xíu, tay nắm chắc mũi kéo con bò non sừng mới nhú đang tất tả đi ngược lại, chàng đến gần hỏi nhà của ông thầy đồ họ Đỗ hoặc nhà của Lương Thị Đào. Ông cụ bảo:

– Ta không biết ai là Lương Thị Đào, còn ông đồ thì ai cũng biết. Đi thêm nửa dặm đến ngã ba rẽ trái, gặp căn nhà ngói phía trước trồng mấy bụi mộc càn, đây là nhà của ông đồ.

Thái nói lời cảm tạ, chưa kịp rời đi thì ông cụ đã hỏi:

– Các cậu là thế nào với thầy đồ?

Thái đáp:

– Chúng cháu là huynh đệ đồng ngũ với Đỗ Thành, con trai ông đồ.

Ông cụ nói:

– Mấy hôm trước còn thấy ông ấy. Cả phường đi gần hết rồi. Nghe nói ông đồ chưa chịu đi vì còn chờ tin tức anh con trai. Hôm nay biết được tin con, chắc ông thầy mừng lắm.

Thái lặng người mà không nói được câu nào. Chàng vội vàng quay đi vì không nỡ để ông cụ chứng hứng trước bộ mặt buồn bã của mình. Hai anh em chẳng thiết lên ngựa, cứ lùi lùi mà cuốc bộ trên con đường hiu hắt không một bóng người. Thái ước ao con đường cứ dài mãi để dừng bao giờ phải dừng lại trước một ngôi nhà có những người thương yêu đang ngóng đợi tin lành từ đứa con ruột thịt, nhưng cuối cùng lại đón nhận một sự thật nghiệt ngã...

Song lý trí không chấp nhận cách nghĩ như thế, nó cảnh cáo chàng trai “Chớ trốn chạy trách nhiệm. Người phải đối diện với nỗi đau của người khác”, rồi con tim cũng thất vọng phàn nàn “Quên rồi sao nghĩa tình huynh đệ? Hãy đến và chia sẻ đau thương với gia đình đồng đội”. Thái được tiếp thêm tinh thần, chàng lấy lại dũng khí để dừng bước trước ngôi nhà có mấy bụi mộc càn không tro hoa vào mùa đông.

Từ bữa ở hội nghị Diên Hồng trở về, ông đồ cứ thấy trong người bứt

rút khó tả, linh tính mách bảo với ông về một điều hệ trọng sẽ đến trong nay mai. Đối với gia đình ông, điều hệ trọng lúc này chẳng gì ngoài tin tức của cậu trai cả Đỗ Thành. Lành dữ thế nào thì ông chưa biết, nhưng ông thà biết chắc chắn về số phận con mình, cho dù đấy là điều tồi tệ nhất, còn hơn cứ phập phồng lo nghĩ trong sự mù mịt vô vọng. Thành thử ông bàn với vợ nán lại thêm ít ngày, kéo con nó trở về lại chẳng gặp được ai. Thôn trên xóm dưới đã tản cư lánh nạn tứ xứ rồi, hai cô con gái và đám cháu ngoại của ông bà cũng theo nhà chồng chạy giặc cả rồi, nhưng vợ chồng ông vẫn nhất quyết ở lại chung sống với niềm hy vọng mong manh. Trước lúc ra đi, các con gái đến năn nỉ ông bà đi cùng các cháu, ông từ chối:

– Dù đi đâu mà không biết tin tức của thằng Thành thì cũng chẳng an lòng. Bố mẹ ở thêm dăm bữa, biết đâu lại gặp nó.

Bà mẹ sợ con cháu lo lắng, nên bảo:

– Tài sản trong nhà không có gì quý giá, mẹ gói ghém sẵn hai cái tay nải, khi cần là có thể lên đường bất cứ lúc nào.

Trong thâm tâm ông chẳng sợ không kịp chạy giặc nhưng lại rất ái ngại về sự an toàn của mẹ con bà góa dự định kết thông gia. Họ nói không có quê nào khác để mà đi, lại còn cho rằng ông bà giáo chưa định đi thì mẹ con họ cũng chẳng vội gì mà đi. Ông từng giở chiêu bóng gió về sự háo sắc của bọn Mông Thát, thì được nghe nàng dâu tương lai thổ lộ:

– Con với anh Thành tuy chưa nên vợ thành chồng nhưng đã có lời nguyện ước với nhau. Vì bất tin anh mà hai bác không thể rời nhà lánh nạn thì thân con bỏ đi sao đành.

Hiếu được nỗi niềm của Thị Đào, ông bà giáo càng cảm thương nhiều hơn người con gái đã nguyện gắn bó thủy chung với con trai của mình. Nên ông cứ trăn trở trong lòng suốt hai ngày nay về cách xử trí làm sao cho

đúng lương tâm và trách nhiệm? Điều khiến ông lo sợ nhất chính là thân phận nữ nhi thời loạn, lời ông cảnh tỉnh Đào không hề vô căn cứ, sử sách chép đầy rẫy hành vi cưỡng bức của kẻ xâm chiếm đối với phụ nữ có nhan sắc ở xứ sở bị chiếm. Dứt khoát không để điều xấu xa như thế xảy ra với hôn thê của con trai, kéo ông có chết xuống mồ cũng không hết ân hận. Cuối cùng ông quyết định phải đi lánh nạn để có thể thuyết phục nàng dâu tương lai đi cùng.

Mẹ con Thị Đào thuận tình đi cùng vợ chồng ông giáo về Khoái Châu, quê ngoại của ông. Ngày mai hai nhà sẽ lên đường sớm, nên ông tranh thủ viết mấy chữ lên giấy dán ngoài cửa: “Cả hai nhà bình an. Đã đến nơi quê ngoại. Mong đợi ngày xuân trở lại. Để ngắm hoa dân tộc vẫn còn đó. Nhị gia bình an. Lai đáo hương ngoại. Nhật vọng xuân hoàn. Thường cận xích tại.” Ngộ nhớ mai một Thành trở về cũng biết được người thân nường nấu ở đâu.

Bà giáo đang ngồi ngoài hiên vắt cơm nắm để ăn đường, khi Phạm Thái quỳ giữa sân thỉnh an cha mẹ Đỗ Thành.

Thấy hai gã trai trẻ bước vào sân, bà hồi hộp quá thành ra luống cuống, nên chỉ thốt được mấy từ cụt lủn “Có khách”. Ông đồ đang cầm cùi viết chữ, nghe vợ gọi, ngẩng đầu nhìn ra cửa rồi vội vàng bật dậy. Sự xuất hiện đột ngột của những chiến binh mạng khuôn mặt ủ rũ khiến ông cảm nhận điều chẳng lành nên toàn thân tê cứng đến nỗi không nhắc nổi bàn chân khỏi chỗ ngồi, còn chiếc bút lông trên tay rớt xuống tờ giấy, mực tung tóe bôi nhòe mấy dòng chữ nhả nhủ với con.....

Thái trao dây cương cho Viên Dụng rồi quỳ giữa sân mà nói thôn thức:

– Cháu là Phạm Thái, đồng đội của Đỗ Thành. Huynh ấy không thể

trở về, trước lúc tử biệt đã trần trối dặn cháu về đây thỉnh an hai bác.

Bà mẹ nghe vậy liền ngã vật xuống thềm, ngất lịm. Ông giáo hoảng hốt chạy ra, nước nở lay vợ:

– Thằng Thành đi rồi, bà mà đi nữa thì tôi cũng không thiết sống.

Nhìn nông nổi bi thảm, Thái lo sợ cuống cuồng, mặc cho nước mắt lưng tròng mà hì hục cùng Viên Dụng khiêng người mẹ vào nhà. Ông đồ đã trấn tĩnh hơn, ngồi bất động bên cạnh vợ, cứ trân trân nhìn ra cửa mà chẳng nói năng gì. Hai chàng trai đem hung tin đến nhà đứng chết trân như nghịch đồ chịu tội, cho đến khi nghe bà mẹ mấp máy môi than thở “Trời ơi là trời”, bấy giờ họ mới thở phào nhẹ nhõm như trút được cả một khối đá đè vào con tim.

Thái biết bà đã tỉnh, liền đến quỳ bên giường thưa gửi:

– Cháu rất khổ tâm khi phải nói những lời khiến người đau đớn quy ngã. Hai bác hãy tha thứ cho cháu lần này.

Lúc ấy ông giáo mới nói:

– Cháu đâu có lỗi. Hãy đứng lên rồi ngồi kể cho các bác nghe về cái chết của thằng Thành.

Viên Dụng lấy ghế cho Thái huynh, còn cậu ra ngoài dỡ mấy gói quà trên yên ngựa xuống đem vào nhà. Thái e ngại nhìn hai bác, chàng chần chừ chưa dám lên tiếng vì sợ câu chuyện mình kể sẽ như mũi dao khoét thêm vào nỗi đau của song thân đồng đội. Người mẹ đoán được ý chàng trai, bà ngồi dậy rồi bảo:

– Bác không sao đâu. Cháu đừng ngại, cứ kể đi.

Thái lấy hết can đảm kể lại cái chết bi hùng của huynh đệ:

– Cháu, Đỗ Thành và huynh trưởng Đào Thế Quang được biệt phái

sang Nguyên do la kẻ địch. Biết giặc huy động binh lực đánh Đại Việt, chúng cháu gắng thu thập tin tức rồi cùng nhau về nước. Bọn Nguyên tung quân truy sát, tụi cháu đánh trả kịch liệt mở đường chạy về biên giới, Đỗ Thành đã đốt trại giặc và hạ thủ nhiều tên. Lúc vượt khe sang đất ta thì bị phục kích, ba anh em đối đầu với cả trăm tên giặc, huynh trưởng bị giết khi cản địch để cháu và Thành đào thoát. Chúng ào xuống vây bắt, Thành lấy thân che chở cho cháu rồi gục chết dưới dòng sông. Quân ta từ bên này lao ra đánh chặn, cứu được cháu... Thế Quang và Đỗ Thành kiên cường lắm, họ hy sinh để cháu toàn mạng trở về cấp báo với Đại Vương... Gần năm năm trời tình huynh đệ như ruột thịt, chỉ vì cháu nhỏ tuổi nhất nên được các huynh nhường cho sự sống, đại ân này cháu biết lấy gì báo đáp...

Nhìn những giọt nước mắt chảy dài trên gương mặt vợ chồng ông giáo, Thái bật khóc nức nở. Đứng ở góc nhà, Viên Dung lấy vạt áo lau đôi mắt đỏ hoe; từng trực tiếp tham gia trận đánh, sự hồi tưởng của Thái khiến lòng cậu ngập đầy cảm xúc. Người cha cố kìm nỗi đau để hỏi:

– Con bác tử trận vào ngày nào?

Thái nghẹn ngào đáp:

– Thành huynh đi vào giờ dần ngày mười lăm tháng mười. Hưng Đạo Đại Vương đã làm lễ tiễn biệt vong hồn của các huynh. Vì cháu bị trọng thương nên không thể đến thăm hai bác sớm hơn.

Bà mẹ lặng lẽ ra ngoài, chốc lát quay vào với một bát hương, một vắt cơm và một nải chuối xanh mới trĩu quả bằng ngón tay cái. Bà bày lên trang thờ, mà rằng:

– Mẹ chỉ có vậy để hương khói cho con. Con hãy an lòng siêu thoát, khi nào yên bình cha mẹ sẽ làm cỗ tươm tất hơn.

Thái và Dung vội mở bọc, lấy những món đồ của huynh đệ đặt lên

hương án. Chàng nói:

– Anh em có gửi chút đồ để thắp hương cho Thành huynh. Chiến cuộc sắp bùng nổ nên chẳng có gì nhiều, mong huynh phù hộ cho mọi người giết sạch lũ Mông Thát.

Ông đồ đốt ba nén hương rồi cùng vợ và hai chàng chiến binh đứng trước bàn thờ lầm rầm tưởng niệm người con, người đồng đội đã bỏ mình vì nước. Sự việc coi như an bài, nhưng Thái còn một trọng trách nữa mà chàng không thể không chu toàn. Lấy trong túi áo lót ra gói vải lụa đào, Thái búi ngùi thưa chuyện:

– Thành huynh dặn cháu giao tận tay món kỷ vật này cho hôn thê của anh ấy. Hai bác có thể giúp cháu gặp được Đào tử?

Câu hỏi của Phạm Thái khiến vợ chồng ông đổ chết lặng cả người. Vì quá buồn đau mà họ lỡ quên một người chắc sẽ khổ đau không kém khi biết tin hôn phu của mình đã thành người thiên cổ. Hai ông bà nhìn nhau bối rối mà không nói năng gì; rồi bà ngồi thụp xuống sàn ôm mặt lặng lẽ khóc, còn ông cứ trầm ngâm đi đi lại lại như đang suy tính một vấn đề nghiêm trọng. Hồi lâu sau, ông tâm sự với chiến hữu của con:

– Quả thật điều này rất khó nghĩ, làm sao cho trọn tình vẹn lý đôi bên?

Ông kể về mối lương duyên kỳ lạ giữa Đỗ Thành và Lương Thị Đào từ thuở cứu nhau trong trận lũ khi còn tấm bé cho đến lúc hai nhà tác hợp để đôi lứa chấp cánh liền cành, hẹn mùa thu này kết tình chồng vợ.

Rồi ông bảo:

– Giờ mà báo tin cho con bé thì nhẫn tâm quá. Chúng là đôi chim uyên ương nguyên gấn bó một đời, nay uyên đã chết thì ương sống ra sao? Bác biết tính của Đào, tuy chưa làm vợ Thành nhưng nó sẽ ở vậy chứ không chấp nhận lấy người khác. Nó còn quá trẻ, bác không nỡ để mặc con bé ôm

mối sầu thủy chung suốt đời với người đã lìa cõi tục. Hai nhà hẹn sớm mai đi lánh nạn, nếu hay tin về Thành khiến nó đổi ý không đi thì lúc giặc kéo đến sẽ khó tránh tai họa; còn nếu theo hai bác lên đường thì chẳng khác nào chấp nhận Đào là con trong nhà, mặc nhiên để nó lâm vào cảnh ngộ làm dâu không chống.

Lâu nay Thái vẫn than thở mối tình của mình quá éo le, không ngờ tình duyên của Thành huynh còn éo le gấp bội. Dù huynh đã lìa xa cuộc sống nhưng mối duyên nợ trần thế vẫn để lại sợi dây vô hình ràng buộc cuộc đời của một người con gái xuân xanh. Có lẽ ở dưới tuổi vàng huynh ấy không ngờ và cũng không muốn hôn thê của mình đeo đẳng mãi kiếp thân phận trinh nữ góa bụa. Nhưng rồi Thái lại cho rằng đây chỉ là sự suy diễn theo cảm tính, nhất định không phải là thông điệp từ cõi âm mà mình có trách nhiệm chuyển tải, chàng đành lấy lương tâm để tỏ bày ý kiến:

– Theo cháu, cứu người là việc cần ưu tiên hàng đầu. Hay là khoan báo tin, để mẹ con Đào tử cùng hai bác sớm đi lánh nạn, khi nào bình yên các bác sẽ lựa lời khuyên nhủ?

Bà mẹ cho rằng:

– Tuy ông trời chẳng cho hai nhà kết mối thông gia nhưng mình đâu thể bỏ mặc họ. Ngày mai tất cả cứ lên đường như không có chuyện gì xảy ra. Mọi việc để sau tính.

Ông bố chấp nhận:

– Thế cũng được, nhưng bà chớ có sầu não kéo giấu đầu lòi đuôi.

Thái mừng lắm, bèn trao gói kỷ vật cho bà mẹ. Bà mở chiếc khăn lụa thêu đôi chim uyên ương, vừa thấy miếng ngọc bội có chạm hình rồng phượng thì nước mắt đã lưng tròng, miệng lẩm bẩm “Tội nghiệp thằng Thành quá”. Ông đồ thấy vậy phàn nàn:

– Mới dọn xong mà bà đã thế rồi.

Song bản thân ông cũng rưng rức khóe lệ, nói mà nhìn đi chỗ khác để che giấu cảm xúc mềm yếu. Phạm Thái cũng nẫu cả lòng nhưng làm ra vẻ điềm nhiên, hỏi sang chuyện khác:

– Các bác dự tính tản cư về đâu?

Ông đồ trả lời:

– Về quê ngoại của bác ở huyện Đông Kết, phủ Khoái Châu.

Thái hồ hởi nói:

– Như vậy mấy bác cháu đi cùng một hướng. Mai chúng cháu về Vạn Kiếp, sẽ tiễn mọi người một đoạn.

Hai vợ chồng ông đồ ái ngại nhìn nhau, Thái chợt hiểu ý bèn nói nhỏ điều gì đó với cậu em. Viên Dụng ra sân lấy ngựa phóng đi. Nhìn nải chuối xanh trên bàn thờ, chàng biết trong nhà không còn thực phẩm, xung quanh cũng chẳng còn ai mua bán, hai anh em ở lại khiến cha mẹ của Thành bối rối, vì không lẽ để đồng đội của con nhịn đói qua đêm.

Quả tình, ngoài mấy vắt cơm và một nhúm tép rang dành ăn đường, trong nhà ông đồ chẳng có gì ăn được. Thời buổi loạn lạc phải đi lánh nạn, không ai tích trữ thực phẩm trong cái nhà sắp bị bỏ hoang. Nỗi băn khoăn của gia chủ được hóa giải khi Viên Dụng trở về, xách theo một con gà mái và một túi gạo nhỏ. Cậu bảo mua tận làng bên.

Trong lúc bà mẹ và Viên Dụng lo thổi nấu dưới bếp. Ông đồ pha trà được biếu, tranh thủ hỏi chuyện Phạm Thái về gia cảnh, cuộc sống và quãng thời gian mấy anh em hoạt động trên đất Nguyên. Khi biết Thái mồ côi cha mẹ từ nhỏ, chưa có vợ con, lại từng nhiều năm gắn bó sinh tử với Thành, khiến niềm cảm thương dâng lên mãnh liệt, thôi thúc ông làm một

việc đầy ý nghĩa đối với người đang sống và cả với đứa con đã chết.

Chờ vợ cúng cho con bát cơm trắng và đĩa thịt gà luộc, ông gọi bà ra một góc thềm thì to nhỏ, có vẻ hai người rất hợp ý nhau. Trước khi ngồi vào bàn ăn cơm, ông lên tiếng bày tỏ nỗi niềm với Phạm Thái:

– Đỗ Thành là đứa con trai duy nhất nay đã lìa bỏ các bác mà đi, khiến lòng già trống trải lắm, không có chỗ bầu vịu tình cảm thì cuộc sống chẳng còn ý nghĩa nữa. Hai đứa là đồng đội sinh tử, tuy khác dòng máu nhưng coi nhau như ruột thịt, bây giờ đứa mất đứa còn, kẻ đi thì đã đành, còn người ở lại thì khốn khổ trong sầu muộn, số phận đưa đẩy Thái làm huynh đệ với Thành, rồi được nó gửi gắm tất lòng đem về cho cha mẹ, nếu coi đây là duyên hội ngộ thì xin cháu hãy thay Thành làm con trong gia đình, để các bác có lại niềm tin yêu mà vui sống.

Một chút ngờ ngàng thoáng qua rồi hạnh phúc khóa đầy trong trái tim đa cảm, Thái rưng rưng khóc, nhưng không phải nước mắt xót đau mà là những giọt lệ vui sướng, chàng nghẹn ngào thổ lộ:

– Từ lúc con chào đời đến nay chưa một lần được kêu cha gọi mẹ. Nay con đã có cha mẹ thật rồi. Nhưng con không thể chỗ của Thành huynh trong lòng cha mẹ mà chỉ thay mặt huynh ấy gắn bó với cha mẹ suốt cuộc đời này. Cho con được một lần dâng trà lạy mừng nghĩa phụ, nghĩa mẫu.

Cảm động trước kết cục tốt đẹp của một câu chuyện tang tóc, Viên Dung mừng rỡ rót trà cho Thái huynh. Thái dâng trà tận tay cha mẹ nuôi rồi quỳ dưới sàn mà lạy họ ba lần. Kể từ lúc gặp gỡ, lần đầu tiên mới thấy nụ cười hiện hữu trên gương mặt hằn vết chân chim của vợ chồng ông giáo. Mọi người ngồi ăn cơm trong không khí gia đình ấm cúng khi ngọn gió bắc chiều tà thổi se sắt cả mấy bụi mộc cần làm hoa chẳng nở vào mùa lạnh.

Chương 8

*Quan gia rời kinh, hoàng thành bỏ ngõ
Dân chúng lánh nạn, phố phường trống trơn*

Lại nói về Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc.

Lúc Tắc chào đời do thể chất nhỏ yếu nên vua cha có phần ưu ái hơn mấy anh em khác. Cũng vì được nuông chiều từ bé thành ra y cứ tưởng mình có vị trí cao hơn người, xứng đáng được cung phụng hơn bất cứ ai. Một lần trong bữa tiệc, khi nô tì dâng món yến, thấy bát yến của các huynh to hơn bát của mình và Nhật Duật khiến Tắc không vui. Trong lúc cậu em sì sụp ăn uống, thì Ích Tắc dứt khoát không động đến dù chỉ một sợi yến. Vua cha thấy lạ bèn hỏi:

– Sao Tắc không ăn?

Đứa trẻ hỉ mũi chưa sạch đáp:

– Con cũng là con vua, tại sao các huynh được ăn bát to, còn con chỉ được ăn bát nhỏ? Như vậy là bên trọng bên khinh, nên con không ăn.

Thái Tông cười âm lên mà rằng:

– Không phải khinh trọng mà tùy theo sức lực. Các huynh đã trưởng thành nên sức ăn nhiều hơn, con và Duật còn nhỏ xíu thì ăn như thế là vừa đủ. Ăn uống mà bỏ thừa là có tội với trời Phật đó.

Bấy giờ Ích Tắc sáu tuổi, Nhật Duật năm tuổi, còn Thánh Tông hoàng đế mới ở ngôi được một năm. Thái Tông lên làm Thượng hoàng, tiếng rằng nghỉ ngơi tĩnh dưỡng để toàn tâm niệm Phật nhưng mắt vẫn dòm cửa ngách

mà điều khiến triều chính, hướng hồ việc chăm nom mấy tiểu hoàng tử là con đẻ của ngài. Cũng từ đấy, Thái Tông luôn nhắc nhở các người con lớn chớ có chấp nhặt mà xa lánh, phế loại thẳng em trái tính trái nết.

Sau này, tuy có chút tài cán nhưng tâm địa thì đầy tham vọng nên Tắc luôn cho rằng người anh Trần Hoảng (Thánh Tông) lẫn đứa cháu Trần Khâm (Nhân Tông) đều không xứng làm vua Đại Việt, chỉ có Ích Tắc này mới đủ bản lĩnh và tài ba gánh vác trọng trách chúa tể nước Nam. Nhưng số phận lại chẳng ưu đãi cho Tắc có cơ duyên bén mảng đến ngai rồng, thành thử y uất chí kinh niên mà nuôi dã tâm chiếm đoạt ngôi cao bằng mọi giá. Để thực hiện mưu đồ của mình, thấy không thể trông cậy vào cái triều đình ngu muội đội trên đầu mở giáo lý hủ bại “chính thống” mà bất chấp hay dờ, Tắc quyết định cầu cạnh Nguyên triều, mặc dù họ là ngoại bang nhưng lại có tầm nhìn sâu rộng, nhận chân được giá trị đích thực của người tài. Từ nhiều năm trước Tắc đã bí mật thư từ qua lại với nhà Nguyên thông qua đám thương buôn ở Vân Đồn.

Cha con Hốt Tất Liệt ban đầu cũng chẳng tha thiết giao hảo với một kẻ hoàng tộc An Nam thất chí. Về sau thấy có thể lợi dụng y như một lực lượng nội ứng hỗ trợ cho đại quân thảo phạt Nam quốc, họ đổi ý mà hứa hẹn đủ điều với Ích Tắc; nếu y chia rẽ được nội bộ Đông A, xúi bẩy vua quan đầu hàng và tổ chức nghênh đón Đạp lỗ hoa xích thì thiên triều sẽ cho ngôi vào cái ghế của Nhân Tông. Trong một lần tiếp kiến một sứ của Nguyên, Tắc hỏi:

– Thiên tử hứa giao cho tôi danh vị An Nam quốc vương. Nhưng nếu thuyết phục vua Trần đầu hàng thì Nguyên triều cũng phải hứa hẹn giữ nguyên địa vị của họ. Như vậy nước Nam có hai vua sao?

Mật sứ đáp:

– Ngài đừng quá lo xa. Một kẻ đã đầu hàng thì đâu có thể muốn gì được nữa. Cứ để họ tại vị dăm tháng rồi kiếm cơ đổi ngôi là xong.

Tắc lại hỏi:

– Đã cho tôi chức quốc vương nước Nam, vậy còn chức Đạt lỗ hoa xích của thiên triều có vai trò gì?

Mật sứ trả lời:

– Đạt lỗ hoa xích là khâm sai của hoàng đế Đại Nguyên nắm trọng trách giám sát hoạt động của triều đình sở tại. Nếu ngài làm An Nam quốc vương mà tuân thủ nghiêm chỉnh các quy chế của Nguyên triều, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của thiên tử thì Đạt lỗ hoa xích chỉ còn mỗi công việc chuyển giao tấu sớ, biểu chương qua lại mà thôi.

Tắc hỏi tiếp:

– Theo ngài, trong triều đình An Nam, kẻ nào đáng gồm nhất, cần phải loại trừ để nước tôi rộng đường nội thuộc Đại Nguyên?

Mật sứ nói ngay:

– Trần Quốc Tuấn.

Ích Tắc hài lòng lắm, coi như người Nguyên và y cùng chung quan điểm về việc nhổ bỏ một chướng ngại có nguy cơ phá vỡ mưu đồ cấu kết ngoại bang của y. Nội gian và ngoại gián lập mưu loại trừ Hưng Đạo Vương. Năm được thông tin vương tuần tiểu phương nam, chúng bày trận phục kích trên đèo Tam Điệp, nhưng kế hiểm của Tắc đã không thắng nổi sự trí dũng của chủ tớ Hưng Đạo.

Sau bữa thuyết vua hàng giặc ở điện Thiên An thất bại, Ích Tắc trở về thái ấp thảo mật thư sai thuộc hạ trung tín vượt biển sang Nguyên báo cáo tình hình. Thế rồi âm mưu vỡ lở, kẻ bị bắt, kẻ trốn thoát chạy về cấp báo tin

dữ. Bị dựng dậy lúc nửa đêm, Tắc Vô cùng run sợ nhưng vẫn còn đủ sức rửa xả “Thằng giữ mật thư thì bị bắt, thằng đi theo hộ tống thì thoát thân. Sao không nhảy xuống biển trầm mình chết cả cho rồi. Bây giờ thì nguy to”. Biết không nhanh chân đào thoát ắt họa sẽ ập đến tức thời, y liền đánh động già trẻ lớn bé trong nhà, cùng với mấy môn khách và dăm chục thủ hạ thân tín nhất, vợ vôi được một ít đồ quý, giải tán hết đám nô tì, rồi kéo nhau bỏn tấu.

Chạy được mấy chục dặm thì trời đổ mưa to, vợ con và môn khách kêu ca ướt lạnh, muốn tìm chỗ trú chân. Tắc buộc đi tiếp, chẳng những không rầu rĩ y còn ngửa cổ cười vang, mà rằng:

– Ông trời còn muốn ta sống, vậy thì phải nhanh chân lên.

Có môn khách hỏi:

– Ngài nói vậy là ý làm sao?

Ích Tắc đáp:

– Mưa to xóa sạch dấu vết ngựa, xe. Quan quân triều đình muốn truy đuổi cũng chẳng biết đâu mà lần.

Đám vong bản chạy về châu Đà Giang, là địa bàn Chiêu Quốc từng trấn nhậm. Ở đây y có mối giao kết đồng đáng với chủ trại người Mường là Cao Thái Phong, kẻ nuôi tham vọng làm tri châu, một khi Ích Tắc trở thành An Nam quốc vương.

Sau cuộc vây bắt Trần Ích Tắc thất bại, Hưng Đạo Vương bái biệt nhị hoàng rồi quay về Nội Bàng. Trước lúc lên đường, ngài tâm sự với Chiêu Minh Vương:

– Ta với huynh cùng có lỗi trong việc này. Đã đoán trước được dã tâm của Ích Tắc nhưng không cương quyết ngăn chặn. Bây giờ thì không có thời

gian và lực lượng để truy lùng, coi như Đông A mất đứt con người này.

Quang Khải rầu rĩ đáp:

– Lỗi của ta nhiều hơn của huynh, chỉ vì tình ruột thịt mà không nỗ lực thắng tay với nó. Đáng lẽ ta phải bẩm tấu Thượng hoàng để người ra lệnh giám sát, rồi vua đi đâu thì lôi nó theo đấy, bấy giờ kẻ âm mưu phản nghịch hết đường theo giặc.

Trở về đại bản doanh mới mấy ngày thì Hưng Đạo nhận được tin báo giặc đem quân áp sát biên giới tại khu vực Tây Phong và Khâu Ôn, có thể chúng sẽ đánh qua trong nay mai. Ngài điều động khẩn cấp ba phần tư binh sĩ Vạn Kiếp lên Nội Bàng rồi triệu Lương Bành và Tuấn Thọ đến giao việc:

– Lương Bành dẫn theo ba trăm quân hỗ trợ cho quân dân Lộc Châu phòng thủ hẻm Khâu Cấp Lĩnh. Nếu giặc tràn qua thì cố giữ trong ba ngày, đây là mệnh lệnh sinh tử, nhất quyết không được làm trái. Tuấn Thọ dẫn năm trăm quân đến Khâu Ôn kết hợp với quân ở đấy chặn giặc, như giặc vào sâu rồi đánh tập hậu, thấy tình thế bất lợi thì rút về Chi Lăng.

Từ Khâu Cấp Lĩnh đến Nội Bàng khoảng hơn hai ngày đường, một khi để giặc vượt qua dễ dàng chúng sẽ tức thời đánh Khả Ly, cô lập Nội Bàng rồi tiến về Vạn Kiếp chỉ vài ngày sau đó. Vương giao phó cho Lương Bành trọng trách rất nặng nề vì ngài biết Bành thông thuộc Lộc Châu. Do Khâu Cấp Lĩnh hiểm yếu, nếu dùng nhiều quân cũng không xoay trở được nên chỉ cần dăm trăm binh sĩ thiện chiến trấn giữ hai sườn núi là có thể cố cầm chân giặc được ba ngày, thêm thời gian để điều quân bố phòng Khả Ly và Động Bản. Đường Khâu Ôn dễ đi nhưng muốn đến Vạn Kiếp cần nhiều ngày, lại còn phải vượt qua ải Chi Lăng do Hưng Trí Vương Trần Quốc Hiện trấn thủ, nên ngài giao cho Tuấn Thọ nhiệm vụ quấy nhiễu, đánh tiêu hao lực lượng địch, không nhất thiết đối đầu sinh tử với chúng.

Hưng Đạo lại gọi Nguyễn Hòa đến giao việc:

– Người hỏa tốc lên bản doanh của Nguyễn Khoái và Phạm Ngũ Lão ở Sơn Động, truyền lệnh cho họ đem quân lên trấn giữ ải Khả Ly và ải Động Bản. Khi giặc đến thì mỗi nơi cố thủ một ngày rồi kéo về Nội Bàng hội quân với ta.

Việc điều cả vạn quân từ Sơn Động lên Khả Ly và Động Bản tối thiểu cũng phải mất vài ba ngày, nếu Khâu Cấp Lĩnh sớm thất thủ thì hai ải phía sau coi như bỏ ngỏ, giặc sẽ tiến về Nội Bàng như vào chỗ không người.

Vương tin rằng Phạm Ngũ Lão và Nguyễn Khoái đủ khôn ngoan để không đem một vạn quân dưới quyền đối chọi với hơn chục vạn quân của A Lý Hải Nha, mà chỉ cốt dựa vào địa thế đồi núi để cầm chân giặc trong một thời gian ngắn, buộc chúng luôn ở trong tình trạng phải đối phó với quân của họ. Ngài ấn định mỗi tướng chỉ cần giữ ải một ngày là đủ, do địa hình ở đây không hiểm trở nên giặc có thể chia quân đánh tạt sườn, bấy giờ quân ta sẽ rơi vào tình thế bất lợi, hao binh thiệt tướng.

Nghe tin Lương Bành lấy quân lên Lộc Châu, Phạm Thái và Lô Viên Dụng năng nặc đòi tham gia. Thái thì vin lý do đã luyện tập mấy ngày liền nên cánh tay hoàn toàn bình phục, lại muốn quay về nơi chốn được quân dân cứu mạng để sát cánh cùng họ báo thù nhà đền nợ nước. Dụng thì bảo đây là quê hương nên phải quay về để cùng cha và đồng bào đánh giặc Thát.

Bành lâm vào tình thế khó xử, ông biết việc cố thủ Khâu Cấp Lĩnh là nhiệm vụ nguy hiểm, tuy chủ tướng cho bạn cầm cự chỉ ba ngày nhưng trước một đạo quân hàng chục vạn người thì với lực lượng mấy trăm người cho dù dựa vào lợi thế địa hình cũng khó mà tránh khỏi tổn thất nặng nề, thậm chí không còn ai toàn mạng. Viên Dụng vẫn còn là đứa trẻ, chủ trại

giao cho ông rèn giũa nó thành một chiến binh, nhờ ông để nó tham gia trận đầu chống Thát ở một nơi rất ít khả năng sống sót. Phạm Thái mới trải qua cuộc truy kích đẫm máu của giặc, vừa mất đi những huynh đệ thân thuộc nhất, dù thương tổn xương thịt đã lành được chín phần nhưng thương tổn tinh thần vẫn còn rỉ máu, ông không nỡ nhìn Thái đổ thêm máu lúc này.

Đem trần trở của mình giải bày với Hưng Đạo Vương, Bành nhờ ngài gỡ rối. Vương bùi ngùi nói:

Làm tướng thì phải biết tiếc máu xương của binh sĩ. Vì đại cuộc, ở thế chẳngặng đừng buộc phải giao nhiệm vụ sinh tử cho thuộc cấp, nếu không cần thiết thì đừng đưa họ vào chỗ chết. Cách nghĩ của người về sinh mạng của Phạm Thái và Viên Dũng khiến ta rất cảm phục. Để ta thu xếp cho hai đứa một nhiệm vụ khác.

Bành cảm tạ Đại Vương, lui ra ngoài. Hưng Đạo gọi lại, mà rằng:

– Lời ta vừa nói chắc người cũng phần nào hiểu được bụng ta. Giữ được Khâu Cấp Lĩnh trong mấy ngày sẽ có lợi cho quân ta ở tuyến sau. Không còn cách nào khác, phải quyết tử thôi.

Bành đáp:

– Tiểu nhân hiểu lòng của ngài. Đã thề theo Đại Vương cùng trời cuối biển, nếu phải chết thì bề tôi cũng cam tâm.

Được Hưng Đạo Vương gọi đến giao việc, Phạm Thái và Viên Dũng rất nghi ngại, trong khi họ đã chuẩn bị lên Lộc Châu cùng toán quân của Lương Bành. Vừa thấy hai tiểu tử, Vương đã giáo đầu trước:

– Một đứa thì đã lành vết thương, một đứa thì chỉ quen làm mấy việc lật vật, tinh thần dũng sĩ đâu cả rồi? Bây giờ có việc cực kỳ khẩn cấp, ta muốn hai người phải hoàn thành bằng mọi giá. Liệu các người có phụ lòng tin của ta không đấy?

Hai gã trai hoảng quá vội cùng thưa:

– Xin Đại Vương tin tưởng ở bề tôi.

Vương cười mà rằng:

– Vậy thì tốt rồi. Bây giờ chuẩn bị ngựa và lương ăn, sáng mai lên đường đến ngã ba Hạc ở trấn Tuyên Quang, giao cho Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật đang trấn thủ đạo Đà Giang phong thư này, bảo với vương cứ theo lời ta dặn mà thi hành. Chắc các người chưa từng lên miền tây bắc nhưng đường nằm trên miệng, vừa đi vừa hỏi tất sẽ đến. Đây là nhiệm vụ tối mật, không bàn cãi xàm xì nữa nhé.

Họ nhận thư, bái biệt Đại Vương rồi tui nghỉ đi ra. Thái bảo với Dụng “Có khi nào Bành huynh bày chuyện cản trở mình lên Lộc Châu đánh giặc?”. Về đến trại thì quân của Lương Bình đã đi rồi, Dụng than thở với Thái “Trường được đánh giặc ở quê nhà cuối cùng lại đi tây bắc. Nhưng chủ tướng đã giao chắc việc hệ trọng, đành nỗ lực thôi”.

Về sau, khi ở lại tham gia quân của Trần Nhật Duật bày trận trên sông Thao đánh phá đạo quân của Nạp Tốc Lạt Đinh từ Vân Nam kéo sang, bấy giờ hai gã trai Phạm Thái và Viên Dụng mới hiểu tầm quan trọng của lá thư do họ đích thân chuyển giao cho Chiêu Văn Vương theo lệnh của Tiết chế Đại Vương.

Kế hoãn chinh của Trần Hưng Đạo giúp triều đình có thêm thời gian để tổ chức kháng chiến, nhất là việc chiêu quân bổ sung lực lượng, chỉ trong vòng chưa đầy tháng, quân ta tiếp nhận gần mười vạn tân binh gia nhập vệ quân, lộ quân và quân của các vương hầu. Có được hiệu quả này ngoài sự

vận động của các bộ lạc sau hội nghị Diên Hồng, còn nhờ vào biện pháp tuyên truyền do Thái sư Trần Quang Khải khởi xướng. Ngài cử một đội ngũ đông đảo tỏa đi khắp bản xa xóm gần, từ miền núi cho đến miền biển, nơi nào có dân cư thì dán cáo thị kêu gọi “Giặc Mông Thát sắp kéo vào nước ta, trai tráng Đại Việt hãy lên đường tòng chinh phò vua cứu nước. Khi thấy giặc thì người già, trẻ nhỏ và phụ nữ chạy lên núi lẩn tránh, chớ để lại lương thực cho chúng, nếu không mang đi được thì tiêu hủy cho hết”. Tinh thần quân dân lên cao, cũng là lúc giặc thù ngấp nghé bờ cõi.

Cuối tháng mười một, tình hình biên giới vô cùng nguy cấp, tin báo về kinh dồn dập từ mọi hướng khiến hai vua và Thái sư Chiêu Minh Vương mỗi ngày phải họp bàn đến ba, bốn bận. Ngày hai mươi chín, Hưng Đạo Vương từ Nội Bàng cấp báo “Giặc Nguyên đã tràn ngập biên cương. A Lý Hải Nha chia quân làm hai cánh, chỉ ngày một ngày hai sẽ tiến vào nước ta. Cánh tây do Vạn hộ Bột La Hợp Đáp Nhĩ đầu lĩnh sẽ tiến đánh Khâu Ôn. Cánh chủ lực hướng đông do A Lý Hải Nha thống lĩnh, phía sau có đại quân Thoát Hoan tiếp ứng, dự định đánh ải Lộc Châu, vượt hẻm Khâu Cấp Lĩnh rồi tiến về Vạn Kiếp. Hạ thần cầu khẩn Thượng hoàng và Quan gia rời kinh trong một vài ngày tới. Để tránh tổn thất, đề nghị Thái sư cho quân hiệu đi khắp kinh thành buộc dân chúng còn ở lại phải di tản hết...”.

Lúc bấy giờ, ngoài hai vua và Thái sư, trong triều chỉ còn lại mười mấy vị trọng thần gồm Viên ngoại lang, Lệnh thư gia, Tả bộc, Hữu bộc, Kiểm pháp quan, Ngự sử và Tham tri làm các việc văn thư, giấy tờ và giúp vua điều hành các công việc nhà nước.

Thượng hoàng bàn với Quan gia và các quan:

– Dân chúng chưa đi hết thì trăm chưa an lòng mà rời kinh. Tuy đã có giao phó nhưng các khanh cần đốc thúc quân lính đi kiểm tra từng nhà, hộ

nào chưa đi thì bắt phải rời đi nội trong ngày nay và ngày mai. Việc này không chỉ vì tính mạng của họ, còn nhằm làm cho quân Thát kéo vào thành mất chỗ dựa dân chúng, lũ chiếm đóng phải tự lo liệu mọi khoản sinh hoạt mà không kiếm đâu ra người phục dịch.

Nhà vua và các quan cũng đồng lòng với chủ ý của Thượng hoàng, họ sẽ cùng ngài rời kinh sau rốt. Nhân Tông hỏi Quang Khải:

– Việc kiểm tra, đôn đốc dân chúng lánh nạn, Chiêu Minh Vương làm đến đâu rồi?

Trong cương vị Thái sư, Quang Khải là người trực tiếp chỉ đạo công tác đôn đốc dân chúng rời thành chạy giặc, ngài đáp:

– Thần cắt cử vệ Tứ Thiên dưới quyền của Nội tiền điện chỉ huy sứ Vũ Quốc Minh tỏa đi khắp nơi buộc mọi người phải lên đường ngay, ai chống đối sẽ nghiêm trị theo quân luật. Nhiều hộ phải bỏ lại những vật dụng công kênh nên dễ bị kẻ xấu xâm phạm, nếu bắt được đứa nào hôi của thì phạt năm mươi roi, đầy làm lính lao dịch.

Thánh Tông hỏi:

– Hiện trong thành còn bao nhiêu quân?

Quang Khải trả lời:

– Còn ba vệ Tứ Thiên và một vệ Tứ Thần, ngoài ra có năm trăm cấm vệ, tổng cộng khoảng một vạn tám.

Thánh Tông nói:

– Nhiều quá. Ngoài biên ải cần quân hơn ở đây. Bệ hạ nên điều bớt quân ra mặt trận.

Nhân Tông đáp ứng liền, ngài truyền dụ:

– Lệnh thư gia Nguyễn Khoản viết lệnh điều vệ tả Thiên Chương của

Phó tướng Đặng Trứ lên đông bắc phối thuộc lực lượng của Hưng Đạo Vương, điều vệ Cung Thần của Nội tiền điện Trần Thông Bảo lên tây bắc phối thuộc lực lượng của Chiêu Văn Vương. Sai Tả bộc Lưu Văn Các giám sát việc điều quân tả Thiên Chương, sai Hữu bộc Trần Thế Di giám sát việc điều quân Cung Thần. Hai vệ tả hữu Thiên Thuộc đang làm công vụ sẽ ở lại cùng cấm vệ phò tá Thượng hoàng và trẫm.

Nguyễn Khoản dâng lệnh để Quan gia xem xét và cho đóng ấn tín. Các quan phụng mệnh chưa kịp bái biệt nhị hoàng thì thị vệ vào báo có Chánh quản Thiên Thuộc Vũ Quốc Minh xin trình tấu việc khẩn cấp.

Một viên tướng trẻ bước vào điện, đấy chính là Vũ Quốc Minh, đương nhiệm quản hai vệ tả hữu Thiên Thuộc, người phủ Kiến Xương, hình dung tuấn tú, giỏi cả binh pháp lẫn cung kiếm, từng theo Thượng hoàng Thánh Tông đánh dẹp các động chủ khởi loạn từ nhiều năm trước. Minh vái quỳ trước sảnh mà xưng danh:

Nội tiền điện chỉ huy sứ Vũ Quốc Minh khấu kiến Thượng hoàng và bệ hạ, xin được trình tấu việc hệ trọng.

Nhà vua truyền:

– Cho người bình thân, hãy nói rõ sự vụ.

Quốc Minh đứng dậy, trình bày chuyện xảy ra:

– Nhận lệnh của Thái sư, sáng nay hạ thần điều động hơn ngàn quân Thiên Thuộc chia thành từng toán nhỏ đến các ngõ xóm trong thành kiểm tra, đôn đốc việc di tản. Hầu khắp các nhà đều đã đi, nhưng mười nhà cũng còn vài nhà chưa đi, khi nghe lệnh họ thu xếp đi ngay hoặc hứa sẽ đi trong ngày mai. Duy ở phía nam hoàng thành, cách cổng Đại Hưng khoảng ba trăm thước có một tửu điểm cửa đóng then cài nhưng vẫn có người ra vào lén lút. Sinh nghi, một ngũ Thiên Thuộc ập vào tra xét thì bất ngờ thấy bên

trong có hơn ba chục tên tráng niên đang ẩn náu. Bị phát hiện, chúng đồng loạt rút đao hạ thủ hòng che giấu tung tích. Năm binh sĩ đánh không lại, bốn người bị giết, một người chạy thoát ra ngoài kêu cứu. Các toán lính ở gần đấy kéo đến bao vây quán khách. Tiểu tướng nghe cấp báo liền cho gọi loa kêu chúng đầu hàng nhưng không được đáp ứng, bèn quyết định tấn công, diệt hơn hai chục tên, bắt sống sáu tên giải về nhốt trong thiên lao để triều đình phán xử.

Nhân Tông hỏi:

– Đã tra xét được gì chưa?

Quốc Minh đáp:

– Khởi bẩm, tiểu tướng chưa kịp tra xét tường tận. Mấy tên đầu đảng bị khảo đòn nhưng không hé răng nửa lời. Riêng tên trẻ nhất là Hồ Văn Trạc, mười sáu tuổi, kêu khóc bảo rằng chỉ làm công việc nấu nướng phục dịch đồng bọn chứ không tham gia hành sự. Nó khai nhận bọn chúng được một thương nhân phương Bắc buôn bán ở kinh thành chiêu mộ làm nội ứng cho Thát, mục đích chính là dò la các vua sau khi rời kinh sẽ đi đâu, ở đâu, nếu làm tốt sẽ được trả công hậu hỉ, hoặc được nhận một chức vị tương xứng với công lao.

Thượng hoàng Thánh Tông cả giận, nói lớn:

– Một phường bán chúa vong nô. Kẻ tước vương thì khom lưng làm cầu cho giặc vào chiếm Thăng Long. Lũ thứ dân thì làm khuyến cho giặc đánh hơi dấu vết của vua. Bọn Mông Thát thâm độc quá, bất chấp thủ đoạn triệt hạ ta đến cùng. Nhà vua phải trừng trị thẳng tay để làm gương cho kẻ khác.

Nhân Tông hỏi:

– Có bắt hay giết được tên thương nhân chủ mưu không?

Quốc Minh trả lời:

– Thăng bé cho biết, tên đầu sỏ đến giao việc rồi đi nên chưa bắt được hắn.

Nhân Tông truyền lệnh:

– Chỉ huy sứ Vũ Quốc Minh tổ chức lùng sục tìm kiếm dư đảng của bọn phản nghịch, nếu trong thành còn thương nhân phương Bắc thì bắt về tra vấn. Việc xử lý sáu tên theo giặc giao cho Kiểm pháp quan Lê Trọng Dĩnh. Nếu kẻ nào ngoan cố thì dùng nhục hình buộc chúng khai ra đồng đảng. Năm tên đầu đảng xử trảm bêu đầu, riêng Thăng bé đã khai báo thì không đáng giết, nhưng trăm cũng chưa nghĩ ra cách trừng phạt nào cho thích đáng trong hoàn cảnh không thể giam giữ.

Thánh Tông phản ứng:

– Bệ hạ nhân từ quá. Tuy nó có khai nhận nhưng vì hám tiền mà cam tâm theo giặc thì cũng không đáng sống.

Thái sư Quang Khải lên tiếng:

– Tội nó tuy chưa đáng chém nhưng cũng không thể tha. Quân thần sắp rời kinh thành không lẽ đem tội đồ đi cùng?

Nhân Tông cau trán ngẫm nghĩ rồi nói với phụ hoàng:

– Theo ý hoàng nhi, đày nó vào quân dịch cho đoái công chuộc tội theo cách của Thái sư trị tội bọn hôi của, có được chăng?

Thượng hoàng đáp những nét mặt không vui:

– Tùy ngài thôi, ngài là vua mà. Thăng này tên Trạc, tha cho nó chẳng khéo lại bị nó đâm sau lưng.

Thấy phụ hoàng nói lầy, biết người không hài lòng, nhưng Nhân Tông không nỡ giết một đứa trẻ nhất thời lầm lỡ, nên ngài quả quyết ra lệnh:

– Tha tội chết cho Hồ Văn Trạc, buộc sung quân làm lao dịch, giao cho Tiền điện chỉ huy sứ Vũ Quốc Minh giám sát. Chớ để nó chạy trốn đấy.

Rồi nhà vua nói nhỏ với Thượng hoàng:

– Con hy vọng thằng Trạc này biết cải hoán, trở thành kẻ ngay thẳng.

Thánh Tông cũng nói nhỏ với nhà vua:

– Ta mong rằng con đúng. Thật lòng thì ta không yên tâm cho lắm nhưng cũng rất vui vì thấy con xử lý hợp tình hợp lý hơn ta. – Ngài cười rồi nói thêm – “Con hơn cha là nhà có phúc”, còn muốn gì hơn thế.

Nguyễn Thuyên kiến nghị:

– Theo hạ thần, việc di tản khỏi thành nên bí mật, đề phòng vẫn còn bọn thám báo hoặc phản nghịch bám theo.

Quang Khải có ý kiến:

– Cần tổ chức nghi binh, nhị hoàng đi một hướng còn xa giá đi một hướng, rồi hội tụ trên đường về cứ địa.

Nhân Tông chấp thuận:

– Cứ theo ý các khanh mà tiến hành. Sáng mốt ta rời kinh.

Các quan nhất nhất tuân lệnh, cùng bái tạ hai vua để đi hoàn tất các công việc còn lại, trước lúc vua tôi bỏ Thăng Long tạm lánh sang xứ khác theo quyết sách “Tị kinh thượng sơn” do Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đề xướng.

Sáng mùng một tháng chạp, những cư dân cuối cùng đã rời khỏi kinh thành, để lại sau lưng một thị tứ trống rỗng và vắng lặng đến rợn tóc gáy. Trong

vòng hơn nửa tháng, hàng chục vạn con người đành bỏ nhà cửa, vườn tược, quán xá và dinh thự mà tản mát khắp nơi hòng trốn chạy một cuộc sát sinh đẫm máu. Lời đồn về sự tàn ác và man rợ của lũ Mông Thát khiến người ta khiếp đảm, chấp nhận bỏ của chạy lấy người trong tâm trạng hoang mang vô vọng. Có lẽ trong số người cất bước ra đi chẳng có được mấy người còn niềm tin về một ngày tái hồi toàn vẹn.

Các chùa chiền cũng bỏ hoang, sư sãi đã chạy nạn hết, tượng Phật, đồ thờ tự và pháp khí dời chỗ đi ẩn náu ở tận đâu tận đâu thì chỉ có nhà chùa mới nằm được. Trong hoàng cung cũng vậy, những thứ quý giá có thể mang đi đã được tháo dỡ và dời đi cất giấu ở tận đâu tận đâu thì cũng chỉ một số ít người trong triều được biết. Thành ra sau cuộc chiến, sự mai một các hiện vật văn hóa và tinh thần có giá trị cao đều có nguyên do từ đây, khi mà lượng dời đi và lượng dời về thường hay thiếu hụt do bị thất lạc, bị hư hỏng, bị đập phá, bị ngoại xâm cướp bóc, bị nội gian biến thủ, thậm chí bị tổng khử rỏ rúng khi người ta phải đem đổi lấy miếng ăn để tồn tại. Thiên hạ còn kháo nhau về việc nhiều người giàu sang quyền quý do không thể đem đi hết của cải đành phải chôn giấu trong nhà, trong vườn của họ. Nhưng vào thời điểm ấy, phần thì sợ bị quan quân bắt được, phần thì lo chạy nạn để giữ mạng sống nên ngay cả những kẻ hắc ám nhất cũng chẳng mấy ai dám nghĩ tới chuyện đi đào xới trộm cắp tài sản của người khác.

Sự hoang phế của kinh thành tiến diễn nhanh hơn người ta tưởng. Nhiều nhà bỏ đi chưa đầy tháng mà cỏ dại đã xanh thêm, bụi phủ đầy lối ngõ, mạng nhện giăng mắc kèo mái và mùi ẩm mốc thường trực như nó vốn có từ lâu rồi. Chim chóc ở đâu bay về làm tổ trong các khe lỗ nhà cửa, đền đài chẳng khác gì đây là nơi chốn thiên nhiên hoang dã. Vài tháng nữa biết đâu bầu khí cũng kéo đến thiết lập lãnh địa mới, bấy giờ mặc nhiên giữa

kinh thành “chim kêu vượn hú” tựa tựa rẻo cao núi rừng. Cũng không ít vật nuôi lạc chủ, nhất là chó với mèo, chúng đói khát vật vờ và kêu rên thảm thiết mà chẳng hề có ai đoái hoài.

Trưa mồng hai tháng chạp, nhị hoàng và các quan tướng còn lại trong triều cũng vội vã rời kinh sau khi nhận được tin cấp báo của Hưng Đạo Vương “giặc đã vượt biên giới đánh vào ải Lộc Châu. Quân ta đang tổ chức kháng cự trên núi Khâu Cấp Lĩnh. Một cánh quân khác của giặc đã chiếm Khâu Ôn..”.

Xe ngựa của vua được tám ngàn quân cấm vệ và Thiên Thuộc phò tá do đích thân Thái sư Trần Quang Khải chỉ đạo rời khỏi kinh thành xuôi về hướng nam. Đoàn quân tiền hô hậu ủng rầm rộ, cờ xí phất phới, giáp binh hùng dũng nhưng trên mấy chiếc xe mui vàng chỉ có hai ả tì nữ của công chúa An Tư và mấy quan thị thân cận nhất của các vua.

Nửa canh giờ sau, Thượng hoàng và Quan gia rời kinh bằng ngựa qua cửa động cùng với hai trăm quân sĩ tinh nhuệ nhất do Chỉ huy sứ Vũ Quốc Minh đầu lĩnh. Họ xuống mấy chiếc thuyền đã trực sẵn để vượt Nhị Hà rồi đi miết về châu Nam Sách, đến địa điểm quy định chờ quân của Chiêu Minh Vương Quang Khải. Để bảo đảm bí mật, hai vua mặc trang phục như binh sĩ, còn hoàng hậu và công chúa An Tư phải cải nam trang và cưỡi ngựa như mọi người.....

Cảnh tượng quân dân rời kinh được Nguyễn Thuyên miêu tả trong một bài thơ Nôm do ông sáng tác. Vốn là người đi tiên phong sử dụng chữ Nôm ở Đại Việt, nên bài thơ của ông được lan truyền rộng rãi trong khí thế bài phương Bắc kịch liệt của người nước Nam thời bấy giờ. Thuộc số quan lại cuối cùng ra đi theo đoàn quân của Trần Quang Khải, nhìn người dân chạy loạn và sự hoang vắng của Thăng Long khiến Thuyên bồi hồi cảm xúc mà

nhỏ lệ thành thơ. Bài thơ viết rằng:

*Vỡ tổ chim đàn nháo nhác mây
Bốn phương ly loạn nổi tan bầy
Mẹ địu con thơ xuôi bến bắc
Chồng dìu vợ yếu ngược non tây
Chó ngáp vườn hoang nhà vắng chủ
Lụa nhàu gác phế nhện chằng dây
Một đoàn chiến mã lên biên ải
Gió cuốn về kinh bụi phủ đầy.*

Có bà phi đang ăn náu cùng bầu đoàn hậu cung ở chốn hoang vu núi rừng miền tây, khi nghe được bài thơ của Nguyễn Thuyên đã cảm cảnh nổi niềm tị nạn mà cảm hứng họa lại. Bài thơ họa viết rằng:

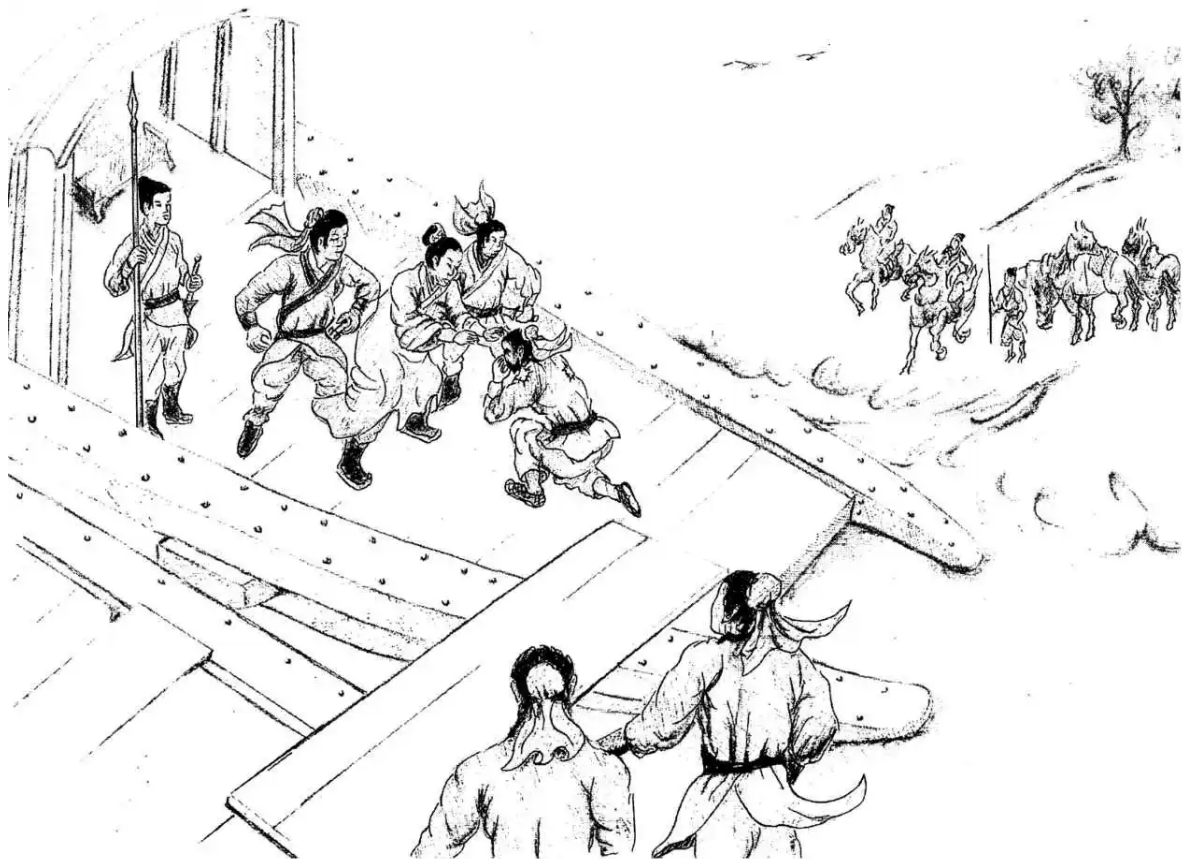
*Xiêm áo tươi bời chốn núi mây
Một phen chìm nổi chẳng chia bầy
Phi tần gót ngọc mòn khe bắc
Ấu chúa đầu xanh bột nắng tây
Cá suối rau rừng hương quện khói
Lều tre Vọng lác mộng đưa dây
Mơ buổi quân vương hoàn cố quận
Nghe khúc âu ca gió lộng đầy.*

Nơi hợp lưu của sông Cầu, sông Thương, sông Lục Nam, sông Đuống, sông Kinh Thầy và nhánh chính sông Thái Bình, còn gọi là sông Phú Lan, ngày nay được gọi chung là hệ thống sông Thái Bình.

Trong thời điểm bấy giờ dùng chỉ Trần Nhân Tông (1258–1308).

Mùa thu, tháng 7 (1283), sai Trung phẩm Hoàng Ʈ Lệnh, Nội thư gia Nguyễn Chương sang Nguyên (*Đại Việt sử ký toàn thư – Bản Kỷ – Quyển V*).

Địa danh này vẫn là một bí ẩn của lịch sử. Đến nay đã có hàng chục giả thuyết song chưa có giả thuyết nào thật sự thuyết phục. Tuy nhiên hầu hết các học giả đều cho rằng: bến Bình Than là một bến sông nằm ở đâu đó trên những dòng sông chảy qua địa phận Hải Dương, Bắc Giang hoặc Bắc Ninh ngày nay.



Trần Khánh Dư lạy tạ vua Trần Nhân Tông.



Chỉ sự trải qua 4 mùa đông (4 năm), với 4 lần mặc nhiều áo để chống rét.

Mùa đông, tháng 10 (1282), vua ngự ra Bình Than đóng ở vũng Trần Xá họp vương hầu và trăm quan, bàn kế sách công thủ và chia nhau đóng giữ những nơi hiểm yếu (*Đại Việt sử ký toàn thư – Bản Kỷ – Quyển V*).

Tức hội rồng mây. Ngụ ý rồng với mây giống như cá với nước. Kinh dịch có câu “Vân từ long, phong từ hổ”, mang nghĩa: Mây theo rồng, gió theo hổ. Chỉ sự gặp gỡ vua tôi (quân thần), mở ra vận hội công danh cho người phò tá để vương xây dựng đại nghiệp.

Tức sông Kinh Thầy, dài 44km, chảy qua địa phận Chí Linh (Hải Dương), đổ vào sông Thái Bình.

Sử sách không ghi chép năm sinh của Trần Khánh Dư, nhưng Đại Việt sử ký toàn thư có viết trước kia ông từng lập công đánh đuổi quân Nguyên, như vậy nếu là trận chiến năm 1258 thì lúc ở bến Bình Than (1282) ông phải ở độ tuổi 50. Ông mất năm 1340 tức là 58 năm sau, bấy giờ phải thọ trên 100 tuổi. Đây là điều không thực tế ở thời đại nhà Trần, có lẽ Đại Việt sử ký toàn thư chép chiến công đánh Nguyên của Trần Khánh Dư không phải năm 1258, mà có thể chỉ là việc đánh đuổi những toán quân nhỏ quấy phá vùng biên.

Là danh hiệu Trần Thánh Tông phong cho Trần Khánh Dư (*Đại Việt sử ký toàn thư – Bản Kỷ – Quyển V*).

Trần Khánh Dư thông dâm với công chúa Thiên Thụy là con dâu của Trần Hưng Đạo, vợ của Hưng Vũ Vương Trần Quốc Nghiễn, vì sợ phật ý Hưng Đạo nên vua Trần Thánh Tông khép Dư vào tội chết, nhưng vì mến tài nên ngài ngầm sai không đánh chết, rồi lột hết chức tước, tài sản, đuổi về quê.

Còn gọi là sông Kim Giang, phân lưu của sông Hồng, bao quanh kinh đô Thăng Long ở phía đông và đông nam. *Đại Việt sử ký toàn thư – Bản Kỷ – Quyển V* có chép “Mùa xuân, tháng giêng (1284), vét sông Tô Lịch”. Ngày nay nhiều đoạn sông Tô Lịch đã bị lấp.

Toàn bộ tình tiết về việc Trần Nhân Tông triệu hồi và phục chức cho Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư được ghi chép trong *Đại Việt sử ký toàn thư – Bản Kỷ – Quyển V*.

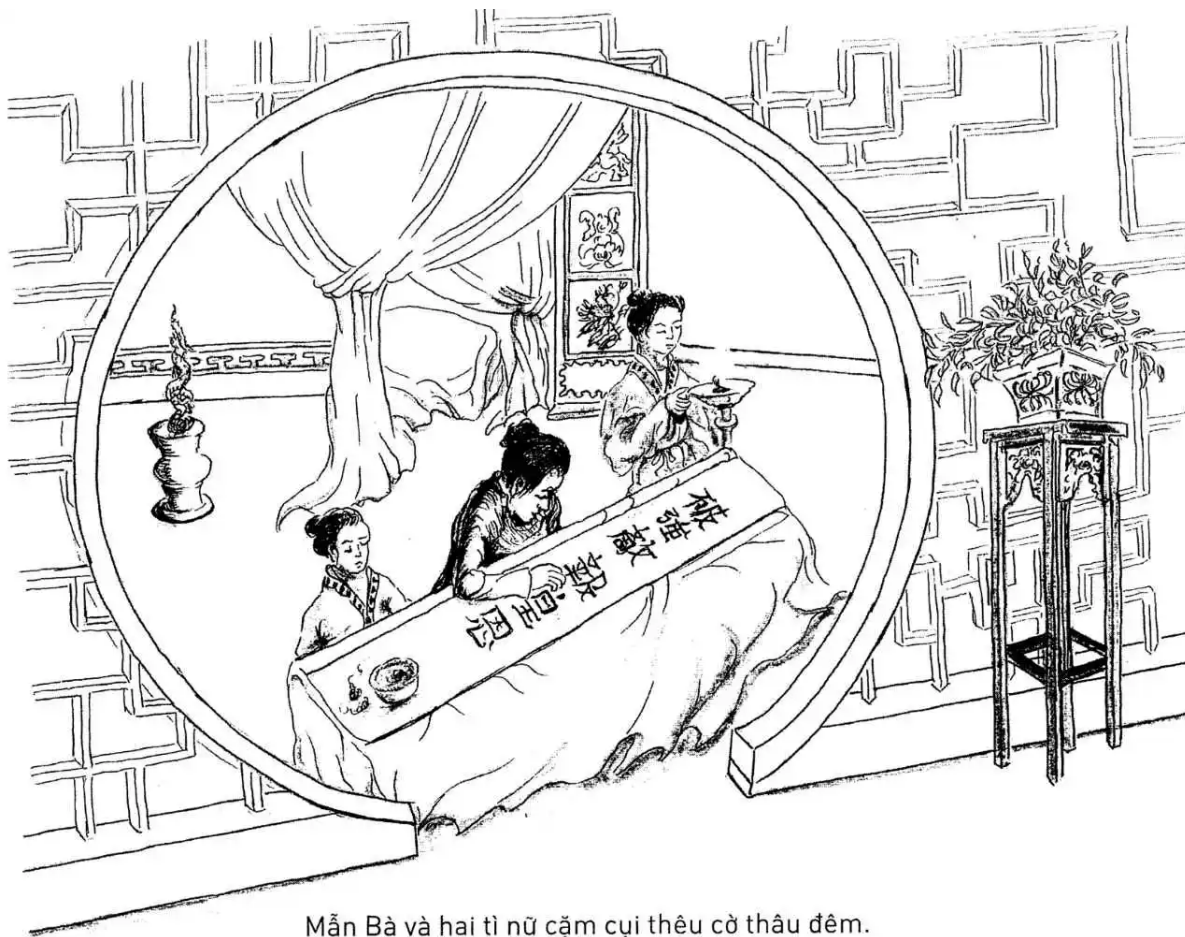
Theo *Lịch triều hiến chương loại chí* – mục *Bình chế chí* của Phan Huy Chú thì cấm vệ quân và lộ quân dưới thời Trần chỉ có khoảng 10 vạn người (thường trực).

Năm Thiệu Bảo thứ 4 (1282), mùa xuân, tháng 2, Chiêm Thành sai bọn Bồ Bà Ma Các một trăm người sang dâng voi trắng (*Đại Việt sử ký toàn thư –*

Bản Kỷ – Quyển V).

Chiếu thư của nhà Nguyên gửi Trần Nhân Tông năm 1281 (theo *An Nam chí lược – Quyển đệ nhị* – mục *Đại Nguyên chiếu chế* của tác giả Lê Tắc), ép buộc vua ta thực hiện sau điều khoản nhục nhã vốn được họ đề ra từ thời Trần Thánh Tông còn ở ngôi.

Tức Darughachi, một chức quan cai trị do nhà Nguyên áp đặt tại các nước phiên thuộc. Tương tự chức Thái thú, Tiết độ sứ của các triều đại trước.



Mẫu Bà và hai tì nữ cặm cụi thêu cờ thêu đêm.



Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toàn và đội quân nghĩa dũng.

Thuộc châu Nam Sách, lộ Lạng Giang thời Trần. Nay thuộc huyện Nam Sách tỉnh Hải Dương.

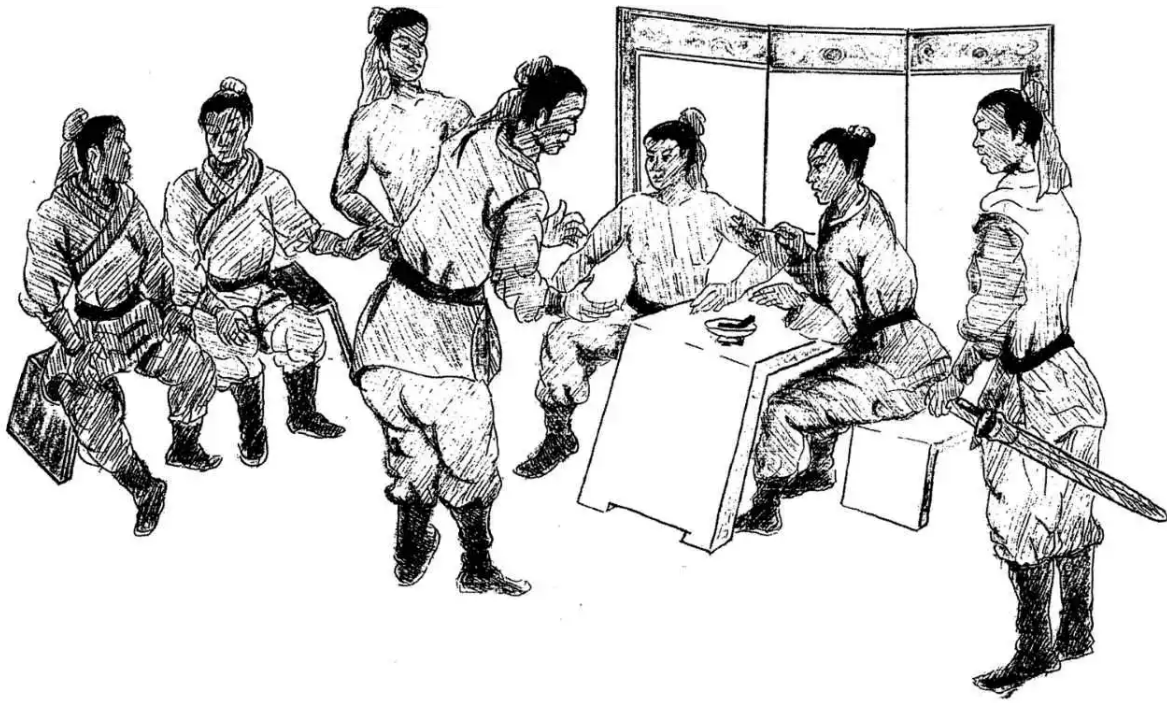
Ngũ là đơn vị quân đội cấp cơ sở thời xưa, thường là 5 người. Về sau khái niệm được mở rộng khi kết hợp với một từ khác (quân ngũ, đội ngũ) dùng chỉ chung một lực lượng đông đảo. Lữ là đơn vị quân đội thời xưa, thường có số quân khoảng 500 người. Ngày nay, cấp “lữ đoàn” cũng mang khái niệm tương tự.

Là một huyện thuộc trấn Thiên Quan thời Trần. Nay là huyện Gia Viễn, Ninh Bình.

Trong Hán ngữ có nhiều từ đồng âm khác nghĩa. Muốn hiểu nghĩa phải nhìn mặt chữ. Chữ *Toản* (攢) được Thái Tông viết mang nghĩa chén ngọc hay

môi ngọc quý dùng trong tế lễ, như vậy *Quốc Toản* (國攢) mang nghĩa đồ
ngọc quý dùng vào việc tế lễ quốc gia.





Các tráng sĩ thích chữ “Sát Thát” lên cánh tay.

Tức hành tỉnh Hồ Quảng, là cấp hành chính khu vực quản lý Hồ Nam, Quảng Đông, Quảng Tây và các lãnh thổ nước ngoài ở phương Nam bị nhà Nguyên thôn tính. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư – Bản Kỷ – Quyển V*, trước khi quân Nguyên kéo vào nước ta ít ngày, sứ thần Đại Việt đã đến Kinh Hồ xin hoãn binh. Theo *Nguyên sử – Quyển 13 – Bản kỉ 13 – Thế tổ đệ thập*, sau khi được phong làm Trấn Nam Vương (6/1284), Thoát Hoan đóng quân tại Ngọc Châu (Hồ Bắc), song khoảng cách từ Ngọc Châu đến biên giới Đại Việt khá xa, nên điều này có lẽ chỉ đúng ở thời điểm ban đầu. Khi gần ngày phát động cuộc chiến, cơ quan đầu não của y có thể đã dời về phía nam.

Tức các con trai của Hưng Đạo Vương, gồm: Hưng Vũ Vương Trần Quốc Nghiễn, Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng và Hưng Trí Vương Trần Quốc Hiện (ngoài ra ông còn một người con trai mất sớm và hai người con gái).

Chỉ *Hịch tướng sĩ*, với tên gọi đầy đủ là *Dụ chư tỳ tướng lịch văn* do Trần Hưng Đạo viết trong cuộc kháng chiến chống Nguyên Mông lần thứ 2 (1284–1285). Tuy nhiên, thời điểm ra đời của hịch văn (trước hay trong cuộc chiến) vẫn chưa tìm ra đáp án cụ thể. Theo thiện ý cá nhân, dựa vào nội dung bài hịch, có lẽ Hưng Đạo viết trước khi quân Nguyên kéo sang xâm lược Đại Việt. Ngoài ra còn có ý kiến tranh cãi về mục đích hịch văn nhằm răn dạy tướng sĩ nội phủ (tỳ tướng) hay tướng sĩ toàn quân?

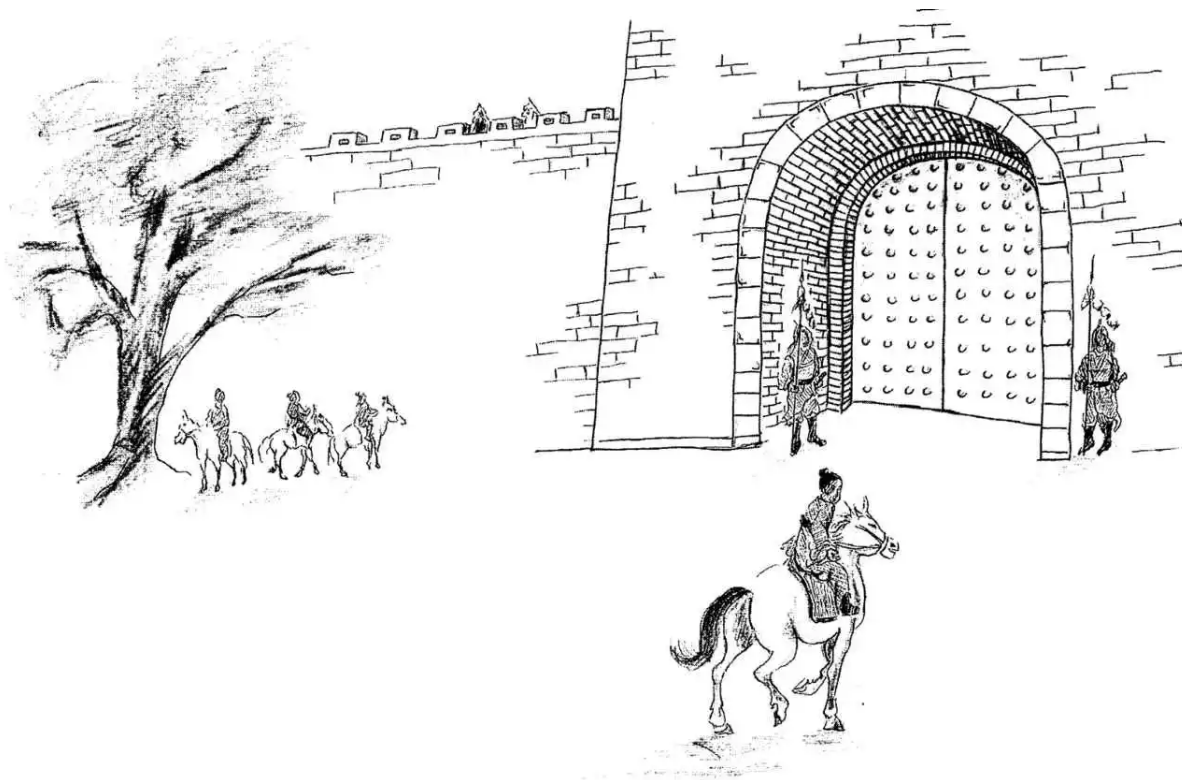
Đại Việt sử ký toàn thư – Bản Ký – Quyển V ghi chép tên tuổi của Đào Thế Quang, người được nhà Trần sai đóng giả làm dân buôn thuốc sang Long Châu để dò xét tình hình nước Nguyên. Có lẽ ông là người Việt Nam đầu tiên được chính sử nước nhà lưu danh trong vai trò thám báo, gián điệp.

Trong đoạn văn đề cập tên Vân Nam Vương, là tước hiệu của Hốt Kha Xích (một người con khác của Hốt Tất Liệt), còn tước hiệu của Thoát Hoan là Trấn Nam Vương. Có thể Trần Hưng Đạo không nhầm lẫn, vì vào thời điểm ngài viết Hịch, nước ta bị áp lực từ Vân Nam Vương, còn Trấn Nam Vương chỉ được biết đến khi Hốt Tất Liệt giao phó binh quyền (1284) tiến hành xâm lược phương nam (Chiêm Thành, Đại Việt). Nếu đúng như vậy thì đây cũng là một bằng chứng cho thấy Hịch được viết trước cuộc chiến 1285. Tuy nhiên, nhiều sách báo trong nước vẫn nhầm lẫn Vân Nam Vương là Thoát Hoan.

Thích là Từ Hán Việt chỉ động thái dùng vật nhọn xăm trổ, tiêm chích hoặc đâm vào da thịt. Chữ “####” đọc theo âm Hán Việt là Sát Thát, tức giết Thát Đát (Mông Cổ).



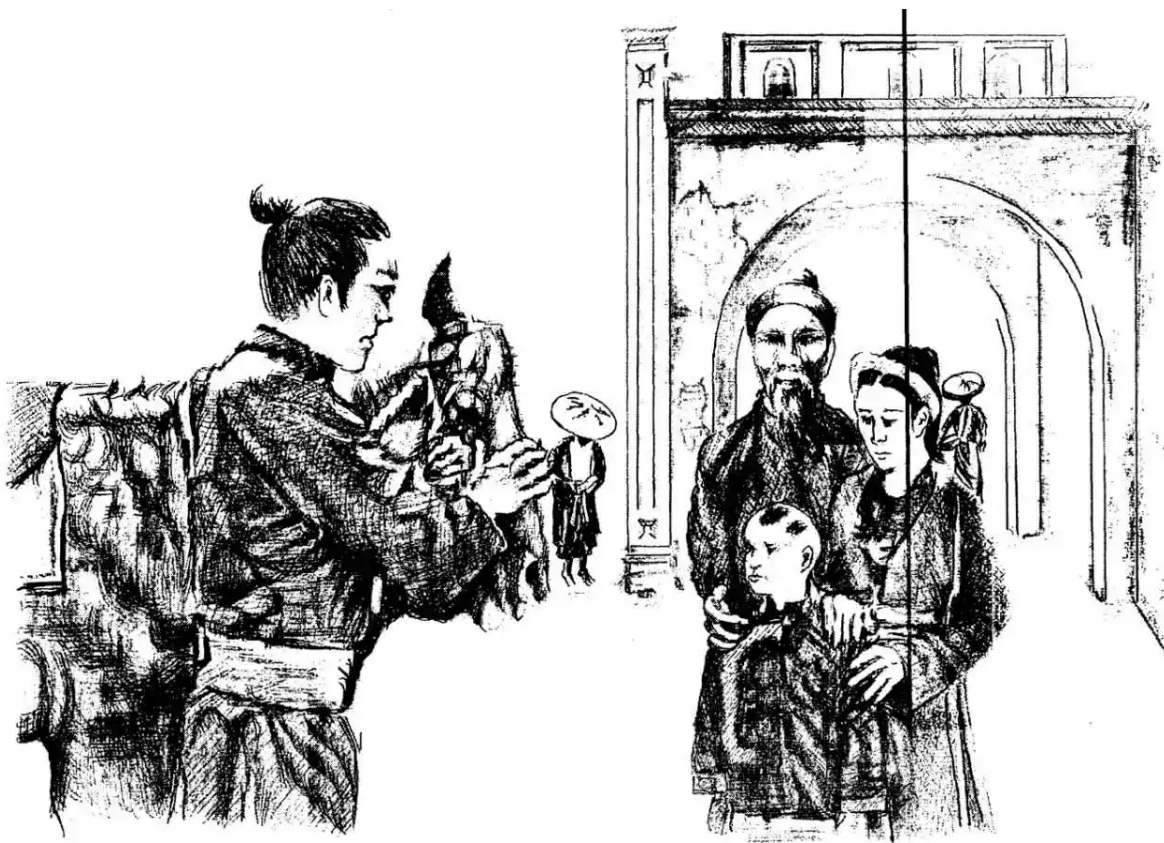
Đoàn sử bộ của Trần Phủ lại hối hả lên đường khi mặt trời đã chếch non tây.



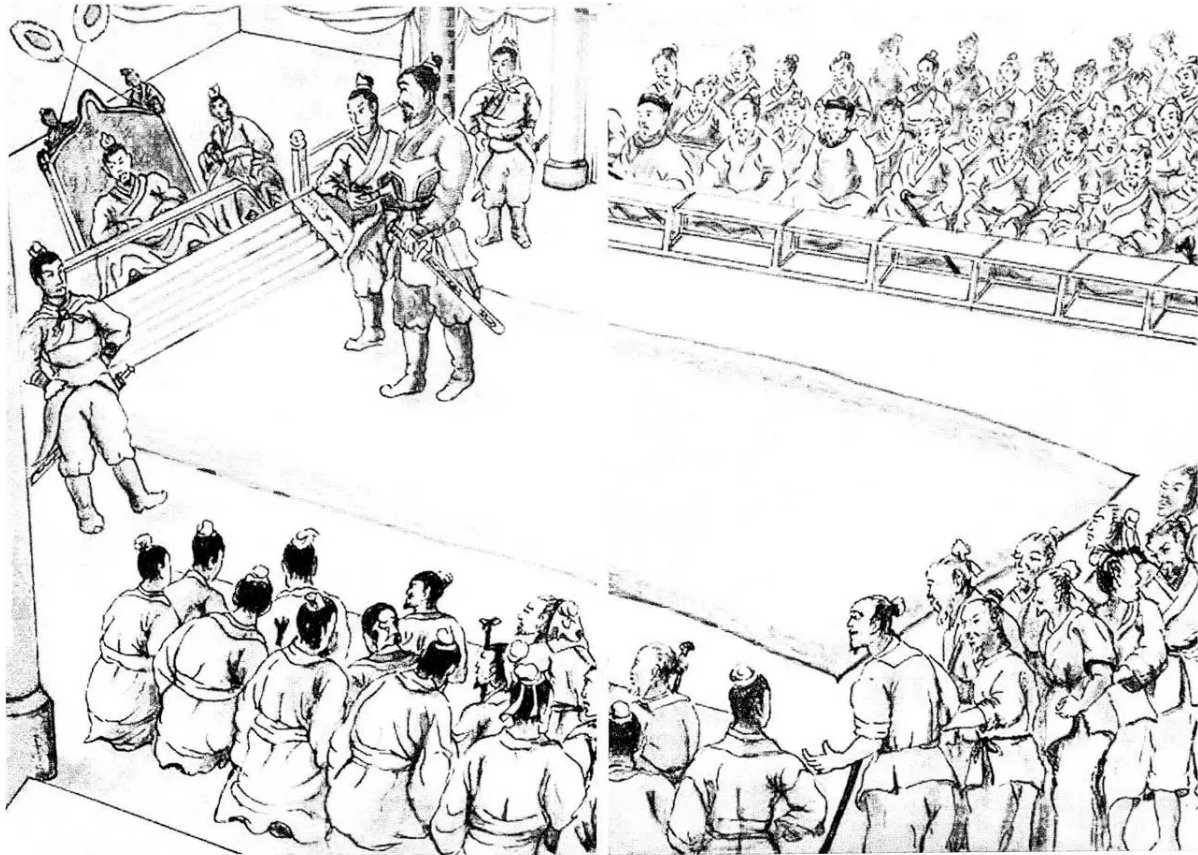
Sứ bộ Đại Việt đến Kinh Hồ lúc xế chiều,
nhưng cửa thành đóng kín.



Ích Tắc ít vào châu Quan gia, nếu có đến thì luôn tỏ thái độ bất mãn.

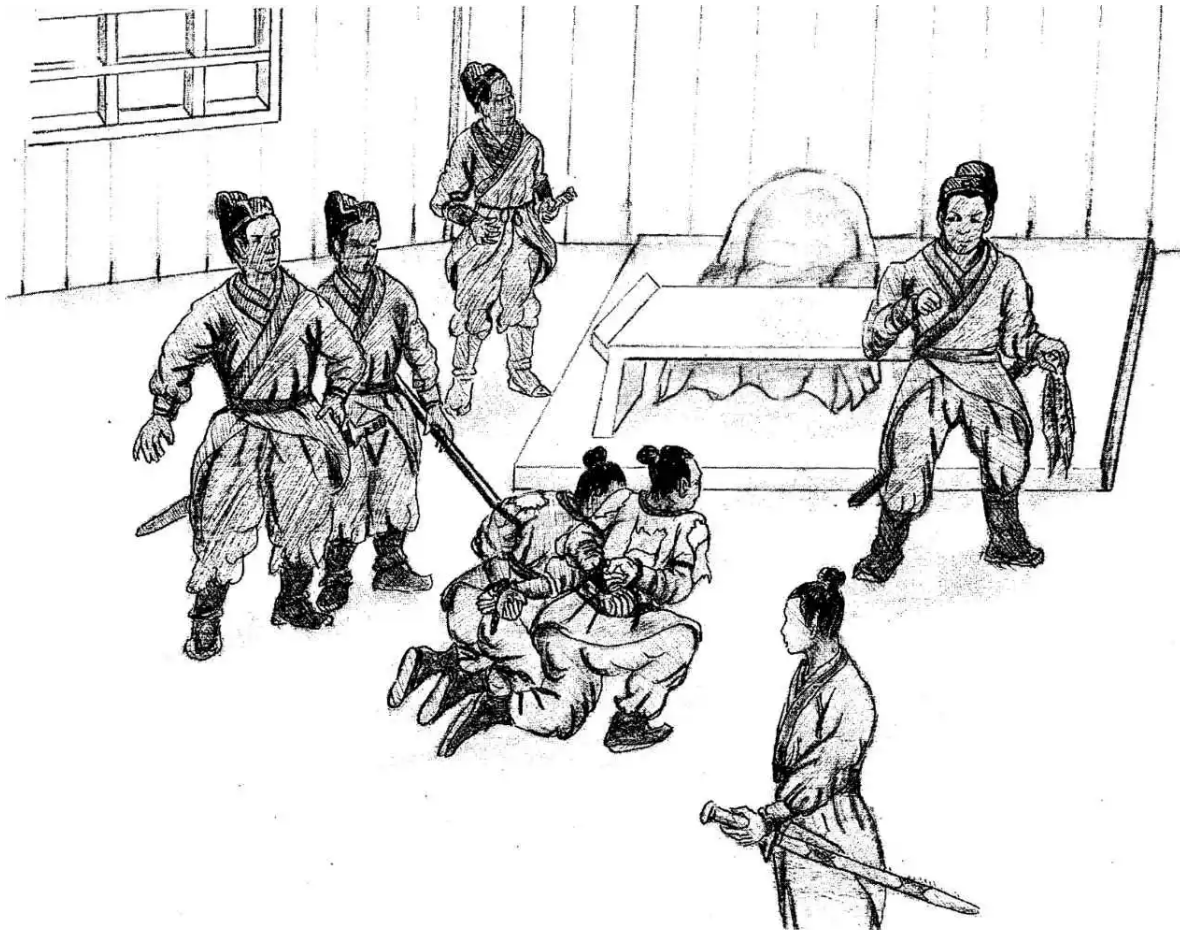


Chàng trai tạm biệt cha già và vợ con lên đường tòng chinh.



Hội nghị Diên Hồng.

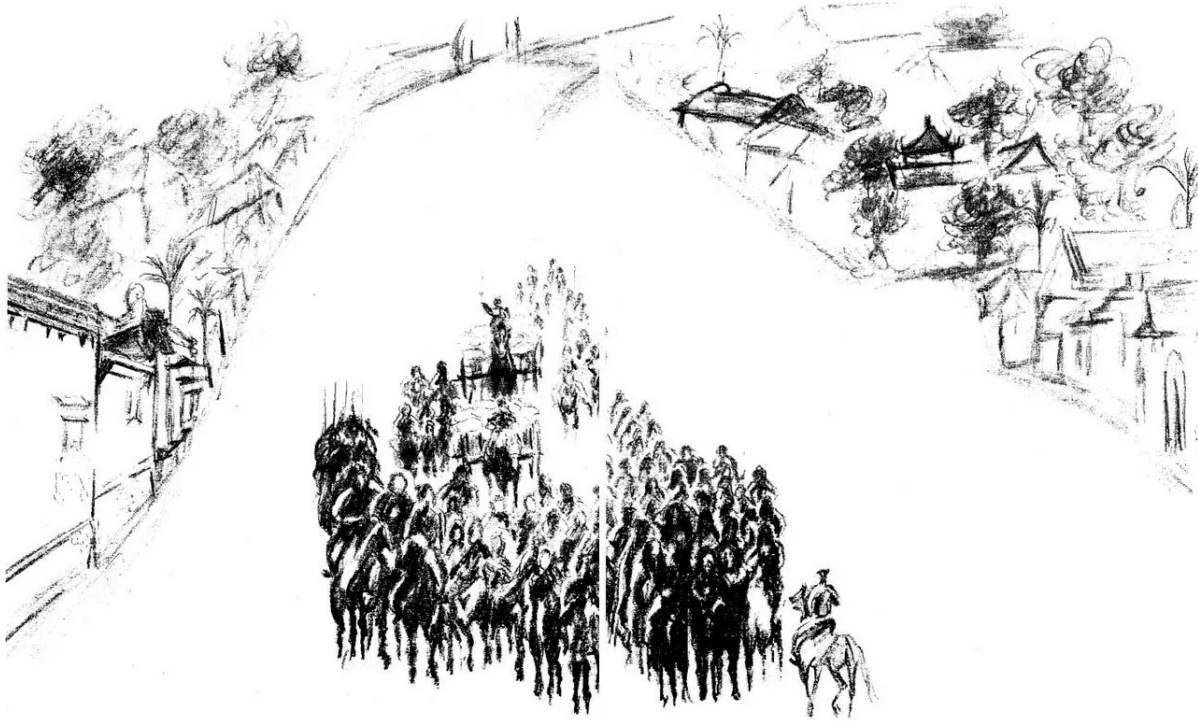
Tức Trần Hoảng, tên húy của Trần Thánh Tông.



Quân của Trần Khánh Dư bắt được
hai kẻ gian vượt biển chạy sang Nguyên.



Phạm Thái quý giữa sân thính an cha mẹ Đỗ Thành.



Cấm quân hộ tống xe vua rời khỏi kinh thành.

Ngụ ý của Thánh Tông chỉ chữ Trạc mang nghĩa: đâm dao hoặc dùng vật nhọn để chọc.

Ngụ ý của Nhân Tông chỉ chữ Trạc mang nghĩa: mọc thẳng.